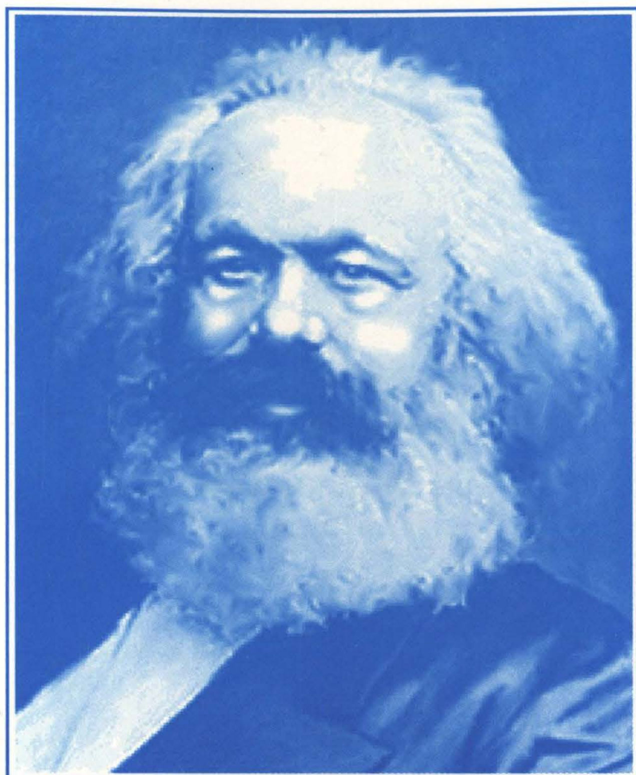
NGUYỄN NAM CHÂU

KARL MARX



CON ĐƯỜNG HUYỄN HOẶC

NHÀ XUẤT BẢN
HOÀNG NGUYÊN

Thân gửi Quê hương,
gia đình và bạn hữu.

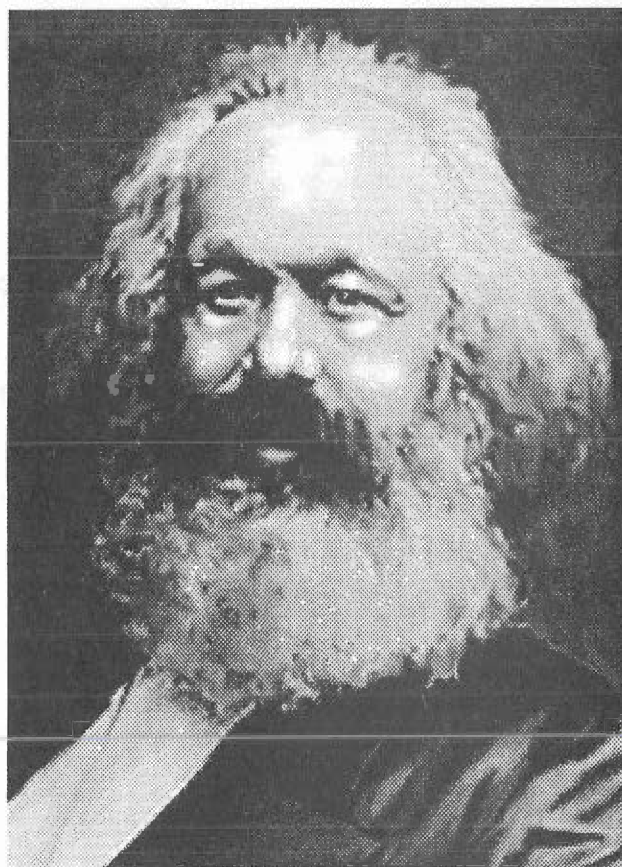
Nào có ích chi
Sự tự do của bầy súc vật ?
Số phận của chúng, qua ngày đoạn tháng,
Chỉ là: một ách, một chuông, một roi vọt.

Pouckine

Chủ nghĩa Cộng sản

Hình như ngày nay chúng ta đang chứng kiến buổi hoàng hôn của các của mọi chủ nghĩa nhân bản dựa vào những giả thuyết giáo điều và thuyết lý về con người. Điều này áp dụng đặc biệt vào chủ nghĩa nhân bản Cộng sản, mặc dầu chủ nghĩa này tràn trề tình yêu 'con người trong tương lai", *nhưng lại áp chế và khinh dể* con người hiện tại.

Milovan Djilas

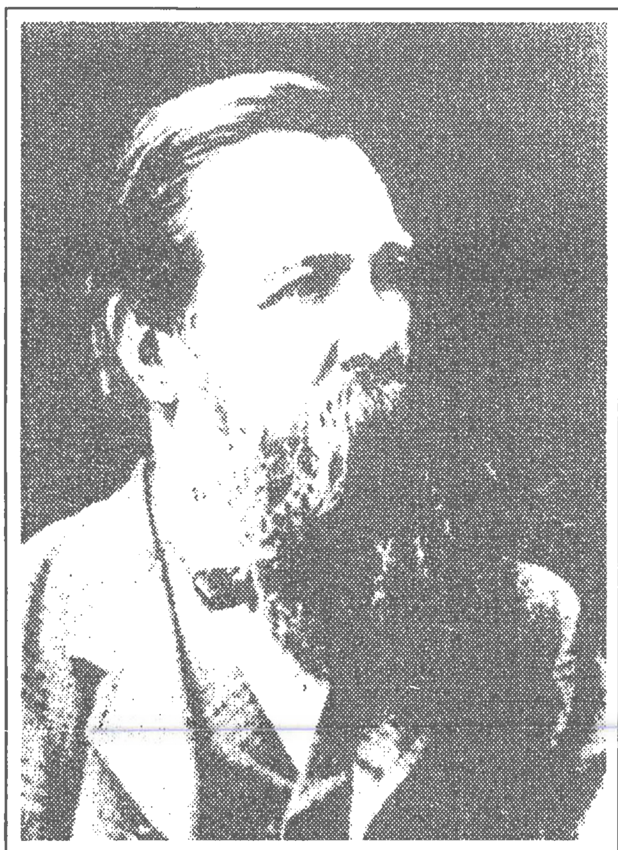


Karl Marx

Tập I
Lý thuyết Mac-xít

Một điều sai lầm không thể nào trở nên thần thánh, chỉ vì có một lúc nào đó,Marx và Engels đã tin tưởng. Một chân lý không mất giá trị, chỉ vì một người không theo chủ nghĩa xã hội đã khám phá ra trước tiên.

Bernstein



F Engels

Lời mở đầu



Ngày nay, nói đến lý thuyết Mac-xit, người ta dường như quên nói đến Engels (Ăng-Ghen). Thực ra, tư tưởng của hai ông có liên lạc mật thiết như một. Không những Marx và Engels là hai người bạn chí thân suốt đời , đã từng theo đuổi một lý trưởng chung và cùng soạn thảo nhiều tác phẩm, mà hơn nữa, nhiều sách vở của Marx đã được Engels gợi ý, sửa chữa, thêm thắt và xuất bản. Theo Lê-nin, "*toàn thể các tác phẩm trong đời sống của đôi bạn chí thiết này là kết qủa của một hoạt động chung*"(1) Vì thế, khi bàn luận về lý thuyết Mác-xit, chúng ta có thể vừa trích dẫn Marx lẫn Engels.

Tư tưởng của hai ông bắt nguồn và phát triển từ ba trào lưu chính ở thế kỷ XIX, phát hiện trong ba quốc gia Âu Châu tiền tiến nhất của nhân loại : triết học cổ điển tại Đức,kinh tế chính trị tại Anh và Cách mạng Xã hội chủ nghĩa tại Pháp. Cũng theo Lê-nin,"*cái thiên tài của Marx là đã trả lời được những câu hỏi mà nhân loại tiến bộ đã nêu lên,vì học thuyết của ông đã trực tiếp theo đuổi và hoàn tất các học thuyết tiêu biểu và ưu việt nhất về triết học, kinh tế và chủ nghiã xã hội.*"(2)

Bởi vậy , từ suốt thế kỷ XX, lý thuyết Mac-xít đã lôi cuốn và quyến rũ phần đông giới trí thức và các nhà lãnh đạo cách mạng trên thế giới, nhất là từ sau cuộc Cách mạng thành công tháng Mười, năm 1917, tại Nga Sô.

Lý thuyết Mac-xit đã thu hút môn đồ bằng nhiều yếu tố và động lực khác nhau: yếu tố có tính cách trí thức, triết học và tri-hệ; yếu tố và động lực có tính chất xã hội;yéu tố cách mạng dân tộc: và sau cùng là các động lực ích kỷ, su-thời, vụ lợi.

Một số nhà trí thức, như Lê-nin , cho rằng thuyết duy vật biện chứng của Marx "*là triết lý duy nhất có mạch lạc, trung thành với những huấn từ của các khoa học tự nhiên và chống lại mọi thứ mê tín,tà đạo...Đó là một lý thuyết hòa hợp và trọn vẹn; nó đem lại cho con người một quan niệm có lý luận chặt chẽ, không thể nào đi đôi được với những dị đoan , phản động và bóc lột tư sản.*"(3) Nhiều nhà thức giả khác cũng coi lý thuyết mác-xit như một hệ thống tư tưởng đã mở ra những con đường mới trong việc tham khảo lịch sử và xã hội học và đưa đến một sự hiểu biết tường tận hơn về những trào lưu phát triển của các khoa học nhân văn.

Giới nông dân,lao động nghèo khổ thì nhờ tư tưởng của Marx đã ý thức được rằng những yêu xách lẻ loi,vụn vặt không thể nào quét sạch được mọi sự bóc lột và bất công mà họ đang phải gánh vác. Engels cũng đồng ý với Marx và đã phát biểu rõ rệt ý kiến của ông về vấn đề này:viết thư cho bạn, ông nói:"*Sử đối dịu dàng thì không ăn thua gì cả.Phải dùng gươm đao để đánh đuổi hết bọn quyền qúy, phong kiến và kiểm duyệt.*"(4) Các chiến sĩ cách mạng tại các nước thuộc địa thì tin tưởng rằng một khi giới thợ thuyền tại các nước thực dân đã đánh đuổi được bọn tư bản trên quê hương của họ rồi thì cũng sẽ ủng hộ mình để chiếm lại tự do và độc lập.

Cái xã hội mà Marx đã hứa hẹn, cái xã hội trong đó,"*mỗi người làm việc theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu*", cái xã hội"*người hết bóc lột người*",trong đó ai cũng bình đẳng tự do và tương thân tương trợ kia, thật là tươi đẹp quyến rũ biết bao. Trong thực tế, tư tưởng của Marx và Engels có một phần thiên vị, độc đoán, không thể trả lời được mọi vấn đề, trong mọi trường hợp, nhất là trong những quyết đoán về *vũ trụ và nhân sinh quan.* Chính Marx đã công nhận rằng tư tưởng của ông chỉ là một trong những phương pháp để phân tách lịch sử và các quy luật phát triển của xã hội nhân loại.Nó chỉ có giá trị cho từng giai đoạn nhất định của quá trình tiến triển của lịch sử. Ông viết:"*Các triết gia không mọc ra từ lòng đất như những cây nấm. Họ là kết qủa của thời đại, của dân tộc.*"Và để tránh mọi luận điệu giáo điều, ông viết thư cho Arnold Ruge để phát biểu thái độ của ông: "*Chúng ta không trình bầy cho thế giới một nguyên tắc mới với thái độ của bọn giáo điều, để truyền lệnh cho họ: đây là chân lý, các ngươi phải qùy lậy trước mặt nó. Chúng ta đem lại cho thế giới những nguyên tắc mà chính nó đã tự phát triển trong lòng mình. Chúng ta không bảo họ: hãy gác lại các cuộc đấu tranh vì đó chỉ là những việc vô ích. Chúng ta sẽ hô hào những hiệu lệnh thực thụ của cuộc chiến. Chúng ta sẽ vạch tỏ cho họ biết tại sao phải chiến đấu.*"(5) Sau này, Engels cũng công nhận như Marx về sự biến chuyển không ngừng của thời thế . Ông viết: " *Toàn thể thế giới ,trên phương diện tự nhiên, lịch sử và tinh thần , đã được phát sinh và trình bầy như một quá trình biến đổi và phát triển không ngừng.*"(6)

Như vậy là, trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, không thể có những hiện tượng vĩnh viễn, không thay đổi và có thể cắt nghiã bằng một phương pháp duy nhất. Thế nhưng, là những chiến sĩ hoạt động, có tham vọng cải cách xã hội, Marx và Engels đã chủ ý lựa chọn một cách chủ quan, độc đoán các quan niệm triết học về nhân sinh quan và những phương pháp hành động không phù hợp với khát vọng thâm sâu của phần đông nhân loại. Chẳng hạn, việc chống tôn giáo và các quan niệm về *giai cấp đấu tranh* và *chế độ chuyên chính vô sản.* Tất nhiên, các ông có quyền tự do lựa chọn những quan niệm và phương pháp mà các ông cho là hiệu nghiệm, nhưng các ông không có quyền ép buộc mọi người phải tuân theo, như là những chân lý muôn thủa. Vì như thế, các ông lại sa vào một lầm lỗi mà chính Marx đã trách cứ đối với Hegel và các môn đệ của ông này. Trong luận án tiến sĩ triết học trình tại Đại Học Bálinh năm 1841, ông viết:" *Về tư tưởng của Hegel, các đồ đệ , vì lầm lẫn, đã cắt nghĩa tính chất này hay tính chất khác về hệ thống của ông với một ý đồ giàn xếp, hoặc với những lý lẽ tương tự, để gán cho tác giả một cắt nghĩa có khuynh hướng luân lý. Cũng có thể quan niệm được rằng một triết gia, vì muốn ổn thỏa , đã có ý thức đưa vào hệ thống của ông một lý luận có vẻ không thuận hợp. Nhưng có điều ông không nhận thức ra, là việc giàn xếp đó có thể bắt nguồn và có lý lẽ sâu xa, từ sự khiếm khuyết của nguyên tắc ông đặt ra, hoặc sự thiếu sót về khái niệm của nguyên tắc này.* '(7)

Tư tưởng của Marx không những khiếm khuyết, độc đoán, mà còn chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Bởi

thế, các môn đệ,dù thâm hiểu nhất, cũng đã có những phân tích khác nhau về nhiều vấn đề.Rốt cuộc, người này kết án người kia là phản tặc,là sai lầm, là phản động,v.v. Và các nhà lãnh đạo Cộng sản, kể từ Lê-nin qua Sit-ta-lin và Mao-Trạch Đông cho đến ngày nay, thay vì đoàn kết và đưa các dân tộc của họ vào cái thiên đường mà Marx và Engels đã hứa hẹn kia ,lại chỉ suốt đời tham đua địa vị và tranh luận lý thuyết. Dù cho vị nào phải lý đi nữa, thì sự áp dụng lý thuyết Mac-Lê chỉ đưa nhân dân vào một chế độ đàn áp, bóc lột,cưỡng chế và bất công nghèo đói hơn ngàn vạn lần những chế độ phong kiến ngày xưa. Kết qủa đó, không phải do các đồ đệ hiểu sai lý thuyết. Nó bắt nguồn từ căn bản của chủ nghĩa Mac-Lê.

Để mở đầu cuốn sách, chúng tôi xin trích dẫn vài ý kiến của hai nhà cựu chiến sĩ tiêu biểu, đã từng tin tưởng ở hệ thống tư tưởng của Marx và Engels. Các ông cũng đã từng góp sức và liều mạng sống vào công cuộc xây dựng chế độ Cộng sản trên đất nước của họ. Cái lý do khiến họ đã từ bỏ địa vị, danh vọng, tài sản và chấp nhận một đời sống ngục tù, chứng tỏ sự thành thực, sáng suốt và khách quan qua những nhận xét của các ông và đồng thời cũng giúp chúng ta hiểu rõ những duyên cớ của sự thăng trầm và sụp đổ của chế độ Cộng sản tại Âu Châu. Trước hết là Vệ Kinh Thành, một cựu Hồng vệ binh đã tin tưởng ở lý thuyết Mac-Lê và nhiệt thành ủng hộ Mao Trạch Đông cùng nhóm Giang Thanh trong cuộc Cách mạng Văn hóa tại Trung Quốc. Xuất thân từ một gia đình cán bộ cao cấp, ông đã từng tham gia quân đội nhân dân và đầy tin

tưởng ở chế độ Cộng sản. Nhưng sau những cuộc tuần du tại nhiều miền quê trên đất nước và chứng giám hàng ngàn cơ cảnh bần cùng, phẫn cực của nhân dân,ông bắt đầu đọc lại các tác phẩm dịch thuật của Marx và Engels. Đứng trước sự mâu thuẫn giữa lý thuyết Mac-Lê và thực tại cộng sản , ông liền tụ họp một nhóm bạn bè, cùng nhau viết báo phê bình.Trước vành móng ngựa, bị các quan tòa buộc tội là bài bác vu khống chủ nghĩa Mac-xit, ông liền trả lời và giải thích như sau: " *Cái lý thuyết Mac-xit mà tôi đả kích trong các bài báo,không phải là cái lý thuyết Mac-xit cách đây một trăm năm,nhưng là cái thuyết Mac-xit của bọn lang băm chính trị theo kiểu Lâm Bưu và nhóm Bốn người.Tôi cho rằng trên đời này không có cái gì bất dịch. Tôi nghĩ rằng không có lý thuyết nào tuyệt đối đúng cả một trăm phần trăm. Mọi lý thuyết là tương đối và bao gồm một phần sự thật, một phần sai lầm gắn liền với môi trường lịch sử . Một lý thuyết có thể tương đối đúng ở một thời đại và một địa phương nhưng lại tương đối sai lầm ở thời đại khác. Một lý thuyết có thể đúng trên một vài phương diện nhưng lại sai lầm trên nhiều phương diện khác. Đúng theo bản tính của nó thì mọi lý thuyết đều có thể vừa đúng vừa sai.Tất nhiên, lý thuyết Mắc-Lê không thể ở luật trừ. Qua một trăm năm lịch sử, lý thuyết Mac-xit đã phát sinh ra nhiều trường phái khác nhau, như phái Kausky, phái Lê-nin, phái Trosky,phái Stalin,tư tưởng Mao Trạch Đông và lý thuyết cộng sản Âu Châu v.v. Tất cả các trường phái đó đều theo những nguyên tắc cơ bản của học thuyết Mac-xit, hoàn toàn hay một phần; tất cả đã mang vào hệ thống Mac-xit một chút thay đổi hay xét lại.*

Tất cả đều tự xưng là Mac-xit, nhưng tất cả lại khác biệt với lý thuyết Mac-xit nguyên thủy. Một trong những yếu tố căn bản tạo thành lý thuyết của Marx là sự mươu tả một xã hội hoàn hảo. Cái vương quốc lý tưởng đó, chỉ có Marx là tưởng tượng ra được. Nó phản chiếu cái khát vọng về sự tự do, bình đẳng, việc tập trung tài sản và công bằng xã hội, cái khát vọng đang lan tràn trong giới thợ thuyền và trí thức thời đó. Để thực hiện lý tưởng này, Marx đề nghị phối hợp nền dân chủ phổ quát vào một chế độ chuyên chính tập quyền. Cái quan niệm đó vẫn còn là một đặc điểm ưu việt của lý thuyết mac-xit. Một trăm năm lịch sử đã minh chứng rằng mọi chính phủ xây dựng trên chế độ chuyên chế tập trung , không ngoại trừ (từ Nga-Sô , Việt Nam qua Trung Quốc trước cuộc sụp đổ của bọn Bốn người) đều đã biến chất và trở thành những chính phủ dùng chế độ chuyên chế phát-xít để đàn áp giới lao động, phụng sự quyền lợi của một giai cấp thiểu số lãnh đạo. Bọn độc tài phát-xít *nắm chính quyền trong các chính phủ đó, từ lâu đã không còn coi chính sách chuyên chính như một phương thế để đạt tới lý tưởng cộng sản. Trái lại, tất cả bọn họ, không ngoại trừ, đã dùng lý tưởng này để củng cố cái chế độ mệnh danh là* chuyên chính vô sản nghĩa là chuyên chính của một nhóm thiểu số cầm quyề*n."*

"Vận mệnh của lý thuyết mac-xit cũng giống như số phận của nhiều tôn giáo khác: sau hai ba thế hệ,nó đã mất hết tính chất cách mạng của mình. Từ nay, cái lý tưởng thiết yếu của học thuyết đã bị các nhà cầm quyền sử dụng để kìm hãm nhân dân trong vòng nô lệ. Bản chất của nó đã bị biến đổi đến cội gốc. Nó đã biến thành một học thuyết chỉ

biết lợi dụng lý tưởng như một dụng cụ để nô lệ hóa và thần thoại hóa. Chúng ta gọi nó là một "thuyết lý tưởng", còn những kẻ khác lại gọi là "học thuyết trung thành." Phải nhấn mạnh rằng các kết luận mà tôi đã khám phá ra trong công việc học hỏi về cuộc phát triển lịch sử của lý thuyết mac-xit này có thể là đúng mà cũng có thể là sai. Muốn được chắc chắn, cần phải tham khảo sâu xa hơn. Mọi sự bình phẩm sẽ được chiếu cố. Nhưng dù những kết luận của tôi có đúng hay sai, thì việc theo đuổi tham khảo lý thuyết và trao đổi những kết qủa suy tư, trong khuôn khổ của những quyền tự do ngôn luận và xuất bản tài liệu, không phải là một tội ác. Chúng ta phải giữ tinh thần phê bình đối với mọi trường phái tư tưởng đã có,ngày xưa cũng như ngày nay. Đó là yêu sách của trí tuệ mac-xit. Tại sao người ta lại không được phép có một thái độ bình phẩm đối với chính học thuyết mac-xit ? Những kẻ cấm đoán việc đó đã biến lý thuyết mac-xit thành một tôn giáo bắt buộc ngươi ta phải tin tưởng. Tất nhiên, mỗi người chúng ta đều có quyền tin theo một lý thuyết mà ta cho là chính xác, nhưng chúng ta không có quyền ép buộc kẻ khác phải tin theo, nhất là khi lại dùng luật pháp cưỡng bách. Như thế là vi phạm tự do của người khác." (8)

Lần đầu tiên có một người Á Châu phê bình học thuyết mac-xit môt cách can đảm, sáng suốt như vậy. Sự can đảm đã mang lại cho ông hai mươi năm tù trong Goulag Trung Quốc.

Năm mươi năm về trước , tại lục địa Âu Châu, Djilas cũng đã cùng chịu một số phận như Vệ Thành Kinh. Nhưng Djilas có một địa vị cao cấp hơn nhiều. Là đồng chí

chiến đấu của thống soái Ti-Tô và đã nhiều lần vào sinh ra tử với ông này, trong cuộc kháng chiến chống phát xít và Đức Quốc xã. Sau chiến tranh , ông trở thành một vị lãnh đạo cao cấp trong Ủy ban Trung ương đảng Cộng sản và giữ chức Phó Chủ tịch nước. Sau nhiều cuộc du hành , đàm thoại và thương lượng với Stalin, ông cũng đau đớn nhìn nhận ra rằng "*cái xã hội được thành hình sau những cuộc cách mạng cộng sản hoặc sau những cuộc hoạt động quân sự của Nga-Sô, cái xã hội đó cũng bị xâu xé bởi những mâu thuẫn giống hệt như những mâu thuẫn trong các xã hội khác. Bởi vậy , chủ nghĩa Cộng sản không những không thể thành công trong việc phát triển tình huynh đệ nhân loại và sự bình đẳng giữa mọi con người, mà trái lại, với chế độ quan liêu của Đảng , nó còn tạo ra một tầng lớp xã hội được ưu đãi, mà theo tư tưởng mac-xit, tôi gọi là* 'giai cấp mới"(9) Vì thế, ông bắt đầu viết một cuốn sách về sự thành hình và địa vị của giai cấp này. Lúc đó ông vẫn còn là một tín đồ thành khẩn của chủ nghĩa mac-xit: "*Tôi hãy còn dùng phương pháp và tham khảo theo quan điểm của con người mac-xit. Cuốn "Giai cấp mới" thiết yếu là một cách bình luận của con người mac-xit đối với chế độ cộng sản đương thời'*.(10) Thiện ý của ông là muốn phát hiện sự biến chất của lý tưởng Mac-xit để cảnh tỉnh các đồng chí của mình. Nhưng Titô và đồng đảng của ông ta lại không nghĩ như vậy. Bởi thế, năm 1954 , Djilas bị trục xuất khỏi Đảng và kết án ba năm tù treo. Năm 1956, khi cuốn *"Giai cấp mới'* và nhiều bài phỏng vấn của ông được in ra tại ngoại quốc thì nhà cầm quyền cộng sản không còn ngồi yên được nữa : ông bị bắt giam và cầm tù trong suốt

chín năm trời, mãi đến năm 1967 mới được thả ra. Trong Gu-lắc của Nam tư, ông đã có giờ viết ra nhiều truyện ngắn và cảo luận, trong đó có cuốn nói về " *Một xã hội không hoàn hảo"* , với phụ đề :"*Chế độ Cộng- sản bị tan rã.'* Trong cuốn sách này, tâm hồn ông đã trở lại tự do và sáng suốt để có thể nhận định một cách khách quan cái lý thuyết mà ông cho là tốt đẹp, đầy khát vọng cao sang khiến ông đã tôn sùng và phụng sự trong suốt bốn mươi năm trời. Theo ông nói, cuốn sách được " *chín muồi trong một cuộc suy niệm đơn độc và kiên nhẫn".* Nó có mục đích trình bầy và phê phán cái xã hội mà chính ông đã góp phần vào công cuộc sáng tạo ra nó. "*Một xã hội không hoàn hảo " : đó là phản đề* của một xã hội hoàn hảo , *không giai cấp , nó vẫn thường được* lợi dụng để bào chữa cho việc theo đuổi sự chuyên chế Cộng sản *và địa vị ưu đãi cho các đảng viên của họ. Con người cần phải nắm vững ý nghĩ và lý tưởng của mình , nhưng không nên cho rằng mọi ý tưởng này hay ý tưởng khác đều có thể thực hiện được. Chúng ta cần phải hiểu biết tính chất của sự* không tưởng . *Những người theo thuyết không tưởng , một khi nắm chính quyền, đều trở nên* giáo điều *và rất dễ gây hoạn nạn cho người khác, nhân danh khoa học, hay lý tưởng của họ. Nói đến một xã hội không hoàn hảo có thể hiểu ngầm rằng nó có thể hoàn thiện được. Thực ra, không thể như thế đâu. Bổn phận của con người thời đại chúng ta là phải chấp nhận sự bất hoàn hảo của xã hội như một thực tại, nhưng đồng thời cũng phải hiểu rằng* lý thuyết nhân bản, *cùng những ước vọng và ấn tượng nhân đạo của nó, đều là cần thiết để có thể cải tiến*

xã hội.'(9) Theo ý kiến của ông, phương pháp biện chứng của Marx và Hegel là một dụng cụ đúng đắn và hấp dẫn để vạch trần những mâu thuẫn của xã hội cũ, nhưng nó lại bất lực không tìm ra được những giải pháp thay thế hoặc những mô hình cho xã hội mới. Vì thế, "*những con quỷ sứ mà cộng sản tưởng rằng đã đuổi đi khỏi hiện tại và tương lai, thì lại len lỏi nhập vào linh hồn của chế độ và từ nay biến thành phủ tạng của nó. Phong trào cộng sản ngày xưa đã là một phong trào bình dân, và nhân danh khoa học, nó đã nhóm lên được trong tâm hồn của đám người lam lũ, cực nhọc kia một tia hy vọng là sẽ có thể xây dựng được Thiên đàng trên cõi trần thế. Nó đã hy sinh và còn hy sinh từng chục triệu con người để theo đuổi giấc mộng của những thời đại nguyên thủy trên thế giới. Nhưng ngày nay, nó đã biến thành một nhóm quan liêu và quốc gia, ngày đêm tranh giành nhau ảnh hưởng, thế giá, tài nguyên và thị trường thế giới. Nó tranh giành mọi thứ mà từ xưa đến nay, các nhà chính trị và các chính phủ khắp nơi đều vẫn tranh giành.Căn bản tư tưởng và thực tại xã hội bắt buộc Cộng sản phải chiếm chính quyền. Ban đầu, từ tay những kẻ thù địch . Bây giờ thì chúng tranh chấp lẫn nhau. Những hệ thống kinh tế mà cộng sản tưởng có thể xây dựng một cách ý thức và kế hoạch , để bãi bỏ phương thức sản xuất thị trường và đưa đến một chế độ tiêu thụ theo nhu cầu, trong đó vàng bạc sẽ biến thành một thứ kim khí để xây cầu vệ sinh, như lời Lê -nin đã hứa , thì nay các hệ thống đó lại phải chạy theo kinh tế thị trường và giá trị vàng bạc.Cộng sản cố chấp tin rằng họ có thể hoán cải bản tính con*

người để theo đuổi mơ mộng một xã hội tưởng tượng. Rốt cuộc, các tư tưởng và chính thân mạng của họ lại bị nghiền tán bởi những cuộc bạo động, cuồng nhiệt mà chính họ gây nên. Chế độ tàn bạo bắt đầu bằng những quyết đoán tuyệt đối về chân lý con người. Không bao giờ có chân lý tuyệt đối về con người, cũng không bao giờ có chân lý tuyệt đối về thế giới. *Không một kẻ nào có quyền ấn định những* điề*u kiện và phương thế để thực hiện cuộc tiến bộ của xã hội và con người. Sự tự do không bao giờ trở thành một giáo điều hay một ý tưởng trừu tượng. Ngày nay, chúng ta cần phải giải phóng tinh thần con người ra khỏi các giáo điều , và thân xác nó ra khỏi sự tàn bạo.'* (11)

Sau nhiều năm quan sát các chế độ Cộng sản tại Nga sô và các nước chư hầu đông Âu, gồm cả cái nước Nam tư ngày đó đang thi hành một chế độ "*kinh tế thị trường theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa*" , ông đã so sánh chế độ Cộng sản với chế độ Phong kiến ngày xưa: "*Trước hết, trong hệ thống cộng sản , các nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng bộ phân chia các chức vụ chính thức cho các công chức của đảng, y hệt như ngày xưa, khi các vị Vương Bá thường có thói quen ban phát đất đai cho các chư hầu phục vụ và trung thành với các ngài. Đàng khác ,trong chế độ cộng sản cũng như trong chế độ phong kiến , có một hạng người ăn bám cùng phát sinh với hệ thống kinh tế thị trường và doanh nghiệp. Về điểm này, nếu ngày xưa các bổng lộc,tài sản nhà vua ban cho chư hầu đã làm cản trở công việc buôn bán và doanh nghiệp thời đó, thì ngày nay sự chuyên*

chế của Đảng bộ và các ưu quyền của bọn quan liêu trong Đảng và Chính phủ cũng sẽ làm tê liệt guồng máy kinh tế của hệ thống cộng sản'(12) Bởi vì sự ưu đãi đưa đến sự ỷ thế, vị nể, tham nhũng,độc quyền và ăn bám: "*Bọn quan liêu chính trị của Đảng tiêu hủy mọi lý tưởng cố hữu, để chiếm đoạt, độc quyền cai quản và kiểm soát kinh tế.. Người ta đã đề cập tới sự nhập cảng vốn liếng ngoại quốc và một đạo luật đã được soạn thảo ra cho vấn đề này. Thế nhưng ,việc nhập vốn đó chỉ có giới hạn, vì trong tình cảnh pháp luật, chính trị và kinh tế hiện nay, các cơ quan đều nằm trong tay của bọn canh cổng cho chủ - nghĩa xã hội..*" (13)

Việc ưu đãi đảng viên đưa đến sự lạm quyền, vô luật pháp, còn sự áp chế tạo nên thái độ thụ động, bất hợp tác của nhân dân . Nhiều phong trào nổi dậy của thợ thuyền bùng nổ khắp Đông Âu. Trước những khó khăn về kinh tế và xã hội, Cộng sản phải nới rộng chế độ, tuy vẫn độc quyền đảng trị. Do đó , một tầng lớp xã hội mới được phát sinh ngoài sự kiểm soát của Đảng và Nhà nước. "*Đó là một giai cấp có tính chất đặc biệt , được kết nạp trong mọi tầng lớp xã hội, từ cấp bộ tuyệt đỉnh của Đảng cho tới các người thợ chuyên môn hay anh nông dân khá giả. Đó là những chuyên viên, nghệ sĩ, kỹ sư, giáo sư, kỹ thuật gia, giám đốc và nhân viên chính trị. Cái tầng lớp mới mẻ này đang cấu tạo thành một giai cấp không học thuyết và đối lập với mọi học thuyết, chỉ lo sinh nhai, nâng cao mực sống, ham học hỏi những kỹ thuật tiến bộ và những mối kinh doanh có lời. Nó phát sinh từ phong trào kỹ*

nghệ hóa và lớn lên trong kỹ thuật công nghiệp. Cho đến nay, giai cấp xã hội mới bẩm sinh này chưa có một tri-hệ-thức và một cơ cấu nào riêng biệt , mặc dầu nhiều dấu hiệu đã xuất hiện, ngay cả trong các đảng viên Cộng sản. Trong nhóm này, có nhiều lý thuyết gia có tư tưởng độc lập và có cảm tình với trào lưu dân chủ. Bọn quan liêu tỏ ra bất lực trước cuộc phát sinh của giai cấp này vì đó là những phần tử cần thiết cho sự sống còn của chính chế độ của họ."

"Sức mạnh gia tăng của giai cấp này chẳng những không bị hạn chế mà còn được hưởng nhiều ưu quyền , cùng lúc nâng cao mức sống của toàn dân. Việc này chứng tỏ rằng bọn họ chính là giai cấp của tương lai. Mặc dầu tôi chưa có hy vọng được thấy giai cấp đó có thể đòi lại được tự do từ bây giờ, nhưng tôi hình như đã có cảm tưởng rằng mình là phát ngôn viên của bọn họ, bởi vì tôi tiên đoán rằng những tiến bộ của họ là tất nhiên.' (14)

Như thế là từ năm 1968, mùa xuân Tiệp Khắc, hai mươi năm trước khi bức tường Bá-Linh bị đạp đổ (1989), Djilas đã dự đoán được rằng một ngày không xa, chế độ Cộng sản sẽ bị tan rã. Và sự tan rã đó sẽ phát hiện tự trong lòng của chế độ : *" Cái nhân loại bất hạnh, cái con người khốn nạn kia, nó sẽ bằng lòng gánh chịu mọi tai họa, ngay cả những tai họa mà người ta áp chế giáng lên đầu nó, nó sẽ gánh chịu cho đến tận lực , nhưng nó sẽ không bao giờ khuất phục...Sự xụp đổ của chế độ bạo chuá không bao giờ phát sinh do chính sự bạo tàn của nó. "*

Sự xụp đổ phát hiện khi lương tâm con người nhìn nhận ra rằng sự bạo tàn là vô lý, không còn biện chính được sự tồn tại của nó, hoặc trả lời được những khát vọng của loài người... Các thất bại của chế độ Cộng sản phát sinh tự trong bản thân của nó. Vì thế, nó không thể cải hoán được, nhất là khi nó lại bị ruồng rẫy. Chế độ Cộng sản đã từng bị nhiều mãnh lực của cuộc sống đầy đọa . Những kẻ chôn vùi nó, chính là những lý thuyết gia thực dụng của đảng, nhiều ít mang tính cách giáo điều. Chỉ trong khoảng một thế hệ, các nhà lãnh đạo đã tự biến đổi nhiều lần, từ người cách mạng ra người bạo chúa, từ kẻ bạo chúa trở thành " phóng khoáng ", và họ chỉ còn dùng tư tưởng cộng sản như một thứ nhãn hiệu thương mại. Những biến đổi không ngừng mà các nhà lãnh đạo dùng để chỉnh lý cái học thuyết trá hình và thái độ cố chấp của họ trước thực tại của cuộc đời, đã khiến chế độ Cộng sản, cái chế độ xưa kia đã là nguồn hy vọng và kim chỉ nam của hàng triệu con người sẵn sàng hy sinh sự sống, cái chế độ đó đã trở thành một cái gì khủng khiếp đang tan rã, khủng khiếp hơn mọi hệ thống chưa từng có trong quá khứ." (15)

Trong một cuộc tiếp kiến với vị đương kim Giáo Hoàng , nhà văn hào Ý , Vittorio Messori đã phát biểu ý kiến cho rằng "*sự sụp đổ của chế độ Cộng sản là do Thiên ý* " thì vị Giáo chủ gạt đi và nói :" *Cho rằng sự sụp đổ của Chế độ Cộng sản là do Thiên ý mà thôi thì thực là quá giản dị hóa. Cộng sản sụp đổ là do hậu qủa của những sai lầm và những hành vi*

tàn bạo của nó. Cộng sản sụp đổ là vì những nhược điểm cố hữu của nó'(16)

Ngày nay, mọi nhà trí thức Tây phương đều cho rằng những ý kiến trên đây là đúng sự thật. Nhưng thái độ của họ đối với tư tưởng Mac-Lê thì hơi khác nhau. Phần đông đã hoàn toàn ly dị với lý thuyết và chế độ Cộng sản. Họ đã thay mặt đổi tên và trở về phong trào " *dân chủ xã -hội* " ôn hòa, đang được thi hành tại các nước Tây phương ngày nay. Chữ " *xã-hội*" ở đây chỉ là một tĩnh từ để chỉ một cố gắng chính trị, về phương diện xã hội để cải tiến đời sống nhân dân trong mọi khía cạnh : nhân quyền, nghề nghiệp, giáo dục, văn hóa, sức khỏe, giải trí và phẩm chất đời sống,v.v. Mọi đảng phái, cộng đồng và đoàn thể, khi nắm chính quyền do toàn dân bầu lên, phải cố gắng thực hiện mục tiêu đó. Nó khai trừ mọi khái niệm "*giai cấp đấu tranh*" và "*chuyên chính độc đảng*'. Ở Marx và Engels, họ còn giữ lại thiện chí muốn tranh đấu chống lại mọi thứ tha hóa, bất công, áp bức và giữ óc phê bình trong mọi cuộc tham khảo, nhưng phê bình sáng suốt, khách quan, chứ không thiên vị theo tri hệ thức và tư tưởng một chiều. Một số cựu lãnh tụ khác thì cho rằng lý thuyết của Marx và Lê-nin vẫn còn nguyên giá, nhưng không toàn vẹn cần phải " *hoàn hảo , vượt quá và lột xác*", theo kiểu nói của Robert Hue, Tổng Bí thư của đảng Cộng sản Pháp hiện nay. Bởi thế, họ ra sức "*sửa sai, đổi mới, chỉnh đốn hoặc hiện đại hóa*",v.v. theo chính sách của Góc-Ba-Chép và Đặng Tiểu Bình. Họ muốn tô son điểm

phấn cho chế độ Cộng sản có một bộ mặt "nhân đạo" hơn. Nhưng họ vẫn duy trì các khái niệm về "*giai cấp, thành phần, đấu tranh và bạn-thù*" của họ Mạc và họ Lê. Sự thực, đó chỉ là một chiến lược để tranh thủ thời gian, và biện chính, cứu vớt một chế độ đang tan rã. Bởi vì, dù có vá víu thế nào đi nữa, bao lâu người ta còn bảo tồn cái tư tưởng "một chiều" và cái chính sách "*Đảng chỉ huy mọi hoạt động của Dân tộc*" thì dân không bao giờ giầu, nước không bao giờ mạnh.

Cái thứ "*dân chủ vô sản*" của các đồng chí Lê-nin và Mao Trạch Đông dù có " cao hơn một vạn lần dân chủ tư sản", như lời các đồng chí đã nói (17), thì sự thực, đó chỉ là một thứ dân chủ vẽ. Bằng chứng là : Milovan Djilas và Vệ Kinh Thành đã bị bắt bớ, tù đầy dưới chế độ của Tito và Đặng Tiểu Bình, hai lãnh tụ nổi tiếng là những người có tinh thần rộng rãi, ôn hoà; và trong Hiến pháp mà họ đã soạn thảo, có chỉ định rõ những điều khoản về "*tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tư tưởng và tôn giáo*' v.v. Là bởi vì, dù có thiện chí đến đâu đâu đi nữa, thì họ cũng vẫn còn bị ràng buộc bởi cái quan niệm phân biệt "*tự do vô sản*' và "*tự do tư sản*' (18).

Căn bản của tư tưởng Marx và Engels xây dựng trên tinh thần phê bình và lý tưởng "*thực sự cầu thị*". Mục đích của cuốn sách này là thực hiện tinh thần và lý tưởng đó, để đem những sự kiện lịch sử làm bài học cho tương lai.

London

Mùa Xuân 2002

Phần thứ nhất
Tư tưởng của Marx và Engels

Chương nhất
Đời sống và Lịch trình phát triển của Tư tưởng Marx và Engels.

1.Buổi thiếu thời.

Marx sinh năm 1818 tại Trèves,miền Nam Đức, trong một gia đình trung lưu , gốc Do Thái. Cha mẹ ông thuộc giòng dõi nhiều giáo trưởng danh tiếng, nhưng đã cải giáo, theo đạo Tin lành, để tránh việc cấm cách dị chủng. Bố ông là luật sư, có tư tưởng duy lý và tự do. Từ hồi niên thiếu, ông đã có tham vọng chọn một nghề hữu ích cho đồng loại. Trong bài luận văn mãn trường trung học, ông viết: "*Chỉ những bậc đại lượng, làm việc hữu ích cho mọi người, mới được lịch sử coi là vĩ nhân. Kinh nghiệm cho hay, những người sung sướng nhất là những kẻ đã làm cho nhiều người khác được sung sướng.* '(19)

Năm 1835, ông ký danh vào trường Đại học Luật khoa tại Bonn,trung tâm văn hóa của miền sông Rhin. Tâm hồn còn lãng mạn, ngoài khoa Luật, ông còn theo nhiều môn nghệ thuật và văn chương. Nhưng vì đua đòi bè bạn, ông dần dần sao nhãng việc học ,tiêu sài lãng phí trong các quán cà phê, tiệm nhẩy và mất cả một năm trời. Năm sau, nghe lời Cha , ông lên Đại học Bá-Linh, tiếp tục học Luật và theo đuổi thêm nhiều môn triết học, lịch sử, nhất là lịch sử Cách mạng Pháp. Ông bất đầu tu sửa tinh nết và ham mê học hành. Viết thư về cho Jenny, vị hôn thê,ông nói "*Tôi*

không thể nào bình thản trước những xao động mạnh mẽ của tâm hồn. Tôi không thể nào ngồi yên lặng khi mọi sự kêu gọi tôi chiến đấu. Tôi muốn chinh phục mọi sự, mọi ân huệ thần linh. Tôi muốn thấu triệt mọi khoa học và ôm ấp mọi nghệ thuật.'(20)

Thanh niên Đức Quốc hồi đó còn đang náo nức trong phong trào thi văn có tinh thần mới mẻ và phát động do những nhà thơ trẻ có biệt tài : Ludwig Börne, Heinrich Heine và Karl Gutzkow.Sinh viên Bá-Linh thì lại sôi nổi với những cuộc tranh luận về tư tưởng triết học,thần học và chính trị của các giáo sư thời danh như Fichte, Hegel và Bruno Bauer,v.v. Ban đầu, Marx say sưa trào lưu lãng mạn và các thuyết duy tâm của Kant và Fichte. Trong lá thư đề ngày 10 tháng mười một năm 1837, gửi về cho Cha, ông viết: "*Đi từ thuyết duy tâm, tôi đã nhận định và bồi dưỡng bằng những món ăn của Kant và Fichtc, để rồi rút cục lại tìm kiếm ý tưởng trong lòng thực tại. Nếu các Thượng Đế ngày xưa sống bên trên trái đất, thì bây giờ, các ngài lại trở thành trung tâm thế giới. Tôi muốn , một khi, đắm mình vào lòng biển cả, nhưng với quyết định đi tìm tính chất tinh thần ,vừa cần thiết , vừa cụ thể và vừa chắc chắn cho mô hình thể chất.* " Đó là con đường đi từ *duy tâm* của Fichte vào *duy thực* của Hegel. Thực ra thì Hegel chỉ xa Fichte có vài dậm. Nhưng cái chữ "*duy*" mà người ta gán cho tư tưởng của các ông lại càng làm cho quãng cách đó xa hơn.(21)

Cuối năm 1841, Marx trình luận án tấn sĩ triết

học về "*Sự khác biệt trong triết lý về tạo vật của Democrite và Epicure"*. Từ đó, ông trở nên "Ông Nghè Marx" và được giao dịch với Câu lạc bộ các ông Nghè.

Trước khi tiếp tục nói đến tư tưởng và đời hoạt động của Marx, chúng ta không thể nào không nói đến người bạn tri kỷ duy nhất, đã suốt đời nâng đỡ ông, cả tinh thần lẫn vật chất. Không có sự nâng đỡ đó, chúng ta sẽ không có Các-Mác của ngày nay : Đó là Friedrich Engels.

2. Người bạn tâm huyết.

Giòng dõi của Marx và Engels thuộc hai thành phần khác nhau. Gia đình của Marx thuộc giới trung lưu trí thức, còn gia đình của Engels thuộc giới tư bản công nghệ. Marx được ăn học và trở thành triết gia chuyên nghiệp, còn Engels là dân cổ áo trắng tự học, và thường gán cho mình cái tên "*triết gia thừa hành du mại"*. Nhưng ông rất có khiếu ngoại ngữ và ham mê đọc sách . Tuy không được theo đuổi Đại học, nhưng ông đã sớm tham gia vào các cuộc tranh luận về triết lý và chính trị qua các bài báo và sách vở. Nếu cha mẹ của Marx thuộc phái tự do tư tưởng, thì bố mẹ Engels lại sùng đạo và bảo thủ. Trong thời chế độ tư bản mới thành hình đó, các kỹ nghệ gia sống đời khắc khổ, cần kiệm, am hợp với tôn chỉ tập trung vốn liếng kiếm lời. Chính Engels, trong thời niên thiếu cũng có tâm tình tín ngưỡng; đến 17 tuổi, ông

còn làm thơ ca tụng Chúa: "*Niềm hoan lạc dịu dàng,lộng lẫy và thanh tịnh biết bao, ôi lạy Chúa, khi chúng con ca tụng Ngài.*"(22) Mãi đến năm 19 tuổi, ông mới hết niềm tin ở tôn giáo, có lẽ bởi vì lúc đó, ông đã nhìn thấy những hành vi bất sứng của giới mộ đạo đối với đám thợ thuyền nghèo khổ. Thực vậy, khi Engels làm việc trong xưởng dệt của gia đình, ông đã có dịp giao du với dân lao động và nhìn thấy những cảnh cơ cực của họ. Năm 1839, ông viết một loạt bài báo nhan đề: "*Những lá thư từ miền thung lũng Wupper*", trong đó ông kể : "*Sự cùng cực của giai cấp hạ lưu thật là khủng khiếp, nhất là trong giới thợ thuyền ở các xưởng dệt miền thung lũng Wupper. Bệnh hoa liễu và ho lao hoành hành một cách ghê sợ. Trong số 2.500 trẻ em ở tuổi đi học, thì 1.500 em lớn lên trong công xưởng. Như thế, người chủ xưởng chỉ phải trả một nửa tiền lương cho bọn chúng...Một hay hai trẻ em có chết dần chết mòn vì lam lũ thì cũng chẳng làm nao lòng những người mộ đạo, nhất là những người mộ đạo đi lễ hai lần ngày chủ nhật... Người lớn thì không có lấy một chút văn hóa nào cả. Kẻ biết chơi bài , chơi bi- a thì nói dóc về chính trị. Khéo mồm khéo miệng một tí thì đã ra giáng là người giỏi dang...Thanh. niên thì rượu chè be bét, đi đứng liêu xiêu, la ó om xòm...*"(23)

Tuy Engels đã đoạn tuyệt với các tín ngưỡng tôn giáo, nhưng ông vẫn hằng quyến luyến với ý tưởng về một Thiên lý vô bản vị, cái Lý tuyệt đối diệu huyền, thường tồn trong vạn vật, theo quan niệm của

Fichte. Không có cái Lý đó thì vũ trụ trở thành vô lý và vô mục đích. Marx cũng có một quan niệm tương tự, như chúng ta sẽ có dịp chứng diễn sau này. Hơn nữa, Engels cho rằng lý tưởng đích thực của Ki-Tô-Giáo cũng giống với lý tưởng xã hội đích thực. Trong một bản văn, viết vào cuối đời, nhan đề "*Cống hiến vào lịch sử Ki-tô-giáo nguyên thủy*", ông nói: "*Lịch sử Ki-tô-giáo nguyên thủy mang lại nhiều điểm tài tình am hợp với phong trào thợ thuyền hiện đại. Cũng như phong trào này, Kitô-giáo ban đầu là phong trào của những người bị áp bức. Trước tiên, nó xuất hiện như là tôn giáo của bọn nô lệ và bọn được phóng thích, tôn giáo của những người nghèo khổ và bị bỏ rơi, tôn giáo của các dân tộc bị đô hộ hoặc bị ly tán bởi đế quốc La-Mã. Cả hai, Kitô-giáo cũng như chủ nghĩa xã hội thợ thuyền, đều giảng truyền cuộc giải phóng tương lai, khỏi mọi nô lệ và nghèo cực. Kitô-giáo thì di chuyển sự giải phóng sang đời sau, trong thượng giới, sau khi chết; còn chủ nghĩa xã hội thì thực hiện nó trên đời này, trong cuộc cải tạo xã hội. Cả hai đều bị theo dõi, bách hại. Các phần tử của họ cùng bị cấm chế, dưới luật giới nghiêm: kẻ này bị coi như kẻ thù của nhân loại, kẻ kia là thù địch của chính phủ, của tôn giáo, của gia đình hay trật tự xã hội. Và mặc dầu bị bách hại, cả hai cùng chiến thắng mở đường, bất khuất.*'(24)

Sau ba năm tập nghệ trong một công ty xuất cảng tại Brême, Engels trở về Bá-Linh dưỡng sức. Tại đây, ông từng tiếp súc và tranh luận với nhóm cựu

"*môn đệ trẻ của Hegel*". Lúc đó, Marx đã về Cologne, làm chủ nhiệm tờ Nguyệt san "*Tin tức sông Rhin*", nhưng Engels cũng được biết tiếng và rất ngưỡng mộ Karl Marx. Năm 1842, khi đi du lịch Thụy Sĩ và Ý, Engels tiện dịp ghé thăm ông này. Về sau, Engels có dịp tả lại luận điệu của Marx như vầy: "*Ủa, ai mà hăng hái mãnh liệt tiến đến thế kia ? Đó là một anh chàng đen đen , vạm vỡ người Trève, một con quái vật hung hăng. Với một bước chân thật vững chắc, hắn nện gót trên nền đất và vươn cánh tay, một cách phẫn nộ, lên không, như muốn nắm lấy vòm trời để kéo xuống đất. Hắn đập nắm tay, một cách giận dữ và không ngừng, cái nắm tay khủng khiếp của hắn. Như thể có hàng ngàn con quỷ sứ đang nắm tóc hắn, lôi xuống.*" (25)

Nếu giáng điệu của Marx thường có vẻ hung hăng,sừng sộ và phán đoán của ông có vẻ cực đoan,bất khuất, thì trái lại, mặt mũi Engels có vẻ khôi ngô, luận điệu điềm đạm và phán đoán ôn hòa. Thế mà hai người lại có thể thân thiết lâu dài và cộng tác chặt chẽ. Mọi người khác quen biết Marx, đều xa rời ông, hoặc vì không đồng ý kiến hay không hợp tính tình. Còn Engels thì có một tính khí hiền hậu, quân bình, thoải mái và khoan dung. Tất cả những ai quen biết Engels, nhất là các bà các cô, đều cho là ông có một phong cách duyên dáng, dễ thương.

Tuy không được ăn học chu đáo, nhưng ông đọc rất nhiều sách vở. Và cũng như hầu hết các thanh niên của thế hệ, lòng ông xao động vì những tư tưởng

của thời đại. Từ năm 19 tuổi, ông đã quan tâm đến các vấn đề chính trị :" *Đêm tôi không ngủ được, vì bao ý nghĩ về thế kỷ dồn dập trong tâm hồn. Những ý nghĩ về quyền tự do của con người. Những ý nghĩ chống lại mọi thứ trái nghịch với nhân quyền trong xã hội ngày nay.'*(26) Trong hai năm (1840-1841), ông cộng sự với hai tờ nhật báo hồi đó: tờ "*Tin Điện*" và tờ "*Tin Sáng*". Trong các bài bình luận chính trị và xã hội, cũng như trong các bài thơ phú, các chữ "*tự do, bình đẳng, hạnh phúc*" lan tràn. Nhưng mãi đến năm 1842, khi ông được gửi qua Anh quốc, làm việc trong xưởng dệt của gia đình tại Manchester, và được chứng kiến tận mắt những cảnh cơ cực của đám lao động người bản xứ, lúc đó, những phân tách của ông về chính trị và kinh tế mới có phần sáng tỏ hơn. Cũng chính trong thời gian này là lúc ông bắt đầu cộng tác một cách chặt chẽ với Marx.

3. Nguồn mạch tư tưởng.

Hầu hết các tư tưởng và đề tài của Marx và Engels đều đã được các nhà học giả tiền bối đề cập, đàm luận và sử dụng.

Platon. Đề tài thứ nhất là một xã hội lý tưởng, hoàn hảo mà Marx muốn xây dựng: xã hội cộng sản. Cái xã hội ấy đã được Platon trình bầy và diễn tả một cách tỉ mỉ, từ hơn hai ngàn năm trước, trong tác phẩm của ông về "*Chính Phủ Cộng hòa*". Cả hai xã hội mà Platon và Marx đề nghị đều là xã hội Cộng

Sản, với những luật lệ nghiêm khắc. Nhưng hai ông có những quan niệm khác nhau về mục đích, hình thức, cách tổ chức và việc quản trị của xã-hội này. Sự khác biệt bắt nguồn từ những quan niệm về vũ trụ quan và nhân sinh quan của hai người.

Platon là một triết gia ; ông quan niệm, như Aristote, rằng con người là một *con vật có lý trí,* nhưng đồng thời cũng là một *con vật chính trị.* Athene, xứ sở của ông, đã bao đời thịnh vượng, với những thành lũy kiên cố, những lâu đài nguy nga .Những sáng tạo về các tổ chức xã hội, chính trị,văn hóa cũng các quan niệm triết học về vũ trụ và nhân sinh của nó đã trở thành nền tảng của văn minh Tây phương ngày nay. Đó là công trình của bao nhiêu danh nhân tài đức: những tướng lãnh và chính trị gia lỗi lạc như Clistène, ông tổ của chế độ dân chủ, và Périclès; những triết gia thông minh như Socrate, Pythagore, Heraclite và Parmenide: những sử gia sáng suốt như Herodote, Thucydide và Xenophon; những nhà hùng biện tài ba như Lysias, Isocrate, Demosthène và Eschine; những thi sĩ trứ danh như Eschile, Sophocle và Aristophane ; những nghệ sĩ , điêu khắc và kiến trúc sư biệt chúng như Phidias, Polyclète, Cresilas và Myron, v.v.. Nhưng vào cuối thế kỷ thứ tư trước tây lịch, sau khi chiến thắng dân mọi Ba-tư, nhân dân Hy-lạp, vì tham vọng Đế quốc, đã bị lôi cuốn vào cuộc nội chiến : tư lợi và dục vọng che lấp lương tri; sự bạo động và bất công tràn ngập trong xã hội.Các nhà ngụy biện và các chính trị gia chuyên nghiệp thay thế các nhà hiền triết thực danh. Nền dân chủ chân chính ngày xưa bị thay thế bằng quyền lực của một đám đông dân

chúng ô hợp do một nhóm thiểu số lôi cuốn và lợi dụng. Chính trong hoàn cảnh đó mà hiền triết Socrate bị kết án tử hình một cách oan trái. Platon là người đã chứng kiến một cách đau lòng cái quang cảnh suy xụp của nền văn minh hy lạp cổ điển ấy. Và ông suy nghĩ, tìm cách phục hồi các gía trị cổ truyền đã mất.

Sau khi phân tích nền tảng của các chế độ chính trị hiện hữu, chế độ chuyên chính độc quyền, chế độ thiểu số cai trị và chế độ dân chủ dân quyền, sau khi đã nhận thức được nguyên nhân của các cuộc hưng vong xã hội trong lịch sử, ông đã đi đến kết luận rằng : *"Rốt cuộc,cứ nhìn xem tình thế các quốc gia hiện nay, tôi tự cho rằng mọi chế độ của họ đều không tốt.'*(27) Là bởi vì mọi chế độ đó đều bị biến chất và xa rời các khát vọng xâu xa nhất của tinh thần nhân loại, những khát vọng về ba lý tưởng Chân, Thiện, Mỹ, được thể hiện trong xã hội bằng trật tự, công bình và hòa hảo, khi mọi phần tử trong xã hội đó đều thỏa thuận sử sự theo lý trí và lương tri của mình. Khi xã hội hư hỏng thì cần phải được cải tạo. Platon đề nghị một xã hội trong đó tư sản bị xóa bỏ, để tránh mọi tranh chấp, tham vọng và việc giáo hóa con người được giao phó cho các bậc hiền triết là những phần tử ưu tú, sáng suốt, đã thâm hiểu và thấm nhuần ba lý tưởng Chân Thiện Mỹ kia.

Người ta vẫn thường gán cho học thuyết của Platon cái tên là "*Duy Tâm*",một cách vô lý. Thực ra, vũ trụ quan của Platon gồm ba thực tại ,phát hiện như ba phương diện của một "*Hữu thể tuyệt đối*" (Etre Absolu), Nhất quán (Un), Bất biến (Immuable) và Vĩnh cửu (Eternel), bao trùm

vũ trụ bao la ,vô thủy ,vô chung, vô hạn, vô tận. Đó là phương diện tĩnh, phù hợp với quan niệm của Parmenide. Thân xác con người là một thành phần của thực thể đó, cái thực thể mà Platon gọi là thế giới vật lý (physis). Gắn liền với thực thể này, có một thực tại "Tinh thần"(Esprit) . Đó là thế giới cúa các chủ thể, có khả năng cảm thụ,ý thức và nhận biết. Thực tại tinh thần này không thể phát xuất từ cõi hư vô. Nó cũng không thể tan biến vào cõi hư vô. Nếu chúng ta cho rằng nó phát xuất từ các thực tại vật chất, thì cũng lại phải công nhận rằng nó đồng phát hiện với thực tại vật chất từ thuở vô hạn, trong không gian và thời gian: nó là một thực thể Vĩnh cửu, như Hữu thể tuyệt đối. Nó là khía cạnh và Bản chát (essence) của Hữu thể tuyệt đối này. Làm trung gian giữa hai thực tại Tinh thần và Vật chất, có một thực tại thứ ba, thực tại của thế giới các "*Ý tưởng*". Theo Platon, ý tưởng là hình thức (forme) của sự vật được phản chiếu vào mạng thần kinh như vào một tấm gương, giúp cho "chủ thể tinh thần" nhận thức ra được hình ảnh và ý tưởng về sự vật. Nếu sự vật luôn luôn chuyển biến và đổi thay, thì "ý tưởng" của sự vật lại đơn thuần, bất biến và có giá trị phổ quát. Trái cam, trong thực té, có nhiều phẩm chất quy định nó như tròn, dẹt, xanh, vàng, chua ngọt, v.v. Trái cam, trong ý tưởng, không có những phẩm chất quy định như vậy . Nhưng khi nghĩ đến ý tưởng về trái cam , thì đứa nhỏ lên ba cũng mường tượng ra được hình ảnh của nó, khác với trái quýt hay trái bưởi,v.v.Hơn nữa, ý tưởng không những giúp ta nhận thức được hình ảnh của thực tại vật chất, nhưng nó còn giúp cho tinh thần nhận thức và hiểu thấu được

những tư tưởng trừu tượng như sự thiện, sự ác, sự đẹp, sự xấu, sự công bình và sự bất công, v.v.

Như vậy là "đạo lý chính trị" của Platon lệ thuộc vào đạo đức của luân lý và luân lý lại tùy thuộc vào triết lý về Bản chất của "*Hữu thể tuyệt đối*", là thực tại "*Tinh thần*". Không có thực tại Tinh thần, thì Hữu thể vật chất chỉ là một thực tại vô lý, không mục đích, không nhận thức ra được bản chất của nó, và đời đời, kiếp kiếp chìm đắm trong một cõi hư vô, tối tăm, im lặng, không mầu sắc, mùi vị,và âm thanh, bởi vì không có tâm linh nào để cảm thụ và ý thức đến thực tại nội tâm của nó.

Đạo đức chính trị của Platon dựa trên nền tảng của các giá trị tinh thần, có tính chất phổ quát phù hợp với bản chất của Hữu thể tuyệt đối và khát vọng sâu xa của con người. Nhưng bởi vì con người của thể xác , của cảm giác đã bị lường gạt bởi những hình ảnh giả trá, cho nên sứ mạng của chính trị là giáo hóa để giác ngộ và dùng pháp luật để hướng dẫn con người xã hội trở về con đường công chính.

Marx từ chối mọi cắt nghĩa trừu tượng có tính cách siêu-vật chất (meta-physis) . Đối với ông, những vấn đề mà các triết gia cổ điển coi là huyền bí siêu việt như nguồn gốc, cùng đích của Hữu thể, v.v. đều thuộc về khu vực bất khả- tri luận: kính nhi viễn tri. Ông cho rằng tất cả những cái mà ta gọi là "giá trị",như chân thiện mỹ, đều là những khát vọng và sáng tạo tưởng tượng của con người. Rồi vì căn bệnh "tha hóa" (aliénation), con người lại gán cho các thần tượng siêu nhiên. Cái giá trị thực thụ và duy nhất, gắn liền với bản chất của con người chỉ là "*hành*

động" (praxis) và " *sáng tạo'* (industrie). Cho nên, sứ mệnh của chính trị là hành động để cải tạo xã hội và sáng tạo ra một xã hội mới,trong đó, phải đặt lại vấn đề về giá trị con người. Ở đây, Marx đã chịu ảnh hưởng rất nhiều về quan niệm "*lý trí thực tiễn*" (la raison pratique) của Kant và Fichte. Quan niệm này là nền tảng của thuyết *Duy vật lịch sử.*

Trong cuốn " Định mệnh con người" mà Fichte đã soạn vào cuối đời, ông viết: "*Số phận của ngươi không phải chỉ là tìm hiểu biết, nhưng là hoạt động một cách am hợp với điều ngươi biết.. Không phải chỉ ngồi nhìn ngắm và chiêm ngưỡng nội tâm hoặc suy niệm về những cảm tình sốt sáng, mà ngươi thực sống. Không, ngươi hiện hữu để hành động. Chỉ có hành động và nguyên hành động mới quyết định được giá trị của ngươi.... Tôi có một bản năng tuyệt đối, độc lập, riêng tư về hành động.Không có gì khó chịu cho bằng sống trong kẻ khác,cho kẻ khác và vì kẻ khác. Tôi muốn hiện hữu và trở nên một cái gì cho tôi và do tôi. Cái bản năng này, tôi cảm thấy mỗi khi tôi cảm thụ nội tâm của mình. Nó gắn chặt với ý thức mà tôi có về chính bản thân tôi....Là trí tuệ,tôi có trong tôi một sức mạnh thực thụ, hiệu nghiệm và sáng tạo...Cái tạo vật, trong đó tôi hoạt động, không phải là một sự hoàn tất. Nó được đào tạo theo quy luật của tư tưởng trong tôi. Nó phải quy phục vào các lề luật đó. Chúng ta bắt buộc phải công nhận rằng chúng ta phải hành động theo một cách thế nhất định. Chúng ta bắt buộc phải công nhận ràng mình phải hoạt động trong một môi trường nhất định. Môi trường đó, là thế giới hiện hữu thực tại và thực thụ mà chúng ta gặp.*

Ngược lại, thế giới hiện hữu tuyệt đối chỉ nằm trong phạm vi môi trường này, không thể lan rộng ra môi trường nào khác. Chính các nhu cầu hoạt động đã phát sinh ra ý thức về thế giới thực tại. chứ không phải ý thức về thế giới thực tại phát sinh ra nhu cầu hoạt động. Nhu cầu hoạt động phát hiện trước tiên. Ý thức về thế giới chỉ là hậu qủa. Chúng ta không hoạt động bởi vì chúng ta hiểu biết. Trái lại, chúng ta hiểu biết bởi vì sứ mệnh của chúng ta là hành động. Lý trí thực tiễn là nguồn gốc của mọi lý trí. *Các luật lệ chi phối hành vi của mọi sinh vật hữu trí đều có một tính chất chắc chắn trực tiếp. Thế giới của chúng chỉ hiện hữu một cách chắc chắn, bởi vì các luật lệ đó chắc chắn. Chúng ta không thể nào từ chối các quy luật đó mà không sa chìm vào một cõi hư vô tuyệt đối... Nào có ích lợi gì cái vòng hồi sinh luẩn quẩn, cái trò chơi không thay đổi, trong đó mọi sự sinh sinh diệt diệt, rồi lại trở về y nguyên, cái con quái vật,tự cắn sé không ngừng, để có thể lại tái sinh và tiếp tục tự hủy ? Dẫu sao, đó không phải là định mệnh của đời tôi, cũng không phải định mệnh của muôn vật. Ban đầu, bị thôi thúc bởi nhu cầu, tài trí thấu nhập dần dần vào các quy luật bất di bất dịch của tạo vật, để tìm cách phát triển nó. Các kiến thức mà trí tuệ đã thâu nhận được qua cuộc chiến đấu gay go với tạo vật sẽ được súc tích qua thời gian và gây thành nền tảng của những kiến thức mới trong trí tuệ chung của loài người. Và do đó, chúng ta dần dần hiểu biết được tạo vật và thấu nhập vào tận các nề nếp thâm sâu của nó. Và, sức mạnh của con người, được chiếu sáng và võ trang bằng những khám phá mới, sẽ chế ngự, chinh phục và bảo tồn tạo vật một cách dễ dàng.'*(28)

Đoạn văn trên đây tóm lược những quan niệm căn bản của thuyết duy vật lịch sử mà Marx vẫn thường nói tới trong các tác phẩm của ông. Trước hết, Fichte nhấn mạnh rằng bản chất và sứ mệnh con người là hành động và sáng tạo(praxis, industrie). Hoạt động và sáng tạo rèn luyện, cấu tạo, phát triển và quyết định nội dung của lương tâm và trí tuệ con người. Môi trường hoạt động của nó là thế giới thực tại mà ta sống, thế giới vật chất. Đàng khác, các kinh nghiệm và kiến thức thu hoạch được qua cuộc tranh đấu để chế ngự tạo vật, sẽ được kết tụ và truyền tụng vào kho tàng trí thức của trí tuệ chung của nhân loại.

Quan niệm của Marx về tương quan giữa hoạt động sáng tạo và sự phát hiện cùng tiến triển của lương tâm và trí tuệ nhân loại,không xa gì quan niệm của Fichte. Chỉ khác là khi Fichte nói đến hoạt động và trí tuệ một cách phổ quát, thì Marx lại chỉ định hoạt động sáng tạo và trí tuệ trong những hoàn cảnh đặc biệt;khi ông cho rằng " *sáng tạo sản xuất vật chất biến đổi sáng tạo sản xuất trí tuệ*", là có ý phát biểu tương quan đó trong con người xã hội, ở vào một hoàn cảnh nào đó, qua một giai đoạn trong qúa trình lịch sử và trong một xã hội nhất định.Bởi vì theo ý Marx, thì việc chế ngự thiên nhiên dường như đã hoàn tất. Công việc cấp bách ngày nay là sự đả kích những sai lầm và mâu thuẫn trong xã hội. Lương tâm và trí tuệ nhân loại ngày nay vẫn còn được phát triển và hoàn thiện nhưng nó phải phát triển và hoàn thiện trong cuộc đấu tranh xã hội.

Sự phát triển của lương tâm trong hoạt động chế ngự tạo vật tiếp tục biến đổi trong cuộc đấu tranh giai cấp. Trong bản "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", Marx viết:" Có *cần phải tinh khôn nhiều, mới hiểu được rằng các ý tưởng, các quan niệm, các khái niệm của mọi người, nói tóm lại là lương tâm của họ, thường thay đổi theo mọi biến chuyển xẩy đến trong các điều kiện sinh sống, các tương giao xã hội và đời sống công cộng của họ,hay không ? Lịch sử các tư tưởng chứng minh điều gì, nếu không phải là sự sản xuất trí thức biến đổi theo sự sản xuất vật chất. Những ý tưởng trổi vượt trong một thời đại, bao giờ cũng chỉ là những ý tưởng của giai cấp thống trị. Người ta nói đến những ý tưởng đã từng cách mạng cả một xã hội: đó chỉ là thông báo một hiện tượng này : trong lòng xã hội cũ, có những phần tử của một xã hội mới đã thành lập, và sự tàn khuất của những ý tưởng cũ sẽ đi đôi với sự giải tán của những điều kiện sinh sống cũ."* (29)

Theo ý Marx, xã hội mà ông đang sống là một xã hội đang tàn khuất , trong đó con người đã bị tha hoá và gán nhượng hết các phẩm tính của mình vào một Tạo Hóa siêu linh trên Thượng giới. Tham vọng của Marx và Engels là giải phóng con người cho ly thoát khỏi mọi sự không thuộc về bản thân của nó : lôi kéo nó về đời sống cụ thể trần tục ; dạy cho nó biết sử sự trong các tương quan thực tế của cuộc đời ; giải thoát cho nó ra khỏi những ảo vọng siêu linh, làm mờ đục thần trí, không cho nó sống đời sống thực thụ và nhận biết được những chân lý của trần gian này.

Tất cả những nguyên tắc chỉ đạo đó đều

đã bắt nguồn từ một phong trào phê bình rộng lớn mà Hegel và các môn đệ của ông như Bruno Bauer và Feuerbach đã phát động, để sung kích các gía trị cổ truyền Hegel bắt đầu bằng một cuộc phê bình triệt để về cái ảo vọng của một thế giới bên kia. Nhưng ông không dùng những lý luận xưa của các triết gia duy lý đã coi tôn giáo như một lầm tưởng phi lý. Hegel coi tôn giáo như một thái độ đầu hàng, một sự đau khổ của con người bị đè bẹp dưới số phận mà nó bắt buộc phải gánh chịu. Bởi vì trong thực tế, con người không thực hiện được các lý tưởng và ước vọng của mình cho nên nó gán nhượng (aliéner) các lý tưởng đó vào một thần tượng, một thế giới bên kia , để chiêm ngưỡng, khát khao, hy vọng và tự yên ủi mình. Phê bình tôn giáo chỉ là một cách khiếu nại, để đòi lại những báu vật mà nhân loại đã bị chưng thu để dâng cho Thượng Đế. Chương trình của Hegel là thu hồi lại cái kho tàng đó: "*Chúng ta sẽ phục hồi lại tất cả những cái gì tốt đẹp nhất trong bản tính con người , những cái mà chúng ta đã khuân chuyển ra ngoài để gán nhượng cho một nhân vật ngoại lai (Thượng đế), mà chỉ còn giữ lại những điều ô nhục. Lúc đó, chúng ta sẽ tìm lại được, trong hoan lạc, cái công trình mà chúng ta đã sáng tạo. Còn như trước kia, chúng ta chỉ giữ lại cho mình những gì bỉ ổi.*"(30)

Toàn thể hệ thống tư tưởng của Hegel là phân tách hiện tượng tha hóa như một sự tha hoá tổng quát của mọi hữu thể tinh thần. Tinh thần tuyệt đối là một Hữu thể trừu tượng. Nó chỉ có thể tự thực hiện một cách

toàn vẹn khi nó nhận thức được bản thể của mình. Mà nó chỉ có thể nhận thức dược chính mình khi nó đứng trước một hữu thể không phải là nó,đối lập với nó. Thiên Chúa tha hóa khi Ngài " chịu chết" trong thế giới vật chất mà chính Ngài đã tạo dựng. Con người tha hoá, khi nó chịu thống chế bởi những công trình mà nó sáng tạo. Toàn thể lịch sử nhân loại chỉ là một cuộc tha hóa kéo dài cho đến cực độ, lúc đó, bắt buộc nó phải tìm cách hoà giải với chính mình, bằng cách nhận thức, phê bình, khiếu nại, để phục hồi lại bản chất của mình.

Mục đích của Hegel là thanh tẩy tâm hồn con người cho khỏi mọi mê tín , ảo tưởng để tìm lại bản chất của mình . Vậy bản chất đó là cái gì ? Là Tinh thần. Không phải cái tinh thần có bản vị như Thiên Chúa của Kitô giáo, hay Thương Đế của Nho giáo. Đó là một Hữu thể tuyệt đối, vĩnh cửu, thường tồn , vạn năng và bất biến của Platon và giống như Phật tính của Đại Thừa. Cũng như Phật tính, tự nó là Trong sáng, Tròn đầy như một Đại dương tinh lọc. Nó xuất hiện trong tạo vật, trong lịch sử và trong con người (chúng sinh), theo nguyên tắc biện chứng, như là Trí tuệ và Lý trí để hướng dẫn Lịch sử và con người tiến triển đến mức hoàn thiện. Trong Lịch sử và Con người, Trí tuệ cũng như phật tính , nó phải quy phục vào luật biến chuyển, mâu thuẫn (biện chứng). Như giọt nước tách khỏi Đại Dương, nó bị tha hóa, ô nhiễm và dính mùi trần tục. Nó lấy ảo ảnh làm sự thật, lấy dục vọng làm lẽ sống. Giải phóng con người, giải thoát chúng sinh là giác ngộ nó, đưa nó về Tinh thần, về Phật tính vĩnh cửu.

Hãy nghe Đại Đức Hegel giảng về Tinh thần, về Lý trí và về nguyên lý Biện chứng:"*Trước hết, chúng ta phải lưu ý rằng Lịch sử phổ quát triển diễn trong khu vực của Tinh Thần. Vũ trụ gồm có tạo vật vật lý và tạo vật tâm lý. Tạo vật vật lý cũng can thiệp vào lịch sử phổ quát. Nhưng bản chất của lịch sử là Tinh thần và qúa trình tiến triển của nó..".*

"Lịch sử phổ quát là phát hiện của cái qúa trình thần diệu tuyệt đối của Tinh thần, trong những mô hình cao cả nhất của nó: cuộc hành trình leo thang để đạt tới chân lý và ý thức được bản chất của mình. Vượt qua các bậc thang, đó là là ý muốn vô tận và thôi thúc bất khả cưỡng chế của Tinh thần trong Vũ trụ. Những nguyên tắc của các Tinh thần bình dân , trong hàng dãy chặng đường, cũng chỉ là những giai đoạn của một Tinh thần phổ cập duy nhất.: nhờ các chặng đường đó mà Tinh thần vươn lên trong lịch sử một cách trong suốt với bản chất của nó. Cứ xem quá trình thực hiện mục đích của Tinh thần trong lịch sử, thì đủ thấy cái quan niệm thông thường về bản chất của lý tưởng và tương quan của nó đối với thực tại, thật là khác biệt." (31)

Và Hegel cắt nghĩa việc Lý trí cai quản vũ trụ, như sau: "*Triết học chỉ đem lại cho ta được một ý tưởng, một ý tưởng giản dị về Lý trí, ý tưởng cho rằng Lý trí cai trị thế giới và, bởi đó, lịch sử thế giới cũng triển diễn một cách hữu lý. Niềm thâm tín này, ý tưởng này, chỉ là một suy luận so với lịch sử thực tế. Nhưng trên quan điểm triết học thì lại khác. Do nhận thức suy*

luận, ta có thể chứng minh được rằng Lý trí là bản chất, là mãnh lực vô hạn, là nguyên liệu vô tận của mọi sự sống tự nhiên và tinh thần... Nó là bản chất, nghĩa là cái mà mọi thực tại phải nương tựa vào để sinh tồn. Nó là kho tàng vô tạn, là tất cả những gì thiết yếu và thực thụ.Không như các hành vi hữu hạn khác, nó không cần vật liệu và phương thế ngoại lai để thực hiện các hoạt động của mình. Nó tự túc. *Cùng đích của nó là cùng đich tuyệt đối. Ý tưởng là mãnh lực thực thụ, vĩnh cửu và tuyệt đối. Nó phát hiện trong thế giới một cách uy nghi, tráng lệ: đó là điều mà triết học đã chứng minh."* (32)

Biện chứng pháp , nguyên là một phương pháp đối thoại mà các nhà hiền triết Hy lạp, như Socrate, Platon, ngày xưa đã dùng để giải đáp những vấn đề khó khăn, mâu thuẫn và rắc rối. Hai người đối thoại mỗi người đưa ra một lý luận khác nhau và có vẻ mâu thuẫn. Thực sự, cả hai cùng có lý, bởi vì mỗi người đều nói đến một khía cạnh khác nhau của vấn đề. Cho nên , khi xoay sở, tìm kiếm đến cùng thì sẽ tìm được một bình diện chung , để thỏa thuận. Hegel dùng nguyên tắc đó áp dụng vào toàn thể vạn vật.

Bởi vì, theo Hegel, mọi vật đều biến đổi không ngừng : vưà là A, nó đã lại chuyển thành B, rồi thành C, không giây phút nào yên. Cái giây phút biến chuyển đó, Hegel gọi là *khoảnh khắc biện chứng.*

Trong tác phẩm "Bách khoa toàn thư," ông viết:" *Thấu hiểu và thừa nhận khoảnh khắc biện chứng là điều quan trọng đệ nhất. Nói chung, nó là nguyên tắc*

của mọi chuyển biến, mọi sự sống và mọi hành động hiệu nghiệm trong thực tại. Nó cũng là linh hồn của mọi kiến thức khoa học thực thụ. Mọi sự vật bao quanh ta đều có thể coi như kiểu mẫu của biện chứng. Biện chứng nổi vượt trong mọi khu vực và trên mọi phương diện đặc biệt của thế giới vật chất và tinh thần." (33)

Nếu Tinh thần hướng dẫn thế gian là vĩnh cửu, bất dịch, tuyệt đối, thì tại sao vạn vật trong thế gian lại chuyển biến không ngừng ? Nếu Lý trí hướng dẫn muôn vật là Chân lý tuyệt đối, không mâu thuẫn, sai lầm, thì tại sao vạn vật lại chứa đựng sự mâu thuẫn trong bản thân của nó ?

Hegel cho rằng chỉ có Tinh thần và Ý tưởng trong tinh thần là thực tại duy nhất. Còn những thực thể hữu hình chỉ là các "hiện tượng" mà Tinh thần đã sáng tạo, tha hóa và phô trương bản chất của nó qua muôn vật hữu hình. Tinh thần đi qua trần gian và lịch sử, như giòng nước trôi qua con suối. Nó chuyển dịch theo giòng suối, nhưng bản chất nước của nó sẽ không phai giảm.

Như thế, hệ thống tư tưởng của Hegel là một hệ thống Duy tâm tuyệt đối, đi xa hơn cả tư tưởng của Platon, vì Platon nhìn nhận thế giới như một Hữu thể thực tại và tuyệt đối, tuy nó chuyển dịch. Ý tưởng chỉ là hình ảnh của sự vật, phản chiếu vào tinh thần, là Bản chất của Hữu thể.

Các môn đệ của Hegel hoàn toàn hoan nghênh phương pháp biện chứng của ông trong việc

giải thích Lịch sử, nhưng họ tuyệt đối không chấp thuận hệ thống Duy tâm của ông. Engels đã vạch ra sự mâu thuẫn giữa phương pháp và hệ thống tư tưởng của Hegel : một đằng, hệ thống qủa quyết rằng kiến thức về Ý tưởng tuyệt đối đã đạt tới mức trọn vẹn trong triết học của Hegel và mọi quyết đoán trong hệ thống đó là chân lý tuyệt đối; đàng khác, phương pháp biện chứng loại trừ mọi phán đoán có tính cách giáo điều. Trong bài bình luận về tư tương Feuerbach, ông viết:"*Nhưng cái ý nghĩa đích thực và cái tính cách cách mạng của triết lý Hegel, chính là vì nó đã chấm dứt một cách dứt khoát mọi tính cách hoàn vẹn trong các kết qủa của tư tưởng và hoạt động nhân loại. Cái chân lý trong triết học, theo ý Hegel, sẽ không còn là một mớ nguyên tắc giáo điều dọn sẵn mà người ta chỉ có việc tìm tòi và học thuộc lòng. Từ nay, chân lý nằm trong quá trình của kiến thức, trong cuộc phát triển lịch sử lâu dài của khoa học. Nó leo dần từng bậc thang, từ những độ thấp đến các mực càng ngày càng cao hơn của sự hiểu biết. Nó không bao giờ dám tự cho rằng mình đã khám phá ra được chân lý tuyệt đối và không tiến thêm được nữa, để chỉ có việc đứng khoanh tay, há miệng, chiêm ngưỡng cái chân lý tuyệt đối mà người ta tự hào đã đạt được. Và như vậy, trong mọi phạm vi của kiến thức triết học cũng như trong mọi lãnh vực của các hiểu biết và hoạt động thực tiễn khác. Lịch sử cũng không hơn gì kiến thức, nó không thể nào tìm thấy một điểm trọn vẹn dứt khoát, trong một tình trạng lý*

tưởng, hoàn hảo cuả nhân loại . Một xã hội hoàn hảo, một "Nhà Nước " hoàn hảo chỉ có trong óc tưởng tượng. Trái lại, mọi hoàn cảnh tiếp diễn trong lịch sử chỉ là những giai đoạn chuyển dịch của cuộc phát triển trường kỳ của xã hội nhân loại, từ thấp lên cao.'(34)

Những lời trên đây có thể được coi như một bản tuyên ngôn của lý thuyết Duy vật biện chứng lịch sử đích thực. Nó loại trừ mọi phán quyết giáo điều của học thuyết Hegel cũng như của chủ nghĩa Mac-xit, sau này.

Các đồ đệ của Hegel đã dùng nó để phê bình và đả kích mọi quan niệm tôn giáo, triết học,thần học, chính trị, xã hội và kinh tế của những giá trị cổ truyền.

Năm 1835, D.F. Strauss viết cuốn "Đời sống của Jésus", trong đó ông dùng phương pháp phê bình lịch sử để chối bỏ đời sống thực sự của Jésus. Gỉa thuyết của ông hướng dẫn đến thuyết vô thần và đã ảnh hưởng ít nhiều đến tinh thần vô tôn giáo của Marx và Engels. Năm 1838, Bruno Bauer, một Giáo sư thần học Tin Lành, " Cột trụ của Câu lạc bộ các ông Tiến Sĩ", "Nhà Tiên tri của thuyết Duy vật," Robespierre của Thần học", như Arnold Ruge và các bạn hữu của ông thường gọi, đã phát động phong trào "phê bình thanh toán" (liquidateur) tổng quát, mà ông định nghiã như một "cuộc khủng bố các lý thuyết thuần túy trừu tượng",trong một đoạn nhan đề "*Tự thần tượng hóa*", trong cuốn " *Vạch trần Kitô giáo'* của ông: "*Đó là một cuộc phê bình hiện đại ,để đưa con người trở về với*

mình và nhận ra bản chất của mình , để giải phóng loài người ra khỏi mọi ảo vọng." Trong cuốn " Tiếng loa của cuộc Phán Xét cuối cùng", ông cho ràng sứ mệnh của phê bình là thanh tẩy thực tại cho sạch mọi yếu tố phi lý. Triết học phê bình là dụng cụ của tiến bộ, là động cơ của lịch sử. Từ nay, cuộc tiến hóa của thế giới phát hiện trong lương tâm . Lịch sử trở thành lịch sử của triết học phê bình. Và triết học phê bình chỉ là một sức mạnh từ chối. Nó từ chối và gạt bỏ mọi cái gì vô lý để xây dựng những cái hợp lý.

Jésus không thực sống . Ngài chỉ là tượng trưng của các tư tưởng và ước vọng của Cộng đồng Kitô giáo. Tân ước là bậc cao nhất của Lương tâm phổ quát, nhưng nó chưa phải là tuyệt đỉnh như Hegel đã nói, mà chỉ là một chặng đường ta còn có thể vượt lên. Kitô giáo đã cải tiến thế giới Hy-Lạp và La-mã, nhưng ngày nay nó lại trở nên một cản trở cho cuộc phát triển Lương tâm. Phải phê phán nó để giải thoát nhân loại.Ảo tưởng tôn giáo, nói chung, là nguyên hình và là nguồn mạch của mọi ảo vọng khác , cho nên các môn đệ của Hegel đã bao trùm mọi tiêu biểu siêu hình, chính trị, pháp luật, luân lý ,xã hội và nghệ thuật,v.v. vào cùng một khu vực với các tiêu biểu tôn giáo và thần học. Mọi giá trị cổ truyền, mọi lãnh vực của kinh nghiệm nhân loại đều bị coi là không thực tế, không căn bản và ngoại lai với chân thể của con người. Chẳng hạn, mọi ý thức chính trị, luân lý,pháp luật xưa đều bị tố giác là một ý thức có bản chất tôn giáo, thần học và cũng viển vông như ý thức tôn giáo vậy.

Một thời , Marx đã kết thân với Bauer, và hy vọng sẽ được ông ta nâng đỡ để vào dạy Đại Học tại Bonn, nhưng công việc không thành vì Bauer phải từ chức. Marx đồng ý với Bauer về cuộc phê bình khủng bố , nên đã cộng tác với ông ta để viết cuốn "Tiếng Loa của cuộc Phán Xét cuối cùng", phê bình "Hegel vô thần và chống Cơ-Đốc" . Nhưng sau này, Marx đã xa rời Bauer, bởi vì ông cho rằng khuynh hướng phê bình của Bauer và nhóm"Đồ đệ trẻ của Hegel"chỉ có tính cách tiêu cực, và nhất là khi bọn họ lại quay về lý thuyết Duy tâm tuyệt đối, cho rằng lịch sử chỉ có mục đích là thực hiện Ý tưởng Tuyệt đối. Hơn nữa, Marx cộng tác với Engels để viết cuốn sách phê bình tư tưởng của Bauer, đầu tiên với nhan đề "Phê bình việc phê bình, chống Bauer và đồng bọn", sau này đổi thành "Thánh Gia", để chỉ anh em Bauer và nhóm của ông.

Đối với Marx, chỉ có Feuerbach mới làngười sáng lập việc phê bình thực thụ, người giải phóng chính cống của nhân loại. Tháng giêng năm 1842, ông tuyên bố: "Hỡi các nhà thần học, các triết gia thuần lý, tôi khuyên các ngài hãy ly thoát khỏi mọi khái niệm và thành kiến của nền triết học thuần lý cũ, nếu các ngài muốn đạt tới sự vật thực thụ, nghĩa là tới chân lý. Và các ngài không có con đường nào *khác để đi tới sự tự do và chân lý, là con đường đi qua "suối lửa "* *(Feuer* nghĩa là *lửa, bach* nghĩa là *suối) . Feuerbach là lò luyện tội của thời đại chúng ta."* (35)

Trước hết, Feuerbach phê bình tôn giáo một cách triệt để. Ông chứng minh rằng con người phóng

xạ bản chất thực thụ của mình vào tôn giáo và sa chìm vào cái thế giới ảo tưởng mà chính nó tạo ra, để rồi, cái thế giới đó lại thống trị nó như một sức mạnh ngoại lai: "*Hữu thể thần linh không phải chi khác là hữu thể của con người, giải thoát khỏi mọi liên hệ và giới hạn của cá nhân, để biến thành một vật thể mà nó tôn thờ, chiêm ngưỡng như một vật ngoại lệ... Tôn giáo là ý thức đầu tiên của con người về chính mình, và một cách gián tiếp.. Trước hết, con người phóng xạ bản chất của mình ra ngoài nó, rồi sau mới lại tìm lại trong chính mình. Bản thể của nó ban đầu được đem hiến cho như một vật thể của kẻ khác...Sự tiến bộ lịch sử của các tôn giáo là sự, ngày nay, người ta coi như chủ quan (của mình) cái mà ngày xưa, các tôn giáo coi là khách quan (của người). Nói cách khác, cái mà ngày nay, người ta công nhận là có tính chất nhân loại, thì ngày xưa người ta chiêm ngưỡng, tôn thờ như một sự thần linh. Con người đã khách thể hoá, mà không nhìn nhận ra bản chất của nó ở trong chất thể đó. Sau này, tôn giáo đã tiến thêm một bước. Vì thế, mỗi bước tiến bộ của tôn giáo là một thâm cứu về nhận thức của chính mình.*"(36)

Khi thu hồi được cái bản thể mà nó đã gán nhượng cho Thiên Chúa, con người đã tìm lại được một cách toàn vẹn và vĩnh viễn bản chất của chủng loại, mà tới nay nó đã xa rời. Và con người lại trở nên "*bản thể tuyệt đỉnh của con người*".

Bởi vậy, chủ nghĩa nhân bản đã chiếm chỗ tôn giáo: "*Sự vô tín ngưỡng đã thay thế đức tin, lý trí,*

Thánh kinh,chính trị tôn giáo và Giáo hội. Trần gian thay thế thượng giới. Lao động thay thế kinh nguyện, sự cơ cực vật chất và địa ngục. Con người thay thế giáo hữu." (37)

Chính ở trên thế giới này, trong Tình trạng trần gian , mà con người phải thực hiện sự trọn vẹn của chủng loại, sự trọn vẹn mà nó tìm kiếm hoài không thấy ở thế giới bên kia, trên thiên quốc. Bởi vì "*tình trạng thực* ' của nó là con người giải phóng mọi giới hạn cá nhân cuả mình, " *con người vô hạn,thực thụ, chu toàn và linh diệu.'* Để chủ nghĩa nhân bản thực sự có thể thay thế tôn giáo , thì nền triết học phải thực sự ăn xâu vào nhu cầu của con người thực tiễn. Vậy mà, nhu cầu thực tế nhất là "nhu cầu chính trị, sự đòi hỏi được tham dự tích cực vào các công việc của Nhà nước, sự đòi hỏi phải xóa bỏ cấp bậc chinh trị và phi lý trong nhân dân".Khi Kitô giáo cống hiến Nước Cộng hòa thiên quốc cho nhân loại, thì nó giảng dạy rằng loài người không cần dùng gì dưới đất. Từ nay chúng ta phải vượt qua sự xung đột giữa "cõi trời, trên đó chúng ta làm chủ" và "trần thế, nơi này chúng ta là nô lệ", mà nhìn nhận ra ràng trần gian là xứ sở của vận mệnh chúng ta.Và bởi vì Kitô-giáo giả ước rằng con người là nô lệ dưới đất cho nên nhân loại ngày nay, *" chỉ có thể có quyền được hưởng chế độ Cộng Hòa khi Kitô-giáo bị bãi bỏ".* Như vậy, theo ý kiến Marx, "s*ự phê bình tôn giáo đưa đến kết luận rằng con người là vật thể tuyệt đối của con người và phải khẩn cấp đạp đổ mọi tương quan xã hội đã khiến cho con người trở thành một con vật nhục*

nhã,nô lệ, bị vứt bỏ và khinh chê. (38)

Cái tác động vĩ đại thứ hai của Feuerbach là đã phá đổ tận gốc nền triết lý cổ truyền. "*Với một tài ba lỗi lạc, ông đã đặt ra những nguyên tắc căn bản để phê bình mọi* môn siêu hình học." (39) Ông đã vượt qúa triết học và biện chứng pháp cổ truyền khi chứng minh ràng " *triết lý không là gì khác là tôn giáo đặt thành tư tưởng và phát triển do tư tưởng, nên cũng là một hình thức khác của sự tha hóa con người.* " Đối với Feuerbach, triết học chỉ là "*sự từ chối thần học trong thần học*' (40) Marx cho rằng sự khám phá này của Feuerbach là một thiên tài. Sau này, trong cuốn nói đến lịch sử các " *Lý thuyết về giá trị thặng dư*", ông cũng nhắc lại và viết:"T*riết học phát sinh từ trong lòng các hình thức tôn giáo của ý thức và cái mâu thuẫn của nó chính là, một đằng nó từ chối tôn giáo, mà đằng khác, nó chỉ có thể phát sinh một cách tích cực nguyên ở trong cái khu vực tôn giáo được lý tưởng hóa và thu hẹp bằng khái niệm ấy.*'(41)

Điểm thứ ba trong tư tưởng của Feuerbach là đã hoàn toàn vạch trần cái lối biện chứng thuần lý của Hegel. Marx tự hỏi : "V*ậy ai đã mở màn bí mật của hệ thống? Feuerbach. Ai đã tiêu diệt cái lối biện chứng đầy khái niệm , cái cuộc tranh chiến về các thần thánh mà chỉ riêng các triết gia mới biết đến ? Feuerbach. Ai đã thay thế con người vào chỗ những đấng thần minh cũ kỹ ? Feuerbach.*'(42)

Marx đã dùng lý luận của Feuerbach để phê bình Ý tưởng Tuyệt đối và lý thuyết Duy tâm của Hegel, như chúng ta sẽ bàn đến sau này.

Điểm thứ tư mà Feuerbach đã đem lại cho triết học, là cái mà Marx gọi là sự "*phê bình tích cực":* Feuerbach đã vượt quá sự đối lập cũ giữa thuyết duy tâm và duy vật, để đặt lại con người vào đúng chỗ của nó trong thiên nhiên : con người , cả tinh thần lẫn thể xác, chỉ là kết qủa một quá trình tiến triển của tạo vật tự nhiên .Theo ý Marx, Feuerbach là người đầu tiên đã đạt tới mức thấu hiểu được "con người thực thụ". Như vậy là Feuerbach đã sáng lập ra " thuyết duy vật thực thụ" và " khoa học thực thụ", thuyết mà trong " Thủ Bản 1844"(Manuscrits), Marx trình bầy như là "một thuyết nhân bản toàn vẹn" hay là "thuyết tự nhiên toàn vẹn".(43)

Đối với Marx và Engels, cuộc tranh luận triết học giữa Hegel, Feuerbach và nhóm đồ đệ trẻ của Hegel đã đưa các ông đến những kết luận này: Các tiêu chuẩn Triết học là nền tảng của mọi cải cách xã hội, bởi vì chỉ có triết học mới chỉ định cho ta biết bản chất và nhu cầu thực thụ của con người thực tại, con người giải phóng khỏi mọi tha hoá và ảo vọng để trở về , hoà giải và kết hợp với cái thiên nhiên đã cấu tạo ra nó. Con người thực tại là con người toàn vẹn của chủng loại bao gồm mọi tinh anh, giá trị,phẩm tính kết tụ qua suốt quá trình phát triển của nhân loại. Cá nhân của mỗi con người chỉ thâu nhận được có một phần nhỏ của các phẩm tính đó. Con người thực tại này được phục hồi lại là nhờ phương pháp biện chứng mới của Hegel và quan niệm về sự tha hóa mới của Feuerbach. Marx và Engels đã dùng

phương pháp biện chứng và quan niệm tha hóa để phê bình và đả kích mọi suy luận cuả các hệ thống triết học duy tâm, duy vật, duy thực nghiệm cũ . Chúng ta sẽ có dịp bàn luận về vấn đề này một cách xâu xa trong đoạn trình bầy về căn bản của tư tưởng Marx và Engels. Ở đây chỉ tạm dùng một thí dụ về việc Marx sử dụng quan niệm về tha hoá để đả kích chế độ cộng đồng phụ nữ của Platon và các quan niệm xã hội của các lý thuyết gia Pháp và Anh, mà đại diện là Proudhon.

Theo ý Marx, tư hữu là nguồn gốc tha hóa căn bản của con người. Vậy việc xóa bỏ tư hữu là thiết yếu trong công cuộc giải phóng nhân loại : "*Trong chế độ tư hữu, con người trở nên* khách quan *với chính mình, đồng thời cũng biến thành một vật hữu xa lạ và vô nhân đạo ...Tư hữu đã khiến chúng ta trở nên khờ dại và hẹp hòi đến nỗi cho rằng một vật hữu chỉ là của ta , khi ta nắm được nó trong tay , khi nó trở thành một thứ vốn liếng, hoặc khi nó có thể chiếm hữu, ăn uống, may mặc, cư trú...tóm lại , là khi chúng ta có thể xử dụng được nó . Bởi thế, mọi giác quan của thể xác và tinh thần chúng ta bị tha hóa để trở thành giác quan của sự chiếm hữu. Cho nên, việc xóa bỏ tư hữu là sự giải phóng hoàn toàn mọi giác quan và mọi phẩm tính của nhân loại.*"(43)

Marx cho rằng có ba trình độ Cộng Sản, tùy theo mức độ giải thoát của sự tha hóa tư hữu: " *Xoá bỏ sự tha hóa của bản thân cũng theo một con đường với sự tha hoá. Chế độ Cộng sản là biểu hiện tích cực*

của sự xoá bỏ tư hữu. Trước hết, nó là sự xoá bỏ tư hữu toàn diện. Mô hình thứ nhất là chế độ Cộng sản thô bạo: nó phát hiện bằng hai phương diện. Một phần, nó cho rằng sự chế ngự của tư hữu vật chất là quá quan trọng, cho nên nó muốn tiêu diệt mọi cái gì không thể trở thành tư hữu cho mọi người. Nó không phân biệt tài năng. Sự chiếm hữu vật chất trực tiếp là mục đích duy nhất của sự sống và của cuộc đời . Thân phận lao động không được xóa bỏ nhưng chỉ được phân chia cho mọi người. Toán thể cộng đồng tiếp tục thừa kế tư hữu. Phần khác, cái phong trào tư hữu toàn diện phát hiện dưới hình thức xúc vật , chống lại hôn nhân (tất nhiên, đó là một thứ tư hữu độc quyền) để thay thế bằng chế độ cộng đồng phụ nữ, trong đó, người đàn bà trở nên một thứ sản phẩm chung và công cộng. Người ta có thể nói rằng cộng đồng phụ nữ là một bí ẩn được phát giác của chế độ cộng sản còn man rợ và ngu ngốc. Người phụ nữ từ chế độ hôn nhân qua chế độ mãi dâm toàn diện. '(44)

Ở đây, Marx nhằm đả kích cả chế độ cộng sản của Platon, lẫn các chế độ xã hội chủ nghĩa của Pháp: Proudhon, Fourier và Cabet, mà trong cuốn Thánh Gia, Marx coi như là "*đại diện của chế độ Cộng sản nhạt nhẽo nhất của Pháp*".

Trong cuốn" *Sự nghèo nàn của Triết học*".(1846-1847) , để trả lời cuốn " *Triết học của sự nghèo nàn*" (1846), của Proudhon, Marx còn chỉ trích

các lý thuyết xã hội Pháp một cách chính xác hơn: Ông cho rằng các lý thuyết gia Pháp hãy còn phát biểu tiếng nói của sự tha hoá, của nền chính trị kinh tế cổ truyền: " *Sự bình đẳng mà Proudhon nói tới, nghĩa là sự trao đổi đồng đều và sự quyết định trị giá và thời gian lao động, chỉ là phát biểu một cách khoa học các tương quan kinh tế của xã hội hiện thời ,hệt như Ricardo đã chứng minh một cách minh bạch và tỏ tường. Proudhon còn bị tù hãm trong những sơ đoan của chính trị kinh tế. Ông vẫn còn nói tiếng của tha hóa, bởi vì ông còn bảo tồn kinh tế thị trường và trị giá trao đổi, mà ông tưởng có thể thanh lọc được mọi biến dạng bất đồng (* sự cạnh tranh và sự độc quyền, v.v..) . *Proudhon và các người theo thuyết xã hội của ông tưởng tượng rằng chủ nghiã xã hội sẽ là sự thực hiện các ý tưởng của xã hội* trưởng giả *mà cuộc Cách Mạng Pháp đã tuyên dương. Họ qủa quyết rằng, lúc đầu, sự trao đổi và giá trị hàng hóa ,v.v.,đã là tiêu biểu của bình đẳng và tự do cho mọi người , nhưng sau này nó đã bị biến chất vì tiền bạc và tư bản, v.v. Phải trả lời cho họ biết rằng , giá trị trao đổi, và hơn nữa, hệ thống tiền tệ , thực sự , cấu tạo hệ thống bình đẳng và tự do; rằng những biến chất phát sinh trong cuộc tiến triển hiện đại chỉ là những biến động cố hữu của hệ thống đó. Nói cách khác, sự thực hiện bình đẳng và tự do phát sinh ra bất bình đẳng và bất-tự do. Hy vọng rằng giá trị trao đổi không biến thành tư bản, hoặc lao động sản xuất các giá trị trao đổi, không đưa đến chế độ lương bổng , thì chỉ là*

một tham vọng hão huyền và ngu ngốc.'(45)

Marx tin rằng *chủ nghĩa xã hội khoa học* của ông sẽ có thể xóa bỏ hòan tòan mọi giá trị trao đổi và tiền tệ, v.v. Ngày nay, chúng ta nghĩ làm sao ? Thế ra, các đồ đệ của Marx từ một thế kỷ nay, những kẻ đã bảo tồn kinh tế thị trường và trao đổi tiền tệ, trong các chế độ Cộng sản hiện nay, chỉ là những kẻ hão huyền và ngu ngốc hay sao ?

Chúng ta thấy rằng qua cuộc tranh luận triết học tại Đức, dưới thời Marx và Engels, Marx đã có những quan điểm cực đoan về tha hóa và biện chứng, lối suy luận của ông có vẻ trừu tượng và phiền toái, khiến cho tư tưởng của ông nhiều khi trở nên rờm rà, tối tăm khó hiểu và không tưởng.

Trong một cuộc đàm thoại với Lenine, con rể của Marx, chồng của Jenny, Lafargue, một thủ lãnh cộng sản Pháp , bỗng ngạc nhiên la lên, hỏi nhà lãnh tụ Sô Viết: *" Đồng chí nói sao ? Các người lao động mà cũng đọc Marx ?* Lenine: *"Họ đọc chứ."* . Lafargue : *" Và họ hiểu được Marx ?'* Lenine : "*Họ hiểu chứ.* 'Lafargue : "*Thôi, đồng chí lầm rồi . Họ không hiểu gì đâu. Ở Pháp chúng tôi, sau hai mươi năm tuyên truyền cho chủ nghiã xã hội, chẳng ai hiểu được Marx cả.* "(46)

4.Kinh nghiệm chính trị đầu tiên: Viết báo.

Ngày 15 tháng Tư, năm 1841, Marx trình xong luận án tiến sĩ triết học . Tham vọng của ông là dạy học và tiếp tục tham khảo triết lý. Nhưng sự đàn

áp và kiểm duyệt của chính quyền một ngày một gắt gao, khiến cho giấc mộng của ông tan vỡ. Bruno Bauer bị cấm dạy học. Koppen và Rutenberg thì bị công an quản thúc. Marx và phần đông nhóm môn đệ trẻ của Hegel đều quay về nghề viết báo và tham gia tích cực vào đời sống chính trị. Đó cũng là một dịp may mắn để người trí thức có dịp đi vào cuộc đòi thực tại của nhân dân : " *Các nhà triết gia không mọc ra tự lòng đất như những cây nấm. Họ là kết quả của thời đại và của dận tộc. Cũng một tinh thần xây dựng các hệ thống triết học trong đầu óc các triết gia, những triết gia đã xây dựng các đường xe lửa , với bàn tay của những người lao động.*" (47) "" *Cho đến ngày nay, các triết gia chỉ biết giải thích thế giới. Bây giờ, là lúc phải cải tạo nó.*" (48)

Đương thời, Marx còn chịu ảnh hưởng của Hegel về quan niệm cho rằng Quốc gia chân chính là tiêu biểu của lý trí. Nó phải là hiện thân của lương tri. Nó phải đứng trên mọi quyền lợi cá nhân, để bảo vệ quyền lợi của mọi người con dân trong xã hội. Người viết báo là trung gian giữa nhân dân và chính quyền, để phát biểu những nguyện vọng và khiếu nại của quần chúng. "*Báo chì tự do, đó là tinh thần lúc nào cũng tỉnh thức của dân tộc, là biểu hiệu lòng tín nhiệm của nhân dân, là mối dây liên kết giữa cá nhân và Nhà nước, và xã hội... Đó là tòa Sám hối thành thực và tuyệt đối của một dân tộc, và chúng ta đã được biết sức mạnh giải phóng của toà Sám hối... Đó là một thế giới lý tưởng, nó không ngừng, mọc lên*

từ một thế giới thực tại , để rồi lại ngụp lặn vào thế giới đó , một ngày một dồi dào hơn, để nuôi dưỡng nó." (49)

Ban đầu, Marx, Bauer và Feuerbach có ý định sáng lập một tạp chí , với nhan đề hơi khiêu khích, là: **Văn khố của lý thuyết vô thần**. Họ muốn hướng dẫn nhóm môn đệ Hegel vào một khuynh hướng quá khích hơn là khuynh hướng của nhóm tạp chí Lịch Triều Đức Quốc do Arnold Ruge quản nhiệm. Nhóm này bắt đầu lo ngại. Ruge viết: "*Tôi sẽ lâm vào một tình thế khó khăn , bởi vì bọn Bruno Bauer, Karl Marx, Christansen và Feuerbach là một ngọn núi mới, lấy lý thuyết vô thần làm ngọn cờ chỉ đạo. Họ cho ra một Tạp chí vô thần và sẽ gây nên một phản lực khủng khiếp."* (50) Một người bạn của Ruge cũng đưa tin này ra với một vẻ trào phúng thê thảm: " *Các Tiến sĩ Marx, Bauer và Feuerbach hùn nhau ra một Tạp chí Thần-học-Triết-lý . Đã đến lúc các vị thiên thần phải xiết chặt nhau chung quanh Thánh Chúa để che chở Ngài, bởi vì ba tên đó rất có thể, không những xua đuổi Ngài ra khỏi Thiên quốc, mà còn dám đem Ngài ra tòa xử tội nữa."* (51) May thay, ý định của bọn Marx không thành tựu, và Marx cũng bắt đầu xa rời thái độ quá khích của nhóm Bauer, để trở về với nhóm ôn hòa của Ruge.

Tờ **Nhật báo chính trị, thương mại và kỹ nghệ sông Rhin** bắt đầu xuất hiện tại Koln ngày mồng một tháng giêng năm 1842. Nó thay thế tờ **Phổ thông nhật báo sông Rhin**, đình chỉ vào hồi tháng chạp năm

1841. Đó là cơ quan của giai cấp tư sản , có khuynh hướng tự do, duy lý và tự do báo chí, để bảo vệ quyền lợi thương mại và kỹ nghệ, chống lại quan niệm và chính sách phong kiến của giai cấp điền chủ quý tộc đang làm áp lực chung quanh chính quyền quân chủ. Nhiều đồ đệ của Hegel, như Fr. Engels, Moses Hess, B.Bauer, M. Stirner, A. Ruge và L.von Stein cùng cộng tác với báo đó. Marx thay thế Rutenberg làm chủ nhiệm tờ báo từ ngày 15 tháng mười 1842, và hoàn toàn trách nhiệm tờ báo. Ông nói : *"Tôi cam quyết cho rằng tờ Nhật báo sông Rhin không thể nào để các cộng sự viên hướng dẫn được. Nhà văn sĩ lẻ loi không thể nào có được cái nhìn tổng quát của tình hình."*

Hoạt động báo chí buộc Marx phải đương đầu với những thực tại mới, và khám phá ra những khiá cạnh đặc biệt của vấn đề xã hội. Ông khám phá ra sự tự do của nhà văn . Viết báo không phải là một cách sinh nhai, nhưng là một lẽ sống. Nếu cần, nhà văn sẵn sàng hy sinh tính mạng. Còn nhà triết học, vai trò của ông là phải thoát ly ra khỏi khung cảnh cô độc mà ông vẫn sống cho tới ngày nay. Triết gia phải trở nên linh hồn sống động của thế giới thực tại: *"Đã đến lúc triết học phải đi vào thế giới thực tại , không những chỉ nguyên từ nội dung ; mà cả đến những phát hiện bên ngoài. Triết học phải đi vào thời đại và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau. Như thế, triết học sẽ không chỉ còn là một hệ thống nhất định đối diện với những hệ thống khác nhau. Nó sẽ trở nên triết học phổ quát*

của thế giới, của thế giới hiện tại. Nó sẽ là linh hồn *linh động của văn hóa, là triết lý của thế giới này, trong khi thế giới này sẽ trở thành một thứ triết học. Và bấy giờ, các kẻ thù của triết học sẽ kêu lên, sẽ kêu lên những tiếng gọi cầu cứu man rợ, khẩn khoản... để dập tắt cơn hỏa hoạn gây nên bởi các tư tưởng; và những tiếng kêu cầu cứu đó chứng tỏ rằng các tư tưởng này là sống động.*"(51)

Muốn đóng trọn vai trò của mình, trong việc bảo vệ sự tự trị của một chính quyền hợp lý, triết gia phải ly thoát khỏi tôn giáo, như ngày xưa các khoa học đã thoát ly. Một khi được giải phóng, triết lý sẽ trở thành một khoa học về chân lý, như mọi thứ nghiên cứu khoa học khác. Triết lý cũng sẽ là một khoa nghiên cứu về tôn giáo và khoa học tôn giáo chính là sự tìm hiểu bản chất của con người: "Về phương diện chính trị, triết lý cũng đóng một vai trò như các khoa học khác,vật lý, toán học, y khoa, mỗi môn trong lãnh vực của mình. Bacon đã từng tuyên bố rằng khoa vật lý thần học xưa đã là một trinh nữ hiến *mình cho Thiên Chúa, nhưng khô trồi. Ông đã giải phóng khoa vật lý ra khỏi thần học và nó trở nên phong phú. Chúng ta không cần hỏi xem ông thày thuốc này có tin đạo hay không. Về chính trị cũng thế. Trong giai đoạn trước và sau cuộc khám phá vĩ đại của Copernic về hệ thống mặt trời, người ta cũng đồng thời khám phá ra trọng tâm của chính quyền Quốc gia. Trọng tâm của nó ở trong chính bản thân của nó... và các quốc gia Âu châu đã áp dụng phát*

minh đó trong hệ thống quân bình quyền lực. Đồng thời, Machiavel, Campanella, rồi đến Hobbes, Spinoza, Hugo Gratius, Rousseau, Fichte, Hegel đều bắt đầu coi Nhà nước với cặp mắt của con người trần tục , và họ đã suy ra những quy luật tự nhiên của lý trí và kinh nghiệm, không lệ thuộc vào thần học: Cũng như Copernic đã không thèm để ý tới việc tiên tri Josuê (theo Thánh Kinh) đã truyền lệnh cho mặt trời ngừng lại trên đồi Gabaon , và mặt trăng, trong thung lũng Ajalon. Triết học hiện đại chỉ có việc tiếp tục công trình của Heraclite và Aristote đã khởi sự ngày xưa.'(52)

Sự giải phóng triết học phải đi đôi với sự tự do báo chí. Pháp luật của chính quyền đương thời dựa trên tôn giáo và luân lý tư sản để bịt mồm bịt miệng nhân dân. Báo chí là tiếng nói của nhân dân qua lương tri của tư tưởng triết học, để bảo vệ giá trị và quyền lợi của người công dân, nhất là đám công dân nghèo: "*Chúng tôi, nhà báo, chúng tôi không chỉ bị kích động bởi những nhận định thực tiễn hẹp hòi. Chúng tôi kêu nài, bảo vệ đám dân nghèo nàn cơ cực, đám dân bị tước đoạt hết mọi quyền lực chính trị và xã hội. Chúng tôi tranh đấu để nâng đỡ những người cùng khốn trong mọi dân tộc.*"(53)

Để thực hiện lý tưởng này, Marx viết một loạt bài để ủng hộ dân kiếm củi khô trong rừng và những người trồng nho miền Moselle.

Hồi đó, Marx chưa quan tâm gì về lý thuyết cộng sản và cũng không am tường chút nào về phong trào này, nhưng đã cho đăng một loạt những bài của Gustave Mevissen và Moses Hess về phong trào thợ

thuyền tại Anh , và lý thuyết cộng sản tại Pháp. Tờ Thời báo Augsbourg bèn tố cáo tờ Nhật báo sông Rhin là báo Cộng Sản. Để trả lời, Marx viết:" *Tờ Thời báo sông Rhin có bao giờ chấp thuận các ý tưởng của thuyết Cộng sản, huống hồ là sự mong muốn thực hiện các ý tưởng của lý thuyết mà chúng tôi cho là khó thông qua. Chúng tôi chỉ đề nghị phân tích phê bình các ý tưởng đó một cách đúng đắn. Nếu tờ Thời báo Augsbourg chỉ hài lòng với những ý kiến và lời lẽ đóng khuôn , thì nó sẽ thấy rằng các tác phẩm của Leroux và Considérant, và nhất là cuốn sách thâm thúy của Proudhon sẽ không thể nào bị bài bác được bằng vài nhận xét hời hợt. Sự phê phán các tác phẩm đó, đòi hỏi một công cuộc nghiên cứu lâu dài, đứng đắn và xâu sắc.'* (54)

Cuộc tranh đấu đã bắt buộc chính quyền nới rộng vòng kiêm duyệt, nhưng từ ban đầu chính phủ đã nghi kỵ tờ Thời báo sông Rhin là có khuynh hướng "tự do và vô thần",chống nhà nước. Bởi vậy, ngày 21 tháng giêng năm 1843, Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết nghị cấm chỉ tờ báo. Số cuối cùng ra ngày 31 tháng Ba, với một bài thơ giã biệt: "H*ỡi những người bạn đã từng hoan nghênh chúng tôi,Hỡi những kẻ thù đã từng đả kích chúng tôi trong danh dự , chúng ta sẽ còn gặp nhau trên con tàu khác, bởi vì , trong cơn thủy nạn, lòng can đảm của chúng ta hãy còn nguyên vẹn.'* (55) Arnold Ruge thì thất vọng, còn Marx lại lạc quan:" *Đời sống của nhân loại bệnh hoạn, nhân loại biết suy tư, nhưng bị đàn áp, đời sống đó, đối với thế giới thú vật của*

bọn Philistin, bọn thụ động, hưởng lạc và không suy nghĩ, thì, tất nhiên, chỉ là một cái gì không thể nuốt trôi, không thể thâu nhận. Chúng ta phải phơi bầy thế giới cũ ra trước ánh sáng và hoạt động tích cực để xây dựng một thế giới mới.' (56)

Đó là một dịp để Marx rút lui chính trường,trở về con đường nghiên cứu.Viết thư cho Ruge, Marx nói:" *" Tôi không ngạc nhiên chút nào hết. Từ ban đầu, anh đã biết ý kiến của tôi về vấn đề kiểm duyệt. Tôi cho rằng sự cấm đoán tờ Thời báo sông Rhin chỉ là một phản ứng kết cấu.Tôi thấy rằng ý thức chính trị đã tiến bộ, cho nên tôi chấp nhận việc này mà không phản kháng. Chính phủ đã trả lại tự do cho tôi. Ở nước Đức này, tôi không làm được trò chống gì cả. Rút cục, rồi cũng bị thối nát.'* (57)

Ngày 19 tháng Sáu năm 1843, ông Karl Marx, tiến sĩ triết học, ngụ tại Koln, kết hôn với cô Bertha Johanna Julia Jenny von Westphalen, không nghề nghiệp, ngụ tại Kreuznach:"*Tôi đã đính hôn từ bẩy năm rồi.Vị hôn thê của tôi đã tàn tạ sức khỏe, vì tranh đấu cực nhọc : khi thì chống lại gia đình cuồng tín và qúy phái của cô, cái gia đình tôn thờ " vị chúa tể trên trời" cũng hệt như "vị chúa tể tại Bá-Linh"; khi thì chống lại chính gia đình tôi, trong đó ngự trị cả một bọn giáo trưởng (Do Thái) và thù địch của tôi.'* (58)

Sau khi lập gia đình, Marx rút lui về quê vợ, tại Kreuznach, lo việc đọc sách và soạn thảo cuốn " **Phê bình Công Luật của Hegel**" . Cuốn sách này đánh dấu sự đoạn tuyệt với quan niệm của Hegel về

Nhà nước duy lý. Tương quan pháp luật và các mô hình Nhà nước, theo ý Marx, không thể chỉ là nguyên kết qủa của sự phát triển tinh thần nhân loại. Chúng bắt nguồn từ tương quan vật chất của đời sống. Pháp luật là sự quy định các nguyên tắc về việc phân chia lao động và phân chia tư sản. Nhà nước là bảo đảm của chế độ tư hữu. Đồng thời, Marx cũng phê bình chủ nghĩa nhân bản của Feuerbach: "*Có một điểm trong các phương châm của Feuerbach mà tôi không ưa, là vì ông quá thiên về tạo vật, mà ít quan tâm đến chính trị. Vậy mà, chỉ có đi vào chính trị thì triết lý mới có đất thực hiện.*" Cũng trong thời gian này, nhóm "giải phóng" ,đô đệ trẻ của Hegel, cũng bắt đầu tan rã. Marx, Engels, Ruge và Hess quay sang chiều hướng khác. Các ông có ý định xuất bản một tạp chí "Lịch triều Pháp-Đức". Marx dọn sang Ba-Lê để thực hiện chương trình này. Trước khi lên đường, ông viết thư cho Ruge,phác họa chiến thuật của mình.

Ông nói:"*Cái ưu điểm của chiều hướng mới này , chính là giúp ta tránh được sự lấn áp một cách giáo điều bước tiến của thế giới , mà chỉ dọn đường cho một chân trời mới bằng cách phê bình thế giới cũ. Cho đến nay, các triết gia thường nghĩ rằng họ nắm giữ trong đài viết của mình sự giải quyết được mọi vấn đề, và nhân loại ngu ngốc, chưa được khai tâm về triết lý, chỉ việc há miệng là thấy được những con chim bồ câu quay của khoa học tuyệt đối, bay ra. Nếu vai trò của chúng ta không phải là xây dựng tương lai, và thiết lập một hệ thống có giá trị cho*

muôn thuở, thì công việc phải thực hiện bây giờ, lại càng sáng tỏ. Đó là sự phê bình không thương xót hiện trạng của tình thế, sự phê bình không lùi bước trước kết qủa, hoặc trước những xung đột với các quyền lực đương ngự trị...

"Không có gì ngăn cản chúng ta cấu kết sự phê bình với chính trị và tham gia chính trị. Chúng ta không trình bầy cho thế giới một nguyên tắc mới, với thái độ của bọn giáo điều, để truyền lệnh cho họ:" đây là chân lý, các ngươi phải qùy lậy trước mặt nó." Từ các nguyên tắc của thế giới, chúng ta rút ra những nguyên tắc mới. Chúng ta không bảo họ:" Hãy gác lại các cuộc chiến đấu, vì chỉ là những việc vô ích. Chúng tôi sẽ đem lại cho các người hiệu lệnh thực thụ của cuộc chiến. "Chúng ta chỉ vạch tỏ cho họ biết tại sao phải chiến đấu, và ý thức về cuộc chiến đấu đó, là một sự, dù muốn dù không, họ phải lãnh nhận. Vậy hiệu lệnh của chúng ta là thế này: Hãy cải tạo ý thức, không phải bằng giáo điều, nhưng bằng việc phân tích cái lương tâm huyền bí, tối tăm, dưới hình thức tôn giáo và chính trị. Lúc đó, người ta sẽ thấy rằng thế giới đã chứa đựng từ lâu, trong mộng, cái mà nó thiếu xót, và ta chỉ cần ý thức tới là sẽ có được thực sự. " (59)

Bản văn trên đây có thể coi như một tài liệu quan trọng bậc nhất về tư tưởng và chủ ý của Marx. Ông muốn tỉnh thức con người ra khỏi mọi tha hóa, sai lầm mọi mê say ảo mộng, dù trên phương diện tôn giáo cũng như trên quan điểm xã hội. Ông muốn

hướng dẫn con người tìm lại phẩm giá của mình một cách ý thức, chứ không vì ép buộc cưỡng bách. Những điều ông đề nghị chỉ là những điều mà ông Tin (cái tin của Fichte) là thực tại, là lý tưởng, chứ không phải là những chân lý ngàn đời , ép buộc người khác phải chấp nhận ngoài ý thức của họ. Ông kêu gọi con người tranh đấu chống những cái mà ông cho là mê tín, ảo vọng, là bất công, áp bức, với điều kiện là chính con người phải ý thức đến sự cần thiết phải chiến đấu.Ông không đồng ý với những cuộc khởi nghĩa hấp tấp, hồ đồ, như cuộc cách mạng 1848 tại Pháp, mặc dầu ông rất cảm phục lòng dũng cảm của họ. Sự quật khởi của giai cấp vô sản và xã hội Cộng sản mà ông đề nghị, cái xã hội trong đó mọi người làm việc theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu, tất cả những cái đó , đối với ông , chỉ là một ước vọng, một niềm TIN, suy giải từ những thực tại đương thời. Chính ông cũng đã thừa nhận và cho rằng sự thực hiện các mục tiêu đó cần phải có những sửa soạn, cải hóa , qua nhiều giai đoạn, rất nhiều giai đoạn của lịch sử. Các lý thuyết gia Cộng sản hiện nay, những người tự coi là đồ đệ thực thụ của Marx và Engels, nhất là những tiên tri giả, những kẻ làm cách mạng độc đoán, tư tưởng một chiều, cần phải đọc lại Marx và Engels, nhất là cần phải nghiền ngẫm lại bản văn trên đây. Họ sẽ gặp lại một Marx hồi niên thiếu, một Marx còn chân thành, ngay thẳng và có tinh thần khoa học.

5.Đời sống tại Paris.

Những ngày sống tại Ba-Lê, Marx có dịp đọc và tham khảo các lý thuyết xã hội của Pháp: ông đọc Montesquieu và Rousseau, Louis Blanc và Etienne Cabet, Pierre Leroux và J.J. Pillot, nhất là Proudhon mà ông cho là xâu sắc, đồng thời cũng chỉ trích lý thuyết bình đẳng của Proudhon. Baboeuf, Fourier và Saint-Simon cũng có ít nhiều ảnh hưởng tới tư tưởng của Marx. Ở Ba-Lê, Marx cũng có dịp tiếp xúc với giới thợ thuyền Pháp và bắt đầu qúy mến phái lao-động. Trong "Bản thảo 1844", ông viết về họ một cách thán phục: "*Khi các thợ thuyền cộng sản hội nhau, trước hết là mục đích lý thuyết và tuyên truyền...Nhưng đồng thời, trong dịp đó, họ cũng nhiễm được một nhu cầu mới : họ cần đời sống xã hội. Việc ban đầu là phương thế, thì nay trở nên mục đích. Người ta nhận thấy kết qủa sán lạn của phong trào thực tiễn này, trong các buổi họp của nhóm thợ thuyền theo chủ nghĩa xã hội tại Pháp. Hút thuốc, uống rượu, ăn nhậu, v.v. không phải chỉ là một dịp để hội nhau, nhưng cũng là một dịp để liên kết. Gập nhau là đủ. Và những cuộc hội họp, những cuộc giải trí chỉ nhằm tạo ra đời sống gập gỡ đó. Đối với họ, tình huynh đệ loài người không phải chỉ là một câu nói rỗng tuếch, nhưng là một chân lý. Và nét cao thượng của tình nhân loại chiếu sáng trên các khuôn mặt dắn chắc vì lao động của họ.(60)* Viết thư cho Feuerbach, ông nói: "*Anh có tham dự các buổi họp của nhóm thợ thuyền Pháp, anh mới nhận ra được*

niềm phấn khởi thơ ngây và tính tình cao thượng phát hiện ra trong những con người bị đè nén bởi lao động ấy." (61)

Trong cuốn Thánh Gia, Marx đã chỉ định rõ ràng vai trò của giai cấp thợ thuyền : "*Nếu các lý thuyết gia xã hội gán cho giai cấp vô sản một vai trò lịch sử, thì không phải bởi vì họ coi các người vô sản như các thần tượng. Trong giai cấp vô sản, khi nó được phát triển toàn diện, ta thực sự được thấy phát lộ ra mọi nhân loại tính, hoặc, hơn nữa, toàn thể bóng dáng của nhân loại. Trong các điều kiện sinh sống của giai cấp vô sản, ta thấy kết tụ hết mọi điều kiện sinh sống của xã hội hiện thời, những điều kiện sinh sống vô nhân đạo nhất. Thực vậy, trong giai cấp vô sản, con người bị sa đọa, nhưng đồng thời, nó cũng nhận thức ra sự sa đọa ấy. Hơn nữa, sự cùng cực, trực tiếp thúc đẩy nó phẫn uất chống lại sự vô nhân đạo đó. Bởi vậy, giai cấp vô sản cần thiết có thể và phải tự giải phóng chính mình. Nhưng nó không thể tự giải thoát nếu không phá hủy mọi điều kiện sinh sống hiện tại của nó. Nó không thể phá hủy mọi đều kiện sinh sống hiện tại của nó, nếu không phá hủy hết mọi điều kiện sinh sống vô nhân đạo của toàn thể xã hội hiện thời, xã hội mà nó là hiện thân của tình cảnh vô nhân đạo. Không phải vô ích, khi nó phải đi qua nhà trường vất vả của lao động, sự vất vả đã làm khô rắn con tim của nó. Tạm thời, cái mục đích mà con người vô sản hoạc toàn thể giai cấp vô sản tưởng họ phải làm, là gì đi nữa thì không can hệ. Điều can hệ*

là cái mà thực sự họ bắt buộc phải thực hiện trong lịch sử, am hợp với bản chất của mình. Mục đích và hành động lịch sử của họ đã được vạch sẵn, một cách đích thực và không thể nào cưỡng được, trong hoàn cảnh sinh sống và trong toàn thể tổ chức của xã hội tư sản hiện nay. Không cần phải chứng minh rằng một phần lớn giai cấp vô sản Anh và Pháp đã nhận thức được sứ mệnh lịch sử của họ, và họ càng ngày càng hướng đưa ý thức đó tới mức độ sáng suốt hoàn hảo." *(62)*

Lợi dụng cơ hội sống tại Anh Quốc, Engels bắt đầu tham khảo các lý thuyết kinh tế và xã hội ở nước này, nhất là Stuart Mill, Mac Culloch, Adam Smith và Thomas Robert Malthus. Ông đóng vai trò trung gian giữa nước Anh và lục địa Âu châu. Trong Thời báo sông Rhin, ông gửi các *Lá thư Anh Quốc* để diễn tả đời sống thợ thuyền và giới thiệu các lý thuyết xã hội và chính trị tại Anh, còn trong tờ Thế giới luân lý mới, ông lại giới thiệu các tác giả xã hội Pháp, như Saint - Simon . Fourier, Cabet, Leroux, Proudhon và các triết gia Đức. Trong bài nói về *Sự tiến bộ của việc cải cách xã hội trên lục địa* , ông nhấn mạnh rằng "*từ cuộc Đại Cách Mạng (1789), nước Pháp là nước duy nhất hoạt động chính trị*" So sánh sự phát triển của lý thuyết Cộng sản tại Đức, Pháp và Anh, ông kết luận rằng "*nước Anh đi tới lý thuyết đó bằng con đường thực tiễn, do sự gia tăng nhanh chóng của cơ cực và sự tuyệt vọng trước hoàn cảnh nghèo nàn của đất nước; còn người Pháp thì đi tới Cộng sản bằng con*

đường chính trị, bằng sự đòi hỏi tự do, bình đẳng chính trị, trước tiên, rồi sau đó mới đòi hỏi tự do, bình đẳng xã hội. Người Đức thì đi tìm Cộng sản bằng con đường triết học, bằng sự suy tư về những nguyên tắc căn bản". (63)

Marx sang Paris, với ý định sáng lập Tạp chí "Lịch triều Pháp Đức", và hy vọng sự cộng tác chặt chẽ giữa các tác giả của hai nước. Người ta đã dự tính rằng người Pháp viết tiếng Pháp, người Đức viết tiếng Đức. Khốn thay, bên phía Đức, Feuerbach từ chối cộng tác; còn các tác giả Pháp, thì mọi người đồng thanh khước từ: trong một bài viết trong tờ "Tạp chí Độc lập", Louis Blanc cảnh cáo các tác gỉa Đức về khuynh hướng "vô thần" của họ. Cabet, Considérant và Lamennais từ chối cộng tác. Lamartine thì ban đầu cho là ý tưởng có vẻ "*trác tuyệt và thánh thiện*", thế rồi sau cùng cũng không cộng tác. Nói chung, các lý thuyết gia xã hội Pháp rất nghi ngờ lý thuyết vô thần của người Đức. Họ cho rằng vấn đề cải cách xã hội độc lập với vấn đề tôn giáo. Engels rất ngạc nhiên và nhận xét: "*Thật rất lạ lùng, khi các nhà xã hội Anh thường chống lại Kitô-giáo và cố gắng phá hủy mọi thành kiến tôn giáo của một dân tộc rất mộ đạo Kitô, thì các người cộng sản Pháp, một dân tộc có tiếng là vô tín ngưỡng, thì lại hâm mộ Thiên Chuá giáo. Một phương châm yêu qúy nhất của họ là "Kitô-giáo tức là học thuyết cộng sản.*" Nhận xét này có vẻ hơi qúa đáng. Dẫu sao, *Lịch triều Pháp Đức* ra được có một số, vào đầu tuần tháng tư năm 1844, và khi số báo ra đời

thì sự giao du giữa Marx và Ruge cũng bắt đầu rạn nứt. Ruge ở lại lập trường dân chủ, còn Marx thì càng ngày càng gần Chủ nghĩa Cộng sản.

Thực vậy, tuy chỉ có một số, nhưng bốn bài của Marx và Engels trong *Lịch triều Pháp Đức* đã chứa đựng ***toàn bộ các điểm căn bản của lý thuyết mác-xít*** sau này.

Đó cũng là bước đầu cộng tác giữa Marx và Engels. Vào cuối tuần tháng Tám năm 1844, Engels rời Manchester để trở về Barmen. Nhân dịp, ông ghé qua Paris và ở lại thăm Marx mười ngày. Năm 1885, hai năm sau khi Marx đã từ trần, ông còn nhớ lại và viết: *"Vào mùà hè năm 1844, tôi ghé qua Paris thăm Marx, chúng tôi nhận thấy rằng cả hai cùng hoàn toàn đồng ý về mọi vấn đề lý thuyết và, cũng trong dịp đó, chúng tôi bắt đầu hợp tác với nhau."* Trong thực tế, hai người bắt đầu viết chung cuốn *Thánh Gia* để bác bỏ lập luận duy tâm và phóng túng của nhóm Môn đệ trẻ của Hegel. Đồng thời các ông cũng phân tích các lý thuyết duy vật của Helvetius, Holbach và La Mettrie , rồi kết luận rằng lý thuyết "*duy vật đó* ' tất nhiên sẽ đưa đến chủ nghĩa xã hội và cộng sản. Để bác bỏ lý thuyết của Hegel, cho rằng *"Lịch sử là qúa trình thực hiện Ý tưởng Tuyệt đối"*, các ông nhấn mạnh vai trò của quần chúng trong cuộc Cách mạng Pháp và nhất là vai trò của giai cấp vô sản trong công cuộc giải phóng nhân loại trong tương lai.

Trở lại tạp chí **Lịch triều Pháp Đức**, Marx và Engels, mỗi người viết hai bài. Bài thứ nhất, Marx bàn

về "Vấn đề Do Thái", để thảo luận với Bruno Bauer, người bạn Bá-Linh cũ. Vấn đề Do Thái là vấn đề thời sự. Chúng ta biết rằng bố mẹ Marx đã phải từ bỏ đạo Do thái , trở lại Tin Lành, để thoát khỏi sự kỳ thị chủng tộc. Trong hai bài báo, Bruno Bauer cho râng vấn đê Do thái là vấn đề giải phóng chính trị. Theo ý Marx, muốn được giải phóng, người Do Thái phải ly thoát mọi tha hóa về tôn giáo, chính trị và tiền bạc. Trong tình cảnh hiện tại của người Do thái không quê hương xứ sở của mình, muốn được giải phóng chính trị, họ phải từ bỏ đạo Do thái, như người Công giáo từ bỏ đạo Kitô. Bởi vì, muốn được giải phóng hoán toàn, con người phải từ bỏ mọi thứ tôn giáo. Sau nữa, nó cũng phải từ bỏ Nhà nước, bởi vì Nhà nước là *"hình ảnh trần tục của tôn giáo, của sự tự-tha-hóa của con người"*. Sau cùng, con người phải giải thoát cho khỏi sự tha hoá của tiền bạc, của tư sản, nhất là con người Do Thái. Marx tự hỏi: Cái bí ẩn của người Do thái là gì ? Và ông trả lời: là nhu cầu thực tiễn, là xử dụng cá nhân, là ***buôn bán tiền bạc*** . Bởi vậy, khi ly thoát được tiền bạc, thì con người Do thái cũng ly thoát được Đạo Do thái, nghĩa là sự tha hóa của bản chất con người trong tiền bạc mà người Do Thái thực hiện được. Theo ý Marx, cái mâu thuẫn mà người Do Thái phải giải quyết là sự mâu thuẫn giữa con người thực chất và con người công dân: "*Cái mâu thuẫn giữa quyền lực chính trị thực sự của người Do thái và quyền chính trị của nó, chính là mâu thuẫn giữa chính trị và mãnh lực tiền bạc. Theo lý thuyết thì chính trị ở trên mãnh lực*

tiền bạc, nhưng trong thực tế thì nó bị tiền bạc tuyệt đối cầm tù... Tiền bạc là chúa tể của nhu cầu thực tiễn và của lòng ích kỷ. Tiền bạc là Chuá tể hay ghen tương của dân Do Thái. Trước tiền bạc, không có Chuá tể nào khác được ngự trị. Tiền bạc hạ gía mọi chuá tể của con người và trao đổi các ngài như những món hàng. Tiền bạc là giá trị tổng quát và tạo thành bản chất của mọi sự. Bởi thế, nó bóc lột hết mọi giá trị của thế giới, thế giới loài người và thế giới tạo vật. Tiền bạc là bản chất của con người bị tách rời khỏi con người, và cái bản chất ngoại lai đó chế ngự con người." (64) Không bao giờ Marx hùng hồn cho bằng khi ông lên án tiền bạc. Phải chăng là vì suốt đời, vấn đề tiền bạc đã không dứt dầy vò và cắn rứt tâm thần cùng đời sống của gia đình ông ?

Từ ý tưởng " tiền bạc chi phối ngự trị tôn giáo , chính trị và đời sống xã hội", Marx đi đến kết luận rằng "***trong xã hội trưởng giả toàn vẹn, Kitô-giáo chỉ là sự hoàn tất của Đạo Do Thái***":' *Do Thái Giáo, Đạo của tiền bạc, chỉ có thể đạt tới tuyệt đỉnh trong xã hội trưởng giả hoàn thiện. Mà xã hội trưởng giả chỉ có thể hoàn thiện được trong thế giới Kitô-giáo. Chỉ lúc đó, Do Thái giáo mới đạt tới sự thống trị toàn diện và khách thể hoá cả con người lẫn tạo vật , để biến chúng thành một đồ vật có lợi, để phục vụ nhu cầu ích kỷ và sự buôn bán...Bởi vậy,cuộc giải phóng xã hội Do thái chính là cuộc giải phóng xã hội ra khỏi Do Thái giáo."* (65) Sau này, trong **Tư bản luận,** Marx cho tiền bạc là giá trị phổ quát và nền móng của mọi sự.

Bài báo thứ hai của Marx, là "Góp phần vào sự phê bình triết lý pháp quyền của Hegel". Ở đây, Marx đề cập đến mọi vấn đề liên đới giữa tôn giáo, chính trị và công việc giải phóng con người để vừa phê bình vừa bổ túc các ý kiến của Hegel và Feuerbach. Con người tạo ra tôn giáo đã đành. Nhưng vì lý do nào ? Con người không phải chỉ là "*một hữu thể trừu tượng nằm bẹp đâu đó, bên ngoài thế giới*". Chúng ta không thể nào tranh đấu chống tôn giáo mà lại không tranh đấu chống cái thế giới ấy, cái "*thế giới mà tôn giáo chỉ là hương vị tinh thần*".Từ suy luận đó, Marx cắt nghiã nguyên nhân và tâm lý của tôn giáo để rồi đi đến kết luận bằng một câu nói, sau này, trở thành một châm ngôn bất hủ:" *Tình cảnh khổ cực kêu cầu trong tôn giáo là tình cảnh khổ cực thực sự. Tôn giáo là tiếng than thở của tạo vật bị áp chế, là linh hồn của một thế giới vô tâm , là tinh thần của mọi điều kiện xã hội, cái xã hội mà trong đó, tinh thần bị gạt bỏ.* **Tôn giáo là thuốc phiện của dân chúng.**" (66) Bởi vậy, phê bình tôn giáo, chính là phê bình xã hội. Con người chỉ có thể được giải phóng bằng cách đảo lộn các tương quan xã hội. Mà sự đảo lộn đó chỉ có thể thực hiện được khi "*một giai cấp nhất định, từ một hoàn cảnh đặc biệt, quyết chí giải phóng toàn diện xã hội.*" Đó là trường hợp giai cấp tư sản Pháp trong cuộc Cách mạng 1789. Giai cấp tư sản Đức không thể nào thực hiện được sứ mệnh đó. Sự giải phóng tại Đức cần phải dựa trên sự hiện hữu của một giai cấp bị

xiềng xích triệt để. Giai cấp đó là *giai cấp vô sản.* Lúc đó, "*triết lý sẽ tìm thấy trong giai cấp vô sản những võ khí vật chất, và giai cấp vô sản sẽ tìm thấy trong triết học những võ khí tinh thần và một khi, tia sáng của tư tưởng đã đập mạnh vào nội tâm của lòng đất nhân dân trong sạch kia, thì sự giải phóng sẽ thực hiện và nó sẽ biến những con người Đức trở thành những con người thực thụ. Sự giải phóng nước Đức chỉ có thể thực hiện trên phương diện lý thuyết, khi nó tuyên dương rằng con người là hữu thể tuyệt đỉnh của con người. Tại nước Đức, không có một thứ nô lệ nào được phá vỡ, nếu không phá vỡ mọi hình thức nô lệ...Giải phóng con người Đức, là giải phóng con người phổ quát.*" (67)

Marx đã từng nối kết triết học và thực tại thế giới. Bây giờ ông lại liên lạc triết lý với việc giai cấp đấu tranh: "*Khối óc của việc giải phóng này là triết học, trái tim của nó là giai cấp vô sản.*"

Hai bài báo của Engels đã giúp đỡ Marx rất nhiều trong việc phân tích các mâu thuẫn của xã hội tư sản. Bài thứ nhất nói về "Tình hình nước Anh", để phê bình cuốn sách của Thomas Carlyle, nhan đề là "Qúa khứ và hiện tại". Cái quang cảnh xã hội mà Carlyle trình bầy thực là xác đáng: một giai cấp điền chủ qúy phái nhàn rỗi, một giai cấp trưởng giả chỉ chạy theo tiền bạc, một Nghị viện trục lợi, một tôn giáo già cỗi và vô hồn, đám dân lao động thì lam lũ nghèo nàn. Carlyle đề nghị nhiều giải pháp. Nhưng các phương thuốc của ông không hiệu nghiệm. Ông muốn

trở về thuyết duy tâm và các tổ chức xã hội kinh tế đã lỗi thời. Engels đặt ra một câu hỏi thiết yếu: *"Làm sao Carlyle có thể xóa bỏ sự cạnh tranh, sự cung cầu và sức mạnh của tiền bạc, nếu cội rễ thực thụ của nó là tư hữu vẫn còn tồn tại ?" (68)*

Thế là, trong cùng một số báo, cả Marx lẫn Engels đều đi đến một kết luận về hậu qủa xấu xa của tiền bạc và tư hữu, bởi vậy, chúng cần phải bị xóa bỏ để giải phóng xã hội. Và từ đó sự cộng tác giữa hai người càng ngày càng bền chặt.

Bài báo thứ hai của Engels, bài **Sơ thảo bình luận về kinh tế chính trị**, có tính cách quan trọng đặc biệt. Lần đầu tiên, Engels bình luận về kinh tế, tuy thoảng dạo nhưng có quy củ và đã đặt ra nhiều khía cạnh mới, đưa đến nhiều kết luận quan hệ. Bài báo mà Marx đã gán cho nhãn hiệu "thiên tài" (génial), đã đem lại cho Marx nhiều suy luận mới và thúc đẩy ông vào công cuộc nghiên cứu kinh tế một cách xâu xa hơn.

Vẫn sự lao tâm khổ tứ của dân lao động đã thúc đẩy Engels suy nghĩ và phê bình các lý thuyết chính trị kinh tế. Theo ý ông toàn thể lịch sử kinh tế chỉ là lịch sử của sự tham lam, ích kỷ với mục đích duy nhất là làm giầu tư sản, và khoa kinh tế chính trị là khoa thiết lập các nguyên tắc để tăng gia tài sản, làm giầu cho một thiểu số tư sản. Mỗi giai đoạn lịch sử, có những nguyên tắc và phương thế làm giầu khác nhau. Ban đầu, người ta tin rằng vàng bạc là kho tàng biểu lộ sự giàu có. Các dân tộc bo bo giữ vàng

bạc và tìm cách làm giàu trên lưng các dân tộc khác. Đó là nguyên nhân của các cuộc cướp bóc chiến tranh. Đến thời văn minh hơn, sự giàu có được thực hiện qua việc buôn bán, trao đổi hàng hóa. Sự gian tham, lường đảo, độc quyền tiếp tục hoành hành. Các quốc gia đua tranh đi tìm khu vực buôn bán, gây cảnh chiến tranh thuộc địa. Thêm vào các hiện tượng thặng dư sản xuất và cạnh tranh giá cả đưa đến các cuộc khủng hoảng kinh tế thường xuyên.

Để sửa chữa các tranh chấp và khủng hoảng, để nhân đạo hóa kinh tế chính trị, Adam Smith đưa ra lý thuyết tự do thị trường và cho rằng sự làm giàu cá nhân góp phần vào sự giầu có của toàn thể dân tộc.

Engels phủ nhận lý thuyết đó. Theo ý ông, kinh tế chính trị tự do chỉ là lý thuyết để bảo vệ chế độ tư bản kỹ nghệ. Chế độ tư hữu trong hệ thống tư bản phát sinh ra sự phân chia lao động và tích lũy vốn liếng trên lưng người sản xuất. Bởi vậy, tài sản quốc gia càng tăng thì chỉ làm giàu cho một thiểu số tư bản và càng dồn đa số lao động vào cảnh nghèo nàn cơ cực. Chế độ tự do thị trường, tự do trao đổi hàng hoá đưa tới sự phân chia nhân loại làm hai giai cấp tư bản và vô sản , phát sinh ra các cuộc đấu tranh, khủng hoảng. Cuộc giải phóng nhân loại phải là cuộc cách mạng vô sản, cách mạng cộng sản, xoá bỏ chế độ tư hữu.

Ý kiến của Engels về quan niệm giai cấp đấu tranh và sự bóc lột tư bản đã thúc đẩy Marx

trong việc tra cứu và phê bình kinh tế chính trị. Marx đã dùng quan niệm triết học về sự tha hoá (aliénation) để phê bình hệ thống tư bản và phác họa một lý thuyết Cộng sản thứ nhất trong " *Thủ Bản 1844*" , viết vào những ngày tháng cuối cùng tại Paris.

6.Chế độ tư hữu cần thiết.

"*Thủ Bản 1844*" là một nhận định phê bình kinh tế theo quan điểm triết học. Marx muốn dùng quan niệm triết học về tha hóa của Feuerbach để phê bình chính trị kinh tế của các tác giả tiền bối và đương thời, nói chung là toàn thể chế độ kinh tế tư bản, như ông đã nhận định và phê bình các hệ thống tôn giáo, pháp luật, luân lý và chính trị , theo cùng một quan điểm, với ***một tham vọng duy nhất là xây dựng một hệ thống triết học ,một lý thuyết tổng quát về các tương quan giữa con người với tạo vật và giữa con người với con người.***

Theo ý kiến Marx hồi đó,trong *chế độ tư hữu tư bản,* con người đã tha hóa , khách thể hóa sức lao động ,cái bản chất thực thụ, cái vốn liếng duy nhất của mình , thành một thứ hàng hoá xa lạ để trao đổi, mua bán với người khác : người tư bản để làm giầu, người vô sản để mưu sinh. Sức lao động bị tha hoá trở thành tư sản. Toàn thể chế độ tư bản giựa trên sự phân chia và trao đổi các sức lực lao động của con người và quyết định địa vị cùng tương quan của nó trong tạo vật và trong xã hội. Các tương quan đó lại quyết định

các thể chế luân lý, luật pháp, chính trị và văn hóa. Các thể chế này lại được thần học và triết lý tôn giáo hộ trợ. *"Tương quan giữa người thợ và việc lao động phát sinh ra tương quan giữa người tư bản và người lao động. Như thế, tư hữu là sản phẩm, là kết qủa, là hậu qủa thiết yếu của lao động bị tha hóa, của tương quan khách thể giữa con người lao động với tạo vật và với chính mình. Như thế, theo sự phân tách về khái niệm lao động tha hóa, tư hữu là kết qủa của con người tha hóa, của lao động trở thành xa lạ, của cuộc sống trở thành xa lạ, của con người trở thành xa lạ '* (69)Lao động tha hóa và tư hữu có một liên hệ hỗ tương: *" Cũng như, ban đầu, các thần tượng không phải là duyên cớ, mà chỉ là hậu qủa sai lầm của trí tuệ nhân loại. Sau này, tương quan đó trở thành một động lực hỗ tương.'* (70)

Một hậu qủa khác của lao động tha hoá là lương bổng. "*Lương bổng và tư hữu chỉ là một. Bởi vì lương bổng chỉ là hậu qủa thiết yếu của sự tha hóa lao động : lao động là nô bộc của lương bổng.'* (71) Marx dùng lý luận này để phê bình lý thuyết của Proudhon về "s*ự đồng đẳng về lương lậu"*.

Cũng như lương bổng, mọi phạm trù khác của kinh tế, như trao đổi, cạnh tranh, tư bản, tiền bạc, theo ý kiến Marx ,hồi đó, chỉ là kết qủa của sự tha hóa lao động.

Marx kết luận rằng toàn ***bộ chế độ tư bản là kết qủa của sự tha hóa căn bản của con người.*** Nhưng kỳ dị nhất là trong hồi đó, khi phân tích lịch sử phát triển của chế độ tư bản, Marx lại cho rằng sự tha hóa đó là một sự cần thiết lịch sử của cuộc phát triển

bản chất con người. Là bởi vì, hồi đó, Marx còn mang nặng ảnh hưởng của triết học Hegel về sự phát hiện của Tinh thần tuyệt đối trong sự tha hóa qua qúa trinh lịch sử của hiện tượng Tinh thần . Trong Thủ Bản, Marx đã phân tách lâu dài về lịch sử tư hữu , từ mô hình nguyên thủy, qua chế độ điền chủ , đến hình thức thuần túy của tư sản kỹ nghệ và đi đến kết luận sau này: "*Đời sống nhân loại đã cần đến tư hữu để thể hiện... Chỉ nhờ sự phát triển của kỹ nghệ, nghĩa là kỳ hạn triết trung của tư hữu, mà bản thể của khát vọng nhân loại đạt tới sự toàn vẹn và nhân loại tính của nó.*"(72) Ở một ít trang sau, ông lại nhắc tới ý tưởng đó bằng một luận điệu khác : "*Lịch sử kỹ nghệ, hoạt động khách quan của kỹ nghệ là trang sách mở của các mãnh lực căn bản của nhân loại, là tâm lý cụ thể của con người hiện diện...Trong kỹ nghệ vật chất thông thường, chúng ta có trước mắt, dưới hình thức các đồ vật cụ thể, xa lạ, hữu ích, dưới hình thức tha hóa, các mãnh lực căn bản của con người khách quan hóa.*"(73)

Nói cách khác, theo Marx hồi đó, sự tha hóa là cần thiết để các mãnh lực thiết yếu, để bản chất con người được phát biểu. Khi sản xuất các đồ vật, con người đã nhân loại hóa thế giới vật chất. Lao động tha hóa sáng tạo tài nguyên , và "*tài nguyên là sự trưng bầy khách quan của bản chất nhân loại.*" (74) Chính nhờ các tài nguyên khách quan đó mà con người có thể phát triển cái báu vật chủ quan của nó: con người nhận ra con người trong đồ vật và sản phẩm mà nó sản xuất.Lịch sử là qúa trình phát triển của bản chất nhân loại.

7.Lý thuyết Cộng Sản nhân bản.

Nếu sự tha hóa của lao động và chế độ tư sản là căn bản của sự phát triển bản chất nhân loại, thì tại sao lại phải tiêu diệt nó để xây dựng chế độ Cộng sản ? Là bởi vì theo đúng quy luật của biện chứng lịch sử, qúa trình phát triển tư hữu trong chế độ Tư bản đã phát sinh trong lòng nó những mâu thuẫn trầm trọng giữa giai cấp tư bản và vô sản. Khoa Kinh tế chính trị học lại làm tăng thêm tình trạng mâu thuẫn đó. Nó coi con người vô sản như một nhân công chứ không phải một con người thực tại. Lương bổng chỉ tương đương với phí tổn để bảo tồn một bộ máy. Chẳng hạn , khi kinh té chính trị quyết định về tương quan giữa lương bổng và lời lãi của tư bản ,thì bao giờ quyền lợi của bọn tư bản cũng là ưu tiên."*Người lao động bị giáng thành hàng hóa, một thứ hàng hóa khốn nạn nhất. Sự nghèo khổ của người lao động tương đương ngược chiều với cường lực của sức sản xuất của hắn. Người lao động càng sản xuất tài nguyên, thì càng nghèo khổ.'* (75)

Theo ý kiến Marx, "*chủ nghĩa Cộng sản là giải đáp thực thụ của sự mâu thuẫn giữa con người và tạo vật, giữa con người với con người.Nó là một giai đoạn của sự giải phóng và tỉnh tâm của con người, một giai đoạn cần thiết cho cuộc phát triển tương lai của lịch sử... Nhưng nó không phải là cùng đích của cuộc phát triển nhân loại."* (76)

Chủ nghĩa Cộng sản là một giai đoạn biện chứng của lịch sử. Nó là *phản đề của phản đề tư sản."*

Sự xóa bỏ tha hóa phải đi theo cùng một con đường của sự tha hóa." Nói cách khác, con người tha hóa sáng tạo bằng lao động tha hóa để xây dựng tư sản, trong xã hội tư bản. Muốn cứu vãn con người cần phải xóa bỏ tư sản để thanh tẩy lao động.

Như thế có nghĩa là, theo tác giả của Thủ Bản 1844, mục đích thiết yếu và khẩn cấp *đương thời,* là xóa bỏ chế độ tư sản để *thanh tẩy con người* cho khỏi mọi sự tha hóa, nó chia rẽ tâm tình con người đối với tạo vật và người đồng loại. Nhưng chủ nghĩa Cộng sản mà Marx đề nghị lúc đó thật là mung lung,mơ hồ, với những quyết đoán dựa vào một *thái độ tâm lý đặc biệt*, chứ không có một lý lẽ nào vững chắc của lý trí và lương tri. Mà thực ra, toàn bộ lý thuyết của Marx là dựa trên sự phân tích tâm lý của con người, một thứ tâm lý của *tin tưởng và ước vọng,* chống lại mọi thứ suy tư dựa vào lý trí, trực giác và bản năng, mà ông cho là trừu tượng. Khái niệm *tha hóa* hay ***khách thể hóa*** mà ông dùng để phê bình, đả kích mọi hệ thống tôn giáo, chính trị, xã hội và kinh tế đương thời , thực ra chỉ là một thái độ tâm lý công phẫn, chủ quan . Theo Marx, con người bị *tha hóa*, khi nó coi mọi sự , mọi vấn đề của nó như sự vật và vấn đề của người khác. Nó là con người *xa lạ* với chính mình. Con người trong câu truyện của Camus. Nhưng con người tâm lý không bao giờ có thể hoàn toàn xóa bỏ được trực giác và bản năng. Như Darwin đã chứng minh và chúng ta sẽ có dịp bầy tỏ sau này. Nhưng theo ý Marx, cũng như Hegel, xóa bỏ *tha hóa* là phục hồi

cái của mình, về cho mình. Phục hồi bằng thái độ tâm lý chủ quan. Trong Thủ Bản 1844 Marx viết hai trang để diễn tả thái độ tâm lý của người lao động trong hai chế độ *tư sản* và chế độ *cộng sản,* đại khái như sau : Trong chế độ tư sản, " *Khi tôi sản xuất thừa thãi những vật dụng mà tôi không cần dùng tức khắc, là tôi có ý sản xuất sự thừa thãi đó để phục vụ nhu cầu của* **anh.** *Những vật thừa thãi mà tôi sản xuất chỉ là hình thức. Thực ra, tôi sản xuất một vật thể khác, vật thể mà* anh sản xuất *và tôi muốn trao đổi với vật thừa thãi của tôi. Bởi vì tôi đã mường tượng sự trao đổi đó , trước khi sản xuất. Tương quan xã hội giữa tôi và anh , công việc mà tôi làm để thỏa mãn nhu cầu của anh, chỉ là hình thức, và sự bổ túc, hỗ tương, chỉ là hình thức . Bên sau đó, ẩn náu một sự kiện căn bản : sự cướp bóc lẫn nhau".*

Và đây là tâm lý của các đồng chí lao động trong chế độ Xã hội chủ nghĩa : " *Nhưng giả thuyết rằng, nếu chúng ta sản xuất với thái độ* **nhân bản.** *Trong việc sản xuất, mỗi người chúng ta sẽ thể hiện gấp đôi . Nó vừa thể hiện chính mình, lại vừa thể hiện người khác. Trong công cuộc sản xuất, tôi thể hiện* cá tính của tôi và các đặc điểm của nó. *Như vậy là, trong hành động , tôi được hưởng thụ sự phát hiện cá nhân của đời sống . Và trong khi chiêm ngưỡng vật thể mà tôi sáng tạo, tôi có thể cảm thấy sự hoan lạc cá nhân khi nhận ra bản vị của mình như một mãnh lực khách quan, có thể cảm thụ bằng giác quan , và không nghi ngờ được. Và trong khi anh hưởng thụ sản*

phẩm của tôi, tôi cũng có cái thích thú trực tiếp, một phần vì đã hoàn thành một công việc để thỏa mãn nhu cầu nhân loại, một phần vì đã khách thể hóa bản chất con người. *Tôi sung sướng trở thành trung gian giữa anh và nhân loại. Tôi sung sướng vì được anh nhận biết và cảm thấy như một bổ túc cho hữu thể của anh. Nghĩa là tôi sung sướng được thể hiện trong tư tưởng và tình yêu của anh. Tôi sung sướng bởi vì trong khi phát hiện sinh lực cá nhân để sáng tạo, tôi đã thể hiện trực tiếp được bản chất thực thụ của tôi, hữu thể xã hội, hữu thể nhân loại. Công việc sản xuất của chúng ta sẽ trở thành muôn vàn tấm gương phản chiếu thực thể của chúng ta."* (77)

Chúng ta có thể diễn giải bản văn trên bằng một thí dụ đơn giản, dễ hiểu hơn trong công việc của một bà nội trợ. Khi làm bếp, bà vừa hãnh diện vì đã thể hiện cái tài nấu ăn của mình lại vừa vui sướng vì đã thực hiện một món ăn ngon lành để bồi dưỡng những kẻ mình yêu mến: chồng con bà.

Marx lý luận về kinh tế, như một người làm thơ. Luận điệu của của ông cũng giống như hàng trăm bài diễn thuyết của các lãnh tụ Cộng sản về *"tự do, hạnh phúc" và về "những ngày mai ca hát"* mà họ từng dùng để dụ dỗ nhân dân từ hơn tám mươi năm nay. Sau này, trong Tư Bản Luận, Marx cũng dùng những lý luận tương tự để sau cùng kết luận rằng phải bãi bỏ tư hữu, tiền tệ và sự trao đổi hàng hoá, vì chúng là nguyên nhân của sự "cướp bóc" giữa loài người với nhau.

Marx quên rằng sự trao đổi vật liệu sản xuất là kết qủa tự nhiên, hợp lý của việc phân chia lao động, để mỗi người có thể lựa chọn một nghề nghiệp hợp với tài năng và sở thích của họ. Kinh nghiệm cho hay rằng, trong các chế độ xã hội chủ nghĩa, mọi người đều bị cưỡng bách , làm việc như trâu ngựa, nhiều khi với súng ống sau lưng. Tôi không biết rằng hàng trăm triệu con người tại Nga sô và Trung quốc bị di dân, đầy ải, trong các công trường ô hợp , nghèo đói kia có bao giờ cảm thấy cái khoái thú của bà nội trợ. Tôi không biết rằng các nhà văn, nhà báo, nhà khoa học được " phái" về đồng quê, để hót cứt ủ phân, như Tô Hoài đã tả trong cuốn Hồi ký " *Chiều chiều"* của ông kia, *có thể hiện được tài năng* của họ không. Tôi chỉ biết rằng cách qủan thúc công việc sản xuất trong các chế độ Cộng sản, là trái với mọi quy luật kinh tế khoa học và chỉ đưa dân tình đến đói rách, đọa đầy.

Về vấn đề tư hữu : tài sản của nhân dân, không tất nhiên chỉ là những của cướp bóc. Phần lớn, nó chỉ là những của cải dành dụm , đề phòng những biến cố bất ngờ: bão lụt, hạn hán, mất mùa, khi bệnh tật, khi cưới hỏi, khi ma chay, khi đãi khách, tiền cho con cái ăn học, tiền giải trí , du lịch, v.v. Liệu trong những trường hợp khẩn cấp như thế, người dân có thể tới Ngân hàng Nhà nước hay Mậu dịch quốc doanh để khuân tiền về xử dụng hay không ?

Người ta có thể trả lời rằng trong chế độ xã hội, nhà thương , nhà trường là miễn phí. Trong thực tế, tại

các nước Cộng sản, sự săn sóc bệnh nhân có điều trênh lệch, theo cấp bậc và lỡi lộc. Các con em thường dân không được đi học đến nơi đến chốn. Nếu lý thuyết của Marx là đúng, thì tại sao Lê-Nin phải quay về Nền Kinh Tế mới, tại sao Trung Quốc và Việt Nam ngày nay phải trở lại Kinh tế thị trường , để cầu cạnh, cộng tác với các nhà tư bản Âu châu, Mỹ châu, Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, Singapore.

Tất nhiên, Marx đã báo trước là lý luận của ông chỉ là một gỉa thuyết. Nhưng thiết nghĩ, khi ông dùng gỉa thuyết đó để hô hào đả phá hết mọi nền tảng xã hội với các tôn giáo, triết học, pháp lý, khoa học, văn hóa, thì thật là điên cuồng.

Ý tưởng xây dựng một xã hội, trong đó, mọi người lao động như những ông già làm vườn trồng "hoa để thưởng ngoạn, kiêu hãnh, thì chỉ là một ảo mộng, một không tưởng.

Để bổ túc trạng thái tâm lý trên, Marx định nghĩa Chủ Nghĩa Cộng sản của ông như là một "*phát biểu tích cực của tư hữu bị bãi bỏ*" và ông chia lý thuyết Cộng sản làm ba loại : Loại thứ nhất là Cộng sản man rợ (sauvage) trong đó tài sản được cộng đồng quản trị và được chia sẻ đồng đều, không đếm xỉa gì đến trí tuệ và tài năng của cá nhân. Cộng đồng phụ nữ cũng được coi như công sản để chia sẻ cho cộng đồng đàn ông. "*Cộng đồng đó có nghĩa là lao động công cộng và san bằng lương bổng trong một tư bản chung*". (78) Ở đây, Marx ám chỉ các lý thuyết của Platon, của Weitling và Baboeuf,v.v.

Mô hình Cộng sản thứ hai là cái mà ông gọi là Cộng sản chưa toàn vẹn :"*Đó là : 1.lý thuyết Cộng sản còn bảo tồn tính cách chính trị ,hoặc dân chủ, hoặc bạo chúa.*
2. lý thuyết Cộng sản đã hủy diệt Nhà nước nhưng chưa phát triển hoàn bản chất của nó mà hãy còn chịu ảnh hưởng của tư hữu, nghĩa là của sự tha hóa con người." Cộng sản loại A là theo lý thuyết của Cabet, còn loại B, là lý thuết vô chính phủ của Proudhon. Marx cho rằng "*dưới hai mô hình đó, Cộng sản đã nhận thức được vai trò của nó là xóa bỏ tha hóa và phục hồi con người. Nhưng nó chưa thấu hiểu bản chất tích cực của tư hữu, và cũng chưa thấu hiểu bản tính của con người về nhu cầu. Thứ Cộng sản đó còn bị vương nhiễm và cản trở bởi tư hữu. Nó đã nắm được khái niệm Cộng sản nhưng chưa thấu triệt được bản chất của nó.*" (79)

Muốn hiểu được phán đoán trên đây, chúng ta cần phải hiểu biết cái mà Marx gọi là *"tư hữu tích cực" và " bản chất nhân loại về nhu cầu".*

Đối với Marx , con người chỉ có một "tư hữu tích cực" thực thụ là "năng lực lao động " của nó. Trong chế độ tư hữu tư bản, con người tha hóa đã bán sức lao động đó cho người khác .Tư hữu tích cực của nó biến thành tư hữu tiêu cực, khách thể và làm giầu cho một bọn tham ô, vị lợi. Còn trong chế độ Xã hội, con người dùng cái "tư hữu tích cực" đó để lao động cho mình , cho những người mình thân yêu: như ông lão làm vườn, như người mẹ nội trợ. Mà bởi vì con người có bản chất xã hội, cho nên tình yêu của nó bao trùm

nhân loại, coi như một chủng tộc thuần nhất. Tư hữu tích cực của nó rút cục phụng sự con người của chủng loại. Trong chế độ Xã hội, lao động, tư hữu tích cực biến thành công sản vô vị lợi, phụng sự con người, con người giải thoát khỏi những nhu cầu giả tạo của tư hữu tiêu cực.

Còn về nhu cầu của nhân loại, thì Marx hoàn toàn dựa trên phương pháp tâm lý để phân tích sự phát triển của nó, chứ không dựa vào các quy luật kinh tế hoặc sự phát triển vị tha của trí tuệ. Ông viết:"*Giả thuyết căn bản về tư hữu là con người chỉ sản xuất để* chiếm hữu. *Chiếm hữu là mục đích của sản xuất. Cùng đích của của sản xuất không phải chỉ là sự* xử dụng, *nhưng là sự* ích kỷ: *con người chỉ sản xuất để chiếm hữu cho chính mình. Đối tượng của cái nó sản xuất là sự khách thể hoá nhu cầu trực tiếp, ích kỷ. Trong tình trạng mọi rợ, dã man, con người đo lường sự sản xuất của nó tùy theo mực độ của nhu cầu trực tiếp và đồ vật mà nó sản xuất thể hiện trực tiếp nội dung nhu cầu của nó. Sự sản xuất của nó ngừng lại khi nhu cầu của nó chấm dứt. Cung và cầu ăn khớp toàn vẹn. Trong trường hợp này, không có trao đổi... Một khi sự trao đổi phát hiện, thì sản xuất thặng dư vượt qúa mức chiếm hữu trực tiếp. Nhưng sự sản xuất thặng dư đó không hề có nghĩa là nó nâng cao con người lên trên nhu cầu ích kỷ, mà chỉ là một cách thế* gián tiếp *để thỏa mãn một vài nhu cầu khác không có trong sản xuất này, nhưng trong sản xuất của người khác. Sản xuất trở nên nguồn mạch của sự* chiếm hữu, *một lao động* kiếm lời."(80)

Từ sự phân tích trên đây, Marx dùng khái niệm ***thahóa*** để đả kích ***sự trao đổi, tiền bạc, sự chiếm hữu, tư hữu ,tư bản,***và tất cả ***toàn bộ hệ thống tôn giáo, chính trị, triết lý,kinh tế liên đới tới chế độ tư bản.***

Đối với Marx, sự trao đổi phát sinh sự chiếm hữu tiền bạc và tiền bạc phát sinh sự tích lũy thặng dư và bóc lột ***Tư bản.*** Bởi thế, từ đây, suốt đời, tư tưởng và mục đích của Marx là phê bình đả kích và tiêu diệt sự chiếm hữu, sự trao đổi tiền bạc và chế độ ***Tư bản xây dựng trên sự kiếm lời tiền bạc.***

Về sự tha hóa của sản xuất, nhu cầu và tiền bạc, ông viết: *"Trong chế độ tư hữu, mỗi người khích động trong kẻ khác một nhu cầu mới để bắt nó lệ thuộc vào một hy sinh mới và xô đẩy nó vào một cách hưởng lạc mới làm lụi bại kinh tế. Mỗi người tìm cách sáng tạo một lực lượng căn bản ngoại lai để thống trị các người khác và thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của mình. Bởi thế, con người bị nô lệ bởi khối lượng đồ vật và hữu thể ngoại lai. Mọi sản phẩm mới đều củng cố sự lừa lọc và cướp bóc lẫn nhau. Con người thực thụ càng ngày càng cần tiền bạc để chiếm hữu các vật thể thù địch, trong khi khối lựng sản xuất càng tăng thêm. Nói cách khác sự nghèo nàn của nó tăng thêm theo mực độ của sức mạnh tiền bạc. Như vậy, nhu cầu tiền bạc là nhu cầu căn bản phát sinh từ chính trị kinh tế (* xây dựng trên các lý thuyết kinh tế tiến bối, nhất là lý thuyết của Adam Smith) *và nhu cầu độc nhất mà nó phát sinh. Đối với con người,sự đó có nghĩa là sự bành trướng các sản phẩm và nhu cầu đã dẫn đến sự*

nô lệ sáng tạo và quỷ quyệt của các ham muốn vô nhân đạo,tinh tế và ảo tưởng, trái với bản tính thiên nhiên. Tư sản không biết cách biến đổi nhu cầu sơ thủy thành nhu cầu nhân đạo. *Lý tưởng của nó chỉ là một sự ngông cuồng, độc đoán và phóng túng. Không có một* hoạn quan *nào đã xiểm nịnh và khích động một cách đê tiện các năng khiếu già nua của ông chủ mình bằng những phương thế vô liêm sỉ để kiếm ân huệ cho bằng bọn* hoạn quan kỹ nghệ, *bọn sản xuất xí nghiệp, để ăn cướp vài đồng vàng của người láng giềng thân thiết, với một tinh thần giả bộ ky tô giáo. Nó uốn mình theo những sở thích đê tiện nhất của con người, nó kích thích những ham muốn bệnh hoạn và rình mò những yếu điểm của con người để kiếm lời lãi. Mọi sản phẩm mới chỉ là một mồi câu để dử tiền bạc của kẻ khác.*

"Mọi nhu cầu thực sự hay ao ước chỉ là một yếu đuối lôi cuốn con ruồi vào vào bẫy nhựa: đó là một thứ bóc lột tổng quát của bản chất xã hội con người.'(81)

Sau khi đã đả kích tiền bạc và sự sản xuất các vật thể xa xỉ, thừa thãi, Marx lại phê bình sự *phân chia công tác và kinh tế thị trường* của các nhà kinh tế học tiền bối như Adam Smith , J.B.Say, David Ricardo, Stuart Mill và François Skarbek v.v. *" Các nhà kinh tế học hiện đại đều đồng ý cho rằng sự phân chia công tác và sự phong phú của sản xuất, sự phân chia công tác và sự tích lũy vốn đầu tư, các sự đó hộ trợ lẫn nhau. Họ cũng cho rằng chỉ có tư sản tự do mới*

tạo ra sự phân chia công tác một cách rộng rãi và hữu ích".

" Người ta có thể tóm tắt phân tách của Adam Smith như sau: sự phân chia công tác mang lại cho lao động một khả năng sản xuất vô hạn. Nó dựa trên khuynh hướng muốn trao đổi và thương mại, khuynh hướng đặc biệt của nhân loại tính, hình như không phải ngẫu nhiên , nhưng dựa trên sự xử dụng lý trí và ngôn ngữ. Động cơ của kẻ trao đổi không phải là tình nhân loại,nhưng là sự ích kỷ. *Sự phong phú của tài năng nhân loại không phải là nguyên nhân, nhưng là hậu qủa của sự phân chia công tác, nghĩa là của sự trao đổi. Mọi tài năng và phương thức hoạt động phân tán nhất cũng đều hữu ích lẫn nhau, bởi vì mọi người có thể nhóm họp các sản phẩm rải rắc thành một khối chung mà mỗi người đều có thể mua tậu. Phát sinh từ ý hướng trao đổi, sự phân chia công tác vừa được tăng cường, vừa bị hạn chế bởi sự mở rộng trao đổi , mở rộng thị trường. Trong xã hội cấp tiến, mỗi con người trở thành nhà thương mại, xã hội là một xã hội thương mại.'*(82)

"Jean Baptiste Say lại cho rằng sự trao đổi là ngẫu nhiên chứ không phải là căn bản. Xã hội có thể tồn tại, không trao đổi. Nhưng trong xã hội cấp tiến, sự trao đổi là cần thiết. Không thể có sản xuất, không trao đổi. Sự phân chia công tác là một phương thức tiện lợi và bổ ích. , một sự xử dụng khéo léo các lực lượng nhân loại để tăng cường tài nguyên cho xã hội, nhưng nó lại giảm bớt khả năng cá nhân của

con người. Nhận xét này của Say là một tiến bộ. Skarbek thì phân biệt, một đằng các lực lượng cá nhân cố hữu của con người, như trí tuệ và điều kiện thân thể để lao động, một đằng các lực lượng phụ thuộc của xã hội, như sự trao đổi và phân chia công tác. Các lực lượng đó tương trợ lẫn nhau , nhưng điều kiện cần thiết của trao đổi là phân chia công tác. Ở đây, Skarbek phát biểu dưới hình thức khách quan , còn Smith, Say và Ricardo thì cho rằng nền tảng của sự trao đổi và thương mại là sự ích kỷ và tư lợi. Stuart Mill *hình dung thương mại như là hiệu qủa của sự phân chia công tác. Đối với ông này, hoạt động nhân loại chỉ là một cử động máy móc. Sự phân chia công tác và việc xử dụng máy móc làm gia tăng sản xuất. Mỗi người chỉ phải xử dụng rất ít động tác . Đàng khác sự phân chia công tác và việc xử dụng máy móc định hạn khối lượng sản xuất và sản phẩm. Đó là nền móng của các xí nghiệp lớn. Sự nhận định về việc phân chia công tác và sự trao đổi rất lý thú bởi vì chúng là phát hiện tỏ tường của sự tha hóa hoạt động và các sức mạnh thiết yếu của con người, được coi như hoạt động và sức mạnh thiết yếu của chủng loại.'*(83)Bởi vì theo ý Marx, sự trao đổi kinh tế và phân chia công tác là những tha hóa phát sinh từ sự ích kỷ và tư lợi của chế độ tư hữu, cho nên ông kết luận rằng "*một đằng, đời sống nhân loại cần đến tư hữu, nhưng đàng khác, bây giờ, nhân loại cần phải xóa bỏ tư hữu* ", bởi vì Marx đồng ý với J.B.Say, cho rằng "*sự trao đổi kinh tế không phải là nền tảng thiết yếu của xã hội.*"

Để thay thế toàn bộ các *hệ thống tôn giáo, triết học, xã hội, chính trị và kinh tế của chế độ tư hữu, tư bản và kinh tế thị trường, trao đổi tiền tệ,* Marx đề nghị một chế độ Xã hội chủ nghĩa mà ông gọi là *chế độ Cộng sản Hoàn vẹn, Nhân bản, Thiên nhiên và Vô thần* (communisme achevé, humaniste et athée) (84) mà trong giai đoạn đó (1844), ông phát diễn đại khái như sau:

1.Cộng sản hoàn vẹn: *"khi xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu, nghĩa là xóa bỏ sự tự tha hóa của con người, chế độ Cộng sản là sự phục hồi thực sự bản chất nhân loại* bởi *con người* và cho *con người. Đó là sự trở về hoàn toàn của con người, trở về với chính mình, trở về hữu thể xã hội và nhân tính, sự trở về có ý thức và hoàn hảo, bởi vì nó bảo tồn được mọi sự phong phú của quá trình phát triển có trước..Chủ nghĩa Cộng sản là giải đáp thực thụ của sự đối địch giữa con người và tạo vật, giữa con người và con người, sự đối địch giữa đời sống thực tại và bản chất xâu xa, giữa sự khách thể hóa và sự ý thức về bản tâm, giữa sự tự do và sự cần thiết , giữa cá nhân và chủng loại. Nó đã giải đáp được ẩn ngữ của lịch sử và nó đã ý thức được sự đó.* Để triệt để tiêu diệt chế độ tư hữu, chế độ Cộng sản phải xóa bỏ tôn giáo, gia đình và Nhà nước: "*Tôn giáo, gia đình, Nhà nước, pháp luật, luân lý, khoa học, nghệ thuật,v.v.. chỉ là những phương thức đặc biệt của sản xuất và chúng cũng bị chi phối bởi quy luật của sản xuất. Sự xóa bỏ tích cực của tư hữu, nghĩa là sự phục hồi đời sống*

nhân loại có nghĩa là sự xóa bỏ tích cực mọi tha hóa, để con người thoát ly ra khỏi tôn giáo, gia đình và Nhà nước, v.v..., để nó trở về đời sống nhân loại, nghĩa là đời sống xã hội.'(84) Ở đây, cái lạ lùng nhất là Marx đã xếp K***hoa học và Nghệ thuật*** vào hàng ***tha hoá.*** Sau này (1846), trong cuốn *Ý - hệ - Thức người **Đức,*** Marx phàn nàn về " *sự tập trung thái qúa của tài năng nghệ thuật trong tay một số phần tử"*, và ông tin rằng " *trong chế độ Cộng sản sau này, sẽ không còn họa sĩ nữa , mà chỉ có những cá nhân chăm lo các việc khác, nhưng thỉnh thoảng cũng vẽ vời."* (85)

. 2. Cộng sản Nhân bản, Thiên nhiên và Vô thần. Để bổ túc cho cái chủ nghĩa Cộng sản tiêu cực , *không Tư hữu, không Tôn giáo, không Nhà nước,* nói trên, Marx thêm vào ba khái niệm phát sinh từ một ý nghĩa: ***Nhân bản, Thiên nhiên và Vô thần:*** *" Là lý thuyết Thiên nhiên toàn vẹn, chủ nghĩa Cộng sản là một thuyết nhân bản. Là lý thuyết nhân bản trọn vẹn, chủ nghĩa Cộng sản là một thiên nhiên thuyết.'*(86)Nhân bản bởi vì con con người là trung tâm của vũ trụ. Nó là chúa tể của nó. Con người ngẫu sinh (generatio aequivoca, theo nguyên văn của Marx) từ tạo vật, không bị sáng tạo bởi thần linh nào khác, không bị trung gian với thiên nhiên: nó là phần tử của thiên nhiên.

Nhờ thiên nhiên, con người được tiến triển. Nhờ con người, thiên nhiên được nhân đạo hóa, được chiếu sáng bởi tinh thần. Đó là ý nghĩa của ***Nhân bản thiên nhiên thuyết.***

Bởi vì nó không bị *tạo dựng*, cho nên kết cục nó là *Vô thần* và chủ nghĩa Nhân bản thiên nhiên cũng đồng nghĩa với chủ nghĩa Vô thần."*Đối với con người theo Xã hội chủ nghĩa, thì cái mà người ta gọi là Lịch sử phổ quát không phải gì khác là cuộc sản xuất của con người, do sức lao động của nhân loại, không phải gì khác là sự phát triển của thiên nhiên phụng sự con người. Như vậy là nó có chứng cớ hiển nhiên, không thể phủ nhận được, về sự tự - ngẫu sinh của nó và về qúa trình tạo sinh ra nó nữa. Phần chủ yếu chung giữa con người và tạo vật là một sự hiển nhiên, bởi vì trong học thuyết xã hội, con người nhân đạo hóa được coi như hiện diện cụ thể của tạo vật, và tạo vật nhân loại hóa được coi như hiện diện cụ thể của con người. Hai sự kiện đó có thể cảm thụ được một cách vật thể trong thực tiễn. Con người và tạo vật là cùng một bản chất. Chủ thuyết vô thần từ chối Tạo Hóa, để khẳng định Con người. Chủ nghĩa Cộng sản đặt sự Tích cực như một* phản đề của phản đề (nguyên văn Pháp: négation de la négation) . *Nó là giai đoạn thực sự của cuộc giải phóng và sự phục hồi con người, một giai đoạn cần thiết cho cuộc phát triển tương lai của lịch sử. Chủ nghĩa Cộng sản là một mô hình cần thiết và một nguyên lý linh động của tương lai trực tiếp, nhưng chủ nghĩa Cộng sản, như vậy, không phải là mục đích của cuộc phát triển con người, cũng không phải là hình thức nhất định của xã hội nhân loại.*'(86).

Ở đây, tư tưởng của Marx chứa đựng một mâu thuẫn hiển nhiên, khiến cho mọi nhà tham khảo về tư tưởng của ông đều lúng túng không biết cắt nghĩa ra sao. Một đằng, ông cho rằng con người có một bản chất có sẵn, đã bị mất đi vì các trung gian tha hoá như tư hữu, tôn giáo, gia đình, Nhà nước, v.v.mà Chủ nghĩa Cộng sản phải xóa bỏ để ***phục hồi bản chất ấy.*** Đó là quan niệm của Hegel . Đằng khác, ông bắt đầu thoáng vẽ vài nét về ***duy vật biện chứng lịch sử***, khi cho rằng chế độ Cộng sản và con người trong chế độ đó chỉ là một giai đoạn trong qúa trình tiến triển của Lịch sử, một lịch sử không bao giờ cùng đích. Chúng ta có cảm tưởng rằng những người trong chế độ Cộng sản của Marx giống như một đám dân nghèo, bỏ nhà bỏ cửa, bỏ làng nước ra đi, nhẩy lên một con tầu tốc hành của lịch sử, mà họ không biết từ đâu tới, mà cũng không biết nó sẽ đưa họ tới đâu. Thật là một cuộc phiêu du mạo hiểm, vô định. Chúng ta sẽ có dịp bàn luận về vấn đề này ở phần sau khi nói về cuốn 'Ý hệ thức của người Đức" mà Marx và Engels đã soạn chung, và về thuyết Duy vật lịch sử biện chứng mà hai ông đã đề cập trong đó.

8.Bruxelles (1845-1848)
Khúc quặt của tư tưởng và hành động.

Tờ báo *Tiến lên (*Vorwärts), cơ quan của nhóm thợ thuyền Đức di cư tại Paris, luôn luôn đả kích chính phủ Phổ. Vào cuối năm 44, họ viết một bài biện hộ

cuộc ám sát ông thị trưởng Tschech, chống nhà vua Phổ. Nhân dịp này, Đại sứ Phổ tại Paris,Von Arnim, thôi thúc chính phủ Guizot thi hành các biện pháp để trừng trị các người di cư Đức, nhất là nhóm biên tập viên của tờ *Tiến lên.* Ngày 13 tháng Mười hai năm 1844, ông Bernays, chủ ban biên tập bị kết án hai tháng tù. Vài tuần sau, Duchâtel, bộ trưởng Nội vụ, ra lệnh trục xuất tức khắc toàn bộ biên tập và cộng sự viên của tờ báo này, trong đó có Henri Heine, Bakounine, Börnstein, Bernays, Karl Marx, và Arnold Ruge. Cuối cùng Henri Heine không bị trục xuất vì là nhà thơ nổi tiếng. Ruge cũng được thoát vòng. Börnstein thì ký kết không ra lại tờ báo. Bakounine và Bürgers không bị chính phủ Phổ truy nã, nên rút lui về Dresde và Köln. Còn lại một mình Marx bị coi là "***nhà cách mạng chuyên nghiệp***" và bị thực sự trục xuất. Marx bắt buộc rời bỏ Ba-Lê, đi qua Liège vài ngày, rồi về trú ngụ tại Bruxelles, thủ đô Bỉ quốc,vào đầu tháng Giêng năm 1845, và ở lại đó cho tới tháng Ba năm 1848.

Ngày 22 tháng Hai 1844, Engels viết thư cho Marx và nói : "*Vừa được tin anh bị trục xuất, tôi liền mở một cuộc quyên tiền để chia đều cho tất cả chúng ta, theo nguyên tắc cộng sản, những phí tổn ngoại lệ mà anh phải gánh chịu. It ra cũng không để cho bọn chó má vui thú vì đã dùng những hành động đểu cáng để xô đẩy anh vào sự túng thiếu kinh tài.*" Thực sự thì Jenny, vợ Marx, đã phải bán đồ đạc và quần áo để trả tiền lộ phí. Năm nay, Marx vừa được

27 tuổi. Đời sống của ông tại Bruxelles thực là túng cực. Gia đình ông phải rời nhà sáu lần, hết khách sạn này sang căn phố khác. Ở đay, ông cũng sinh hạ được hai con : Laura, sinh vào tháng Chín năm 45 và Edgar, người con trai cả, sinh vào tháng Mười Hai năm 1846.

Về phần Engels, ông ở lại Barmen, suốt ngày say mê vì hoạt động chính trị và tuyên truyền Cộng sản. Ông viết cho Marx : *"Ở đây, đang sửa soạn một mảnh đất thuận lợi cho các tư tưởng của chúng ta... Không đi đâu một bước, mà không gặp một người cộng sản. Ở Eberfeld, người ta chỉ suốt ngày nói về lý thuyết Cộng sản.."* Engels chán ghét đời sống hai mặt của ông : một đàng, viết sách tuyên truyền cách mạng giải phóng lao động, đằng khác, lại bị gia đình ép buộc đóng vai ông chủ tư bản bóc lột vô sản.

Engels có dự định viết chung với Marx và Moses Hess một cuốn về *"Lịch sử chủ nghĩa Xã hội và Chủ nghĩa Cộng Sản tại Pháp và Anh từ thế kỷ XV111."* Ngày 17 tháng Ba 1845, ông viết cho Marx : *"Phần mở đầu, chúng ta cùng nhau viết chung. Anh viết về nước Pháp, tôi viết về nước Anh."* Thực ra, Engels đã cặm cụi tra cứu và viết một mạch trong hai tháng trời.

Công trình được xuất bản tại Leipzig vào tháng Năm năm 1845, với nhan đề : *"Tình trạng giai cấp lao động tại Anh Quốc".* Thực ra, trong ý định của Engels, tác phẩm này chỉ là một chương trong một cuốn sách lớn, phân tích rộng rãi, đầy đủ hơn. Nhưng cuốn sách đó không bao giờ ra đời. Dẫu sao, tác phẩm

này đã đánh dấu một quãng ngoặt quan trọng trong tư tưởng và hành động của Marx và Engels. Tác giả muốn trình bầy đời sống của giai cấp thợ thuyền để phụng sự lý tưởng của chủ nghĩa xã hội: "*Sự hiểu biết về thân phận đời sống của giai cấp vô sản là sự cần thiết tuyệt đối, để bảo đảm một nền móng vững trãi cho các lý thuyết Xã hội cũng như cho các phán đoán về sự hợp pháp của chúng, để chấm dứt mọi lời nói huyên thuyên dông dài và những ẩn ý hoang đường ủng hộ hay chống đối chủ nghĩa này.*" Ông bắt đầu lưu ý tới ảnh hưởng của các khám phá kỹ thuật (*máy dệt tự động, máy hơi nước) vào* tổ chức xã hội. Ông nhấn mạnh tới một số quy luật đặc biệt của phương thức sản xuất tư bản: chẳng hạn những cuộc *khủng hoảng định kỳ, những đoàn lũ thất nghiệp, sự bóc lột giai cấp thợ thuyền càng gia tăng theo nhịp bành trướng của sản xuất.* Để có công ăn việc làm, thợ thuyền cạnh tranh nhau. Rút cục, đồng lương chỉ vừa đủ sống. Hồi đó, tại Anh quốc, phong trào nghiệp đoàn *Chartisme* có tham vọng dùng các phương thế hợp pháp để cải tạo xã hội, như biểu tình, đình công để tranh đấu đòi quyền lợi cho giai cấp lao động. Đó là một hình thức cao độ để đương đầu với giai cấp trưởng giả, nhưng còn qúa ôn hoà. Dẫu sao, trong ý Engels, các cuộc Cách mạng trong tương lai, cần phải được phát động từ giai cấp vô sản. Những ý tưởng chính trong bài điều trần này sẽ là khuôn khổ của của các phân tích mà ông và Marx sẽ viết trong Bản Tuyên Ngôn của Đảng Cộng sản, về ba năm sau.

Trong khi tại Barmen, Engels viết về tình trạng đời sống thợ thuyền Anh quốc, thì ở Bruxelles, Marx lược thảo mười một *Luận đề của Feuerbach.* Theo phương pháp thông thường của ông, Marx phê bình một tri-hệ-thức, ở đây là tư tưởng của Feuerbach, để giãi bầy ý kiến của mình. Từ nay, không những Marx đoạn tuyệt với mọi tư tưởng của Hegel , Feuerbach cùng hết thảy các quân sư cũ , mà còn từ chối *toàn bộ triết học cổ truyền.* Ông phê bình đả kích cả Duy tâm lẫn Duy vật, cả Duy Thực lẫn Duy Linh. Marx từ chối mọi lý thuyết huyền nhiệm, trừu tượng, suy luận. *Luận* đề thứ nhất:"*Cái khuyết điểm chính của mọi lý thuyết Duy vật cổ điển cũng như lý thuyết của Feuerbach là chỉ biết nhận thấy sự vật, thực tại và thế giới cảm thụ như một vật thể chết, một trực giác, chứ không phải là* một vật cụ thể của hoạt động nhân loại... Theo ý Marx, cả hai lý thuyết đều tách rời tư tưởng và thế giới vật chất. Thuyết Duy tâm chỉ nhìn biết sự vật qua tư tưởng, mà không thấy sự vật trong thực tại, còn thuyết Duy vật máy móc chỉ nhận biết sự vật khách quan mà không nhìn thấy sự vật chủ quan của con người. Ông dùng khái niệm praxis (tiếng Hy-Lạp, có nghĩa là *hành động có định hướng)* để kết hợp tư tưởng và hành động trong một tác động nhân loại, kết hợp thế giới lý tưởng và thế giới thực tại, kết hợp triết lý và đời sống.

Như vậy, Marx đã gác ra ngoài vấn đề căn bản mà mọi triết gia tiền bối đều đặt ra: *"Giữa Tinh thần và vật chất, cái nào là quan trọng ?"*

Marx không quan tâm đến vấn đề đó. Ông đặt ra một vấn đề mới: vấn đề hoạt động có định hướng của con người.Và hoạt động của ông là cách mạng, là cải tạo thế giới. Rốt cuộc, lý thuyết của Marx chỉ là một phương pháp để nghiên cứu về lịch sử của hành động nhân loại.Cái mà sau này Lê-Nin gọi là lý thuyết Duy vật Lịch sử Biện chứng. Chúng ta sẽ có dịp nói đến Mười một Luận đề về Feuerbach ở những đoạn sau.

Mùa hè năm 1845, Engels ghé qua Bruxelles và kéo Marx đi tuần du mười ngày tại Anh quốc, để cùng nhau nhận xét về tình hình một nước vừa phát triển kỹ nghệ. Tại Luân Đôn, Marx và Engels có dịp tiếp xúc với nhóm người Đức di cư và sáng lập viên của Liên Minh các Người Công chính. Với nhóm này và một ít nghiệp đoàn viên Anh, các ông sáng lập một tổ chức có tính cách Quốc tế, với danh hiệu là "Huynh đệ Dân chủ".

Theo ý kiến Marx và Engels về sau, các nhóm này còn pha trộn nhiều ý tưởng xã hội, cộng sản , tôn giáo, cách mạng, của Pháp và Anh, những ý tưởng lẫn lộn mà các ông không hoàn toàn đồng ý, nhưng ít ra,nó cũng là nền móng của các phong trào quốc tế sau này. Marx và Engels có ý định lôi cuốn họ vào một thứ chủ nghĩa xã hội có tính cách khoa học hơn. Bởi thế, sau cuộc tuần du tại Anh, Engels trở về Bỉ, ở lại gần nhà Marx và hai người cùng nhau soạn thảo cuốn " Ý hệ thức người Đức" trong đó bao gồm mọi tư tưởng về chủ nghĩa Xã hội khoa học này.

Tháng Hai năm 1846, cùng với Philippe Gigot, người Bì, Marx và Engels sáng lập "*Bàn giấy Liên lạc Quốc tế Cộng Sản tại Bruxelles*" Ngày 5 tháng Năm 1846, Marx viết thư cho Proudhon và trình bầy mục đích của Bàn giấy, như sau:"*thảo luận về vấn đề khoa học, kiểm xoát các bài viết của quần chúng và việc tuyên truyền chủ nghĩa xã hội; liên lạc giữa các người theo chủ nghĩa xã hội tại Pháp, Anh và Đức.*" Bởi vì, trong giờ phút hoạt động, mỗi người đều phải biết rõ tình hình trong nước và ngoài nước.

Như vậy là , từ 1845, tại Bruxelles, với hai tác phẩm căn bản " Những luận đề của Feuerbach" và "Ý hệ thức người Đức", Marx và Engels không những đã đoạn tuyệt với mọi triết lý cổ truyền, Duy tâm, Duy vật, mà còn từ bỏ cả quan niệm Tha hóa mà các ông đã từng dùng để phê bình đả kích toàn bộ hệ thống xã hội cũ. Từ nay, Marx từ bỏ thuyết Cộng sản không tưởng về sự thực hiện một con người thực thụ , Con người lý tưởng có sẵn, được định nghĩa ngoài yếu tố xã hội, ngoài sự phát triển của Lịch sử. từ nay, nhất là từ các bản văn 1857 (Nền tảng của sự phê bình Chính trị Kinh tế) , Marx thay thế quan niệm Tha hóa bằng một " lý thuyết khoa học về các mâu thuẫn và các điều kiện nẩy nở lịch sử của mỗi cá nhân con người. Khái niệm Tha hóa chỉ còn được dùng trong một trường hợp duy nhất về tương quan xã hội kinh tế trong hệ thống tư bản giữa người lao động và người tư bản.

Sự tha hóa ở đây là tình trạng chia rẽ giữa người lao động và các phương tiện sản xuất, "*sự chia rẽ giữa người sản xuất trực tiếp với các điều kiện tự nhiên của lao động.*" Chính sự chia rẽ này đã biến lao động thành một món hàng và phát sinh ra giá trị thặng dư (*plus-value).* Trong chế độ Tư bản , người lao động tha hóa (gán ra ngoài) sức sản xuất của mình để bán cho người tư bản,kẻ nắm giữ phương tiện sản xuất, như một món hàng, ngoại lai với hắn, và chống lại hắn. Sự tha hóa đó là kết qủa của các tương quan xã hội trong qúa trình phát triển của Lịch sử, những tương quan xã hội mà Marx cố gắng phân tích trong các tác phẩm sau này.

Đi từ ý tưởng căn bản đó, và từ giai đoạn này, Marx và Engels muốn soạn thảo một lý thuyết khoa học vững chắc về xã hội và xây dựng một tổ chức Cộng sản đồng nhất dựa trên lực lượng giai cấp vô sản. Sau này, Engels nhắc lại dự định của các ông trong giai đoạn này: *"Hồi đó, chúng tôi đã hoàn toàn dấn mình vào phong trào chính trị. Chúng tôi đã thu tập được một ít môn đệ trong hàng ngũ trí thức tại Đức và có liên lạc chặt chẽ với giai cấp vô sản có tổ chức. Chúng tôi muốn đem lại cho các quan niệm của mình một nền tảng khoa học và truyền bá các tư tưởng đó trong giới vô sản Âu châu, nhất là vô sản* Đức. " (87)

9.Chống lại các học thuyết Cộng sản đương thời.

Để lôi cuốn giai cấp vô sản Âu châu vào phong trào Cộng sản mà các ông cho là *khoa học*, Marx và Engels cần phải đả kích các trào lưu Cộng sản đương thời đang được giai cấp thợ thuyền cảm phục , nhất là trào lưu của *Wilhem Weitling và Hermann Kriege* , đồng chí của các ông trong *Liên đoàn các người Công chính,* và nhất là trào lưu Xã hội chủ nghĩa của *Proudhon* , rất thời danh tại Pháp. Đó là nguồn gốc các cuộc tranh luận của Marx và Engels , chống lại các học thuyết Cộng sản đương thời.

Năm 1845, Weitlinh xuất bản một cuốn sách nhan đề là "Tân Ước của một ngư ông nghèo", trong đó ông chủ trương một lý thuyết Cộng sản phân chia tài sản đồng đều và có tinh thần kitô - giáo, giống như tinh thần cộng đồng của thánh Paul trong Tân Ước. Ngày 31 tháng Ba năm 1846, ông ghé qua Bruxelles và tham dự một buổi họp của Bàn Giấy Cộng sản.

Annenkov, một đảng viên người Nga, cũng dự hội và tả lại hình ảnh Marx như sau: " *Với một mái tóc đen, rậm, những bàn tay lông lá, chiếc áo choàng cài cúc lệch lạc, nhưng Marx tỏ ra một người có quyền và có thế, bắt người ta cảm phục . Các cử chỉ của ông có vẻ cứng cỏi, nhưng mạnh dạn và chắc hắn. Các điệu bộ của ông khác với các điệu bộ thông thường trong giao thiệp xã hội, nhưng có vẻ hãnh diện và hơi khinh mạn. Tiếng nói của ông sắc thé và đanh thép , tương hợp một cách lạ lùng với những*

phán đoán cực đoan mà ông phê chuẩn về người khác và mọi sự."(88)

Trong phiên họp này, Weitling phát biểu và cho rằng giai cấp thợ thuyền phải *tự lực cánh sinh , đừng qúa tin tưởng ở các lý thuyết gia và các nhà trí thức.* Nghe đến câu này, Marx bỗng nổi xung, ngắt lời Weitling và thét: " *Không có một học thuyết tích cực, thì không làm được trò chống gì hết, mà chỉ khoác lác, phá hoại , đưa đến sự bại vong chính nghĩa. Nói với thợ thuyền mà không có những tư tưởng khoa học, thì chỉ biến tuyên truyền thành một trò chơi vô lý, bỉ ổi. Một bên là một giáo đồ nhiệt liệt, một đằng là một lũ lừa ngựa ngu xuẩn, há miệng lắng nghe."* Rồi ông đập bàn một cách xung nộ, khiến chiếc đèn rung đổ, rồi thét lên:" *Sự ngu dốt không bao giờ giúp ích được cho ai."* (89) Cuộc xung đột này chấm dứt liên lạc giữa Marx và Weitling. Nó cũng bộc lộ tính tình dễ phẫn nộ và cực đoan của Marx mà sau này Bakounine và nhiều người khác đã có dịp phê phán.

Còn đối với Hermann Kriege ,thì sự gián đoạn lại do một lý do khác. Kriege là một đảng viên Cộng sản Đức tị nạn tại Hoa Kỳ. Tại đây, ông phát hành một tạp chí, tờ Diễn đàn Nhân dân, trong đó ông chủ trương một lý thuyết Xã hội tình cảm, xây dựng trên tình yêu.

Ngày 11 tháng Năm 1846, một bản "Thông cáo"của Ủy ban Bàn giấy Cộng sản Bruxelles, lên án lý thuyết Cộng sản của Kriege trên năm điểm sau này:

Điểm thứ nhất có tính cách luân lý. Trong một bài báo về vấn đề phụ nữ, Kriege kêu gọi các bà các cô dùng " *ảnh hưởng của họ để biến cải xã hội sa đọa trong thù ghét thành một vương quốc mới của tình yêu.*" Theo ý kiến của Marx, chủ nghĩa Cộng sản không phải là một công cuộc cải tạo luân lý, nhưng là một đoạn tuyệt với luân lý tư sản.

Điểm thứ hai thuộc về vấn đề kinh tế. Kriege viết: " *Chúng tôi không hề có ý định đả động đến tư hữu của ai hết. Chúng tôi chỉ có ý ngăn cản sự cướp bóc tài sản của nhân dân, ngăn cản người tư bản bóc lột tư hữu hợp pháp của sức lao động.*" Muốn như thế, phải cho phép các người nghèo túng được dịp sản xuất. Phải chia sẻ đất đai của Mỹ quốc cho mọi người. Theo ý Marx, Cộng sản không phải chỉ là cải cách ruộng đất hay kinh tế. Nó phải là một đoạn tuyệt dứt khóat với chế độ tư hữu và Tư bản.

Điểm thứ ba có tính cách triết học. Kriege theo lý thuyết tiến hóa chủng loại của Huxley và Darwin, theo đó, cuộc tranh đấu sinh tồn của cá nhân con người có mục đích bảo tồn và truyền sinh nòi giống. Kriege viết: "*Con người cá nhân sống riêng rẽ bao lâu mà chủng tộc nhân loại còn hiện diện trong cá tính của nó. Nó chỉ tìm cách hy sinh toàn vẹn để có thể dâng hiến thân mình cho chủng loại. Chúng ta hết thảy, và mọi hoạt động đặc biệt của chúng ta, chỉ là những* 'triệu chứng" *của một trào lưu vĩ đại đang biến diễn trong đáy lòng sâu thẳm của nhân loại.*" Theo ý Marx, tư tưởng này phát biểu một bản chất

nhân loại trừu tượng bên ngoài con người thực tại. Nó là bóng ma của tư tưởng.

Điểm thứ tư là quan niệm *Cộng sản dựa trên tinh thần tôn giáo*,giống như quan niệm của Weitling:" *Phải chăng chúng ta có quyền coi các khát vọng từ lâu bị đè nén của con tim tôn giáo là quan trọng và tham gia vào cuộc tranh đấu, nhân danh những kẻ nghèo khổ, khốn nạn, bị bỏ rơi, để ,cuối cùng, thực hiện một vương quốc tốt đẹp của tình yêu huynh đệ ?*" Rồi Kriege khuyến giục người giầu giúp đỡ người nghèo : "*Có ai, giữa các ông bà giầu có kia, lại coi việc phân phát đồ ăn cho các gia đình nghèo khổ hoặc nâng đỡ các thanh thiếu niên khốn nạn ra khỏi cảnh cùng cực kia là vô ích chăng ? Kẻ nào có thể giúp đỡ được họ thì không nên do dự nữa, nếu không thì hắn sẽ không ngủ được yên giấc ..*" Rồi ông đe dọa:" *Kẻ nào không ủng hộ một Đảng như thế* (đảng Cộng sản tôn giáo tình yêu) *thì có thể xứng đáng bị coi là kẻ thù của nhân loại.*" Phê bình quan niệm của Kriege, Marx viết: " *Kriege tham gia tranh đấu cho người nghèo với trái tim tôn giáo của một linh mục chĩa mũi súng tình yêu vào ngực bọn Đức giầu có tại Nữu Ước, để ép buộc họ bố thí cho đám dân nghèo.*"

Điểm cuối cùng thuộc cá nhân của Kriege:Theo ý Marx, Kriege tự coi mình là một vị tiên tri. Ông không hiểu gì về chủ nghĩa Cộng sản đích thực. Kriege là một kẻ thần bí , coi Cộng sản như một giáo phái bí mật. Cộng sản đích thực phải dựa trên phong trào thực tại của quần chúng. Rốt cuộc , Bản

Thông cáo, với chữ ký của Marx, Engels, Gigot, Heilberg, Seiler, Wolf, von Westphalen (anh vợ của Marx), lên án Kriege một cách nghiêm khắc và khai trừ ông này ra khỏi trào lưu Cộng sản.

Thực sự, với việc lên án Kriege, Marx muốn hủy diệt mọi tàn tích tâm tình tôn giáo trong các trào lưu Xã hội đương thời: Weitling, Lamennais, Börne, Cabet, Dezamy, Proudhon.v.v.

10.Đoạn tuyệt với Proudhon.

Hai lần Marx đã mời Proudhon cộng tác. Lần thứ nhất với tạp chí Lịch triều Pháp Đức. Proudhon đã từ chối vì các nhà Xã hội Pháp cho Marx là chống Tôn giáo. Lần thứ hai, Marx viết thư cho Proudhon, trình bầy mục đích của Bàn giấy Cộng sản tại Bruxelles. Lần này, Proudhon trả lời và phát biểu lập trường của ông: chống giai cấp đấu tranh và chống cách mạng bạo động,chống thái độ giáo điều về kinh tế.

Ngày 17 tháng Năm 1846, trả lời Marx, Proudhon viết: "*Mặc dầu các ý tưởng của tôi về vấn đề tổ chức và thực hiện xã hội lúc này đã quyết định, ít nhất là trên nguyên tắc, tôi tin rằng bổn phận của tôi, và của tất cả mọi người theo Xã hội chủ nghĩa, là còn phải bảo tồn, trong một thời gian , hình thức cổ truyền của sự giả thuyết.*

"*Nói cách khác, tôi cam đoan với các độc giả thái độ tuyệt đối chống chủ nghĩa* giáo điều về kinh tế. Sau một đoạn đả kích mọi chính sách giáo

điều, và nhồi sọ quần chúng, Proudhon đề nghị chính sách ***khoan dung****:'Chúng ta không nên trở thành những lãnh tụ của một sự bất khoan dung mới .Chúng ta đừng xưng danh là Tông đồ của một Tôn giáo mới, dù tôn giáo đó là Tôn giáo của lẽ phải, lẽ phải của lý trí.'*(90) Rồi Proudhon phát biểu thái độ chống Cách mạng bạo động: "*Tôi cũng muốn đưa ra vài nhận xét về bức thư của ông, về "thời cơ hành động". Có lẽ ông còn giữ ý kiến cho rằng , hiện nay ,không có một sự cải cách nào có thể thực hiện ngoài bạo động , ngoài cái mà ngày xưa người ta gọi là Cách Mạng. Cái ý kiến đó, tôi cũng đã từng quan niệm và chia sẻ. Nhưng ngày nay , sau nhiều nghiên cứu, tôi đã hoàn toàn gác bỏ. Tôi tin rằng chúng ta không cần đến sự đó mới thành công. Bởi vậy , chúng ta không bao giờ nên lấy Cách mạng làm phương thế để cải cách xã hội, bởi vì cái mệnh danh là phương thế đó, tựu chung, chỉ là sự bạo động, sự độc tài, sự mâu thuẫn."*

Sau cùng, Proudhon đề nghị một xã hội "Cộng đồng" xây dựng trên một hệ thống "Bình đẳng,tự do và tương trợ"(égalité,liberté et mutualité):"*Tôi tự đặt ra vấn đề như thế này: làm sao đưa vào xã hội một phối hợp kinh tê mới để thay thế cho tổ hợp kinh tế cũ. Nói cách khác là làm sao xoay chiều lý thuyết tư hữu để phát sinh ra một chế độ mà các ông, người Đức, các ông gọi là*" công cộng" *, và lúc này, tôi tạm gọi là tự do, bình đẳng. Vậy mà, tôi tin rằng đã tìm ra giải đáp của vấn đề đó: tôi muốn đốt phá tư hữu,*

dần dần, bằng ngọn lửa nhỏ , còn hơn là cho nó cơ hội sung sức, khi gây nên một cuộc tàn sát tư sản như vụ (tàn sát tôn giáo) Saint - Barthélemy.Tôi cũng xin nói qua với ông rằng đó cũng là lập trường của giai cấp thợ thuyền Pháp : bọn vô sản của chúng tôi ở đây đang khao khát khoa học,nhưng chúng ta sẽ bị ngược đãi, nếu chúng ta chỉ biết giúp đỡ họ uống máu.' (91)

Proudhon đề nghị một chế độ Tương trợ giữa **lao động và Tư hữu:** " *Lý thuyết về sự tương trợ (mutualisme), nghĩa là sự trao đổi trực tiếp sản phẩm, là tổng hợp của hai ý tưởng về tư hữu và cộng đồng...Trong bước đường xoáy ốc của nó, nhân loại lúc nào cũng xoay quanh chính mình: các sự tiến bộ của nó chỉ là sự đổi mới các tập truyền, các hệ thống, mặc dầu vẻ đối lập bên ngoài, lúc nào cũng giữ một căn bản, với khiá cạnh khác nhau. Trong trào lưu của nền Văn minh, chân lý lúc nào cũng tồn tại, luôn luôn cổ truyền mà cũng luôn luôn đổi mới: tôn giáo, triết lý, khoa học chỉ là phát biểu của nó. Và cũng chính là cái tạo thành Thiên hựu và sự bất khả sai lầm của lương tri nhân loại. Chính cái đó hiện diện trong mọi tiến bộ, bảo vệ sự thường tồn của bản thể con người , khiến cho xã hội vừa bất suy trong yếu tính, vừa bất cưỡng trong cuộc tuần hoàn của nó. Xã hội luôn luôn vươn rộng viễn tuyến, nhìn xa giải pháp cuối cùng và dựa quyền uy trên những dự cảm của chúng ta.'*(92)

Như vậy là Proudhon tin tưởng ở Thiên lý, cái thiên lý đã hướng dẫn cuộc tiến hóa của tạo vật, đi từ hữu thể vô tri cho tới hữu thẻ tinh thần .

Chính cái Thiên lý đó cũng sẽ hướng dẫn lương tri nhân loại (nhân loại phổ quát chứ không phải nhân loại cá thể) trong lịch trình tiến bộ của xã hội loài người, ngoài sự bạo động độc đoán.

Tất nhiên, Marx đã viết " *Sự nghèo nàn của triết học*" để phê bình toàn bộ tư tưởng của Proudhon trong cuốn "*Triết học về sự nghèo nàn*". Chúng ta sẽ có dịp nói về vấn đề đó trong phần phân tách về lý thuyết kinh tế của Marx. Ở đây, chỉ xin tạm trích ra ý kiến tổng hợp của Marx về Proudhon trong bức thư đề ngày 28 tháng Mười hai, năm 1856, gửi cho nhà báo Nga Annenkov: "*Từ đầu đến chân, Proudhon là triết gia, kinh tế học của giai cấp tiểu tư sản. Trong một xã hội tiến bộ, với tình trạng bắt buộc, người tiểu tư sản tự coi mình vừa là xã hội chủ nghĩa, vừa là kinh tế gia. Nghĩa là hắn vừa bị choáng mắt bởi cái hoa lệ của giai cấp đại tư sản, lại vừa có cảm tình với sự đau khổ của nhân dân. Hắn vừa là tư sản, vừa là nhân dân. Trong thâm tâm của mình, hắn tự khoe là không thiên vị, là công bình. Một người tiểu tư sản như thế, thần thánh hoá sự mâu thuẫn, bởi vì sự mâu thuẫn là nền móng của con người hắn. Hắn là hiện thân của sự mâu thuẫn xã hội. Hắn phải biện chính sự thực hành của mình bằng lý thuyết. Và ngài (monsieur) Proudhon xứng đáng là phát ngôn viên khoa học của giai cấp tiểu tư sản Pháp, bởi vì giai cấp tiểu tư sản sẽ là thành phần căn bản của mọi cuộc cách mạng xã hội sau này.*" (93) Ở đây, chúng ta nhận thấy cái giọng mỉa mai mà Marx vẫn thường

dùng suốt đời, để đả kích mọi đối thủ tư tưởng của ông.

11.Liên minh Cộng sản và Bản Tuyên ngôn.

Để chống lại chủ nghĩa xã hội ôn hòa và thỏa hiệp của Proudhon, trình bầy trong cuốn ***"Triết lý về sự nghèo nàn"***, một bộ sách dầy 770 trang, Marx ngồi viết một hơi , từ tháng Mười hai 1846 đến tháng Sáu 1847, cuốn *"Sự nghèo nàn của Triết học"*, trong đó ông vừa muốn thiết lập một nền tảng vững trãi cho việc ***nghiên cứu xã hội tư sản một cách khoa học*** , vừa nhấn mạnh đến sự cần thiết của một cuộc *Cách mạng toàn bộ* , ***bằng Giai cấp đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản:" Điều kiện giải phóng giai cấp lao động là xóa bỏ mọi giai cấp, hệt như việc giải phóng tình trạng nghèo đói ra khỏi trật tự tư sản, là xóa bỏ mọi tình trạng và trật tự.*** *Trong qúa trình* ***phát triển của nó, giai cấp lao động sẽ thay thế xã hội dân sự cũ bằng một hội đoàn không giai cấp và không mâu thuẫn...Trong khi chờ đợi, sự mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản sẽ là một cuộc giai cấp đấu tranh, cuộc đấu tranh lên đến cao độ sê là một cuộc Cách mạng toàn diện: " chiến đấu hay là chết: tranh đấu đẫm máu hay tiêu diệt. "*** (94).

Trong khi Marx ngồi viết bài phê bình Proudhon, thì tại Paris, từ tháng Mười 1846, Engels cũng tranh đấu để lôi cuốn thợ thuyền Đức ra khỏi ảnh hưởng của trào lưu xã hội chủ nghĩa của Pháp,

mà Engels và Marx cho là chủ nghĩa của giai cấp tư sản. Trong bài tựa của Bản Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản, lần xuất bản 1890, Engels nhận xét:" *Vào năm 1847, chủ nghĩa xã hội gồm hai hạng người. Trước hết là những đoàn viên của các hệ thống* không tưởng *này nọ, nhất là nhóm Owen tại Anh và Fourier tại Pháp... Đằng khác, một bọn lang băm, gom góp vá víu một chút thuốc vặt, hòng xóa bỏ sự cùng cực trong xã hội , nhưng lại không muốn đả động đến tư bản và lợi lộc. Cả hai bọn đó đều là những người sống ngoài phong trào thợ thuyền và tìm nương tựa trong giai cấp " có ăn học".Trái lại, các thành phần thợ thuyền cho rằng một vài đảo lộn chính trị thường tình thì chưa đủ. Họ yêu cầu một sự biến chính nền tảng của xã hội. Thành phần đó là những người Cộng sản. Vào năm 1847, chủ nghĩa xã hội là phong trào tư sản. Chủ nghĩa Cộng sản là phong trào thợ thuyền."* (95)

Và Engels ấn định (1847) các ý hướng Cộng sản như sau: " *1.Chiến thắng cho quyền lợi vô sản chống với quyền lợi tư sản. 2. Để đạt mục tiêu, bãi bỏ tư sản và thay thế bằng một cộng đồng tài sản. 3.Không có phương thế nào khác để thực hiện các ý hướng đó, ngoài cuộc cách mạng dân chủ bạo động."*

Tháng Hai năm 1847, Ủy ban Trung Ương Liên Minh những người Công Chính tại Luân Đôn cử Joseph Moll sang Bruxelles gặp Marx và mời nhóm của ông này gia nhập Liên Minh. Đồng thời, họ mời Marx tham dự việc chỉnh đốn và soạn thảo một chương trình cho Liên minh theo tinh thần Cộng sản.

Liên Minh theo quy chế mới nhóm họp Hội nghị lần thứ nhất tại Luân Đôn vào tháng Sáu năm 1847. Marx không có tiền đi dự. Có Engels và Wolff thay mặt. Hội nghị đổi tên Liên Minh thành Liên Minh Cộng Sản, và thành lập một nguyệt san "*Cộng Sản Tạp chí*" . Tờ báo xuất bản số một vào tháng chín, với khẩu hiệu trên trang đầu: ***"Vô sản toàn thế giới, hãy đoàn kết lại ."***

Trong Lời mở đầu của số báo, Schapper viết: "*Chúng tôi không phải là những nhà buôn hệ thống...Các triết gia và học giả cứ việc tiếp tục xây dựng các hệ thống để chỉnh đốn xã hội tương lai. Chúng tôi cho là tốt đẹp và bổ ích. Nhưng nhiệm vụ của thế hệ chúng tôi là khám phá và xử dụng các vật liệu kiến trúc cần thiết cho cuộc xây dựng một lâu đài mới. Nhiệm vụ của các thế hệ tương lai là xây dựng lâu đài đó. Chúng tôi không phải là những người Cộng sản muốn xây dựng mọi sự trên tình yêu. Chúng tôi không nhỏ ra, dưới ánh trăng, những giọt lệ cay đắng để xót thương sự cực khổ của loài người, để rồi vươn mình lên giấc say mê tột bực , khi nghĩ đến một tương lai vàng bạc. Chúng tôi biết rằng không thể nào đi vào một thế giới tốt đẹp hơn, trước khi phải tranh đấu gắt gao để chiếm lại các quyền chính trị. Nhưng chúng tôi cũng không phải là một bọn âm mưu muốn rằng, một ngày nào đó, sẽ phát khởi một cuộc cách mạng để sát hại các ông hoàng. Chúng tôi không nghĩ rằng , sau cuộc đấu tranh chiến thắng, chế độ cộng đồng tài sản sẽ được tức khắc thực hiện như*

một ảo thuật. Phải có một giai đoạn chuyển dịch lâu dài tùy theo hoàn cảnh. Chúng tôi không muốn biến thế giới thành một trại binh lớn hay một xưởng thợ khổng lồ. Bởi vì chúng tôi thâm tín rằng, không có một xã hội nào, trong đó, sự tự do cá nhân lại lớn hơn sự tự do trong một xã hội xây dựng trên cộng đồng tài sản.'(96)

Trong Hội nghị này, Liên minh cũng đề nghị soạn thảo một bản *Tuyên ngôn Niềm Tin.* Nhưng các bản dự thảo của Trung ương tại Luân đôn và của Moses Hess không hài lòng Marx và Engels. Ông này liền soạn thảo *"Những nguyên tắc của Chủ nghĩa Cộng sản"* ,còn có tên là *"Giáo lý Cộng sản"*, gồm 25 câu hỏi và trả lời.

Hội nghị lần thứ hai của Liên Minh nhóm họp tại Luân Đôn từ 29 tháng Mười một đến 10 tháng Mười hai. Marx đại diện Công xã Bruxelles. Trong bài diễn văn, ông nhấn mạnh đến liên hệ giữa giai cấp đấu tranh và vấn đề giữa các dân tộc: "*Sự chiến thắng của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản, đồng thời cũng chấm dứt các xung đột giữa các quốc gia và các cạnh tranh kinh tế, hiện nay đang xâu xé các dân tộc. Như vậy là sự chiến thắng vô sản đối với tư sản sẽ là điềm giải phóng toàn thể mọi dân tộc bị áp bức."* Ảnh hưởng của Marx và Engels cũng xâu đậm hơn tại Hội nghị này. Ở Hội nghị tháng Sáu, "*Liên minh đề nghị giải phóng mọi người khỏi vòng nô lệ, rao truyền lý thuyết cộng đồng tài sản và áp dụng chế độ này càng chóng càng hay".* Tại Hội nghị tháng Mười một

này, mục đích của Liên Minh là "*lật đổ chế độ tư sản, vô sản chính quyền, bãi bỏ xã hội tư hữu, dựa trên các mâu thuẫn giai cấp, để thiết lập một xã hội mới, không giai cấp, không tư sản*".

Theo đề nghị của Engels, một *Bản Tuyên ngôn Đảng Cộng Sản* sẽ thay thế *Bản Công bố Niềm Tin.* Marx được trao nhiệm vụ soạn thảo Bản Tuyên ngôn này. Trở về Bruxelles , Marx bận bựu với nhiều hoạt động của Công xã và Hội đoàn thợ thuyền người Đức, không có thì giờ viết Bản Tuyên ngôn.

Ngày 26 tháng Giêng 1848, Trung Ương Luân Đôn gửi cho Ủy ban Bruxelles một Chỉ thị như sau: "*Ủy ban Trung Ương chỉ thị cho Ủy ban Bruxelles thông báo cho Đồng chí Marx biết rằng nếu Bản Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản mà đồng chí có nhiệm vụ soạn thảo không đến tay Trung Ương trước ngày mồng Một tháng Hai năm nay , thì sẽ có những biện pháp trừng trị. Trong trường hợp, đồng chí Marx không thể hoàn thành nhiệm vụ , thì Ủy ban yêu cầu hoàn lại các tài liệu mà đồng chí đang nắm giữ.*"

Trong năm sáu hôm, Marx hoàn thành công việc và *Bản Tuyên ngôn* ra đời vào đầu tháng Hai. Tất nhiên, các ý tưởng chính là dựa vào *"Các Nguyên tắc của Đảng Cộng sản'* do Engels biên soạn.

Bản Tuyên ngôn gồm một đoạn *Mở đầu* ngắn và *ba phần chính.* Sau khi nhắc rằng "*cho đến nay, lịch sử mọi xã hội chỉ là lịch sử giai cấp đấu tranh*", Marx phác họa một bức tranh vĩ đại về cuộc phát sinh của giai cấp trưởng giả trong lòng xã hội phong

kiến. Giai cấp tư sản đã giành lại tự do trong trào lưu *thôn xã,* phá vỡ tổ chức *vương quyền,* trở thành giai cấp ưu việt, và sau cùng đã chiếm đoạt chính quyền trong Nhà Nước hiện đại. Nó xâm lấn toàn thể thế giới, thống trị cả thành thị lẫn thôn quê. Sự tập trung phương cách sản xuất đưa đến sự tập trung chính quyền. Như vậy là trong một thời gian, "*giai cấp trưởng giả đã đóng một vai trò cách mạng trọng đại".* Nhưng giai cấp tư sản hiện đại " *cũng giống như một nhà ảo thuật, không chế ngự nổi những mãnh lực yêu quái mà nó thục hiện".* Sức sản xuất bất khả kiềm chế phát sinh các cuộc khủng hoảng liên tục. Sự mâu thuẫn phát sinh giữa cuộc bành trướng các lực lượng sản xuất và chế độ tư sản trưởng giả.

"*Các vũ khí mà giai cấp trưởng giả đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến, ngày nay quật lại chống giai cấp đó".* Chế độ tư bản đã phát sinh ra *những người cầm vũ khí, những thợ thuyền hiện đại, những người vô sản"* .Rồi Marx phân biệt các giai đoạn đấu tranh giữa vô sản và tư sản, cuộc đấu tranh đã đã góp phần vào sự hình thành *các giai cấp.* Từ cuộc đấu tranh này, và do địa vị của nó trong các tương quan sản xuất, "*giai cấp vô sản mới đích thực là giai cấp cách mạng".*

Phần thứ hai nói về địa vị Cộng sản đối với toàn thể giới vô sản. Cộng sản là thành phần quyết định nhất của các chính đảng lao động, bởi vì nó có một lý thuết sáng suốt, vững trãi về các điều kiện, đường lối và mục đích chung của phong trào. Rồi

Marx trả lời các nghi vấn mà đối thủ Cộng sản đặt ra: *sự bãi bỏ tôn giáo, tư hữu, gia đình, tổ quốc, vân vân.* Marx công nhận rằng trong chế độ Cộng sản tôn giáo và tư sản sẽ bị bãi bỏ. Về gia đình và thân phận phụ nữ, Marx viết: *"Hôn nhân tư sản, thực sự, chỉ là một thứ cộng đồng phụ nữ có chồng. Như vậy, tựu trung, người ta chỉ có thể tố cáo Cộng sản là đã muốn thay thế một cộng đồng phụ nữ giấu giếm, giả hình bằng một cộng đồng phụ nữ thực thụ và chính thức."*

Về vấn đề tổ quốc, Marx viết: *"Thợ thuyền không có tổ quốc. Sự phân cách quốc gia và mâu thuẫn giữa các dân tộc hầu như đã dần dần tan biến trước sự bành trướng của giai cấp tư sản, sự tự do thương mại, thị trường quốc tế, sự đồng hóa của sản xuất kỹ nghệ và các điều kiện sinh sống. Sự thống trị của giới vô sản sẽ còn làm tan biến hơn. Bãi bỏ việc người bóc lột người thì đồng thời chúng ta cũng bãi bỏ việc dân tộc này bóc lột dân tộc khác."*

Tựu trung, Marx không muốn phác họa rõ rệt một xã hội tương lai. Ông chỉ cho biết rằng mục đích hiện tại là xóa bỏ mọi tàn tích của xã hội cũ. *"Thay vào xã hội tư sản cũ và các mâu thuẫn giai cấp của nó, sẽ phát sinh một hội ái hữu, trong đó sự tự do phát triển của mỗi người là điều kiện phát triển của tất cả.'* (97)

Tạm thời, trong giai đoạn chuyển dịch, Marx đề nghị một chương trình thực tiễn, gồm mười điều khoản:

" 1.Chưng thu thổ sản và quy bổ lợi tức thổ địa vào ngân quỹ Nhà nước.

2. Thuế lợi tức lũy tiến cao.

3. Xóa bỏ tài sản thế nghiệp.

4. Tịch thu tài sản cũa mọi người di cư và thành phần ngụy quân.

5. Tập trung tín dụng vào tay Nhà nước, qua trung gian Ngân hàng Quốc gia mà vốn xuất và lợi tức độc quyền Nhà nước.

6. Tập trung mọi phương tiện giao thông vào tay Nhà nước.

7. Gia tăng các xí nghiệp quốc gia và dụng cụ sản xuất. Khai thác hoang địa và cải tiến đất đai trồng trọt theo kế hoạch toàn diện.

8. Cưỡng bách lao động cho mọi người. Tổ chức các đạo binh kỹ nghệ và nông nghiệp.

9. Phối hợp lao động nông nghiệp và lao động kỹ nghệ. Đề ra các biện pháp để dần dần xóa bỏ sự chênh lệch giữa thôn quê và thành thị.

10.Giáo dục công cộng miễn phí cho mọi trẻ em. Bãi bỏ lao động trẻ em trong các xí nghiệp hiện nay. Phối hợp giáo dục và sản xuất vật chất." (98)

Phần cuối cùng , Marx phê bình các trào lưu xã hội và Cộng sản không phù hợp với tư tương của ông: chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản, chủ nghĩa cộng sản không tưởng (Owen, Saint-Simon, Fourier),v.v.

Sau hết, Marx tuyên bố ủng hộ mọi phong trào đối lập với chính quyền và xã hội đương thời:

"*Nói tóm lại, Cộng sản ủng hộ mọi phong trào cách mạng trong mọi dân tộc để chống lại trật tự xã hội và chính trị hiện tại... Sau hết, Cộng sản hoạt động đoàn kết và tương đồng với mọi chính đảng dân chủ trong mọi quốc gia. Cộng sản không giấu giếm ý kiến và dự định của họ. Họ công khai tuyên bố rằng các mục đích chỉ đạt được bằng sự lật đổ bạo động mọi trật tự xã hội quá khứ. Ước mong rằng các nhà lãnh đạo chính trị sẽ run sợ trước ý tưởng của một cuộc cách mạng Cộng sản. Các người vô sản không có gì để mất mát, ngoài xiềng xích của mình. Họ có cả một thế giới để chiếm đoạt. Vô sản của mọi dân tộc, hãy đoàn kết lại.*'

Nội dung tư tưởng cũng như chương trình và các chiến lược hoạt động của Cộng sản sẽ còn được sửa chữa, bổ sung trong những năm sau và chúng tôi sẽ còn có dịp bàn tới. Từ lúc Bản Tuyên ngôn ra đời, Marx và Engels hoàn toàn tham gia vào hoạt động chính trị và ảnh hưởng của các ông cũng càng ngày càng xâu đậm trong phong trào cách mạng. Bản Tuyên ngôn được viết tại Bruxelles, trong khi cuộc khủng hoảng kinh tế đang lay chuyển toàn thể lục địa Âu châu: khủng hoảng nông nghiệp, khủng hoảng kinh tài và kỹ nghệ. Nạn thất nghiệp bành chướng lôi cuốn ngàn vạn nhân dân vào cảnh cơ cực. Sự dấy loạn bùng nổ khắp nơi: ở Ý, ở Pháp, ở Đức, ở Áo, ở Ba-Lan và Hung Gia-Lợi.

12. Kinh nghiệm cuộc Cách mạng 1848.

Bản Tuyên ngôn chưa có ảnh hưởng gì tới các cuộc nổi dậy tại Âu châu, năm 1848. Trong khi Marx đang hì hục soạn thảo bản văn đó, thì ngày 2 tháng Giêng, dân thànhMilan tại Ý họp nhau biểu tình chống cuộc đô hộ Phổ. Ngày 12 , thành phố Palerme tại Sicile nổi dậy và thành lập chính phủ Lâm thời. Ngày 24 tháng Hai, cuộc Cách mạng bùng nổ tại Pháp. Một Chính phủ Cộng Hòa Lâm thời cũng được thành lập. Tại Bruxelles, nhiều cuộc dấy loạn cùng nổi dậy. Chính phủ lo âu, bèn truyền lệnh trục xuất một số người tị nạn chính trị, trong đó có Karl Marx. Công an đột nhập vào khách sạn và bắt vợ chồng ông về Sở. Vợ ông bị giam lẫn lộn với bọn lang thang đĩ điếm. Rút cục, hai người được thả ra, nhưng bị lệnh trục xuất tức khắc khỏi thủ đô Bruxelles. May thay, ngày mồng Một tháng Ba, Marx nhận được giấy mời của Chính phủ Lâm thời Pháp , như sau:

"Tự do, Bình đẳng, Huynh đệ, Nhân danh quốc dân Pháp, gửi ông Karl Marx, can đảm và trung thành. Nước Pháp là đất nương thân của mọi bạn yêu chuộng tự do. Chính thể bạo chế đã ruồng bỏ ông. Nước Pháp tự do mở cửa đón chào ông và tất cả những người đã chiến đấu cho chính nghĩa thánh thiện, chính nghĩa huynh đệ của mọi dân tộc . Yêu cầu mọi thành viên của Chính phủ Pháp phải thi hành sứ mệnh theo chỉ thị này. Gửi ông lời chào huynh đệ. Ký tên: Flocon, Nhân viên Chính Phủ Lâm thời.

Flocon là người bạn mà Engels đã gặp trong khi ông ngụ tại Pháp, và trong các bức thư, ông vẫn từng gọi với một tên thân mật: *"Bố già Flocon", "con người tử tế"*.

Ngày 5 tháng Ba, Marx tới Paris, còn Engels thì ở lại thu xếp đồ đạc cho vợ chồng Marx và tổ chức biểu tình để phản đối vuệc trục xuất các bạn hữu của ông. Ủy ban Trung Ương của Liên minh Cộng sản được rời về Paris, gồm ba ủy viên của Bruxelles: Marx, Engels, Wolff, và ba ủy viên của Luân Đôn: Henri Bauer, Joseph Moll và Karl Schapper. Ông này làm bí thư, còn Marx là chủ tịch. Tình thế tại Pháp còn khó khăn và rối loạn. Các người tị nạn Đức muốn thành lập các lực lượng quân đội để trở về nước. Tại các nước Âu châu, ở Đức, ở Ý, ở Ba-Lan, ở Bỉ, ở Hòa Lan và ở

Tây ban Nha, đâu đâu cũng có các tiểu đội giải phóng. *Hội Dân chủ Đức* do Bornstedt thành lập cũng tổ chức quân đội để về nước. Ngày 8 tháng Ba, Marx cũng thành lập *Câu lạc Bộ Lao Động* và khuyến khích các đồng hương trở về Đức lẻ tẻ từng người.

Nhiều cuộc nổi dậy phát hiện tại Đức và Áo: ngày 3 tháng Ba tại Koln, 13 tại Bá-Linh và 18, tại Vienne. Ngày 1 tháng Tư, Liên Đoàn Cộng sản, với các chữ ký của Marx, Engels, Moll, Wolff, Bauer và Schapper, viết một Bản Mười Bẩy điều yêu cầu của *Đảng Cộng sản Đức*, với những đòi hỏi có tính cách *dân chủ : một nước Cộng hòa thống nhất, tổng tuyển cử, đài thọ nghị viên, võ trang nhân dân, bãi bỏ mọi thuế má và công vụ phong kiến, biệt lập giữa Giáo*

Hội và Nhà Nước, Giáo dục miễn phí. Một vài điểm khác đã vượt qúa những đòi hỏi dân chủ đương thời, chẳng hạn: biến các lãnh địa hoàng tộc và phong kiến thành công hữu quốc gia, quốc hữu hóa các phương tiện giao thông, thành lập các công xưởng Nhà nước, thay thế các Ngân hàng tư nhân bằng một Ngân hàng Nhà nước.

Bản văn này có thể coi như là một áp dụng đầu tiên của Bản Tuyên Ngôn Đảng Cộng sản trong một trường hợp nhất định ,tại một quốc gia nhất định.

Ngày mồng 5 tháng Tư, Marx rời Paris, trở về Mayence , rồi Cologne. Ở đây có một tiểu tổ Liên Minh Cộng sản và *Hiệp Hội Lao Động* gồm 7000 hội viên.

Dự định của Marx là sáng lập một tờ Đại nhật báo để cổ động dư luận. Giai đoạn đầu tiên là đoàn kết các trào lưu dân chủ để lật đổ chế độ quân chủ và phong kiến. Bởi vì, nếu trên đông bằng sông Rhin, miền kỹ nghệ phồn thịnh, thợ thuyền đông đảo và hăng hái, thì trong toàn thể nước Đức, tình hình lại khác biệt. Giai cấp tư sản và tiểu tư sản đồng ý cải tạo xã hội , phân sẻ chính quyền, nhưng lại e sợ Cộng sản. Marx thành lập *Hiệp hội Dân chủ* và khuyến khích các đoàn viên của Liên minh Cộng sản tham gia hoạt động trong các hiệp hội lao động địa phương để tuyên truyền Cộng sản, lôi cuốn thợ thuyền và tiểu công nghệ. Ngày 7 tháng Sáu, một bài báo trong tờ *Tân Báo Sông Rhin,* mà ông vừa sáng lập, ra chỉ thị: " *Vô sản phải chiến đấu với đại đội dân*

chủ trong hàng ngũ cực tả, nhưng không được xa rời Đại đội. Họ phải hăng hái chiến đấu và phấn khích quân đội để xung phong Bastille. Bởi vì Bastille chưa bị phá đổ, bọn chuyên chế chính trị chưa bị bại trận. Bao lâu Bastille còn đứng vững thì phe dân chủ còn phải đoàn kết. Vô sản phải tránh mọi chia rẽ với phe đồng minh."

Nhưng giai cấp tư sản Đức còn gắn bó với trật tự cũ và ghê sợ cách mạng. Kết qủa của các cuộc nổi dậy chỉ đưa đến những cuộc tổng tuyển cử Quốc hội tại Bá-Linh và Cologne. Nhưng là Quốc hội của chế độ Quân chủ Lập hiến. Các tiểu tổ cách mạng bị quân đội bảo hoàng đàn áp, bắt bớ. Lệnh thiết quân luật được ban hành và tờ *Tân Báo Sông Rhin* bị đóng cửa dài hạn. Engels phải rời bỏ Cologne, cùng với Ernst Dronke và anh em Wolff.

Tháng Mười năm 1848, Engels trở lại Paris. Nhưng Paris bây giờ đã đổi chủ. Chính phủ mới đã hồi phục chính thể Cộng hòa, nhưng là Cộng hòa tư sản. Ngày 22 tháng sáu, các Công xưởng nhà nước hoàn toàn đóng cửa. Ngày 23, những tiểu tổ cách mạng cuối cùng tại Công trường Bastille bị tiêu diệt. Engels liền trẩy bộ qua Thụy sĩ. Ông đi dịch độ qua các miền quê. Khi thì làm việc hái nho kiếm sống. Khi thì ăn đọ ở nhờ dân làng . Ngày 9 tháng Chạp, Hội đồng Nhà nước tại Berne cấp cho ông giấy phép tị nạn. Ngày 12 tháng Giêng 1849, Engels trở về Cologne gặp lại Marx. Ở đây, sau khi lệnh thiết quân luật chấm dứt, Marx ra lại tờ *Tân Báo sông Rhin*.Trong một bài báo,

ông kịch liệt đả đảo chính quyền tiểu tư sản mới: "*Cái giai cấp tư sản Phổ, không tin tưởng ở chính mình, không tin tưởng ở nhân dân: run sợ với cấp trên, cần nhằn với cấp dưới. Ich kỷ với mọi người. Cách mạng chống bảo thủ, nhưng lại bảo thủ với cách mạng. Một bà già mù, điếc,răng khểnh. Đó là giai cấp tư sản Phổ nắm chính quyền sau thời cách mạng.*"

Sau khi đã đả kích giai cấp tư sản , Marx viết một loạt bài kêu gọi chiến đấu cách mạng: võ trang nhân dân, thành lập các Ủy ban cứu quốc, chống nộp thuế... Ông nhấn mạnh đến một liên minh giữa các giai cấp tiểu tư sản, nông dân và vô sản.

Ông dự định viết một bài cảo luận về hai tư tưởng mới: trước hết là sự suy xụp của giai cấp trung lưu do sự cạnh tranh và các cuộc khủng hoảng kinh tế. Hai là sự lệ thuộc của giai cấp tư sản Lục địa đối với Anh quốc là nước đang làm bá chủ nền thương mại quốc tế.

Ngày 11 tháng Năm 1849, Một sắc lệnh trục xuất tố cáo Marx là đã vi phạm " quyền khuản đãi". Ngày 3 tháng Sáu, 1849, Marx rời bỏ Cologne và sang Paris. Từ 10 tháng Mười một, 1848, Louis -Napoléon Bonaparte được bầu làm Tổng thống nước Cộng Hòa Pháp. Giới Tư sản đã hoàn toàn thắng thế. Ngày 19 tháng Bẩy 1849, Marx được lệnh phải về quản thúc tại Vannes. Ngày 24 tháng Tám năm đó ông từ bỏ Paris sang Luân Đôn cùng với hai nhà báo Karl Blind và Sebastian Seiler. Engels cũng rời Đức, qua Thụy sĩ, Ý và tới Luân Đôn ngày 10 tháng Mười một năm 1849.

Tại đây, Marx và Engels tổ chức quyên tiền giúp các người tị nạn, tổ chức lại Liên Minh Cộng Sản và có dự định xuất bản một tờ báo mới. Đồng thời, các ông rút kinh nghiệm cuộc Cách mạng 48, thảo ra một bản kết luận và gửi cho các đồng chí Cộng sản. Đây là những điểm chính của kết luận đó:

Ý tưởng chính là vô sản phải cấu tạo thành một *lực lượng độc lập ,một tổ chức vừa bí mật vừa công khai và liên kết với các lực lượng cách mạng khác:"Vô sản phải bảo vệ tính cách độc lập, nếu không nó sẽ biến thành một thứ chi điếm của chế độ dân chủ tư sản."* Rồi Marx và Engels đưa ra những chỉ thị chính xác về chiến lược hoạt động trong các trường hợp cách mạng tư sản dân chủ:

1. Chiến đấu không ngừng. Mỗi lần tư sản chiến thắng, "*chúng ta phải tiếp tục chống lại sự an hòa mà giai cấp tư sản đó cổ võ*", phải vượt qúa sự chiến thắng hôm nay để đề ra những yêu cầu mới.

2. Trên điêu tàn của chính quyền cũ có tính chất qúy phái, quân chủ và phong kiến, một chính quyền mới có tính chất tư sản được thành lập. Mặc dầu chính quyền đó phát xuất từ phong trào cách mạng, vô sản phải chống đối, và đề ra những thể chế vô sản: *"Bên cạnh các chính phủ hợp pháp mới, vô sản phải thành lập những chính phủ lao động cách mạng riêng, hoặc dưới hình thức các thành phố hoặc hội đồng thành phố, hoặc dưới hình thức các câu lạc bộ và các ủy ban lao động. Làm như thế, không những các chính phủ tư sản dân chủ sẽ mất hậu thuẫn của*

giai cấp lao động, mà còn cảm thấy lúc nào cũng bị kiểm xoát và đe dọa bởi các quyền lực của cả một quảng đại thợ thuyền."

3.Vô sản phải luôn luôn võ trang: " *Bất kỳ một duyên cớ nào, vô sản không bao giờ được rời võ trang. Nếu cần phải dùng bạo lực để chống lại mọi mưu đồ giải trang ".*

4. Trong trường hợp tổng tuyển cử, phải đưa ra các ứng cử viên lao động lựa chọn giữa các đảng viên của Liên minh.

Ngoài các điểm trên, trong chương trình mà Marx và Engels đã chỉ thị cho các đảng viên vào năm 1850 này, còn có hai điểm quan trọng khác: trước hết là vấn đề điền địa. Cuộc chiến thắng của giai cấp tư sản, đưa đến việc tịch thu ruộng đất của giai cấp qúy tộc. Theo ý kiến Marx và Engels, đất đai đó không được chia cho nông dân như là tư hữu. Như thế, một giai cấp nông dân tiểu tư sản sẽ được phát sinh. Bởi vậy, tài sản chưng thu phải là tài sản của Nhà nước, và tạo thành những đồn điền giao cho các hiệp hội lao động nông thôn khai khẩn ,với những bình diện và dụng cụ rộng lớn.

Điểm thứ hai thuộc về thể chế chính trị: Phải thành lập một chế độ Cộng hòa thống nhất với một chính quyền tuyệt đối tập trung trong tay Nhà Nước. Ba mươi lăm năm sau, 1885, Engels tự phê bình về điểm này và cho rằng "*các chính quyền địa phương do nhân dân bầu lên để quản trị công việc là những thế lực mạnh mẽ của Cách mạng".*

Vào năm 1895, năm cuối cùng của đời ông, Engels còn viết: *"Lịch sử cho biết là chúng tôi đã sai lầm, chúng tôi và tất cả những ai đã nghĩ như chúng tôi. Nó đã chứng tỏ rõ rệt rằng tình trạng phát triển kinh tế trên lục địa thời đó chưa đủ chín mùi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản."*

Dẫu sao, chiến lược mà Marx và Engels đã đề thảo ở trên thật là qủy quyệt và nham hiểm. Có một câu ngạn ngữ thông dụng trên thế giới:" *Không có ai qủy quyệt hơn một người Do thái qủy quyệt*". Marx và Engels là hai người Do thái khôn ngoan qủy quyệt. Mưu mô của các ông là dùng chiến thuật lừa phỉnh để liên minh mọi lực lượng nắm chính quyền . Nhưng sau khi chiến thắng lại dùng các tiểu tổ Cộng sản võ trang, bí mật để khủng bố, chia rẽ, lũng đoạn và tiêu diệt các đồng minh cũ không cộng sản, rồi nắm độc quyền cai trị.

Cái chiến lược và chiến thuật này, Lê Nin, Staline, Đệ Tam Quốc Tế và các lãnh tụ Cộng sản đã dùng trong suốt bẩy mươi năm trường để lừa bịp, lũng đoạn các tổ chức tôn giáo, các đảng phái dân chủ ái quốc và các chính phủ hợp pháp trên thế giới, gây rối loạn và cách mạng thường xuyên với những chiến tranh huynh đệ tương tàn, không kể gì đến những đau thương chết chóc của đám dân lành vô tội. Và kết qủa sau cùng là những chế độ độc tài, bóc lột , nghèo đói.

Các cuộc dấy loạn mà Marx và Engels tiên báo đã không xẩy ra. Vào cuối năm 1850, Marx và

Engels không còn tin tưởng gì nữa về một cuộc Cách mạng khẩn cấp. Bởi vì theo ý Marx, không có điều kiện khách quan, Cách mạng không thể nào thàng công. Và các điều kiện khách quan đó chỉ có thể phát hiện khi "*các lực lượng sản xuất hiện đại xung đột với các phương thức sản xuất tư bản*". Nhưng Auguste Wilich và Karl Schapper, hai ủy viên trung ương của Liên minh thì lại bảo tồn trào lưu "cương quyết" và chủ trương "Cách mạng thường xuyên". Ngày 15 tháng Chín, trong cuộc họp Ủy ban Trung Ương, Marx công khai chống lại khuynh hướng này: *"Chúng tôi nói với thợ thuyền rằng : các đồng chí còn phải trải qua mười năm, hai mươi năm, năm mươi năm nội chiến và tranh đấu quốc tế, không những để biến đổi tình trạng hiện tại, mà còn để thời gian cho các đồng chí tự biến cải và có đủ khả năng nắm chính quyền. Còn các anh, các anh lại nói ngược lại. Các anh bảo họ phải cướp chính quyền tức khắc...Trong khi chúng tôi tìm mọi cách để chứng minh cho thợ thuyền Đức hiểu rằng vô sản hãy còn vô tổ chức, thì các anh lại phỉnh nịnh một cách thô lỗ cảm tình dân tộc thái độ tập đoàn của giới tiểu thủ công ..."*

Thế là Liên minh tan vỡ. Marx ,Engels và Harney thành lập *Hiệp Hội Phổ Quát những người Cộng Sản Cách Mạng.* Marx cho rời Ủy ban Trung Ương về Cologne, vì tại đây, các người Cộng sản còn ủng hộ lập trường của ông. Nhưng cộng sản tại Đức vẫn bị chính quyền cấm cách và truy nã. Ngày 4 tháng Mười năm 1852 , một vụ án xử các đảng viên

Cộng sản tại Cologne, bẩy người bị kết án nhiều năm tù, còn bốn người được trắng án. Marx và Engels tạm đình chỉ hoạt động chính trị và ngồi viết sách.

Trong giai đoạn này, tư tưởng của Marx và Engels đã kể là chín muồi và cấu tạo thành một hệ thống có quy củ, mạch lạc. Cuối năm 1852, cuốn "*18 Brumaire của Louis Bonaparte*" được xuất bản tại Hoa-Kỳ. Còn các bài báo của Marx , rải rắc trong các tạp chí, lại được Engels gom góp và xuất bản năm 1885, với nhan đề: *"Các cuộc đấu tranh giai cấp tại Pháp"*. Còn hai mươi bài báo của Engels thì được tờ Nữu Ước Diễn đàn sưu tập và xuất bản ngày 22 tháng Chạp năm 1852, dưới nhan đề:"*Cách Mạng và Phản Cách mạng tại Đức*". Chúng ta có thể lược tóm các tư tưởng chính của những tác phẩm này như sau:

1.Các giai cấp xã hội và tương quan giữa các giai cấp đó vừa phiền toái vừa liên đới mật thiết với nhau. Giai cấp tư sản , tùy nhiều điều kiện, có thể phân chia thành nhiều thành phần, với những mục đích và khát vọng khác nhau. Sự đối lập quyền lợi có thể phát sinh giữa tầng lớp Đại ngân hàng và các nhà kinh doanh thương mại và xí nghiệp. Trong giai cấp vô sản cũng thế: "*Có một sự khác biệt lớn lao giữa người lao động trong các kỹ nghệ ô hợp hiện đại và anh thợ may và thợ mộc ở miền quê,mà điều kiện sinh sống và phương thức sản xuất còn in dấu vết của các phường nghiệp xót lại từ năm trăm năm.*" Trong bất cứ xã hội nào, dù phân chia thành giai cấp, dù có giai cấp đấu tranh, thì các phần tử cũng đều liên lạc

mật thiết với nhau. Phong trào thợ thuyền không thể nào tách rời các điều kiện dân tộc, trong đó nó phát triển. Các giai cấp trung gian cũng không đồng đều, không theo đuổi một mục đích. Engels nhận định: "*Trong những quốc gia quân chủ phong kiến, giai cấp tiểu tư sản cần có khách hàng vương triều và qúy phái để sinh sống. Trong các tỉnh nhỏ, một trại binh hay một chính quyền địa phương , một tòa án, là nền tảng của sự thịnh vượng tư sản. Nếu ta hủy diệt các thể chế đó, thì các cửa hàng, tiệm may, thợ giầy, thợ mộc,v.v. cũng biến mất.(*Engels)

Về giai cấp nông dân, thì Marx cũng có những nhận xét như sau : "*Các người nông dân sống trong cùng một hoàn cảnh, dù trong tương quan xã hội họ không thực sự đoàn kết. Phương thức sản xuất khiến họ sống xa cách nhau. Sự xa cách đó càng trầm trọng vì phương tiện giao thông khó khăn và sự nghèo khổ. Việc khai thác những mảnh đất nhỏ không thuận tiện cho việc chia sẻ lao động. Mỗi gia đình nông dân sống tự túc , trực tiếp sản xuất các sản phẩm mà họ tiêu thụ , rất ít trao đổi với tạo vật và với xã hội. Một miếng đất nhỏ, một nông dân, một gia đình. Bên cạnh, một miếng đất nhỏ khác, một nông dân khác và một gia đình khác. Nhiều gia đình họp thành làng. Nhiều làng họp thành quận. Như thế, quảng đại quần chúng của dân tộc Pháp chỉ là sự tụ họp của nhiều đơn vị có một tên chung, giống như một túi khoai tây, gồm nhiều trái khoai tây."* (99) Tất nhiên, ở đây Marx phân tích đời sống nông dân Pháp. Nhưng

ông quên rằng, dù hoạt động kinh tế cách biệt, nhạn dân Pháp cũng được liên kết tự hơn ngàn năm trong một nền văn hóa chung: nền văn hóa kết đúc từ các tín ngưỡng, tập tục và phong hóa. Phân tích của Marx là phân tích một chiều. Nó là sai lầm căn bản của Marx và của các lãnh tụ Mac-xít.

Thêm vào đời sống cô lập, thiếu giao dịch xã hội , thiều phân chia lao động, sản xuất tự túc,v.v. Marx cho rằng nông dân Pháp thiếu ý thức chính trị và nặng ảnh hưởng của hàng giáo sỉ và các bậc kỳ hào. Kết luận, Marx cho đời sống nông dân Pháp là đời sống *"ngu si'*.

2. Điểm thứ hai về chính trị. Marx cho rằng việc cầm quyền vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật. Người làm cách mạng là một nhà chính trị. Hắn không được bỏ qua qúa khứ, mà cũng không được quên tương lai. Còn Engels thì lại nhận định rằng, trong mọi cuộc các mạng, không có cuộc nào giống cuộc nào. Lịch sử không phải là một cuốn sách thu tập các môn vị nấu ăn.

3. Bởi thế, các phương pháp xử dụng trong cuộc Cách mạng 48, không thể nào được coi là những phương pháp phổ cập. Engels đưa ra hai thí dụ cụ thể: thứ nhất là cuộc tranh đấu võ trang. Cuộc nổi dậy của quần chúng không hiệu nghiệm nếu không có sự hộ trợ của một phần quân đội ngụy quân liên hiệp. Vấn đề thứ hai là sự hỗ trợ của quần chúng: "*Những cuộc cách mạng dẫn đầu bởi một nhóm thiểu số có ý thức đã lỗi thời. Khi một xã hội phải hoàn toàn thay*

đổi, thì toàn thể khối quảng đại quần chúng phải cộng tác và họ phải hiểu rõ tại sao họ phải can thiệp với tất cả sinh mạng và đời sống của mình."

4. Điểm thứ tư, thuộc vấn đề Nhà nước. Marx nhận định: "*Mọi cuộc cách mạng chính trị chỉ làm hoàn hảo guồng máy Nhà Nước, thay vì phá vỡ nó.*" Bởi vậy từ nay, phá vỡ Nhà nước và thiết lập chế độ Chuyên chế vô sản là mục đích cốt yếu: " *Chuyên chế vô sản là điểm chuyển dịch cần thiết để tiêu hủy mọi giai cấp nói chung, tiêu hủy mọi tương quan sản xuất của các giai cấp đó, tiêu hủy mọi tương giao xã hội liên đới tới các tương quan sản xuất , và lật đổ mọi ý tưởng phát xuất từ các tương giao xã hội này.*'(100)

Cũng trong thời gian này (12 tháng Ba 1852),Marx viết thư cho Weydemeyer, nói rằng ông không phải là người đã phát lộ ra sự hiện hữu của các giai cấp trong xã hội hiện đại và sự đấu tranh của chúng. Ông viết: " *Cái mới của tôi là chứng minh rằng: 1/Sự hiện hữu của các giai cấp chỉ liên hệ với những giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử sản xuất; 2/Giai cấp đấu tranh cần thiết đưa tới sự Chuyên chế vô sản; 3/Sự chuyên chế đó chỉ là một giai đoạn chuyển dịch giữa giai đoạn xóa bỏ mọi giai cấp và một xã hội vô giai cấp.*"

5. Điểm sau cùng: từ nay, Marx và Engels chú trọng đặc biệt về các tương quan giữa giai cấp vô sản và giai cấp nông dân. Marx viết: "*Không có sự yểm trợ của giai cấp nông dân, thì bài ca cách mạng vô sản chỉ là bài ca tang tóc*".

13. Luân Đôn và đời sống nghèo khổ.

Marx tưởng rằng đời sống tại Luân Đôn chỉ là tạm bợ. Không ngờ nó kéo dài cho đến ngày tận số. Đời sống gia đình ông thực là cùng cực. Khắp nơi, các tổ cách mạng đều bị tan rã. Kẻ bị giết, kẻ bị cầm tù. Không ai có tiền giúp đỡ ai. Engels đành phải trở về làm việc cho xưởng dệt gia đình tại Manchester, phần để kiếm sống, phần để giúp đỡ gia đình Marx. Nhưng tiền lương không đủ sống. Marx phải ngưng công việc tham khảo kinh tế, để viết báo kiếm ăn. Tiền báo ít ỏi. Jenny phải bán dần các đồ đạc và quần áo để trả tiền nhà. Tháng trả, tháng không. Sau cùng, gia đình Marx phải ra ở khách sạn tại khu Soho. Gian nhà vẻn vẹn có hai phòng. Một phòng làm chỗ ngủ, một phòng vừa làm bếp, làm phòng khách và phòng làm việc. Ngày 27 tháng hai 1852, Marx viết: *"Từ một tuần nay, quần áo của tôi bị kẹt ở núi cầm đồ, tôi không dám ra khỏi nhà. Và bởi vì không ai cho tôi mượn tiền, tôi đành nhịn ăn thịt cá... Bọn chủ nợ chó má theo đuổi đầy nhà.*"Tháng sáu năm 1855, không có tiền trả Bác sĩ lo thuốc cho con. Bị khiếu nại tại tòa án, Marx phải trốn lên ở nhờ Engels tại Manchester trong bốn tháng trời.

Vì thiếu ăn, bốn đứa con của Marx đều chết yểu tại Luân Đôn. Heinrich-Guido, mười ba tháng, mất vào tháng Một 1850. Franziska , 13 tháng chết ngày 14 tháng Tư 1852. Edgar, mất ngày 6 tháng Tư 1855, vì lao ruột.Hai năm sau, đứa con thứ bẩy, chết khi ra chào đời.

Mười lăm năm sau, Jenny còn bị ám ảnh bởi những ngày cơ cực đó. Bà viết:" *Trong lúc đó, các bạn hữu Đức, không ai giúp đỡ được chúng tôi. Ernest Jones, hồi đó thường đi lại nhà và có hứa giúp đỡ, nhưng cuối cùng ông cũng bất lực. Trong cơn bối rối tôi chạy sang cầu cứu một người láng giềng tị nạn Pháp, vẫn thường đến thăm nom chúng tôi. Tôi năn nỉ ông cứu trợ, trong cơn hoạn nạn khủng khiếp. Ông thương hại, liền giúp tôi hai bảng Anh, đủ tiền mua quan tài chôn cất cho cháu nhỏ."*

Năm 1858, Marx viết: *" Tuyệt đối, tôi không biết xoay sở làm sao. Thực ra, tình trạng của tôi còn tuyệt vọng hơn năm năm về trước. Tôi tưởng rằng mình đã uống cạn đến tinh tủy của sự khốn cùng.* Nhưng không, (*mais non*, bằng nguyên văn tiếng Pháp) *Cuộc khủng hoảng này, khốn thay, không phải là tạm bợ. Tôi không biết làm sao ra khỏi... Quyển Tư bản luận sẽ không bao giờ bù lại cho tôi tiền thuốc lá hút khi viết"*. Năm 1859, ông than thở: *"Tôi không bao giờ nghĩ đến rằng mình viết về tiền bạc, mà lại thiếu tiền bạc đến thế."* Năm 1862, Marx làm đơn xin vào làm việc văn phòng tại Sở Hỏa xa, nhưng bị từ chối, vì chữ viết của ông run răn như gà bới. Marx nghĩ đến việc đặt các con gái lớn làm vú nuôi, còn vợ chồng ông và đứa gái nhỏ dọn ra ở khu nghèo của thành phố.

Thực ra, tình cảnh Marx thật quẫn bách, nhưng nhờ sự giúp đỡ của Engels và tiền viết báo, Marx và gia đình ông không bị chết đói hoặc ở đường ở chợ.

Trong thời gian 1850 đến 1860, Marx viết cho tờ *New York Diễn đàn Nhật báo* tại Mỹ, tờ *Tân báo Oder* tại Đức và hai tờ *Dân báo* và *Tự do Báo* tại Anh. Hầu hết các bài báo đó đều bình luận về tình hình chính trị tại nhiều nước trên thế giới : nước Đức, nước Nga, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Ấn Độ,v.v. Với sự thúc bách của Engels, Marx cũng viết được vài bài cảo luận về kinh tế: ***1857 : Mở đầu để Cống hiến vào việc Phê bình Kinh Tế Chính trị. 1858: Nền móng của Phê bình Kinh tế Chính trị. 1859: Cống hiến vào Phê bình Kinh tế chính trị.***

Chính trong bài tựa của bản cảo luận này, lần đầu tiên Marx đã trình bầy một cách xâu đọng, tư tưởng của ông về quan niệm *Duy vật Lịch sử :* "*Trong cuộc sản xuất xã hội của đời sống nhân loại, con người đi vào các tương giao nhất định, cần thiết và độc lập ngoài ý chí của họ, những tương giao sản xuất tương ứng với mực độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất. Toàn thể các tương quan sản xuất đó tạo thành kiến trúc kinh tế của xã hội. Trên nền tảng của kiến trúc này, được xây dựng một thượng tầng pháp lý và chính trị. Các mô hình ý thức xã hội đều tương ứng một cách nhất định với thượng tầng pháp lý và chính trị này. Phương thức sản xuất của sinh hoạt vật chất chế tạo theo điều kiện nhất định qúa trình sinh hoạt xã hội, chính trị và trí tuệ tổng quát. Không phải lương tâm loài người đã tạo định ra bản thể của họ. Mà ngược lại, chính bản chất xã hội đã tạo định ra lương tâm con người.*"

Cuộc cách mạng xã hội không phải chỉ là một giai đoạn, nhưng là một *thời đại :*

" Ở mỗi mức độ phát triển, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội lại gây mâu thuẫn với các tương quan sản xuất hiện hữu, hoặc, nói theo ngôn ngữ pháp lý, mâu thuẫn với các tương quan tư sản, mà trong đó, cho đến nay, chúng đã tác biến. Từ các hình thức phát triển của các lực lương sản xuất trước, các tương quan cũ biến thành một cản trở. Lúc đó, mở ra một thời đại cách mạng xã hội mới."

Theo kinh nghiệm của cuộc cách mạng 1848 và các cuộc tranh luận với Weitling, Gottschalk và Willich, khi phân tích về những mâu thuẫn ở trong lòng một tổ chức xã hội-kinh tế nhất định, Marx cho rằng một cuộc cách mạng chỉ có thể phát sinh khi có đủ các điều kiện khách quan: "*Một tổ chức xã hội không bao giờ tan biến, trước khi toàn thể các lực lượng sản xuất được phát triển... Không bao giờ các tương quan sản xuất mới và cao độ hơn có thể thay thế được các tương quan cũ, trước khi các điều kiện sinh tồn vật chất của các tương quan đó chưa được nẩy nở hoàn toàn trong lòng xã hội cũ. Bởi thế, nhân loại bao giờ cũng chỉ đặt ra các vấn đề mà nó có thể giải quyết , bởi vì ,nếu nhìn kỹ thì thấy rằng bao giờ các vấn đề cũng chỉ nẩy sinh, khi các điều kiện vật chất để giải quyết đã có sẵn, hay ít ra cũng đang dần phát hiện.'* (101)

Năm 1860, thân phụ của Engels qua đời, nhưng ông không được hưởng phần thừa tự. Theo giao kèo,

phải đợi đến năm 1864, ông mới trở thành xã viên của xí nghiệp và được hưởng một phần lợi tức. Từ đây, ông có thể giúp đỡ Marx một cách thoải mái hơn, và ông này có thể rảnh trí hơn để soạn thảo Bộ *Tư Bản Luận.* Cuốn nhất được xuất bản năm 1867. Ba cuốn sau chỉ được ra mắt sau khi tác gỉa đã từ trần. Chúng tôi sẽ bàn tới tư tưởng của Marx về kinh tế chính trị ở một chương sau.

14. Đệ Nhất Quốc Tế.

Từ năm 1852, Marx đã có ý từ bỏ các hoạt động chính trị trực tiếp, để lo nguyên việc nghiên cứu lý thuyết và chiến lược cách mạng. Nhưng một cơ hội đã khiến ông từ bỏ ý định này. Ngày 22 tháng Bẩy 1863, một cuộc Biểu tình quốc tế nhóm họp tại Luân Đôn để ủng hộ cuộc tranh đấu tại Ba-Lan. Trong dịp này, các đoàn đại biểu lao động Anh và Pháp muốn trao đổi địa chỉ và dự định một Hội nghị lao động quốc tế. Hội nghị được ấn định họp ngày 28 tháng Chín năm đó. Marx được giấy mời của bạn ông là Giáo sư E. Spencer Beesly , chủ tọa Hội nghị. Marx được mời làm nhân viên Ủy ban lâm thời của tổ chức. Tuy hồi ấy, sức khỏe của ông đã bắt đầu suy nhược, nhưng sau khi bàn ý kiến với Engels, Marx bằng lòng gia nhập hội, vì ông cho là cơ hội duy nhất để liên hiệp và lôi cuốn lao động quốc tế chấp nhận lý thuyết cách mạng của các ông. Hơn nữa, Marx lại được giao phó nhiệm vụ soạn thảo một tuyên ngôn

về các nguyên tắc và điều lệ tạm thời của Tổ chức, mà Eccarius và Whitlock đề nghị gọi tên là *Hội Quốc tế Lao Động*. Sau này được chỉ định là *Đệ Nhất Quốc tế*.

Hồi đó , giữa các phong trào gia nhập Tổ chức, còn có nhiều điểm bất đồng nhau. Người ta có thể phân biệt làm bốn trào lưu:

1. Trào lưu mạnh nhất theo số lượng là tổ chức lao động Anh , trong Liên hiệp Thương Nghiệp (Trade-Union). Ban đầu chỉ có các chiến sĩ có ảnh hưởng của Liên hiệp, nhưng từ 1866, nhiều chi nhánh nghiệp đoàn chuyên nghiệp cũng gia nhập: nghiệp đoàn thợ dệt, thợ giầy, thợ may , thợ cơ khí ,v.v.Nhưng nói chung, phần đông, thợ thuyền Anh không muốn tham gia Hội Quốc tế, bởi vì họ ưa thực tiễn hơn lý thuyết.

Ngay các đoàn viên Anh trong tổ chức cũng không hòan toàn đồng ý với Marx về mọi vấn đề. Chẳng hạn , John Weston và phần đông nghiệp đoàn Anh cho rằng phải thận trọng, vì nhiều khi sự tăng lương không có hiệu qủa, bởi vì nhất thiết nó đưa đến sự tăng giá sinh hoạt theo một tác động xoáy chôn ốc. Marx than thở với Engels:"*Làm sao trong một tiếng đồng hồ, có thể dạy cho họ cả một bài học về kinh tế chính trị ?* " Ông đành trả lời Weston bằng quan niệm về *gía trị thặng dư,* nghĩa là phần tư bản bóc lột của lao động. Theo ý Marx, đòi thêm được một phần lương hay bớt đi được một ngày làm việc, là một sự đương đầu với giai cấp tư bản, với mục đích cuối cùng là xóa bỏ chế độ lương lậu. Đối với Nghiệp

đoàn Anh, thì theo nguyên tắc, thợ thuyền không làm chính trị, không coi lao động như một giai cấp, mà chỉ là một hiệp hội của nghề nghiệp , cần phải thận trọng trong việc điều đình và giàn xếp với chủ xưởng để đi đến những thỏa thuận hợp lý, có ích lợi cho cả đôi bên.

2.Trào lưu thứ hai theo tư tưởng của Proudhon tại Pháp. Từ ngữ căn bản của Proudhon là *Tương Trợ* (solidarité) . Proudhon từ chối mọi hành động cách mạng có tính cách bạo động, nhất là với mục đích chuyên chế chống tôn giáo, luân lý và tư hữu như Marx chủ trương.

3.Trào lưu thứ ba thuộc giới lao động tại Đức, dựa trên tư tưởng của Ferdinand Lassalle, sáng lập viên của "Tổng Liên Hiệp Lao Động Đức", có nhiều ảnh hưởng đến giai cấp thợ thuyền trong nước. Họ công nhận rằng tổ chức nghiệp đoàn là cần thiết và phương pháp đình công là hiệu nghiệm. Nhưng họ tranh đấu trong khuôn khổ của pháp luật và hy vọng rằng chính phủ sẽ dùng những biện pháp để cải tạo đời sống xã hội.

4. Trào lưu thứ tư là p^hong trào cộng sản, dựa trên lý thuyết của Marx và Engels. Trong năm 1864, phong trào này còn là thiểu số. Hầu hết là các cựu hội viên của Liên Minh Cộng sản, gồm Đảng Xã hội Dân chủ và Đảng Lao Động Dân chủ do Auguste Bebel và Wilheim Liebknecht thành lập.

Theo chiến thuật của Marx và Engels, hồi đó là thiểu số, thì mục đích hiện tại là liên hiệp lao động thế giới trên một mục tiêu tối thiểu chung. Sau đó với chiến thuật chia rẽ, lũng đoạn , lựa thời cơ, nhóm vô sản võ trang và

bí mật có thể chiếm lại chính quyền độc tài và thiết lập *chế độ chuyên chế vô sản,* để vừa tiêu diệt đồng minh cũ, vừa dùng thời gian để giáo hóa vô sản cho đủ khả năng cai trị xã hội.

Bởi vậy, khi soạn thảo tuyên ngôn nguyên tắc,chương trình của Đệ nhất Quốc tế không thể là chương trình của Tuyên ngôn Cộng sản. Theo chính lời Marx, nó phải mở cửa cho các nghiệp đoàn Thương mại Anh, nghiệp đoàn Pháp, Ý, Bỉ,Tây ban nha, có khuynh hướng Proudhon, và nghiệp đoàn Đức có khuyng hướng Lassalle. Những dự định đầu tiên rất là hỗn loạn. Nó bao gồm lẫn lộn các khuynh hướng của Mazzini, của Owen do Weston đề xướng, với những đề nghị thành lập một thứ chính phủ trung ương của các giai cấp thợ thuyền Âu châu một vài ý kiến mơ hồ có khuynh hướng xã hội Pháp. Sau cùng, ngày mồng Một tháng Một 1864, Ủy ban Lâm thời đã chấp thuận một *"Tuyên bố khai mạc của Hội Lao Động Quốc Tế"*, do Marx soạn thảo.

Trong phần mở đầu, Marx trình bầy lý do tại sao lao động phải đoàn kết đấu tranh: " *Sự tăng hảo của máy móc, việc áp dụng khoa học vào sản xuất, những khám phá mới về phương tiện giao thông, các tân thuộc địa, các cuộc di dân, sự xây dựng các thị trường tiêu thụ mới, việc tự do trao đổi, tất cả những cái đó không tiêu hủy được sự khốn cùng của giai cấp lao động. Trái lại, bao lâu mà các nền móng sai lạc hiện hữu còn tồn tại,thì mỗi việc phát triển sức lực sản xuất lao động mới, chỉ đào xâu thêm vực thẳm càng ngày càng rộng rãi giữa các giai cấp và*

phát sinh ra sự mâu thuẫn xã hội." Rồi Marx kể ra các thất bại của giai cấp vô sản từ năm 1845: sự tàn sát sau các dịp nổi loạn và các cuộc di dân tị nạn của thợ thuyền. Nhưng hai kết qủa cũng được nêu lên:tại Anh, giờ làm việc được rút bớt và sự phát triển của phong trào hợp tác xã. Marx nhấn mạnh đến điểm này và cho rằng việc sản xuất không cần thiết phải dựa vào giai cấp tư bản.

Kết luận, Bản Tuyên ngôn kêu gọi thợ thuyền suy nghĩ về vài yêu sách:

1. Nhiệm vụ đầu tiên của các giai cấp lao động là cướp chính quyền.

2. Các tổ chức lao động trong mọi dân tộc phải đoàn kết nhau trong tình huynh đệ thì mới có thể chiến thắng.

3. Các phong trào lao động phải theo dõi tình hình quốc tế và trao đổi lẫn nhau kinh nghiệm và hộ trợ các cuộc chiến đấu.

Theo Quy Lệ của Hội, mỗi năm họp một lần Hội nghị để nghị quyết các biện pháp cần thiết và giữa hai cuộc Hội nghị, Hội Đồng Trung Ương sẽ chỉ định hoạt động của Hội.

Kết luận của Quy Lệ nhắc đến các quan niệm về Chân lý, sự Công bình và Luân lý. Marx hơi ngượng nghịu khi phải nại đến các vấn đề này: "*Tôi bắt buộc phải chấp nhận các đoạn văn nói về Bổn phận, quyền lợi, Chân lý, Luân lý và Công bình. Nhưng tôi đã xếp đặt một cách kín đáo để khỏi làm hư hại toàn thể.*"Ông nói như thể là Luân lý và Bổn

phận chỉ là những điều lố bịch đáng hổ thẹn khi nói ra.

Từ nay Marx vừa tham khảo lý thuyết, vừa hoạt động cho Quốc tế Lao Động. Đời sống bận rộn, mặc dầu sức khoẻ suy nhược: Thư từ, tiếp khách, báo cáo Hội nghị,tổ chức biểu tình ủng hộ các cuộc đình công,v.v. Không khí nội bộ cũng không thanh thản, nhiều sự bất đồng, nhiều âm mưu. Khuynh hướng Proudhon hoài nghi về vai trò nghiệp đoàn. Khuynh hướng lao động Anh muốn hạn chế hoạt động của họ trong phạm vi duy nhất của những yêu cầu đòi quyền lợi nghề nghiệp chứ không đòi nắm quyền chính trị. Marx không trực tiếp tham dự vào Hội nghị nào, có lẽ vì lý do sức khỏe, nhưng ông soạn thảo mọi báo cáo cho Hội nghị.

Năm 1865, Hội nghị không nhóm được tại Bruxelles bởi vì chính phủ Bỉ vừa ra một đạo luật chống các người di dân ngoại quốc. Hội nghị nhóm họp ba ngày tại Luân Đôn. Năm 1866, Hội nghị tại Genève. Vài vấn đề liên quan đến phong trào thợ thuyền được nêu ra: *ngày làm việc tám giờ, lao động trẻ em, giáo dục chung về bách nghệ*, để các người theo học có thể lĩnh hội được nền tảng của qúa trình sản xuất kỹ nghệ. Marx cũng yêu cầu Hội nghị tuyên bố ủng hộ "một nước Ba-Lan dân chủ và độc lập", và sự võ trang nhân dân.

15.Xung đột với Bakounine.

Hai năm sau, tình hình quốc tế căng thẳng. Vấn đề chiến tranh và hòa bình được đặt ra tại Hội nghị Bruxelles (1868). Sau một cuộc tranh luận sôi nổi, một quyết nghị "*yêu cầu các công nhân đình công, nếu chiến tranh xẩy ra giữa hai nước của họ*". Thực ra, vấn đề này phiền phức, khó thực hiện.

Trong ý định của Marx, vấn đề căn bản là lôi cuốn giai cấp lao động vào trào lưu cộng đồng tập thể. Nhưng ý tưởng này cũng vấp phải sự chống đối của phần đông hội viên. Ngoại trừ vài đồ đệ người Đức, những người khác, tuy gia nhập tổ chức Quốc tế nhưng vẫn bám víu vào trào lưu tư tưởng của các lãnh tụ quốc gia, như Lassalle tại Đức, Garibaldi tại Ý, Proudhon tại Pháp và Weston tại Anh. Tất nhiên, mọi người đều chống lại chính sách độc tài và chế độ Cộng sản cực đoan.

Tại Hội nghị Bâle (1869), sự chia rẽ trở nên trầm trọng, bởi vì lần này, đối thủ của Marx không phải chỉ là một anh thợ tầm thường, nhưng là một chính trị gia có nhiều kinh nghiệm và cùng theo đuổi một mục tiêu như Marx: xây dựng một xã hội giải thoát mọi bóc lột kinh tế và thống chế chính trị. Đó là *Mikhaïl Bakounine*.

Nếu Marx và Bakounine cùng theo đuổi một mục đích thì hai người lại có một nguồn gốc, tính tình và những ý tưởng về chiến thuật và tổ chức xã hội khác nhau.

Marx là người Đức , thường khinh thị người Tư Lạp Phu (Slave) như lạc hậu, mộ đạo và phản động. Bakounine là người Nga lại coi người Đức là Đế quốc, kiêu căng và hiểm độc.

Năm 1845,sau khi tờ *Lịch triều Pháp Đức* thất bại, Marx và Engels cộng tác với tờ *Tiến Lên* của nhóm Börnstein, Ruge và Herwergh. Bakounine, bị công an Nga Hoàng bắt bớ cũng về nhập bọn. Nhưng Bakounine không viết lách gì cả. Sau này, trong tập "*Hồi Ký*" ,*ông* giải thích:"*Trong khi gặp nhau bàn bạc, bọn văn chương Đức không ngừng phêu phao, cãi cọ và tranh lộn, thành ra mọi dự định đều đổ bể.* " Rồi ông cho ý kiến về Marx:"*Năm 1844, chúng tôi gặp nhau thường. Tôi rất mến phục tài năng và sự tận tụy nhiệt thành của anh ta, mặc dầu trong hoạt động tranh đấu cho vô sản anh thường có vẻ kiêu hãnh cá nhân... Nhưng giữa hai đứa chúng tôi, không bao giờ có được một tình bạn chân thành. Tính tình chúng tôi khác nhau qúa. Anh ta coi tôi như một kẻ mơ mộng tình cảm. Anh ta có lý. Còn tôi, tôi cho là anh kiêu căng và thâm hiểm. Tôi cũng có lý.*" *(102)*

Tháng chạp 1847, trong một bức thư gửi thi sĩ Herwegh, Bakounine viết: "*Bọn người Đức, Börnstein, Marx và Engels, nhất là Marx, lúc nào cũng mánh khóe quỷ quyệt. Kiêu căng, độc ác, gièm pha . Lúc nào cũng xét đoán về cuộc đời , hành động và sự đơn giản mà thực sự thì họ sống bên ngoài sự đơn giản , hoạt động và cuộc đời . Lúc nào cũng phỉnh nịnh thợ thuyền một cách thô bỉ. Họ cho* "Feuerbach là một

tên trưởng giả" .Chữ trưởng giả *lập đi lập lại, gán cho mọi người , thế mà trong khi bọn họ, từ đầu đến chân, chỉ là một bọn trưởng giả của một tỉnh nhỏ. Tóm lại chỉ là dối trá, quê quệch. Giao dịch với họ, không được tự do, thoải mái. Vì thế, tôi xa rời bọn đó.'* (103)

Mùa đông 1848, Marx và Bakounine gặp nhau lại tại Berlin. Bakounine viết : "*Các bạn bè chung bắt buộc chúng tôi phải ôm hôn nhau. Trong câu chuyện nửa đứng đắn, nửa bỡn cợt, Marx nói với tôi: "Cậu biết không, bây giờ tôi đứng đầu một hội Cộng sản bí mật rất kỷ luật , nếu tôi bảo với một hội viên : "đồng chí phải giết Bakounine" , thì hắn sẽ giết cậu." Tôi trả lời anh ta : " Nếu hội kín của anh không có việc gì khác để làm là đi ám sát những người mà các anh không ưa,thì hội đó chỉ là một hội của bọn nô bộc, khuê chương, lố bịch.'* (104)

Thực ra, sự xung đột giữa Bakounine và Marx bắt nguồn từ sự khác biệt tư tưởng của hai lãnh tụ chính trị muốn lôi cuốn môn đệ vào trào lưu tư tưởng của mình.

Sự bất đồng bắt đầu từ năm 1848, khi Bakounine kêu gọi đồng hương thiết lập phong trào Liên bang dân tộc Phu-Lạp-Tư (Panslavisme).

Trong bản " *Kêu gọi Dân tộc Phu-Lạp-Tư"* ở Hội nghị Prague và xuất bản năm 1848 tại Köthen, Bakounine viết: " *Dấu hiệu đầu tiên của đời sống cách mạng là tiếng kêu hận thù chống lại sự áp bức cũ, tiếng kêu thân thiện và trìu mến của mọi dân tộc*

cùng bị áp chế. Đã đến lúc các dân tộc cảm thấy sự ô nhục dè lên đầu nhân loại và nhận định rằng bao lâu, trên lục địa Âu châu, mà còn một dân tộc nào bị áp bức, thì sự giải phóng quốc gia không thể nào được bảo đảm. Đả đảo bọn áp bức, đó là tiếng kêu hòa đồng. Giải phóng mọi người bị đè nén, giải phóng dân Ba-Lan, dân Ý Đại lợi, giải phóng mọi người. '(105)

Marx và Engels kịch liệt chống lại tư tưởng Liên bang Phu Lạp Tư, vì hai lý do. Trước hết, dân tộc này sống rải rắc khắp miền Đông Âu và dưới sự đô hộ của người Đức và người Hung Gia Lợi. Nếu họ đoàn kết đòi độc lập và chia sẻ đất đai, thì tinh thần ái quốc sẽ lấn át tinh thần các mạng vô sản. Thứ hai, theo ý Engels, dưới sự đô hộ, tinh thần họ , còn kém mở mang và mộ đạo, nếu có cuộc nổi dậy , thì vì lòng ái quốc, họ sẽ ủng hộ Nga Hoàng để chống lại dân Đức. Ngược lại, trong trường hợp này, thợ thuyền Đức cũng sẽ đi theo Áo Hoàng để kháng cự. Thế là tinh thần cách mạng sẽ tan biến.

Trong hai bài báo đăng trong tờ "*Nhật báo sông Rhin*" ra ngày 15 và 16 tháng Hai 1849, Engels phê bình nghiêm khắc lập trường của Bakounine, ông viết: "*Công bình, nhân loại, tự do, bình đẳng, huynh đệ, độc lập...Trong bản tuyên ngôn Liên bang Tư Lạp Phu, người ta không thấy gì ngoài những loại danh từ có tính cách luân lý đó. Nghe thì kêu thiệt, nhưng trong các vấn đề lịch sử và chính trị, chúng hoàn toàn không chứng minh gì hết. Công bằng, nhân đạo, tự do, có phát biểu ngàn vạn lần những yêu xách này nọ,*

nhưng nếu sự đó không thể thực hiện được, thì rút cục cũng chỉ là một giấc mộng trống rỗng... Chúng tôi đã phân tích cho thấy rằng các tiểu quốc, từ bao thế kỷ, bị lôi kéo trong lịch sử, ngoài ý muốn của họ, các dân tộc ấy nhất thiết là phản động, và lập trường của họ trong cuộc Cách mạng 48, cũng thực là phản động. Chúng tôi nhắc lại: những dân tộc chưa bao giờ có một lịch sử đặc biệt của mình, các dân tộc bị đô hộ ngoại quốc ngay từ giai đoạn nguyên thủy và man rợ như thế, không có một sinh lực nào và không bao giờ có thể đạt tới trình độ tự trị... Một kinh nghiệm đau đớn cho ta thấy rằng " tình huynh đệ các dân tộc Âu Châu" không thể nào chỉ xây dựng được bằng những câu nói suông, hoặc những lời nguyện ước thành khẩn, nhưng bằng những cuộc cách mạng cực đoan, những cuộc đấu tranh đẫm máu." (106)

Tháng Năm 1849, Bakounine bị chính phủ Saxe (Đức) bắt giam và tháng giêng 1850, ông bị kết án tử hình. 15 tháng Năm 1851, án tử hình được đổi thành khổ sai chung thân và ông bị trao về tay Nga Hoàng. Năm 1857, ông bị quản thúc tại Tomsk, miền Siberi, mãi tới 1861, mới chốn thoát và trở lại Âu Châu.

Trong 12 năm tù đây, các kẻ thù chính trị cũng không quên Bakounine. Nhiều tin đồn đại trong báo chí, tố cáo ông là nhân viên gián điệp của Nga Hoàng. Ngày mồng 6 tháng Bẩy 1848, tờ "Tân Báo Sông Rhin" do Marx và Engels sáng lập, đăng tin sau đây: *"Hôm qua, người ta cho chúng tôi biết chắc chắn*

rằng bà George Sand (nữ văn hào Pháp, bạn của Bakounine) có trong tay nhiều giấy tờ và tài liệu liên can trầm trọng tới ông Bakounine, một người Nga bị trục xuất khỏi Pháp. Tài liệu ấn định rằng ông này là tay sai của Nga hoặc là một nhân viên mới nhập đội và vì ông mà nhiều người Ba Lan bị bắt. Bà George Sand đã cho nhiều bạn bè xem các tài liệu đó."

Sau thư khiếu nại của Bakounine, bà George Sand liền viết thư cho Tân Báo Sông Rhin và cải chính như sau: " *Thưa ông Chủ bút, ngày 3 tháng Bẩy, ông đã cho đăng trong qúy báo bài sau này...Các sự việc mà phóng viên đã thông tin cho ông là hoàn toàn bịa đặt không có một mảy may sự thật. Tôi không hề có một chứng cớ nào tố cáo ông Bakounine... Bởi thế, tôi không hề bao giờ có chút nghi kỵ gì về lòng chính trực và niềm thâm tín thành thực cuả ông ta. Tôi yêu cầu ông, vì danh dự và lương tâm, phải đăng ngay bức thư này lên qúy báo...."*

Sau này, người ta biết rằng tác giả của tin bịa đặt kia là Urquhart, một bạn thân của Marx, nhưng ông này cho rằng mình không hay biết gì về việc tên ấy làm. Dẫu sao, Bakounine vẫn tin rằng Marx có nhúng tay trong vụ đó.

Sự khác biệt tư tưởng can hệ nhất thuộc về quan niệm tổ chức xã hội tương lai. Marx muốn hủy diệt hoàn toàn chế độ tư hữu và xây dựng cộng đồng tập thể, còn Bakounine thì đồng ý chủ trương chế độ công điền công thổ, nhưng để cho các cá nhân quyền xử dụng tư hữu. Ông đề nghị bãi bỏ

quyền thừa kế và mua bán đất đai,v.v. Đàng khác, Marx muốn bảo tồn Nhà Nước chuyên chính vô sản trong giai đoạn qúa độ hướng tới xã hội Cộng sản, còn Bakounine thì muốn tức khắc bãi bỏ chế độ Nhà Nước tập trung bao quát, để thiết lập Liên bang dân chủ theo kiểu Thụy Sĩ ngày nay.

Dù biết ý hướng và tư tưởng cực đoan của Marx, nhưng Bakounine cũng đồng ý tham gia Đệ Nhất Quốc tế. Marx chấp thuận, với điều kiện là sự gia nhập của Bakounine chỉ có tư cách cá nhân chứ không phải nhân danh các đoàn thể khác của Bakounine. Trong một bức thư cho Carl Vogt, Bakounine giải thích lý do và dự định của ông trong việc gia nhập này. Carl Vogt là một nhà Tự nhiên học thời danh, đã được Darwin trích dẫn và mời đề tựa bản dịch Pháp văn bộ sách "*Giòng dõi loài người và sự đào thải tính dục*" của ông, xuất bản năm 1873. Vogt là đoàn viên của *Liên hiệp Quốc tế*, do Bakounine sáng lập năm 1868 tại Genève, đồng thời cũng là Chủ tịch "*Liên Minh Bảo vệ Hòa Bình và tự do*", nhóm họp các người dân chủ Âu châu thời danh như Victor Hugo, Stuart Mill, Garibaldi, Quinet, Vallès, Grün, Yung, Becker, Bakounine, v.v. Vogt cũng chính là người đã coi Marx là một kẻ ba hoa, kiêu kỳ và bị Marx đả kích lại trong cả một cuốn sách, nhan đề "*Ông Vogt*" (*Herr Vogt*,1860). Trong thư cho Vogt, Bakounine viết: "*Không, tôi không bao giờ có ý dìm đắm Liên Minh của chúng ta vào Liên Hiệp Quốc tế Lao Động. Nhìn nhận và tuyên bố rằng khởi điểm và nền móng các*

nguyên tắc chính trị của chúng ta cũng là những nguyên tắc kinh tế và xã hội căn bản của Quốc tế Lao Động, không có nghĩa là chúng ta phải theo đuôi hoặc nô lệ Liên Hiệp đó. Mặc dầu thái độ đố kỵ và thô bỉ của Liên Hiệp đối với chúng ta tại Hội nghị Bruxelles (9 -1868), chúng ta không thể và không được không biết đến tầm thước lớn lao và hữu ích của Hội nghị này. Đó là một biến cố quan trọng nhất của thời đại. Nếu chúng ta là những người dân chủ thành thực, thì không những chúng ta phải ước mong rằng một ngày kia Liên Hiệp sẽ bao quát mọi hiệp hội lao động Âu châu và Mỹ châu, mà chúng ta còn phải hết sức cộng tác, bởi vì ngày nay nó là một mãnh lực cách mạng thực thụ để biến cải bộ mặt thế giới. Chúng ta có thể và phải tham gia tích cực vào chính nghiã dân chủ xã hội và Liên Hiệp Quốc tế, bằng cách đặt và sửa soạn các vấn đề, soi sáng chúng bằng cùng một con đường chính trị mà chúng ta phải noi theo để giải quyết hoàn toàn chính vấn đề xã hội đó. Nhưng muốn thực sự thực hiện mục đích đó, chúng ta cần phải thành thực tuyệt đối chấp thuận nguyên tắc căn bản của Liên hiệp Lao Động : bình đẳng kinh tế giữa mọi giai cấp và mọi con người trên mặt đất; do đó, phải bãi bỏ tư hữu thừa kế, chiếm hữu điền địa và các dụng cụ sản xuất vào tổ chức liên bang các hiệp hội thợ thuyền, một Liên bang, trong đó mọi Nhà Nước, mọi thể chế chính trị, xây dựng trên tư hữu thừa kế tư bản hiện nay, phải tan biến." (107)

Trong Hội nghị lần thứ hai của Liên Minh Bảo vệ Hòa Bình (9-1868), Bakounine lại giải minh quan điểm của ông về quan niệm tập thể, khác với quan niệm Cộng sản của Marx: "*Bởi vì tôi yêu cầu sự bình đẳng kinh tế giữa mọi giai cấp và cá nhân, bởi vì tại Hội nghị Bruxelles, tôi tuyên bố rằng mình chấp thuận chính sách tài sản tập thể, cho nên người ta trách cứ tôi là* cộng sản. *Người ta hỏi tôi: cộng sản và tập thể khác nhau chỗ nào? Thực ra tôi rất ngạc nhiên khi thấy ông Chaudey không hiểu sự khác biệt đó, ông là kẻ thừa hành chúc thư của Proudhon. Tôi ghét Cộng sản, bởi vì nó là phản đề của tự do và bởi vì tôi không thể nào quan niệm được một cái gì nhân đạo lại không có tự do. Tôi không phải là Cộng sản, bởi vì Cộng sản tập trung và thu hút mọi mãnh lực xã hội vào tay Nhà Nước, bởi vì tất yếu nó đưa đến sự tập trung tài sản vào tay Nhà Nước, còn tôi, tôi muốn bãi bỏ Nhà Nước- tôi muốn bật rễ nguyên tắc tập quyền và bảo trợ của Nhà Nước khi nó nhân danh luân lý và văn minh, lại nô lệ hóa, bóc lột, đàn áp và đầy đọa con người. Tôi muốn tổ chức xã hội và tập sản từ dưới lên trên, bằng con đường tự do hiệp hội, chứ không phải từ trên xuống dưới, bằng bất kỳ một quyền bính nào. Vì muốn bãi bỏ Nhà Nước, tôi đề nghị bãi bỏ tư hữu cá nhân thừa kế, nó chỉ là một thể chế của Nhà Nước, một hậu qủa của nguyên tắc Nhà Nước. Đó là ý nghĩa thực sự: tôi là người tập thể chứ không phải Cộng sản.*"(108)

Trước cuộc Hội Nghị thường niên lần thứ tư của Liên Hiệp Lao Động tại Bâle (1869), Bakounine được chính thức cử làm đại diện chi bộ Lyon, cùng với ba đại biểu khác của tổ chức Liên Minh.

Nhưng lập trường của Liên hiệp cũng bắt đầu nghiệt ngã. Bởi vì từ Hội Nghị Bruxelles, Marx được cử làm ủy viên thường trực của Tổng Hội Đồng tại Luân Đôn và bí thư phái viên của các chi bộ Đức. Đứng sau hậu trường sân khấu, Marx điều khiển mọi đường lối và chương trình của Liên Hiệp. Từ đấy, Marx dần dần gạt bỏ mọi trào lưu dân chủ của Mazzani, của nghiệp đoàn Anh và trào lưu "*tương trợ*" của khuynh hướng Proudhon. Trào lưu này phát xuất từ các chi bộ Pháp và Thụy Sĩ, rất mạnh ở Hội nghị Genève (1866), giảm bớt tại Lausanne (1867) . Sự đối lập giữa hai khuyng hướng *tập thể và tương trợ* phát xuất từ Hội nghị Bruxelles (1868). Tại Hội nghị Bâle lần này (1869), khuynh hướng "*tương trợ*" bị hất cẳng, nhưng trào lưu "*liên bang*" của Bakounine lại lộ mặt.

Tại Hội nghị, Bakounine đề nghị bãi bỏ quyền thừa kế tài sản cá nhân và giải thích :"*Quyền thừa tự là nền móng và điều kiện chính của tư sản cá nhân, và được Nhà Nước bảo đảm. Người ta cho rằng sự bãi bỏ đó không thực tiễn, bởi vì nếu vô sản có đủ uy lực để bãi bỏ quyền thừa tự, thì nó cũng có thể lợi dụng trường hợp này để bãi bỏ toàn diện tư sản . Nhưng chính vì thực tiễn mà tôi đề nghị bãi bỏ quyền thừa tự trước tiên, bởi vì nếu chúng ta chưng thu ngay tài sản của các tiểu điền chủ, thì tức là đẩy họ vào*

phe phản cách mạng. Đó là điều nên tránh. Bởi thế, trong một thời gian, các tiểu chủ còn được quyền hưởng dụng mảnh đất nhỏ của họ. Nếu quyền thừa tự được bảo tồn, thì không những họ được hưởng dụng mà còn biến thành địa chủ và thừa kế tài sản cho con cháu họ. Còn nếu chúng ta bãi bỏ quyền thừa kế, thì họ chỉ có quyền tạm hưởng dụng và quyền đó sẽ dễ dàng bị lật đổ, tùy theo uy lực cách mạng."(109)

Ủy Ban Hội nghị đưa đề nghị của Bakounine ra bầu phiếu. Trong 68 hội viên, 32 bầu thuận, 23 bầu chống và 13 phiếu trắng. Đề nghị Tập thể toàn diện của Tổng Hội Đồng (Marx) được 19 phiếu thuận, 37 phiếu chống và 6 phiếu trắng. Đề nghị của Bakounine tuy thắng phiếu, nhưng không được chấp thuận, bởi vì không đủ đại đa số. Nhưng đề nghị của Marx lại bị thất bại nặng nề, vì chỉ được 19 phiếu thuận trên 62.

Từ sau Hội nghị Bâle, Marx và các đồ đệ của ông không ngừng đả kích Bakounine. Trong một *bản mật báo* gửi cho Kugelmann, đảng Dân chủ xã hội Đức, ngày 28 tháng Ba 1870 , Marx viết : *"Bakounine tìm cách đạt mục đích là biến Liên Hiệp Quốc Tế thành lợi khí cá nhân. Qua trung gian của Ủy ban Genève, hắn đề nghị Tổng Hội đồng đưa* vấn đề thừa tự *vào chương trình nghị sự tại Hội Nghị Bâle. Dự tính của Bakounine là thế này: nếu Hội nghị chấp thuận các nguyên tắc mà Bakounine đã công bố tại Lausanne , thì hiệu qủa rất giản dị: Tổng Hội Đồng tại Luân Đôn phải thoái vị. Hội Nghị Bâle sẽ chuyển Tổng Hội Đồng về Genève, nghĩa là Liên Hiệp Quốc*

tế sẽ rơi vào sự điều khiển của Bakounine... Nhưng đề nghị của Bakounine không được chấp thuận, và Tổng Hội Đồng ở lại Luân Đôn." (110)

Như thế là cho đến cuối đời, Marx và Bakounine không hết nghi kỵ lẫn nhau. Marx tuyên bố rằng ông " *không bao giờ tín cẩn ở một người Nga nào* ', còn Bakounine thì kết luận về sự nghiệp, tính tình của Marx như sau:

"Đây tôi xin trả lời anh về vấn đề Marx. Cũng như anh, tôi biết rằng Marx lầm lỗi đối với chúng ta không kém gì đối với mọi người khác. Tôi cũng không quên rằng ông là đầu xỏ các cuộc tranh luận vu khống bỉ ổi chống lại chúng ta. Tại sao tôi lại kiêng nể ông ta ? Tôi đã ca tụng ông. Hơn nữa, tôi đã gôi ông là khổng lồ. *Vì hai lý do , anh Herzen ạ. Trước hết, đó là* công bình. *Bỏ qua đi những lời thô bỉ mà ông nhổ vào mặt chúng ta. It nhất chúng ta phải công nhận những công vụ mà ông đã làm để phụng sự chính nghĩa xã hội chủ nghĩa từ hai mươi năm qua . Ông cũng là một trong những sáng lập viên của Hiệp Hội Quốc Tế. Theo ý tôi, đó là một công lao vĩ đại, mà tôi hằng nhận biết , dù cho thái độ của ông đối với chúng ta thế nào đi nữa.'* (111)

Nhà xuất bản Poliakov giao cho Bakounine việc dịch bộ *Tư Bản Luận* của Marx. Bakounine cho ý kiến sau này về tác phẩm :" *Ông Karl Marx đã coi sự phát triển ý tưởng Cộng sản là một công việc đứng đắn. Bộ* Tư Bản Luận, *một tác phẩm lớn của ông, không phải là một câu chuyện ngông cuồng, một quan*

niệm bột phát trong đầu óc một thanh niên không hiểu biết gì về các điều kiện kinh tế của xã hội, về hệ thống hiện thời của chế độ sản xuất. Marx là một vực thẳm của khoa học thống kê và kinh tế. Mặc dầu nhiều đoạn văn tế nhị và có tính cách siêu hình khiến cho quảng đại quần chúng khó thấu triệt, tác phẩm của ông về tư bản là một công trình thực nghiệm và thực tế cao độ...'(112)

Nhưng các nhận xét rất vô tư và tinh tế của Bakounine về Marx được phát biểu trong bản văn nói về "*Tương giao tư nhân với Marx*" viết vào mùa Đông 1871, để cắt nghĩa sự tan vỡ của Đệ Nhất Quốc Tế: "*Marx là một người rất mực thông minh và, hơn nữa, là một nhà bác học theo nghiã rộng và đứng đắn của danh hiệu này. Đó là một kinh tế gia xâu sắc, so với Mazzani thì các kiến thức về kinh tế của ông này chỉ là hời hợt và chỉ đáng là học trò. Marx rất say đắm phụng sự chính nghĩa vô sản. Không ai có quyền nghi ngờ việc đó, và đã từ ba mươi năm rồi, ông tiếp tục phụng sự với một niềm kiên nhẫn, trung thành không ngớt. Ông đã hiến cả cuộc đời vào chính nghĩa đó. Mazzini cho rằng Marx tìm hứng thú trong thù oán chứ không phải trong yêu thương. Chúng ta phải hiểu rằng tình yêu nhân loại xâu xa, đứng đắn, say đắm, bao giờ cũng kèm theo sự ghen ghét. Ta không thể yêu công bình nếu không ghét bỏ sự bất chính. Ta không thể yêu sự tự do nếu không ghét bỏ độc quyền. Chúng ta không thể yêu người bị đàn áp mà không thù ghét bọn áp bức...hoặc yêu người vô*

sản mà không ghét bỏ bọn trưởng giả. Marx yêu người vô sản cho nên ông ghét bọn tư hữu. Người ta không thể say đắm phụng sự một chính nghĩa trong suốt ba mươi năm trường mà không yêu mến nó. Phải là kẻ vu khống bỉ ổi mới dám từ chối không công nhận rằng Marx yêu chính nghĩa vô sản. Thêm vào các công lao vĩ đại và không nghi ngờ được, còn phải kể việc ông đã là một sáng lập viên chính của Liên Hiệp Quốc tế."

"Nhưng huy chương nào cũng có mặt trái. Ánh sáng nào cũng có bóng tối. Mọi cá nhân đều có khuyết điểm. Bởi vậy, không bao giờ nên ủy quyền cai trị một tập thể nhân dân lớn lao cho một con người, dù y là 'một thiên tài đầy ân đức."*Cũng đừng giao việc đó cho một thiểu số, dù họ thông minh sáng suốt. Bởi vì, theo một định luật cố hữu của quyền bính, bởi vì mọi uy lực nhất thiết đưa đến sự lộng quyền. , và mọi Chính phủ, dù do phổ thông đầu phiếu, cũng sẽ đưa đến sự bạo quyền.*

Marx có những khuyết điểm sau đây:

" 1.*Trước hết, như mọi nhà bác học khác, ông là* một kẻ giáo điều. *Ông tuyệt đối tin tưởng ở các lý thuyết của mình. Và tự trên ngai cao của các lý thuyết đó, ông khinh bỉ mọi người khác. Uyên bác, thông minh, ông nhất thiết phải có một bè phái, một lũ bạn bè, mù quáng nhiệt tâm, lúc nào cũng nhắc theo lời ông nói, nghĩ theo tư tưởng ông đưa ra, ước vọng theo ý chí ông muốn. Nói tóm lại, họ diễu quanh và tôn sùng, khiến ông nhầm lẫn. Rồi đến lúc*

ông nghiêm trọng tưởng mình là Giáo hoàng của Chủ nghĩa Xã hội, hoặc hơn nưã, của Chủ nghĩa Cộng sản.Bởi vì , cứ theo lý thuyết, thì ông là một người Cộng sản độc tài... muốn giải phóng vô sản bằng uy lực tập trung của Nhà Nước. "

" 2. Thêm vào sự tự tôn sùng theo các lý thuyết tuyệt đối và chuyên chế đó, kèm theo một mối thù ghét, không những chỉ đối với bọn trưởng gỉa mà thôi, nhưng lại còn đối với mọi kẻ nào, kể cả những người cách mạng xã hội, dám nói ngược và không chịu chiều theo các ý tưởng trong lý thuyết của ông. Marx rất là kiêu hãnh, kiêu hãnh đến bần tiện và điên cuồng. Khốn cho ai dám vô tình đụng chạm tới lòng kiêu hãnh bệnh hoạn , lúc nào cũng cáu kỉnh đa nghi của ông, y sẽ biến thành một kẻ thù không đội trời chung . Và khi đó, ông tưởng mình có quyền dùng mọi phương thế, dù đê tiện và bất chính để thóa mạ y trước dư luận. Căn bệnh là trong sự tìm kiếm chính quyền , trong ham mê cai trị, trong khao khát uy lực. Và Marx đã trầm trọng bị ô nhiễm bệnh đó. "

' 3. Nói chung, ông không phải là một nhà tổ chức tài tình. Nhưng ông có tài chia rẽ và mưu lược . Ông là một người Cộng sản độc tài và chủ chương giải phóng và tổ chức vô sản bằng uy quyền Nhà Nước, bởi thế, từ trên xuống dưới, ông dùng trí tuệ và hiểu biết của một thiểu số sáng suốt, để giảng dạy các ý kiến về chủ nghĩa xã hội và dùng quyền thế hợp pháp để hướng dẫn đám quần chúng ngu muội, dốt nát kia , vì ích lợi của họ. Marx yêu mình

hơn bè bạn, hơn các môn đệ. Ông thích được quây quần bởi một bọn hầu cận, bọn nô bộc, bọn xiểm nịnh." (113)

Cuộc xung đột giữa Marx và Bakounine vừa làm sáng tỏ ý tưởng và tính tình của Marx, lại giúp ta hiểu được sự phiền phức của việc phân định quyền bính giữa Trung Ương và các cấp địa phương trong các chế độ Cộng sản hiện hữu.

16.Cuộc chiến tranh Pháp-Đức (1870)

Cuộc khai chiến giữa Đức và Pháp bắt đầu ngày 19 tháng Bẩy 1870 và kết thúc ngày 2 tháng Chín, sau cuộc thất bại của Napoléon ÌÌI tại Sedan. Tuy ngắn ngủi , nhưng nó có hậu qủa lớn lao tới các cuộc nổi dậy tại Pháp sau này.

Ngày 23 tháng Bẩy , Marx thay mặt Tổng Hội Lao Động Quốc tế , viết một Lưu cáo gửi các đoàn viên , trong đó ông kêu gọi tình liên kết giữa thợ thuyền Đức và Pháp : *"Trong khi Pháp và Đức chính thức xông vào một cuộc đấu tranh huynh đệ tương tàn, thợ thuyền của hai dân tộc trao đổi nhau thông điệp hòa bình và huynh đệ. Hiện tượng độc nhất chưa hề có trong lịch sử này , mở đường cho một tương lai sán lạn."*

Nhưng trong thâm tâm, Marx lại nghĩ khác. Đối với ông, đây là một dịp để thống nhất nước Đức, và từ đó , thống nhất giai cấp thợ thuyền Đức. Ngày 2O tháng Bảy, trước khi soạn thảo những lời đạo đức

trên , Marx đã viết thư báo tin vui cho Engels, bởi vì ông đoán rằng nước Đức sẽ thắng trận :

" Người Pháp cần phải bị một trận đòn. Nếu nước Phổ (Đức) thắng trận, sự tập trung quyền bính Nhà Nước sẽ hữu ích cho việc tập trung giai cấp thợ thuyền Đức. Sự thắng thế Đức sẽ thuyên chuyển từ Pháp sang Đức trọng tâm của phong trào lao động Âu Châu và chỉ cần so sánh phong trào từ 1866 tới nay trong hai nước, thì đủ thấy giai cấp thợ thuyền Đức cao hơn Pháp về phương diện lý thuyết và tổ chức. Trên sân khấu Quốc tế, sự thắng thế của giai cấp thợ thuyền Đức đồng thời có nghĩa là lý thuyết của chúng ta sẽ thắng lý thuyết của Proudhon." (114)

Khi Đế quốc xụp đổ , Marx đã linh cảm thấy sự đồng lõa giữa chính phủ Lâm thời Pháp và Bismarck. Ngày 2 tháng Chín, sau khi Napoléon III đầu hàng, Marx viết cho Engels: " *Theo ý tôi, sự phòng vệ Paris chỉ là trò đùa của công an để yên tâm dân Ba-Lê , cho tới khi quân Phổ tiến vào cấp cứu trật tự..."*

Marx lo âu, sợ rằng thợ thuyền Pháp hồ đồ nổi loạn và sẽ bị đè bẹp. Ngày 6 tháng Chín, ông viết cho Engels: "*Ngày nay, Chi bộ Pháp , lấy danh nghĩa Lao Động Quốc tế để hành động điên rồ. Họ muốn lật đổ Chính phủ Lâm thời , thành lập Công xã Paris, phái Pyat làm Đại sứ Pháp sang Luân Đôn..."*

Để tránh việc này, ngày 9 tháng Chín, Marx viết một Lưu Cáo thứ hai gửi các Hội viên:

"Giai cấp thợ thuyền Pháp bị đặt vào một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn. Mọi mưu đồ lật đổ Tân

chính phủ, trong lúc quân thù còn ở ngõ cửa Paris, chỉ là điên rồ tuyệt vọng. Thợ thuyền Pháp phải làm bổn phận công dân... Họ phải bình tâm và quyết chí, lợi dụng chế độ tự do cộng hòa để tổ chức lại giai cấp cho có quy củ. Như vậy họ sẽ được trang bị bằng một sinh lực mới, một sức mạnh động trời, để phục hồi nước Pháp và nhiệm vụ chung của chúng ta là giải phóng lao động. Số phận Chính thể Cộng Hòa sẽ lệ thuộc vào nghị lực và sự khôn ngoan của họ.'(115)

Marx khuyên thợ thuyền Pháp như thế, không phải vì bổn phận công dân, cũng không phải vì ủng hộ chính phủ Cộng Hòa của Gambetta. Nhưng là một chiến thuật đợi thời cơ. Bởi thế, khi Engels hăng hái muốn ủng hộ Gambetta và muốn gửi đến ông này một giác thư đề nghị một chương trình giải tỏa Ba-Lê, thì Marx gạt đi và khuyên: " *Đừng có tin vào bọn Cộng hòa trưởng giả. Trách nhiệm hay không, chỉ cần một chút chướng ngại là chúng sử bắn anh như một tên gián điệp."*

17. Cuộc nổi dậy tại Lyon (4-29 tháng Chín 1870)

Bakounine có một lập trường khác hẳn Marx. Ngày 23 tháng Tám, ông viết cho Richard, một đoàn viên bạn của Chi bộ Lyon: "*Nếu quân Đức kéo vào Paris và nếu toàn dân Pháp không vùng dậy, thì giặc sẽ chiếm Paris. Paris và nước Pháp chỉ có thể được cứu vãn được bằng một cuộc vùng lên của quảng đại quần chúng. Nhân dân phải tổ chức và võ trang để*

bắt đầu một cuộc kháng chiến chống quân Đức. Các anh bị bao vây bởi bọn Pháp gian, người của nước Phổ tràn đầy trong chính phủ, trong Hành chánh. Phong trào ái quốc năm 1793 không thể nào so sánh được với phong trào mà các anh phải phát động ngày nay , nếu các anh muốn cứu vãn nước Pháp khỏi 50 năm nô lệ, khỏi sự ·đói cực, sự tàn phá, sự nhục nhằn, sự tiêu diệt. Các bạn ơi, phải cùng nhau trỗi dậy, trong bài ca Marseillaise , *bài ca tự do, bài ca nhân dân , bài ca nhân loại, bởi vì chính nghĩa của nước Pháp trở thành chính nghĩa của nhân loại. .. "*(116)

Bakounine không tin tưởng gì ở Chính phủ Cộng hòa Lâm thời của Gambetta. Trong một tác phẩm, nhan đề " *Bức thư gửi một người Pháp về cuộc khủng hoảng hiện tại"*, ngày 27 tháng Tám , ông lại viết :"*Gỉa thử rằng đảng Cộng hòa, cực đoan,jacobin, đảng của Gambetta nắm chính quyền và đặt nền chuyên chính tại Paris. Thì liệu các ông có tin rằng Paris và nước Pháp sẽ được tự do hay không ? Không. Nó sẽ bị chủ nghĩa xã hội phá đám và bắt buộc phải gây ra một cuộc chiến đấu một mất một còn. Nó sẽ trở nên, và phải trở nên đàn áp và mệnh danh là những biện pháp đàn áp đó là cần thiết để cứu vãn tự do.... '*(117)

Ngày 4 tháng Chín, hai ngày sau khi Napoléon ÌÌI đầu hàng, ngày mà Gambetta trở về Tours công bố chính thể Cộng Hòa, thì tại Lyon, thành phố thứ hai của Pháp, một chính phủ Cộng hòa lao động khác cũng được tuyên dương . Một Ủy ban Cứu

quốc gồm các đảng viên xã hội (khuynh hướng Proudhon) và cực tả (khuynh hướng Jacobin) cũng được thành lập. Bakounine được triệu từ Lucano (Thụy Sĩ) sang , tới Lyon 15 tháng Chín. Cũng ngày hôm đó, Paris cử một ông quận trưởng mới về giải tán Ủy ban Cứu quốc và sửa soạn tuyển cử ủy ban thành phố. Dưới ảnh hưởng của phái Blanqui và Jacobin , Bakounine soạn thảo một bản văn không hòan toàn phù hợp với tư tưởng của ông, làm chương trình căn bản, và được gián khắp nơi ,trên nền giấy đỏ:

"Cộng Hòa Pháp Liên bang Cách mạng các Công xã"

"*Đất nước lâm vào tình cảnh cơ cực. Sự bất lực của chính quyền, sự thờ ơ của giai cấp ưu đãi đã đưa Tổ quốc đến bờ vực thẳm.*

"*Nếu nhân dân cách mạng có tổ chức không khẩn cấp hành động, thì Cách mạng sẽ tiêu tan, mọi sự sẽ đổ vỡ. Trước sự nguy hiểm bao la, và nhận định rằng hoạt động cấp bách của nhân dân không thể có giây phút nào được trì hoãn, đại diện các Ủy ban liên hiệp Cứu quốc nhóm họp tại Ủy ban Trung ương, đề nghị chấp thuận tức khắc các nghị quyết sau đây:*

"*1. Các bộ máy hành chính và chính phủ, vì bất lực, bị bãi bỏ. 2. Mọi tòa án dân sự, hình sự bị đình chỉ và thay thế bằng tòa án nhân dân. 3. Đình chỉ thuế má và quyền áp nợ. Các giai cấp giầu có phải đóng công vụ, tùy theo nhu cầu của phận sự cứu quốc. Các tổ chức thành phố bị giải tán và thay thế bằng các Ủy ban Cứu quốc dưới sự kiểm xoát của nhân dân.....*" (118)

Ngày 28 tháng Chín , hàng ngàn thợ thuyền ở các công xưởng quốc gia kéo vào Tòa Đô Sảnh. Theo Bakounine kể chuyện sau này, thì ban đầu, mọi sự êm ru, họ làm chủ tình thế. Sau đó vệ quân quốc gia giả bộ quy hàng , tòng phục mệnh lệnh của tướng Cluseret. Nhưng vài giờ sau ,dưới sự điều khiển của Thị trưởng Hénon, họ quay giáo làm phản. Bakounine bị bắt giam. Một giờ sau, ông được một tiểu đội cách mạng đến cứu ra khỏi Tòa Đô Sảnh. Ông ẩn tạm tại nhà bạn một ngày một đêm, rồi xuống Marseille.

Thế là cuộc phiêu liêu Lyon chấm dứt. Marx quy sự thất bại này lên đầu Bakounine và Cluseret. Thực ra, nhóm cách mạng rất ít ỏi, không được nhân dân ủng hộ. Chương trình của họ y hệt chương trình của nhóm Jacobin, thời Cách mạng khủng bố của Marat, Danton, Robespierre và Saint-Just. Chỉ cần trích dẫn một đoạn văn ngắn diễn tả tình cảnh dân gian trong giai đoạn đó thì đủ hiểu tại sao , từ đấy, nhân dân Pháp nhất là đám nông dân nghèo khổ, ít ai muốn ủng hộ những phong trào cách mạng cực đoan, bạo động: "*Không bao giờ một quyền bính khủng khiếp lại rơi vào tay một bọn đồi tệ hơn thế. Những phần tử ưu tú của nước Pháp thì bỏ trốn hoặc tham gia quân đội. Những kẻ cai trị là bọn cặn bã, hoặc theo kiểu nói của sử gia Hyppolite Taine, bọn hào mục của bất chính, của gian ngoan, của tật xấu, của dốt nát, của ngờ nghệch và thô lỗ: bọn lạc loài và gian ác đến từ mọi tầng lớp, bọn bầy tôi ghen tị, thù oán, bọn gian thương trốn nợ, bọn thợ thuyền rượu chè, lang thang*

các cà phê tiệm nhẩy. Cả một đám người lộn xộn bỗng dưng tham gia vào một lý thuyết đang thịnh hành, những con mồi lợi dụng chế độ đương quyền và hùa theo niềm tin cách mạng, chỉ vì nó hiến cho họ một miếng ăn vừa sở thích...Bạo chúa của tự do, giáo điều của lý luận..."

"Người ta chém giết rất nhiều .Người ta trộm cắp lại nhiều hơn. Của cải nhà nước trưng thu, thì lại bị chính bọn canh gác khuân đi. Các nhân viên Ủy ban Kiểm soát thì làm việc nhiều nhưng lại đầy túi. Họ buôn bán các chứng chỉ dân sự và lệnh giam giữ. Người ta đút lót để khỏi bị tình nghi, đút lót để được thả tù, đút lót để sửa chữa hồ sơ.

"Chế độ trái luật thiên nhiên, chủ nghĩa "không quần lót" chỉ có thể phát sinh sự phá sản, sự nghèo cực. Chế định, quan liêu, tra nã, áp nạt, máy chém: tất cả những cái đó, chỉ đưa đến phá sản, phá sản hòan tòan, phá sản tuyệt đối. Chưa bao giờ người ta đã dùng những phương thế khủng khiếp như vậy mà lại chỉ đưa tới những kết qủa tai hại, nhục nhã đến thế. Nước Pháp bị dồn vào hoàn cảnh chết đói, chỉ có thể sống sót nhờ sự gian lận hoặc nhờ ngoại bang. Đâu đâu, dân chúng cũng đói khát .Người ta hạn chế phần bánh mì : mỗi người 250 gam một ngày, nhiều khi lại chỉ nhận được phân nửa. Nhiều nơi thiếu bánh hằng chín mười ngày. Công xã thiết lập giấy mua bánh, giấy mua dầu mỡ, giấy mua thịt. Nhưng phải đi sớm kẻo về tay không. Từ ba giờ sáng, những dẫy người khốn nạn đứng nối đuôi trước cửa hàng, đầu đội mưa, chân

dẫm tuyết. Tám giờ, mở cửa, mọi người chen chúc nhau. Ai cũng muốn đi trước, vì chỉ có những ai đi đầu là được mua hàng. Người mạnh đạp người yếu. Đàn bà bị thương. Thây kệ. Lính gác đập đánh lu bù. Sau đó, mọi người kéo nhau đi, nối đuôi chỗ khác, để mua vật khác.'(119)

Quan sát viên La Tour La Montagne ghi chép ngày 22 tháng Hai 1794: " *Cảnh tượng Paris trở nên thê thảm. Ngoài chợ, ngoài phố, đâu đâu người ta cũng chỉ gặp một lũ công dân vội vã chạy, người nọ chen người kia, kêu khóc mếu máo, diễn ra một hình ảnh tuyệt vọng. Nhìn quang cảnh ấy, người ta phải đồ rằng Paris đã biến thành con mồi của nạn chết đói khủng khiếp."*

Sử gia Mathiez tóm tắt dân tình thời đó như sau: " *Nông dân thì bị đè nén vì chưng thâu và công vụ, thợ thuyền thì kiệt lực vì thiếu ăn và lương thấp, nhà tiểu thương thì phá sản vì thuế vụ, tiền đút lót, bị trộm cắp và chưng thâu. Ngoài mặt,mọi người có vẻ cam phận, nhưng bên trong thì bất mãn sâu xa. Chỉ có một đoàn lũ bọn nhân viên của chế độ quan liêu mới, và bọn sản xuất súng đạn, là lợi dụng được thời thế.'*(120)

18. Công Xã Paris (1871)

Từ Marseille trở về Lucarno, Bakounine quay lại đời sống kham khổ, nghèo nàn. Bỗng dưng ông được tin báo rằng Công Xã Paris đã được công bố, ngày 18

tháng Ba 1871. Trong số các lãnh tụ, có nhiều bạn cũ và thành viên của Đệ Nhất Quốc tế, ở mọi trào lưu từ Proudhon, Blanqui đến khuynh hướng cực đoan Jacobin. Nói tóm lại, là toàn thể các đại diện cách mạng Pháp. Ông ngạc nhiên, tự hỏi: tại sao ? Tại sao họ đã không nhớ đến bài học Lyon ? Là bởi vì tháng Hai năm đó, Adolphe Thiers được cử làm Chủ tịch Hành chính Quyền và ký *hiệp định Francfort* với Bismarck, trong đó Pháp phải nhượng lại hai miền Alsace và Lorraine cho Đức. Đó là một cái nhục quốc thể. Đó là sự tuyệt vọng của một dân tộc bị trị. Và họ nhớ lại những lời trong thư Bakounine gửi cho đồng chí Richard hồi tháng tám năm ngoái: "*... nếu các anh muốn cứu vãn nước Pháp khỏi 50 năm nô lệ, khỏi sự đói cực, sự tàn phá, sự nhục nhã, sự tiêu diệt, thì các bạn ơi, các anh phải vùng lên, hát bài ca* marseillaise, *bài ca tự do, bài ca nhân dân, bài ca nhân loại...*" Và họ đã vùng lên, rồi chết.

Bakounine rất bi quan. Ông không tin ở sự thành công của Công Xã Paris. Nhưng sự đã rồi, ông đành viết thư yên ủi và khuyến khích họ. Ngày 5 tháng Tư, Bakounine trao cho Ozerov một bức thư gửi cho Varlin và nói : " *...trước khi hoàn cảnh và phương tiện vật chất cho phép tôi sang với các anh, hôm qua tôi đã viết cho anh và Ross về vấn đề này. Hãy trao thư tận tay cho Varlin. Theo mọi dự đoán, thì các đồng chí Paris rồi sẽ bị tiêu diệt, nhưng họ sẽ không chết một cách vô ích, họ đã chu toàn nhiệm vụ của họ...Tôi rất lo âu về các đồng chí nhóm Jacobin già:*

bọn Delescluze, Flourens, Pyat và cả Blanqui nữa. Tất cả là thành viên của Công Xã. Tôi sợ rằng họ sẽ lôi cuốn Công Xã vào con đường chém giết (coupe-tête) và "đút túi"...Như vậy, mọi sự sẽ hỏng hết...Tại Paris, tập trung nhiều người có thế giá và cương quyết: sợ rằng người nọ cản trở người kia..."

Đúng như lời dự đoán của Bakounine, nhóm Công xã đã đốt phá hết Tòa Đô Sảnh, Tòa Tuileries và Tòa Kế toán Quốc gia, lại giết nhiều con tin, trong đó có Tổng Giám Mục Paris , giám mục Darboy. Sự cạnh tranh, chia rẽ và thiếu tổ chức đã đưa Công Xã vào con đường tuyệt vọng.Trước những sự kiện đó, tất nhiên sự đàn áp sẽ mãnh liệt và khủng khiếp.

Ngày 27 tháng Năm 1871, ổ phiến loạn cuối cùng bị vệ quân quốc gia tiêu diệt. Hầu hết các lãnh tụ bị giết, trong đó có Flourens, bạn thân của gia đình Marx.

Marx và Engels không ngạc nhiên về sự thất bại của Công Xã, vì ông đã cảnh cáo họ trước rồi. Nhưng ông rất thán phục lòng dũng cảm của họ. Giữa khi bọn cách mạng bị bao vây tứ phía, trong đói khát, nhọc nhằn, ông viết thư cho Kugelmann ngày 12 tháng Tư và phân tách tình thế: " *Nếu anh đọc lại chương cuối của cuốn sách tôi viết về 18 Brumaire , thì anh sẽ thấy điều tôi phát biểu như sau: mọi mưu đồ cách mạng tại Pháp trong tương lai, cũng như cho đến nay, không thể chỉ đổi tay của bộ máy quan liêu- quân bị, nhưng phải 'đập vỡ" nó. Và đó là điều kiện tiên khởi của mọi cuộc cách mạng nhân dân trên lục địa. Và*

đó cũng là điều mà các đồng chí Paris anh dũng của chúng ta đang định thực hiện. Một mềm dẻo, một sáng khởi lịch sử, một khả năng hy sinh biết mấy của các đồng chí Paris. Sau sáu tháng trời (cuộc nổi dậy Lyon) *đói khát, tan rã vì sự phản bội bên trong hơn là vì kẻ địch bên ngoài, thế mà họ lại nổi dậy, dưới sự đe dọa của lưỡi lê quân Phổ, như thể kẻ thù không còn ở ngưỡng cửa Paris, như thể chiến tranh giữa Pháp và Đức chưa chấm dứt. Lịch sử chưa từng biết một gương mẫu vĩ đại như thế. Nếu họ gục ngã, là vì qúa "tử tế". Đáng lẽ, họ phải tức khắc tiến vào Versailles, thoạt khi Vinoy và bọn phản động của vệ quân quốc gia Paris vừa để đất trống. Vì lương tâm do dự, họ đã bỏ lỡ cơ hội thuận tiện. Họ không muốn* gây nội chiến. *Làm như thể tên vô loài độc ác Thiers kia đã không khởi sự giải trang Paris. Lầm lỗi thứ hai là Ũy ban Trung ương đã thoái vị và nhượng quyền cho Công Xã sớm qúa. Lại một lo nghĩ thái qúa về "chính trực". Dẫu sao đi nữa, thì cuộc nổi dậy của Paris này, dù họ có gục ngã vì sự xung phong của bọn lang sói, bọn heo chó bẩn thỉu của xã hội cũ, thì cũng là một công nghiệp rạng rỡ nhất của Đảng ta từ cuộc nổi dậy của Paris hồi tháng Sáu 1848. Người ta có thể sánh ví dân Paris như những kẻ xung phong vào đất Trời, chống lại bọn nô lệ thiên binh của Thánh Quốc Lamã-Đức-Phổ, với bọn giả danh gỉa nghĩa, với những mùi hôi thối của trại lính, nhà thờ, của chế độ phong kiến trai đá và nhất là của bọn trưởng gỉa đê hèn.'* (121)

Sau cuộc thất bại của Công xã, cả Marx lẫn Bakounine đều tức khắc phân tách kinh nghiệm anh dũng đó. Marx , trong cuốn *"Nội chiến tại Pháp"*, viết nóng hổi ba ngày sau chiến cuộc (30 tháng năm), còn Bakounine thì sau này viết cuốn *"Công xã Paris và khái niệm về Nhà Nước"*. Cả hai cùng cho rằng tổ chức Công Xã phù hợp với lý thuyết của mình.

Marx viết : *"Trong một bản sơ thảo ngắn về tổ chức quốc gia mà Công Xã chưa có giờ diễn giải, đã phát biểu một cách rõ ràng rằng Công xã phải là hình thức chính trị của mọi làng xóm nông thôn dù bé nhỏ nhất , và trong các miền đồng quê, quân đội thường trực phải được thay thế bằng một thứ dân vệ, phục vụ trong một thời gian cực ngắn. Các Công xã nông thôn của mỗi quận huyện phải quản trị các công việc chung do một hội đồng đại diện trên thủ phủ của quận , và các hội đồng quận này lại phải cử các dân biểu lên đoàn đại diện quốc gia tại Paris. Các dân biểu lúc nào cũng có thể bị bãi miễn và nhất thiết lệ thuộc vào ủy quyền của cử tri. Còn rất ít một thứ công vụ quan trọng thuộc quyền chính phủ trung ương, không thể bãi bỏ, như người ta thường hiểu lầm. Các công vụ đó phải do các công chức của các công xã quản trị và chịu trách nhiệm một cách chu đáo. Sự thống nhất của dân tộc không được phá vỡ mà trái lại phải được tổ chức theo Hiến pháp công xã. Nó phải trở nên một thực tại bằng cách tiêu hủy quyền bính Nhà Nước, vẫn mệnh danh là hiện thân của sự thống nhất đó, nhưng lại độc lập với dân tộc*

và đứng trên dân tộc, khi thực sự nó chỉ là một thứ u biếu ăn bám vào dân tộc.

Hiến pháp công xã phục hồi lại cho cộng đồng xã hội mọi sinh lực mà tới nay nó vẫn bị thu hút bởi Nhà Nước ăn bám, cái Nhà Nước được nuôi dưỡng lên đầu xã hội và làm tê liệt cử động tự do của nó. Nguyên về sự kiện này, nó đã là một khởi điểm cho sự hồi sinh nước Pháp." (122)

Còn Bakounine thì viết :

" Sự bãi bỏ Giáo Hội và Nhà Nước là điều kiện đầu tiên và cần thiết cho sự giải phóng thực thụ của xã hội. Có như thế, xã hội, sau đó, mới có thể được tổ chức một cách khác, không phải từ trên xuống dưới và theo một dự án lý tưởng do một vài hiền nhân hay bác học mơ mộng ra, hoặc do các nghị quyết ban hành từ một quyền lực độc tài, hay cho dù từ một quốc hội do dân bầu theo phổ thông đầu phiếu. Như tôi đã nói, một hệ thống như vậy tất nhiên đưa đến sự cấu tạo một Nhà Nước mới và từ đó, sự thành lập một giai cấp qúy phái chính quyền, nghĩa là một giai cấp những người không có gì đi đôi với quảng đại quần chúng. Và dĩ nhiên, giai cấp đó lại sẽ bắt đầu bóc lột và nô lệ hóa nhândân, với danh nghĩa là hạnh phúc chung hoặc để cứu vãn Nhà Nước.

Xã hội mai sau phải được tổ chức từ dưới lên trên, do sự tự do hội họp và liên bang lao động , trước hết trong các hiệp hội, rồi đến các công xã, các miền, các dân tộc, và sau cùng là Đại liên

bang quốc tế phổ quát. Chỉ lúc đó mới thực hiện được trật tự thực thụ và linh động của tự do và hạnh phúc toàn diện, cái trật tự, thay vì từ chối, lại khẳng định và hòa đồng các quyền lợi giữa cá nhân và xã hội.'(123)

Đối với Marx, Công xã Paris là một Chính phủ lao động. Sau này ông nắn bó lại thành Chính phủ Chuyên chính Vô sản : " *Cái bí quyết của Công xã là thế này : nó thiết yếu là một chính phủ của giai cấp thợ thuyền, kết qủa của cuộc đấu tranh giữa giai cấp sản xuất và giai cấp chiếm đoạt. Đó là mô hình chính trị đã tìm ra. Nó giúp cho sự thực hiện việc giải phóng kinh tế cho Lao động.'*(124)

Đối với Bakounine, Công xã là sự từ bỏ Nhà Nước : "*Tôi ủng hộ Công xã Paris , bởi vì, mặc dầu bị tàn sát, bị bóp nghẹt trong máu huyết bởi bọn đao phủ phản động quân chủ và tăng lữ, nó lại trở nên linh động và mạnh mẽ hơn trong tâm khảm của vô sản Âu châu. Tôi ủng hộ Công xã, nhất là vì nó từ bỏ Nhà Nước một các mạnh dạn và tỏ tường.'*(125)

Đối với Marx, sự thất bại của Công xã là do sự hiện diện của những lực lượng xã hội qúa khứ :

" *Trong mọi cuộc cách mạng, bên cạnh các đại diện chính đáng, thường có lọt vào những người ở một tầm cỡ khác. Một vài người là những kẻ sống sót của các cuộc cách mạng xưa mà họ vẫn tôn sùng. Họ không hiểu phong trào hiện đại. Họ còn có nhiều uy tín đối với nhân dân, hoặc do lòng can đảm và chính trực của họ , hoặc chỉ vì truyền tục. Nhiều*

kẻ khác chỉ là một bọn rao hàng : vì hàng bao năm, quen lập đi lập lại một tràng tuyên ngôn đóng khuôn , chống chính phủ đương thời , nên tự coi mình là những nhà cách mạng chính cống. Ngay cả sau ngày 18 tháng Ba (biến cố tại Lyon), *người ta còn gập những người như thế. Và đôi khi, họ đạt tới những vai trò hàng đầu. Tùy theo thẩm quyền , họ có thể cản trở hoạt động thực thụ của giai cấp thợ thuyền, cũng như họ đã từng cản trở sự phát triển của mọi cách mạng qúa khứ. Họ là một căn bệnh không tránh được. Với thời gian, người ta có thể loại bỏ . Khốn thay, Công xã không kịp giờ thực hiện việc đó.'*(126)

Cũng một ý tưởng trên, Bakounine chỉ rõ tên những người của qúa khứ đó : "*Nhưng, mặc dầu sự chân thực và thiện chí, họ (nhóm Jacobin) chỉ là những nhà xã hội chủ nghĩa được huấn luyện bên ngoài , chứ không được đào tạo bên trong. Họ không có thời giờ và khả năng để thắng vượt và gạt bỏ được trong tâm trạng cái mớ thành kiến trưởng gỉa , hoàn toàn mâu thuẫn với chủ thuyết xã hội của họ ngày nay, nên ta hiểu được rằng , vì bị tê liệt bởi cuộc chiến đấu nội tâm, họ không thể nào thoát ra khỏi những thông luận , và cũng không thể dùng những biện pháp quyết liệt để chấm dứt hoàn toàn mọi liên kết và tương quan với thế giới trưởng gỉa. Đó là tai họa lớn cho họ và cho Công xã. Họ bị tê liệt và làm tê bại Công xã.'*(127) Thực ra, cái Công xã mà Marx và Bakounine chủ trì ở đây, thiết yếu là theo trào lưu Proudhon và chụp thêm chiếc mũ Blanqui.

19. *Sự tan ra của Đệ Nhất Quốc Tế.*

Khi gia nhập và hoạt động cho Hiệp Hội Quốc tế lao động, Marx và Engels đã biết trước những khó khăn trong sự liên kết giai cấp thợ thuyền từ nhiều dân tộc, với những tinh thần, văn hóa và tính tình, tư cách hoàn toàn khác biệt. Nhất là sự khác biệt về tính tình, tư tưởng giữa người Do Thái và các người Âu châu khác đã chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Hy-Lạp , La-Mã và tư tưởng Kitô giáo. Tuy Đấng Kitô, người sáng lập đạo Công giáo cũng là người Do-Thái nhưng học thuyết của Ngài căn bản là phản đề của Học thuyết tập truyền Do Thái. Chúa của Cựu Ước là một người "Cai trị nghiêm ngặt ", một Chúa Chiên biết đùm bọc che chở các con chiên , nhưng cũng hay giận dữ, phẫn nộ và trừng trị nghiêm ngặt những sai lầm, tội lỗi. Đó là một vị Chúa hay căm thù. Ngài đã dậy cho dân Do Thái tôn chỉ *"mắt đền mắt, răng đền răng"* .Trái lại , Thiên Chúa của Kitô -giáo *là một người Cha nhân từ, biết yêu thương, tha thứ.* Nó cũng am hợp với sự *"từ bi đại độ"* của Phật giáo hay tình "*tứ hải giai huynh đệ*' của Nho Giáo.

Sự khác biệt căn bản về tinh thần đó tất nhiên phải đưa đến sự khác biệt về viễn tượng, mục đích, phương pháp và chiến thuật của cách mạng xã hội, giữa Marx cùng đồng bọn của ông, người Đức gốc Do Thái và các người ở chủng tộc khác.

Mục đích của Marx và Engels là thu tập thợ thuyền quốc tế thành một khối để dần dần lôi

cuốn họ vào trào lưu tư tưởng của các ông. Những ai không đồng ý thì tự họ rút lui hoặc kỷ luật đoàn sẽ khai trừ họ. Can hệ là có một tổ chức kỷ luật, thống nhất và cương quyết đấu tranh. Bởi vậy, thay vì một Liên minh các Nghiệp Đoàn Lao động từ mọi quốc gia với những đặc điểm văn hóa riêng biệt của họ nhưng cùng chung một lý tưởng tranh đấu cho công bình, bình đẳng, tự do , tương trợ, thì Marx lại tổ chức một thứ đảng trị, với các chỉ thị từ trên ban xuống. Và ông chỉ chấp nhận các đoàn viên cá nhân chứ không liên hiệp các đoàn thể đã có quy chế riêng biệt của họ.

Trong khi toàn thể các tổ chức lao động và cách mạng tại các quốc gia Âu châu muốn cải tổ để hoàn thiện hệ thống xã hội theo phương pháp tiến diễn hòa bình và hợp pháp cùng chiến thuật ôn hòa, thì Marx và Engels lại chủ trương đả phá toàn thể hệ thống chính trị, xã hội, triết học, tôn giáo và văn hóa cũ, bằng võ lực , kỷ luật và chuyên chính, để xây dựng một xã hội mới. Lý thuyết của Marx tựu chung, trở thành một học thuyết vừa *không tưởng* vừa *bạo động,* không thể phù hợp với bản năng và khát vọng nhân loại.Theo nguyên tắc và luật lệ đầu tiên, Hiệp hội Quốc tế Lao Động gồm hai cơ quan chính. Một Tổng Hội đồng, một thứ Ủy ban Trung Ương đặt trụ sở tại Luân Đôn. Cơ quan này gồm các đại diện các quốc gia do Đại Hội Nghị bầu lên. Nó có trách nhiệm soạn thảo các dự án chương trình nghị sự và chỉ thị các nghị quyết của Đại Hội Nghị. Cơ quan này nhóm họp thường niên và gồm toàn thể các đại diện của các chi bộ địa phương.

Trong thực tế, Marx đã biến Tổng Hội Đồng Luân Đôn thành một thứ Câu lạc bộ riêng tư. Marx và Engels tự xưng là đại diện thường trực của sáu quốc gia: Đức, Anh, Mỹ, Áo , Í -Nhĩ Lan và Hung Gia Lợi. Còn ở Pháp thì có hai người con rể của Marx: Paul Lafargue lấy Laura năm 1870 và Charles Longuet lấy Jenny, cô gái cả, năm 1871. Còn lại chung quanh Marx, một nhóm môn đệ người Đức gốc Do Thái tị nạn mà ông thường dùng làm quân do thám hoặc liên lạc viên . Thành thử, Tộng Hội Đồng không bao giờ họp. Các thông cáo, chỉ thị và chương trình nghị sự đều do một mình Marx ban ra, có chăng, một đôi khi viết thư hỏi han và bàn luận cùng Engels .

Sự xung đột công khai thứ nhất xẩy ra vào tháng sáu 1871 giữa Marx và đại diện Anh Quốc. Marx nhất định từ chối thiết lập một Hội đồng quốc gia của Hiệp hội tại Anh, vì cho rằng mọi vấn đề tại đây đã có Tổng Hội Đồng quán xuyến. Thực ra, Marx biết rằng người Anh không bao giờ chấp thuận các đề nghị qúa khích và sẽ không để ông tự do hoành hành theo tư tưởng của ông. Bất mãn, George Odger và Benjmin Lucraft, hai đại diện Anh tại Đại Hội đồng đều rút lui ra khỏi Hiệp Hội. Đến tháng Mười năm đó,một Hội đồng Liên Bang Anh được thành lập nhưng lại theo một đường lối hoàn toàn đối ngược với ý tưởng của Marx.

Cuộc xung đột thứ hai do Hội đồng Liên Bang Thụy Sĩ tại Genève khởi xướng. Perret, Tổng thư

ký đã viết thư khiển trách Tổng Hội Đồng vì đã không thông báo và thi hành các quyết nghị của Đại Hội Bâle. Sự khiển trách lại được cơ quan "*Bình Đẳng*" tại Thụy sĩ đăng tải và vạch rõ các lỗi lầm của Tổng Hội Đồng. Những báo chí của các chi bộ quốc gia Âu Châu đều đồng tình ủng hộ sự phê bình này. Đó là các tờ *"Tiến bộ"* tại Thụy sĩ, tờ *"Liên Đoàn'* tại Tây Ban Nha, tờ "*Bình Đẳng*" tại Ý, tờ "*Lao Động'* tại Pháp và tờ " *Quốc Tế'* tại Bỉ. Như thế là toàn thể các chi bộ tại các Quốc gia đều chống lại Marx. Ông này cho rằng phong trào đối lập đó là do Bakounine chỉ đạo. Marx viết thư cho Engels kèm theo bài báo "Bình Đẳng" và hứa sẽ dùng uy thế của Hiệp Hội để khai trừ và quyền hạn của Ủy ban thu hẹp (sous Comité) để trả lời và đối phó:"*chúng ta có thể tự do hoạt động trong phạm vi của Ủy ban thu hẹp, để tránh sự can thiệp của bọn người Anh* " (thư cho Engels ngày 17 tháng chạp 1869). Tháng Giêng 1870, Marx viết một "*Thông cáo riêng*" trả lời Hội Đồng Liên bang Thụy Sỉ và ba tháng sau lại viết một *"Thông cáo mật"* gửi Kugelmann, tổng bí thư đảng Xã Hội Dân Chủ Đức. Trong cả hai thư, Marx đều biện minh và tố cáo "âm mưu" của Bakounine.

Ngoài ra, thay vì tổ chức Đại Hội Nghị thường niên, Marx tổ chức tại Luân Đôn vào tháng Chín 1871 một Hội nghị thu hẹp (Conférence) gồm 13 đoàn viên, toàn là phe cánh của Marx. Engels đại diện Ý và Tây Ban Nha ,v.v. Hội nghị quyết định giao cho Tổng Hội Đồng việc soạn thảo các quy chế và nghị

quyết mới cho Hiệp Hội , trong đó Tổng hội Đồng có quyền khai trừ các Liên đoàn quốc gia. Như thế là Hội nghị nhỏ hẹp này đã công khai lạm quyền của Đại Hội Nghị.

Nhiều phản ứng tức thì nổi dậy. Trước hết là Liên Hiệp Thụy sĩ miền núi Jura. Đại Hội nghị tại Sonvilier vào tháng Một 1871 nhận định rằng *" Hội Nghị họp kín tại Luân Đôn đã dùng những luận điệu độc tài để ra* chỉ thị, *trái với các nguyên tắc căn bán của Hiệp Hội Quốc tế "*.Hội Nghị ra một thông cáo gửi toàn thể các Liên đoàn chi bộ để lên án Tổng Hội Luân Đôn và kêu gọi khẩn cấp nhóm họp Đại Hội Nghị : *"Quyền Đại diện tại Tổng Hội đồng đã lọt vào tay một vài cá nhân và đã trở thành một thứ tư hữu. Dần dần, những người đó, tuy chỉ là đại diện, và nhiều kẻ trong bọn họ lại không phải là đại diện chính thức, vì không do Đại Hội nghị ủy nhiệm, những người đó quen thói dẫn đầu chúng ta , quen thói nhân danh chúng ta, nên theo thông lệ, đã hướng đưa Quốc Tế Hội vào chương trình và học thuyết riêng tư của họ. Trước con mắt của bọn đó, Hội đã trở thành một thứ Chính phủ , bởi thế, những ý tưởng riêng tư của họ cũng trở thành lý thuyết chính thức của Hội, còn các ý kiến của các chi bộ khác không có đất đứng và bị gán là tà thuyết. Dần dần một thứ gọi là "Chính thống thuyết" ngự trị tại Luân Đôn và do các hội viên của Tổng Hội đồng đại diện. Rồi đây, các đại biểu quốc gia tại Tổng Hội Đồng sẽ không còn là những trung gian trung lập và vô tư giữa các*

Liên Đoàn, nhưng lại trở thành những những "tông đồ" của chính thống thuyết , những kẻ tuyên truyền phục vụ quyền lợi của một "giáo phái" (secte) làm hủy hoại quyền lợi chung của Hiệp Hội Quốc tế."

" Hiệp hội Quốc tế là thai nhi của xã hội nhân loại tương lai. Từ bây giờ nó phải bảo tồn hình ảnh trung thành của các nguyên tắc về tự do và liên hiệp. Nó phải gác bỏ ra khỏi tổ chức mọi nguyên tắc hướng tới sự độc quyền, sự chuyên chính.'(127)

Vào mùa dông 1871, Bakounine cũng viết mấy bức thư gửi các đồng chí Quốc tế tại Bologne Ý và Romagne (Thụy sĩ) để tố cáo hành động của Tổng Hội. Trong một bản văn về "*Mối tương giao với Marx*" , ông vừa trần tình trước những lời vu cáo của phe nhóm Marx, vừa phân tích tính tình và hành động của ông này. Bakounine khen ngợi trí tuệ và thiện chí của Marx, nhưng lại e sợ trước tính tình kiêu hãnh và cực đoan của ông ta. Ông cho rằng Marx và các môn đệ người Đức gốc Do Thái có mưu đồ thống trị thế giới về chính trị, cũng như Rothschild và các người Do Thái khác hiện đang thống trị thế giới trên phương diện kinh tế và văn hóa (Ngân hàng, Báo Chí, Nhà Xuất bản, Nhà In, Trung tâm Kim Cương và Vàng bạc, v.v.). Ông cảnh cáo các đồng chí trước nguy cơ độc tài của nhóm Marx, nói riêng, và của các nhà cầm quyền, nói chung . Trong bài diễn văn tại Berne, thủ đô Thụy sĩ, về " *Nước Ý và Tổng hội đồng của Quốc tế Lao Động*" , ông nói:

" ... *Đó là những quy luật khắt khe về khoa học xã hội mà lịch sử và kinh nghiệm hiện tại đã dậy chúng ta : Cho vào tay một người hay một nhóm người, dù ưu tú, thông minh, thành thực và tận tâm biết mấy đi nữa, cho vào tay họ sự* 'thống trị", *thì rồi bọn họ, có kẻ tức khắc, có kẻ mai sau, sẻ trả lại cho chúng ta sự* ' bóc lột"*: bóc lột bằng quyền ưu đãi .Có kẻ vì kiêu căng, vì tham vọng hay vì ham lợi, còn kẻ khác, những kẻ thiện chí nhất, thì vì các ý tưởng cá nhân mà họ tôn thờ, lại muốn ép buộc toàn hhể mọi người khác phải vâng theo. Sự tôn trọng và tình yêu tự do thực thụ nơi kẻ khác , sự độc lập toàn vẹn của mỗi người đối với chúng ta, là phát biểu cao cả nhất, là sự chiến thắng của lòng tôn trọng con người, của tình tương trợ nhân loại. Nhưng các đức tính tốt đẹp đó không thể nào phát triển được trong một xã hội có hình bóng của uy quyền ,của thế lực , dù là uy quyền bị hạn chế và kiểm sát. Trong các thói quen làm hư hỏng con người, quyền chỉ huy người khác là thói quen nguy hiểm nhất... Hình như không có một ai trên trái đất này, khi nắm chút quyền bính, lại không rút cục coi rằng quyền chỉ huy đó là một quyền cố hữu của bản thân riêng biệt của họ, để rồi từ chối sự tự do của người khác, và đưa tới tuyệt đỉnh của sự sa đọa của con người.*

"Tôn trọng đời sống và sự tự do của con người , đó là luân lý *căn bản.* Yêu mến *con người, đó là đạo đức và ân sủng của nhân loại. Hoạt động để tự giải thoát và đồng thời giải phóng toàn thể thế*

giới, ban đầu bằng sự phẫn uất cá nhân và đoàn thể, và sau đó, bằng lao động, khoa học và tổ chức tập thể, trên nền tảng của sự bình đẳng và không có hướng đạo nào khác là sự tự do của mỗi người và của toàn thể: đó là Bổn phận và Quyền lợi.'(128)

Ngày 24 tháng Giêng 1872, Chi bộ tại Bỉ họp Hội nghị tại Bruxelles và toàn thể chấp thuận một nghị quyết y hệt nghị quyết của Hội nghị Thụy sĩ tại Sonvilier. Ngày 4 tháng Tám, các chi bộ Ý, họp Hội nghị tại Rimini cũng bỏ phiếu quyết định ly khai với Tổng Hội Luân Đôn.

Trong khi đó, Marx và Engels cũng huy động lực lượng của họ và cuối cùng Đại Hội Nghị được nhóm họp tại La Haye, thủ đô Hòa Lan, ngày mồng Hai tháng Chín 1872.

Theo phân tách của Guillaume,chủ nhiệm tạp chí " *Cách Mạng Xã hội"*, thì phe Marx là đa số gồm 40 đại biểu, nhưng toàn là những người không có ủy nhiệm chính thức của các chi bộ. Hầu hết là những người Đức, gốc Do Thái và vài người Pháp ,trong đó có Longuet và Lafargue là hai con rể của Marx. Còn phe đối lập là thiểu số gồm 29 người, tất cả đều do các chi bộ Bỉ, Đức, Pháp, Ý, Thụy sĩ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hòa Lan, v.v. ủy nhiệm trong các cuộc Hội Nghị địa phương.

Tất nhiên các quyết nghị của Đại Hội Nghị sẽ được nhóm đa số chấp thuận:

1. Kêu gọi lao động thế giới hoạt động để nắm chính quyền và tiêu diệt hoàn toàn xã hội cũ.

2. Trao cho Tộng Hội Đồng nhiều quyền hạn đặc biệt và mạnh mẽ.

3. Khai trừ toàn thể nhóm đối lập.

4. Rời trụ sở Tổng Hội Đồng về New York, tại Mỹ.

Nhóm thiểu số bỏ Hội Nghị ra về, tụ họp tại *Saint-Imer* (quận Berne,Thụy sĩ, trung tâm công nghệ đồng hồ). Cùng với Bakounine và các người tị nạn Nga, họ tổ chức hai Đại Hội Nghị. Một Hội Nghị của Chi bộ miền Jura và một Hội Nghị Quốc tế chống độc tài tại Neuchâtel , ngày 15 tháng Chín, gồm đại diện các Liên đoàn Tây ban nha, Pháp, Ý, Thụy Sĩ, và Mỹ quốc. Hội nghị họp thành bốn Ủy ban ,mỗi ủy ban soạn thảo một quyết nghị như sau:

Quyết nghị thứ nhất lên án và từ chối các quyết định của Hội Nghị La Haye : "*Nhận định rằng Hội nghị La Haye, mà đa số đã tổ chức mệnh danh, với mục đích là đưa tổ chức Quốc tế vào sự thống trị của một đảng độc tài... Đại hội các đại diện Tây ban nha, Ý, Thụy sĩ (Jura), Hoa kỳ và Pháp tuyên bố tuyên bố tuyệt đối từ chối các quyết nghị của Đại Hội La Haye và không bao giờ chấp nhận quyền hành của Tổng hội đồng mà Hội nghị này đã ủy thác...*"

Quyết nghị thứ hai thiết lập một thỏa ước thân thiện, đoàn kết và bảo vệ tương trợ giữa các Liên đoàn: " *Nhận định rằng, trong tổ chức Quốc tế , đã phát hiện tại Hội nghị La Haye, một khuynh hướng do một đảng độc tài, một đảng Cộng sản Đức, muốn*

dùng sự thống trị và quyền lực của một bọn chỉ huy để thay thế sự phát triển tự do của tổ chức vô sản...., đại diện các Liên đoàn và Chi bộ Tây ban nha, Ý, Pháp, Thụy sĩ và Hoa kỳ, họp tại Hội nghị này, đã cùng nhau ký kết một thỏa ước thân thiện, đoàn kết và bảo vệ tương trợ...."

Quyết nghị thứ ba khẳng định tính chất của hoạt động chính trị vô sản : *"Nhận định rằng khát vọng của vô sản chỉ có mục đích là thiết lập một tổ chức và một liên minh kinh tế tuyệt đối tự do, dựa trên lao động và sự bình đẳng của mọi người, hoàn toàn độc lập ngoài mọi chính quyền...rằng mọi tổ chức chính trị bao giờ cũng chỉ là một tổ chức thống trị của một giai cấp bóc lột quần chúng, và giai cấp vô sản, nếu nó cũng muốn chiếm đoạt quyền hành, thì rồi cũng lại trở thành một giai cấp thống trị và bóc lột..., Hội nghị nhóm họp tại Saint-Imer tuyên bố: 1. sự phá hủy mọi quyền lực chính trị là bổn phận đầu tiên của vô sản; 2. mọi tổ chức chính quyền mệnh danh là lâm thời và cách mạng...chỉ là lừa dối và cũng nguy hại cho vô sản như các chính phủ hiện hữu. 3. từ chối mọi thỏa hiệp để hoàn tất cách mạng xã hội, các người vô sản của mọi dân tộc phải thiết lập, ngoài mọi chính trị tư sản, sự liên kết hoạt động cách mạng. "*

Quyết nghị thứ tư về tổ chức kháng chiến trong lao động bằng đình công, trong tương trợ và bình đẳng.

Chi bộ Thụy sĩ có nhiệm vụ gửi thỏa ước thân thiện và các quyết nghị tới mọi chi bộ lao động trên thế giới.

Đồng thời, Bakounine cũng gửi cho tạp chí "*Tự Do*" tại Bruxelles một bức thư trong đó ông tố cáo nguy hại của sự độc tài: "*Cho rằng một nhóm người, dù thông minh và thiện chí biết mấy, sẽ có thể trở nên tư tưởng, linh hồn, ý chí chỉ huy và thống nhất của phong trào cách mạng và của tổ chức kinh tế vô sản của mọi dân tộc, thực là một tà thuyết trái lương tri và kinh nghiệm lịch sử. Người ta tự hỏi tại sao một người thông minh như Marx lại có thể quan niệm ra được ?* "

"*Các vị Giáo Hoàng, khi tuyên bố chân lý tuyệt đối, ít ra họ còn có thể được tha thứ vì cho rằng mình nắm trong tay ân sủng của Thánh Linh mà họ tin tưởng. Ông Marx không được hưởng sự tha thứ đó và tôi không muốn xúc phạm tới ông khi nghĩ rằng ông tưởng mình đã khám phá ra, theo khoa học một cái gì gần gũi chân lý tuyệt đối. Mà một khi đã không có sự tuyệt đối thì làm sao tổ chức Quốc tế có thể có được một giáo điều bất khả sai lầm, hoặc một lý thuyết chính trị hay kinh tế chính thức. Vì thế, các cuộc Hội nghị của chúng ta không bao giờ có thể mệnh danh là được giữ vai trò của các Giáo Nghị Hội phổ quát để ban hành các nguyên tắc bắt buộc khiến mọi thành viên và tín hữu phải vâng theo.*"(129)

Xa lìa các chi bộ quốc gia Âu châu , Đệ nhất Quốc tế chết mòn tại New York. Chính Marx và Engels rút cuộc phải công nhận rằng không thể nào kết tụ được trong một tổ chức những trào lưu tư tưởng thật khác biệt nhau như các khuynh hướng của Marx, của Proudhon, của Blanqui và của Bakounine. Mỗi khuynh hướng đều muốn cắt nghĩa Công xã Paris theo lợi ích của mình. Sự chia rẽ không thể nào tránh khỏi. Tháng Chín 1874, Engels viết thư cho Friedrich-Adolf Sorge, một đảng viên cộng sản tị nạn tại Hoa kỳ, đã coi "bà già Quốc tế " như một hiện tượng của qúa khứ. Ông hứa hẹn rằng Quốc tế lần sau sẽ đổi khác: " ***Khi các bút tích của Marx sẽ gây được hiệu qủa của chúng , hiệu qủa rõ rệt cộng sản...***"

Năm 1876, tại Philadelphie , Hoa-Kỳ, Hiệp Hội Quốc Tế Lao Động chính thức công bố giải tán.

Cũng trong năm nay, Mikhail Aleksandrovitch Bakounine từ trần tại Berne thủ đô Thụy sĩ, hưởng thọ 62 tuổi. Bakounine là một nhà cách mạng thông minh và có thiện chí. Tuy là đối thủ, nhưng ông vẫn kính nể tài ba, trí tuệ và thiện chí của Marx đối với giai cấp vô sản. Những ý tưởng cảnh giác của ông về nguy cơ độc tài vẫn còn giá trị cho đến ngày nay. Lý thuyết "***vô chính phủ***" (anarchisme) mà người ta thường gán cho ông không có nghĩa là ông chủ trương một xã hội hỗn loạn , không tổ chức. Ông chỉ từ chối một uy quyền chính trị tuyệt đối , độc tài, độc đoán, ban lệnh ban quyền từ trên xuống dưới , để đàn áp quần chúng lao động. Ông chấp nhận một quyền thừa

ủy từ dưới lên trên, với nhiệm vụ độc nhất là tổ chức lao động và phân chia tài sản theo khát vọng và sự kiểm sát của quảng đại quần chúng trong tổ chức liên xã, liên quận, liên bang, đại khái như tổ chức liên bang Thụy sĩ ngày nay.

20. Những năm cuối cùng của Marx và Engels.

Khi rời bỏ Đại Hội Nghị La Haye, Marx vừa thọ 54 tuổi. Ông vĩnh viễn trụ trì tại Luân Đôn và hầu như rút lui khỏi mọi hoạt động chính trị để nghiên cứu và viết sách vở, nhất là hoàn vẹn Bộ Tư Bản luận, mà phần nhất đã được con rể của ông là Charles Longuet dịch ra Pháp văn và xuất bản năm đó (1872). Nhịp sống của ông trở thành một thói quen. Bẩy giờ sáng thức dậy, uống ly cà phê rồi vào phòng làm việc một mạch cho tới hai giờ chiều. Sau khi vội vã ăn trưa, ông trở lại bàn giấy. Bữa ăn tối, ông chia sẻ với gia đình. Sau một cuộc đi dạo ngắn, ông trở lại làm việc cho tới hai ba giờ sáng.

Để hoàn thành quyển Hai và Ba của Bộ Tư bản luận , ông nghiên cứu các khoa học thực nghiệm: địa chất, hóa học nông nghiệp , canh nông, cách làm phân bón, sinh lý thảo vật, cả về điện học và việc sử dụng hơi nước lúc đó mới phôi thai. Để hiểu rõ các xã hội nguyên thủy, ông đọc các tác phẩm của Lewis M. Morgan, H.S Maine, de Phear, de Sohm và Dawkins, v.v.Ông cũng ghi chép nhiều chú thích khi đọc lịch sử Ấn Độ và Trung quốc.

Năm 1875, "*Tổng hội Lao Động Đức'* có khuynh hướng Lassale và "*Đảng Lao Động Xã hội dân chủ* "có khuynh hướng mac-xit, cùng nhau nhóm Hội Nghị tại Gotha và phối hợp thành một phong trào thống nhất. Marx viết một bài phê bình kịch liệt về sự phối hợp đó, nhất là những điểm trong chương trình chung mà ông cho là qúa nhượng bộ của một thứ *"chủ nghĩa xã hội bác ái"(social philanthropie).* Ông cho là " *vô lý ... khi xếp phái trung lưu vào cùng một lứa với giai cấp đại tư sản và nhất là với bọn phong kiến, thành một khối phản động , đối lập với giai cấp lao động."* Theo ý kiến Marx, sự hình thành kinh tế-xã hội phải phát sinh từ một *phương thức sản xuất trổi vượt, nhưng không phải chỉ nguyên ở phương thức đó.* Bởi thế, bên cạnh hai giai cấp đối lập căn bản, còn có những giai cấp phụ thuộc , hoặc là tàn tích của quá khứ, hoặc là mầm mống của tương lai, những giai cấp mà chính trị phải lưu ý tới, vì nhiều khi chính họ là mấu chót của vấn đề cần phải giải quyết.

Bản " *Phê bình Chương trình Gotha",* được Engels xuất bản năm 1891 , còn đưa ra hai luận đề thiết yếu của lý thuyết mac-xít. Lần đầu tiên Marx phân biệt Chế độ Cộng sản làm *hai giai đoạn nhất định.* Giai đoạn hạ cấp là giai đoạn mà *các tài nguyên vật chất chỉ được phân chia tùy theo khả năng sản xuất của mỗi người : "Trong giai đoạn đầu tiên của xã hội Cộng sản, như nó vừa thoát ly ra khỏi chế độ tư bản sau một cuộc sinh đẻ khổ đau, quyền hưởng thụ*

không bao giờ có thể cao hơn mức độ của cơ cấu kinh tế và sự phát triển văn hóa của xã hội đó... "

" Trong giai đoạn cao cấp của xã hội cộng sản, khi sự lệ thuộc nô bộc của các cá nhân vào sự phân công lao động, sẽ tan biến, và cùng với nó, sự đối lập giữa lao động trí thức và lao động chân tay; khi sự lao động không phải chỉ còn là phương thế sinh sống, mà thực sự trở thành nhu cầu khẩn cấp nhất của cuộc đời ; khi mọi cá nhân đều được nẩy nở phổ quát , khi các lực lượng sản xuất đều được bội phát và mọi nguồn lực tài nguyên hợp tác xã được tung ra dồi dào, khi đó và chỉ khi đó , chân trời trật hẹp của quyền hạn tư bản mới có thể hoàn toàn được chế ngự, và các xã hội mới có thể viết trên nền cờ của chúng : " Mỗi người theo khả năng, mỗi người theo nhu cầu ".(130)

Luận đề thứ hai đặt định các điều kiện cần thiết để thực hiện giai đoạn cao cấp này. Sự chiếm hữu tập thể là hành vi cách mạng căn bản của sự can thiệp cương quyết xã hội. Qúa trình phát triển sản xuất có một luật mã (code) cũng như sự truyền sinh có một luật mã của nó. Sự chiếm hữu tập thể có mục đích biến đổi luật mã đó. Nhưng nguyên sự chiếm hữu tập thể không phát sinh ra chế độ cộng sản . Nó còn lệ thuộc vào các *" điều kiện vật chất của sản xuất "* .

Trong giai đoạn đầu, sự phát triển sản xuất còn dựa vào nền tảng vật chất của phương thức sản xuất cũ. Các tương quan pháp luật còn có hiệu qủa

hạn chế. Sự mâu thuẫn giữa tình trạng vật chất và quyền hưởng thụ còn là tàn tích của tổ chức cũ. Mức sản xuất với các điều kiện vật chất thấp kém chỉ cho phép mỗi người được hưởng thụ tùy theo năng lực sản xuất của họ. Chỉ khi nào điều kiện vật chất đưa vào một khả năng sản xuất phổ quát, dồi dào mới cho phép mọi người được hưởng thụ tài nguyên theo nhu cầu của mình. Điều kiện thiết yếu này đưa Marx đến quan niệm cho rằng cách mạng vô sản chỉ chắc chắn thành công khi sự phát triển kỹ thuật và kinh tế của chế độ tư bản đã lên tới tuyệt độ. Vì thế , ông hy vọng rằng cách mạng sẽ phát khởi từ Đức quốc hoặc Anh quốc chứ không phải tự Pháp, Ý, hay Nga, v.v...

Trong hai năm 1877 và 1878, Engels viết một loạt bài báo trong tờ *"Tiến Lên"* để phê bình tư tưởng của *Karl-Eugen Dühring* , một giáo sư mù , Đại học Bá-Linh. Để chống lại các khuynh hướng duy tâm và duy vật máy móc, Engels nhấn mạnh đến sự ảnh hưởng hỗ tương giữa tác động biện chứng của thiên nhiên và tác động tinh thần của tư tưởng nhân loại. Ý tưởng này lại còn được nhắc lại trong tác phẩm về "*Biện chứng của thiên nhiên*" mà ông soạn thảo trong giai đoạn 1878-1883: " *Cho đến nay, khoa học về thiên nhiên cũng như triết học đã tuyệt đối coi thường ảnh hưởng và hoạt động của con người đối với tư tưởng của mình . Chúng chỉ biết đến, một bên là tạo vật, một bên là tư tưởng . Mà thực ra thì chính sự cải biến tạo vật bởi con người, chứ không phải nguyên tạo vật biệt lập, mới là nền tảng căn bản nhất và trực tiếp nhất của tư tưởng nhân loại.*"

Từ năm 1874, sức khỏe của Marx bắt đầu suy nhược trầm trọng. Trong hai năm 1875-1876, ông nằm dưỡng bệnh tại Karlbad. Năm 1877, ông về nghỉ vài tuần tại Forêt Noire. Năm 1881, bệnh ông trở nên trầm trọng,trong lúc vợ ông cũng bị ung thư ở gan hành hạ. Bà từ trần vào ngày mồng Hai tháng chạp năm đó. Cái chết của vợ càng làm cho Marx suy nhược cả tâm thần lẫn thể xác. Vào tháng giêng năm 188 2, Marx đi nghỉ tại đảo Wight với con gái Elenor.Tháng Hai, ông đi Alger cho tới tháng Năm. Khi về, ghé qua Cannes, Monte-Carlo, rồi Argenteil , tại nhà vợ chồng Lafargue và Laura. Marx phàn nàn rằng mình không có may mắn với các con rể,bởi vì ông cho rằng *Paul Lafargue, chồng của Laura thì theo trào lưu Bakounine, còn Charles Longuet, chồng của Jenny, cô con gái cả lại theo Proudhon.*

Tháng giêng 1883, trong khi ông đang nghỉ tại đảo Wight thì được tin Jenny yếu nặng. Bà từ trần ngày 11 tháng đó.

Hai tháng sau, vào buổi chiều ngày 14 tháng Ba, khi Engels tới thăm ông như thường lệ mỗi ngày, bà Hélène Demuth , vừa là bạn ,vừa là nhân tình của Marx một thời, ngày nay săn sóc hầu hạ ông trong lúc ốm đau, cho biết rằng ông đang thiếp ngủ.Lenchen, (*con của Marx và Demuth, con nuôi của Engels),* và Engels bước vội lên phòng ngủ. Sau này Engels viết: *"Khi chúng tôi vào, thì Marx nằm đó ,ngủ, nhưng không bao giờ thức dậy. Con mạch và hơi thở còn chạy. Nhưng hai phút sau thì ông thiếp dần, yên hàn và không đau đớn."*

Lúc đó là đúng Hai giờ bốn mươi lăm phút. Marx hưởng thọ 65 tuổi. Hai khám phá đặc biệt của ông là *quy luật về sự tiến hóa nhân loại và giá trị thặng dư (plus-value).* Nhưng toàn bộ hệ thống tư tưởng của ông là nền tảng của các chế độ Cộng sản hiện đại.

21. Engels và gia nghiệp của Marx.

Engels tiếp tục tham khảo và chỉnh đốn tư tưởng của Marx. Năm 1884, ông xuất bản cuốn "*Nguồn gốc của gia đình, tư sản và Nhà nước*",dựa trên các tài liệu của các nhà chủng tộc học đương thời như L.H. Morgan . Nhiều chứng dẫn của ông ngày nay đã lỗi thời ,không phù hợp với những khám phá mới của các nhà chủng tộc học hiện đại. Có điều là, lần đầu tiên, Engels đề cập tới vấn đề Nhà nước một cách có hệ thống và trên quan điểm lịch sử , để cho rằng "*Nhà nước không hiện hữu từ muôn thủa. Nó là một cần thiết , nhưng vào một giai đoạn nào đó của cuộc phát triển kinh tế, sự phân chia xã hội và tổ chức sản xuất dựa trên nền tảng của một hiệp hội tự do và bình đẳng giữa các người sản xuất, thì lúc đó bộ máy Nhà nước sẽ được ném vào đúng chỗ của nó, nghĩa là vào Bảo tàng viện, bên cạnh chiếc máy quay sợi bằng tay và chiếc rìu bằng đồng thau*". Tất nhiên , kết luận này cũng không phù hợp với phương thức sản xuất hiện đại, dù là phương thức sản xuất trong các chế độ cộng sản.

Engels còn viết cuốn *"Biện chứng về thiên nhiên"* và một vài cảo luận nhỏ, trong đó có bản văn về *"Cống hiến vào lịch sử Kitô-gáo nguyên thủy"* mà chúng tôi đã có dịp chứng dẫn ở trên.

Nhưng công việc chính của ông là sắp xếp, tu chỉnh và diễn giải các văn bản sơ thảo mà Marx còn để lại. Khốn nỗi , một phần vì ông đã già nua, bệnh hoạn, nhất là mắt kém, phần khác, các văn bản mà Marx để lại thật sơ sài, lộn xộn. Tựu chung chỉ là một mớ tư tưởng gói ghém trong một mớ tài liệu, gồm những trích dẫn, chú thích và các bình luận về các tác giả cổ thời mà Marx đã đọc. Chữ viết lại run rẩy, loăn xoăn khó đọc, lời văn thì pha trộn tiếng Đức, tiếng Pháp và Anh văn. Rốt cuộc, Engels phải thuê một người thư ký. Mội ngày, nằm trên ghế phản, ông đọc cho thư ký viết từ mười giờ sáng cho tới năm giờ chiều. Tư Bản Luận tập Hai về *"Diễn trình lưu thông Tư bản"* ra đời vào năm 1885, còn tập Ba, về *"Diễn trình tổng quát về sản xuất Tư bản"* mãi đến năm 1894 mới được xuất bản. Trong bài Tựa của tập này, Engels hứa sẽ hoàn thành tập Bốn, về *"Lịch sử của lý thuyết về giá trị thặng dư"*, nhưng rút cuộc, vì mù loà, mệt mỏi ,ông đành trao việc này cho *"thế hệ trẻ"* : Karl Kautsky (45 tuổi) chủ nhiệm tờ Tân Báo của đảng Dân chủ Xã hội Đức, khuynh hướng Mac-xit và Edouard Bernstein (44 tuổi), sau này có khuynh hướng xét lại. Cả hai đều bị Lenine kết tội là " phản tặc.

Dẫu sao , Tập Bốn được Kautsky xuất bản năm 1905, với nhan đề: " *Các lý thuyết về giá trị thặng dư".*

Đương thời Engels, tư tưởng của Marx đã bắt đầu được phổ biến trong các cuộc tranh luận sôi nổi về chủ nghĩa xã hội, nhưng hầu hết bị giản dị hóa và giáo điều hóa. Ngay các đồ đệ của ông cũng đều biến chất ý tưởng của Marx và coi *"lý thuyết Duy vật Lịch sử"* như một *"Thuyết quyết Định Kinh tế "* (déterminisme économique). Chính Paul Lafargue, con rể của Marx đã viết về *" Chủ nghĩa duy vật kinh tế của Marx" (1884)* theo trào lưu này.

Để chống lại khuynh hướng đó, Engels cải chính và nhấn mạnh: *"Con người tạo dựng lịch sử của chính mình, nhưng trong một môi trường quyết định , trên những điều kiện thực tế bên ngoài, trong đó có các điều kiện kinh tế . Các điều kiện này dù bị ảnh hưởng biết mấy bởi các điều kiện chính trị và tri hệ thức, thì , cuối cùng chúng vẫn là điều kiện quyết định và là đầu mối của sợi giây đỏ, giúp ta tháo gỡ và thấu hiểu. Chính tôi và Marx có một phần trách nhiệm về những sai lầm của các bạn Mac-Xit trẻ, bởi vì đôi khi họ đẩy mạnh cán cân về phía kinh tế. Trước mặt đối thủ, chúng ta bắt buộc phải nhấn mạnh đến nguyên tắc thiết yếu mà họ chối từ. Do đó, chúng ta không có thời giờ và cơ hội để chú trọng tới các yếu tố khác đã can thiệp hỗ tương vào sự kiện..."*

Engels đã cống hiến rất nhiều vào tư tưởng và công trình của Marx, nhưng ông vẫn từ tốn coi mình như cây vĩ cầm phụ của ban hoà tấu. Tháng Tám năm 1893, ông được tiếp đón vinh quang tại Đại Hội Quốc tế Xã Hội chủ nghĩa , Zurich (Thụy sĩ).

Trong bài diễn văn bế mạc Hội Nghị, Engels tuyên bố: *"Sự tiếp đón nồng nhiệt mà các đồng chí dành cho tôi, tôi chấp nhận không phải như một nhân vật cá vị, nhưng là cộng sự viên của con người vĩ đại mà các đồng chí treo ảnh ở đây".* Rồi chỉ vào ảnh Karl Marx, ông tóm tắt kể lại hoạt đông của Đệ Nhất Quốc Tế, và khuyên: "*Chúng ta không nên biến thành một giáo phái (secte), nhưng chúng ta phải bảo tồn nguyên tắc chung.*"

Từ cuối năm 1894, sức khỏe của ông sa sút dần. Ông bị ung thư cổ họng. Ngày 28 tháng Bẩy năm 1895, tuy không nói ra lời, nhưng ông còn dùng phấn và bảng đen để tranh luận với Elenor, con gát út của Marx, về tình hình "*Đảng Lao Động Độc Lập*".

Vài ngày sau, 5 tháng Tám, ông bị bất tỉnh và mất vào Mười giờ rưỡi đêm.

Vào dịp đó, Lênin đã dùng hai câu thơ của thi sĩ Nékrassov để khóc than Engels:

" *Một ngọn đuốc tinh thần đã dập tắt...*
Một trái tim hào hùng đã ngừng đập.'

Và trong một bài điếu, Lê-nin ca tụng: "*Engels đã là một bác học, một nhà giáo dục lỗi lạc nhất của vô sản hiện đại và của toàn thể thế giới văn minh... Kỷ niệm của Engels, con người chiến sĩ vĩ đại của vô sản sẽ sống mãi ngàn thu.*"

Chương Hai
Những tư tưởng căn bản của Học thuyết Mac-Xít.

Trên đây, chúng tôi đã dùng phương pháp lịch sử để diễn tả đời sống và lịch trình phát triển tư tưởng của Marx và Engels qua các kinh nghiệm, biến cố và sách vở mà các ông đã có dịp tham khảo. Như vậy, các ý tưởng rời rạc có vẻ không liên hệ với nhau, và khiến cho độc giả nhiều khi loãng trí.

Ở đây, chúng tôi muốn tổng hợp các tư tưởng đó lại thành một hệ thống có quy củ, mạch lạc, một Tri -hệ-thức theo đuổi một mục đích duy nhất.

Ba vấn đề căn bản về vũ trụ quan, nhân sinh quan và xã hội quan, dựa vào các quan niệm về triết học, tôn giáo, kinh tế, xã hội và chính trị sẽ là các đề mục tạo thành tri hệ thức đó.

I. Vũ trụ quan cuả Karl Marx : vạn vật nhất thể duy vật.

Từ xưa tới nay, mọi cố gắng của các nhà triết học là *tìm hiểu thực chất, nguồn gốc và cùng đích* của toàn thể cái vũ trụ mà trong đó con người sinh sống rồi chết đi. Sự hiểu biết đó là kim chỉ nam duy nhất của lẽ sống nhân loại. Nó chi phối mọi hành động cá nhân cũng như đoàn thể. Toàn thể các kinh nghiệm và

kiến thức về sự hiểu biết đó tạo thành một hệ thống mà chúng ta gọi là một vũ trụ quan.

Các kinh nghiệm và kiến thức đầu tiên thuộc về thế giới mà các triết gia và bác học gọi là thế giới vật lý (physis) hay vật chất (matière) bao bọc quanh ta, và chính thân xác chúng ta cũng là thành phần.

Theo kiến thức khoa học ngày nay, toàn thể các hiện tượng mà chúng ta cảm thụ được về thế giới đó đều phát sinh bởi một yếu tố đơn thuần và duy nhất mà ở trạng thái cực kỳ nhỏ bé, bất khả phân, các nhà bác học gọi là nguyên tử và diễn tả đại khái như sau: "*Nguyên tử là một hệ thống gồm một trung tâm điện lực cực kỳ nhỏ bé nhưng có khối lượng, ràng buộc với một chùm phân tử điện lực khác cực kỳ nhẹ nhõm, quay cuồng chung quanh. Người ta thường mường tượng đến hình ảnh của một trung tâm Mặt trời lôi kéo chung quanh các hành tinh, theo một vòng quay lộn vĩnh cửu, trong một khoảng trống hoàn toàn. Đó là một hình ảnh đơn giản để giúp tinh thần có một ý tưởng về sự cực kỳ chống rỗng của nguyên tử so với sự chống rỗng của các khoảng cách trong vũ trụ. Nếu hạt nhân được phóng đại bằng khuôn khổ mặt Trời, thì các hạt điện* électron *quay chung quanh nó cũng có khoảng cách của hành tinh Pluton, xa mặt Trời từ 5 tỉ cây số.*

"Hạt nhân của nguyên tử gồm các hạt điện dương cực proton *và hạt điện không cực* neutron *ràng buộc với nhau bằng một sức lực huyền bí mà các nhà bác học gọi là* meso. *Hạt nhân chứa đựng 99 phần trăm trọng lượng của nguyên tử."* (131)

Người ta có thể đếm, đo, cân lường được các đơn vị nguyên tử. Phân tách đến kỳ cùng, thì mọi cơ cấu của vật chất đều tạo thành bởi ba phân tử điện lực và chỉ có ba phân tử đó mà thôi. Đó là các điện cực Electron, Proton và Neutron. Tùy theo số lượng quy tụ của các điện cực đó , mà chúng ta có được các loại nguyên tử đơn chất khác nhau, chẳng hạn khinh khí, dưỡng khí, đồng, chì, vàng, bạc, v.v... Luật quy tụ của điện cực lại lệ thuộc vào số proton của trung tâm hạt nhân. Số thứ tự của các nguyên tử đơn chất cũng chính là số proton trong trung tâm của nó. Chẳng hạn, nguyên tử **Khinh khí** (hydrogène) số một là kết tụ của một electron và một proton. Khinh khí nặng (hydrogène lourd) là 2 electron hợp với một proton. Nguyên tử Uranium, số 92, gồm 92 proton và từ 140 đến 146 neutron làm trung tâm kết hợp với 92 electron quay chung quanh.

Các nguyên tử đơn chất có thể bị đảo lộn và biến chất khi trung tâm hạt nhân, nghiã là số proton của nó bị đảo lộn do các điện lực bên ngoài. Do đó mà vạn vật biến chuyển không ngừng. Chẳng hạn ,người ta có thể chế biến platine, nguyên tử số 78, hoặc mercure, nguyên tử số 80, hay plomb (chì) thành vàng, nguyên tử số 79 , bằng cách đảo lộn hạt nhân của chúng để đưa số proton vào số của vàng, nhờ các máy nguyên tử cực tối tân như các máy cyclotron, betatron, synchrotron, v.v... Không ai muốn biến chế vàng kiểu ấy, bởi vì giá cả thật cao.

Nhưng dựa vào nguyên tắc và các phương

pháp đó, các nhà bác học đã tạo ra nhiều đơn chất mới chưa từng có trên mặt đất.

Cho tới năm 1940, các nhà khoa học nguyên tử đã khám nghiệm ra 90 nguyên tử đơn chất. Từ đó, nhờ các phương pháp tối tân họ lại biến chế thêm và hiện nay, cả thảy trên mặt đất có tới 103 nguyên tử đơn chất. Nguyên tử Lawrencium , con số cuối cùng này lấy tên nhà bác học Mỹ Ernest Orlando Lawrence, người sáng tạo ra máy cyclotron và được giải thưởng Nobel năm 1939, đã được chế biến ra vào năm 1961.

Sự tách rời của các electron ra khỏi qũy đạo của một nguyên tử này sang nguyên tử khác phát sinh ra một điện lực gọi là **photon** và một tốc độ phi thường mà chúng ta cảm thụ thành ánh sáng. Tốc độ ánh sáng dùng làm đơn vị đo lường các tốc độ khác trong vũ trụ. Một ngọn nến, mỗi giây, phát ra 3 tỉ tỉ photon, còn một vì sao trung bình như mặt Trời , thì mỗi giây, phát ra một số photon gồm con số 1 và 43 số 0.

Sự tách rời của các proton và neutron trong trung tâm hạt nhân cũng phát sinh một điện lực và tốc độ vô song , tạo thành các vũ trụ tuyến (rayonnement cosmique) như các điện quang X, Gamma, cực tím, cực đỏ, v.v. có tính cách phóng xạ (radio-actif) .

Nguyên tử theo nguyên tự Hy Lạp (a- *tomein*) có nghĩa là không thể chia sẻ thêm. Tầm thước của nó là thế này: trong một lít khí, có 50 tỉ tỉ nguyên tử azote, và dưỡng khí.

Theo ý kiến các nhà khoa học hiện nay thì tựu trung, vũ trụ hay cái mà chúng ta gọi là thế giới vật chất chỉ là một Đại dương điện từ (Océan électro magnétique) *phát hiện ra bằng những hiện tượng như các vũ trụ tuyến, các proton, electron, neutron, photon , méson , nucleon, v.v.*

Theo Einstein , các thực thể này chỉ là một thực chất, biến hóa từ trọng lượng sang năng lực và từ năng lực trở thành trọng lượng.

Thế giới vật chất xâu rộng bao nhiêu và có tự bao giờ ? Nó hiện hữu để làm gì ? .

Không ai có thể trả lời được ba câu hỏi này. Nhưng theo ý kiến của các triết gia và nhà khoa học, dựa vào lương tri và tầm hiểu biết của trí tuệ thì chúng ta phải công nhận rằng thế giới vật chất không thể nào phát hiện từ Hư không. Nó cũng không bao giờ có thể tan biến vào Hư không. Như vậy là nó phải vĩnh cửu, thường tồn, vô thủy vô chung, vô hạn vô định. Đó là những bí nhiệm ngoài tầm hiểu biết của trí tuệ con người.

Đó là một sự thực hiển nhiên mà chúng ta phải công nhận vì chúng ta trực tiếp cảm thụ và ý thức được.

Nhưng chính khả năng cảm thụ và ý thức về sự vật cũng lại là một Bí nhiệm.

Đứng trước các vấn đề bí nhiệm và bất khả tri luận này, các triết gia và nhà khoa học có những giả thuyết và thâm tín khác nhau.

Cho đến đầu thế kỷ XVIII, thì hầu như mọi người đều tin rằng con người là một nhân vị gồm có một thể xác vật chất và một linh hồn bất tử. Khi các khoa học thực nghiệm được phát triển, thì các nhà tự nhiên học,sinh học và chủng loại học, v.v. bắt đầu nghiên cứu tìm hiểu cơ cấu, sự phát triển và nguồn gốc của các loài sinh vật. Họ nhận thấy rằng sự cấu tạo và phát triển của các sinh vật có những điểm tương đồng và hầu như được giàn xếp theo một dự án, một chương trình và một mục đích nhất định, tuy ở vào những trình độ khác nhau. Đơn giản nhất là các tế bào đơn thuần như các nấm và vi trùng , phát xuất từ các hóa chất và tế bào của các loài thảo mộc bị thối nát.

Năm 1809, nhà tự nhiên học Pháp, Jean Baptiste Lamarck (1744-1829) xuất bản cuốn "Triết lý về động vật" (Philosophie zoologique) chủ chương hai lý thuyết về sự ngẫu sinh (génération spontanée) và biến hóa (transformisme). Thuyết ngẫu sinh cho rằng các tế bào sống nguyên thủy (cellule vivante première) như các nấm và vi trùng, chỉ là các nguyên chất hóa học ngẫu nhiên biến thể. Hiện tượng "ngẫu nhiên" không thể có tính cách khoa học, bởi vì nó không cắt nghĩa được nguyên nhân của sự sống , mà chỉ nhận xét một thực tại và đưa ra một giả thuyết hồ đồ. Thuyết biến hóa cho rằng các chủng loại được phát triển và phân chia là do sự biến hóa của loại này sang loại khác qua thời gian, tùy theo môi trường, thủy thổ và các hóa chất mà nó thâu thập tích lũy.

Năm 1859, Charles Darwin (1809-1882) nhà tự nhiên học và sinh học (biologiste) Anh, cho xuất bản bộ sách về *"Nguồn gốc các chủng loại theo con đường đào thải tự nhiên"* (l'origine des espèces selon la voie de sélection naturelle) và năm 1871 , bộ sách về *"Giòng giõi loài người và sự đào thải do Dục tình"*(la descendance de l'homme et la sélection sexuelle). Hai bộ sách này cả thảy gồm hơn hai ngàn trang là tổng hợp các nghiên cứu và nhận xét của riêng ông và của các học giả tiền bối để đưa đến kết luận về thuyết Tiến hóa(Evolutionisme).Thuyết này khác với thuyết Biến hóa của Lamarck bởi vì theo nhận xét của Darwin thì sự biến hóa của các chủng loại không phải chỉ là do sự biến chất ngẫu nhiên qua thời gian và môi trường, nhưng nó được phát triển một cách tiến bộ theo một dự định, một tiện ích và một chức vụ : mỗi tế bào phụng sự một tổ chức, một bộ phận. Mỗi bộ phận lại phụng sự một mục đích riêng biệt. Và toàn thể các cơ quan và bộ phận lại có một mục đích duy nhất : bảo vệ và phát triển sự sống. Nhưng bởi vì sự sống của các sinh vật rất yếu ớt , phù du, cho nên tạo vật lại phú bẩm cho nó một phương thế để truyền sinh và bảo tồn chủng loại. Và để cho giòng giõi chủng loại được tăng hảo và tiến bộ, tạo vật lại phú bẩm cho nó những năng khiếu để tuyển lựa, đào thải, để khi truyền sinh, chỉ có những phần tử khỏe mạnh, ưu tú là được sống còn. Các phần tử yếu đuối ,bệnh hoạn đều bị tiêu diệt, đào thải. Hơn nữa, để sự bảo vệ và truyền sinh được tốt đẹp và hiệu nghiệm, tạo hóa lại phú bẩm

bẩm cho các sinh vật bậc cao, như các loài động vật và nhất là con người hai năng khiếu thật huyền diệu: đó là bản năng và trí tuệ.

Theo ý Darwin, nếu một số bản năng phát triển do kinh nghiệm và thói quen, nhưng nguồn gốc của nó vẫn là một bí nhiệm: Ông nhận thấy rằng nhiều hành vi rất phiền toái của loài vật được phát động một cách khéo léo, mà không do kinh nghiệm, học hỏi và lý luận mà do kế truyền của bản năng: chẳng hạn ,trường hợp "*những con ong, con kiến thợ không sinh đẻ, chúng có một bản năng càng lạ lùng khi các đơn vị mang bản năng này không hề truyền lại các hiệu qủa của kinh nghiệm cho con cái hậu lai* ", vì lý do giản dị là chúng không có con cái và chính chúng cũng sinh ra bởi các ong kiến mẹ, có một vai trò khác với các vai trò của chúng.(132) Các loài sâu bọ làm tổ kén cũng thế. Khi ra khỏi lòng mẹ thuộc loài bướm, chúng không hề được học hỏi kinh nghiệm về cách làm tổ kén, vậy mà chúng tác động một cách tài tình y hệt tác động của bố mẹ. Ở nhiều loài chim cò, tình hình cũng giống thế. Darwin cho rằng các hành vi này là hậu qủa của những "*nguyên nhân bí ẩn*" và do những "*động lực huyền nhiệm*". Mà trong "*tình trạng ngu muội, chúng ta coi như là ngẫu sinh*". (133)

Về trí tuệ và các động tác của tinh thần, như ý thức, lý luận, trí nhớ và sức tưởng tượng,v.v.,Darwin cho rằng sự phát triển của khối óc nhân loại , tiếng nói rành mạch cùng các kinh nghiệm, thói quen, học hỏi là những điều kiện giúp nó tiến hóa, nhưng khối óc

tự nó không phải là nguyên nhân của khả năng ý thức và suy luận. Mà bởi vì mọi cơ quan bộ phận và mọi động tác của chúng nhất thiết quy về một dự án và một mục đích thiết yếu là sinh tồn và truyền giống, cho nên Darwin đi đến kết luận ngược lại thuyết biến hóa ngẫu sinh của Lamarck: "*Sự phát sinh của chủng loại cũng như của cá nhân cấu tạo đồng đều các phần tử của một chuỗi hiện tượng rộng lớn mà tinh thần của chúng ta từ chối không thể coi là kết qủa của sự tình cờ mù quáng. Lương tri công phẫn trước một kết luận như vậy: dù chúng ta có thể tin hay không tin, thì mọi sự biến đổi nhỏ nhặt để đáp ứng với hoàn cảnh, mọi sự kết cấu của lứa đôi, mọi sự phân phát của hạt giống, cùng mọi hiện tượng giống thế, đều đã được sắc lệnh với một mục đích đặc biệt.*"(134) Và bởi vì sự sống và sự truyền giống của các chủng loại ,nhất là của loài người đã được xếp đặt theo một chương trình dài hạn và nhất định, cho nên vấn đề hiện hữu của một vị Tạo Hoá, kẻ sáng tạo ra kế hoạch tổng quát của vũ trụ đó phải là một chân lý hiển nhiên, mặc dầu chúng ta không bao giờ thấu hiểu được bản chất và dự định của Ngài: "*Không có gì chứng minh rằng từ nguyên thủy, con người được phú bẩm một tín ngưỡng ở Tạo Hóa toàn năng. Nhưng vấn đề được đặt ra ở một cương vị cao cả hơn là vấn đề hiện hữu của một Đấng Tạo Hóa làm chủ Vũ trụ: vấn đề này, mọi trí tuệ cao cả nhất của mọi thời đại, đều trả lời rằng có.*"(135)

Như thế là lý thuyết Tiến Hoá của Darwin

chỉ có mục đích sửa chữa một quan điểm cổ truyền cho rằng Tạo hóa đã sáng tạo ra các sinh vật theo các chủng loại nguyên hình chia biệt, như ngày nay ta thấy. Nhưng dù sáng tạo bằng cách này hay cách khác, một chập hay dài hạn, thì nguồn gốc của sự sống và các chủng loại , nhất là của hiện tượng tinh thần không thể là sự tình cờ , ngẫu nhiên, mù quáng.

Ngày nay, các nhà sinh học còn tiến bộ hơn thời Darwin. Chúng ta có thể phân tích mổ sẻ đến cùng cực các tế bào nguyên sơ của sự sống , sự truyền sinh và truyền tính. Mỗi sinh vật là kết qủa của một qúa trình phát triển của một số nhất định những nguyên tố truyền sinh đặc biệt và cực nhỏ gọi là chromosome. Đó là một thứ họa đồ tổng quát của mỗi sinh vật ,trong đó chứa đựng các gène ,là những nguyên tố hướng dẫn việc hình thành các cơ quan và bộ phận của cơ thể theo một kiểu mẫu đặc biệt. Các gène được cấu tạo bằng những hóa chất được sắp xếp như một thứ mật số đặc biệt (code génétique) để truyền tính cho mỗi đơn vị cá nhân, gọi là A.D.N (Acide déoxyribonucléique). Như thế là khi phân tách đến cực độ, nguồn gốc vật chất của sự sống chỉ là các chất hóa học vô tri vô giác. Vậy làm sao nó lại tự tổ chức để hướng dẫn việc thành hình sự sống theo những quy luật nhất định ? Làm sao các bộ phận riêng biệt do nó hướng dẫn lại có thể phối hợp để thi hành những công vụ đặc biệt của cơ thể một cách tự động, chẳng hạn sự phối hợp giữa khối óc, các hệ thần kinh và các giác quan là những bộ phận riêng cách ?

Làm sao các nguyên tố truyền sinh và truyền tính bằng hóa chất cực kỳ bé nhỏ lại chứa đựng cả một dự án hình thành của sinh vật, trong khi các hóa chất mà chúng thâu nhập qua qúa trình phát triển đều mới mẻ không có dấu vết gì do tổ tiên lưu truyền ? Làm sao các yếu tố truyền sinh và truyền tính rải rắc từ các cơ quan bộ phận và các tế bào riêng biệt xa xôi trong cơ thể lại tự dẫn nhau về kết tụ trong tinh trùng (spermatozoïde) ở cơ quan sinh dục ? Tại sao con tinh trùng từ cơ quan sinh dục của người đàn ông lại phải đi tìm buồng chứng ở cơ quan sinh dục của người đàn bà thì mới truyền sinh được ? Nếu hai phái không tìm nhau, thì nhân loại sẽ tuyệt chủng. Tất cả mọi sự phối hợp, hoà đồng , tiến bộ của tạo vật trong công cuộc phát sinh và bảo tồn các chủng loại sinh vật chứng tỏ rằng sự sống và tinh thần không thể nào phát sinh một cách tình cờ từ vật chất vô tri vô giác. Nhà Vật lý học và sinh học thời danh Pháp Pierre Lecomte du Nouy viết: "*Nguyên các tác động vật-lý-hóa không thể nào cắt nghĩa được mọi guồng máy hoạt động của cơ thể. Nguồn gốc của các "khởi điểm" ban đầu còn đặt ra nhiều khó khăn mà cho đến nay không thể thấu hiểu được. Chỉ lấy một thí dụ lạ lùng về sự hoàn hảo của con mắt là cơ quan thị giác chẳng hạn. Chúng ta không có một dấu hiệu nào chứng tỏ rằng nó phát hiện từ hư không. Để có thể tác động hiệu nghiệm, nó phải phối hợp cả một hệ thống nhãn quan phiền phức với hệ thống thần kinh. Có thể nào cho rằng một tổng hợp bộ phận tài tình*

như thế, dù ở nơi những sinh vật thô sơ nhất, lại chỉ là sự biến chất tình cờ,theo luật đào thải... Phải công nhận rằng ở đây cũng như trong nhiều trường hợp khác, chúng ta hoàn toàn ngu muội trước các cơ cấu tiến triển của cơ thể. Nhưng việc này không ngăn cản chúng ta khảo sát về sự thống nhất của con người về gia sản trí tuệ và các khát vọng thâm xâu của nó.'(136) Và trong cuốn "Khoa học và tín ngưỡng", Lecomte du Nouy trích dẫn và chứng minh rằng các ông tổ của quan niệm về thuyết tiến hóa và ngẫu sinh, cũng như các nhà khoa học thời danh, đồ đệ của hai thuyết này, không những tin tưởng ở một đấng Tạo Hóa có trí tuệ, mà nhiều khi lại mộ đạo và viết sách bênh vực tôn giáo. Trong chương Ba của cuốn "Triết lý về động vật", Lamarck , ông tổ của thuyết ngẫu sinh viết: "*Chắc chắn rằng mọi vật chỉ hiện hữu do ý chí của Tác giả siêu việt của muôn vật. Nhưng liệu chúng ta có thể ấn định những quy luật trong việc thi hành Ý định của Ngài, ấn định những phương thức mà Ngài phải theo để thực hiện việc đó ? Tại sao quyền lực vô hạn của Ngài lại không thể tạo dựng cho muôn vật một trật tự để phát hiện sự sống một cách tuần tự mà chúng ta không thấu hiểu ?* " Ở đây Lamarck công nhận có một đấng Tạo hóa . Quan niệm "Ngẫu sinh" không có nghĩa là "tình cờ" . Sự sống không phát sinh do sự can thiệp trực tiếp, bất thình lình, như do chiếc đũa thần của một vị giáng tiên. Sự sống phát hiện do một chương trình mà Tạo hóa đã ấn định theo các luật lệ của Ngài , qua các giai đoạn trong

không gian và thời gian, khi các điều kiện vật chất đã đầy đủ.

Còn về Darwin, như chúng ta đã trích dẫn ở trên , không những ông cho rằng sự sống và trí tuệ đã được tiến hóa theo một "mục đích đặc biệt", mà ở trang 448 của nguyên bản bộ sách "Nguồn gốc các chủng loại", ông còn xưng rõ tên đấng Tạo Hóa: *"Một vài tác giả thời danh hình như thỏa mãn với giả thuyết cho rằng mỗi loại được sáng tạo theo một mẫu độc lập. Theo ý tôi, các luật lệ mà Tạo Hóa đã đặt định cho vật chất và chúng ta đã được xét nghiệm, thì giả thuyết cho rằng sự phát sinh cũng như sự hủy diệt của các sinh vật hiện tại và qúa khứ là hiệu qủa của những nguyên cớ phụ thuộc, cùng loại với các nguyên cớ đã quy định sự sống chết của các cá nhân, giả thuyết này phù hợp hơn..."* . Như thế có nghĩa là sự sống và sự chết đều phát hiện từ những quy luật do Tạo Hóa đặt định một cách gián tiếp, nhưng theo Ý chí và dự định của Ngài, qua thời gian và không gian ,một cách tuần tự tiến hóa.

Thái độ của các nhà khoa học hiện đại thì sao ? Tất cả những nhà Bác học thời danh đều có tín ngưỡng và mộ đạo như Newton , Faraday, Maxwell, Lavoisier , Ampère và Pasteur,v.v. Lord Thomas Kelvin viết: *"Nếu chúng ta suy nghĩ tường tận thì Khoa học bắt buộc chúng ta phải tin ở Thiên Chúa."* Nhà tóan học vĩ đại Henri Poincaré suy luận : " *Người ta thường cầu xin các thần thánh làm phép lạ để chứng minh sự hiện diện của các Ngài. Nhưng cái thần kỳ vĩnh cửu*

cho thấy rằng phép lạ lúc nào cũng phát hiện. Và chính vì thế mà thế giới có tính cách thần linh. Vì nó thần linh nên mới hòa hợp,thứ tự." Albert Einstein, một trí tuệ siêu phàm, đã phát biểu tín ngưỡng của ông một cách kính cẩn : *"Mối cảm động tươi đẹp và xâu xa nhất mà chúng ta cảm thấy là cảm xúc thần bí. Đó là hạt giống của mọi khoa học thực thụ. Kẻ nào không có cảm giác đó, kẻ nào không có khả năng cảm phục và kính cẩn, thì kể như là đã chết. Biết rằng cái mà chúng ta không thấu triệt được là có thực và được phát hiện qua sự khôn ngoan cao cả nhất, qua cái vẻ đẹp huy hoàng- cái khôn ngoan và vẻ đẹp mà năng khiếu yếu đuối của chúng ta chỉ có thể thấu hiểu được dưới một hình thức thô sơ - cái biết đó, cái cảm tình đó là trung tâm của tôn giáo thực thụ... Kinh nghiệm tôn giáo về vũ trụ là lý do mạnh mẽ nhất, cao thượng nhất của các nghiên cứu khoa học ... Tôn giáo của tôi là sự khâm phục khiêm nhượng trước Tinh thần siêu việt và vô hạn được phát hiện ra trong từng tiểu tiết mảnh rẻ (của vũ trụ) mà các tinh thần yếu đuối và phù du của chúng ta đã cảm thụ. Cái tình cảm thâm tín về sự hiện diện của một lý trí mãnh liệt và cao cả phát hiện trong vũ trụ mà chúng ta không thấu triệt được, đó là ý tưởng của tôi về Thiên Chúa.'*(137)

Pierre Teilhard de Chardin, nhà sinh học lỗi lạc , đồ đệ thâm tín của thuyết tiến hóa, không những mộ đạo mà còn viết nhiều sách để bảo vệ Kytôgiáo.Theo ý ông, tôn giáo và khoa học không

những không phản đối nhau nhưng còn hỗ trợ nhau. Bởi vì nhờ khoa học mà chúng ta khám phá ra những sự thần kỳ của vũ trụ và trí tuệ con người. Và một khi trí tuệ nhân loại bị bế tắc trước những bí nhiệm của vũ trụ, thì tất nhiên nó phải khiêm nhượng khâm phục cái trí tuệ cao cả đã tác tạo ra vũ trụ kia: *"Chúng ta đã nhìn nhận và chấp thuận sự Tiến hóa. Và sự tiến hóa vươn tới Ý thức. Điều này không còn ai chối cãi, kể cả những người duy vật, bất khả tri luận hay theo lý thuyết nhân bản. Vậy sự tiến hóa phải đạt tới đỉnh cao nhất của một Ý thức tuyệt mực. Nhưng cái Ý thức đó muốn gọi là tuyệt mực thì phải mang trong bản chất của nó cái cao độ vượt qúa sự hoàn hảo của ý thức chúng ta.'* (138) Đó là Ý thức tuyệt diệu ,vô hạn. Đó là Tạo Hóa.

Tháng mười năm 1941, trong thời Đức chiếm đóng nước Pháp, năm cuốn sách của năm học giả được xuất bản , đã chủ trương lý thuyết "cùng đích" (finalisme) của chương trình Tạo Hóa. (139) Cũng trong thời gian này, một nhóm các nhà khoa học Mỹ, trong đó có hai giải thưởng Nobel, Robert A. Millikan (giải Vật Lý 1923) và Arthur H. Compton (giải vật lý năm 1927), đã xuất bản một tuyên ngôn, trong đó có niềm tin sau : " *Khoa học cống hiến cho chúng ta một quan niệm cao cả về Thiên Chúa, tuyệt đối hoà hợp với tôn giáo, khi nó hình dung Ngài như một vị phát hiện qua muôn vàn thế kỷ của cuộc phát triển trái đất, như là quê hương của con người , cũng như Ngài phát hiện trong nguồn hơi thở của sự sống trong vật*

chất, nguồn hơi thở kết tụ trong con người, trong bản chất tinh thần và trong quyền lực linh thiêng của nó."(139)

Tất nhiên có một ít nhà khoa học quyết định chỉ đứng trên lãnh vực thực nghiệm của họ. Trước sự bế tắc của trí tuệ nhân loại , họ chủ trương thuyết định mệnh, nhẫn nhục (stoïciens) hay bất khả tri luận (agnosticisme) như Khổng tử: Kính nhi viễn tri . Họ dành vai trò suy luận trừu tượng cho các nhà thần học và triết gia.

Các nhà triết học hiện đại, cũng như các hiền triết ngày xưa và các nhà khoa học ngày nay, nếu họ từ chối quan niệm về một Thiên Chúa có bản tính nhân loại, một Thiên Chúa cai trị vũ trụ như một vị Hoàng Đế, thưởng kẻ lành, phạt kẻ dữ, v.v. nhưng họ đều công nhận rằng tinh thần nhân loại phải bắt nguồn từ một Tinh thần siêu việt. Những người hoài nghi nhất cũng quan niệm rằng vũ trụ được hướng dẫn bởi một nguyên nhân (cause première) hay một nguyên lý tổng quát (principe général). Platon gọi nguyên lý đó là Ý tưởng tuyệt đối. Hegel, là Tinh thần tuyệt đối. Sartre và Heidegger , là Hiện thể tuyệt đối (Etre). Mà bởi vì Nguyên lý đó , đối với tinh thần hữu hạn của nhân loại, không thể nào thấu triệt được, cho nên tác giả " Sein und Zeit" (Hiện thể và Thời Gian) gọi Ngài là Đấng Không thể gọi tên (l'Innommé) và định nghiã " Hiện thể là đấng Siêu Việt"(l'Etre est le transcendant pur et simple) (140).

Marx từ chối mọi quan niệm trừu tượng về một Đấng Tạo Hóa hay một định hướng của vũ trụ do một hoạch định có sẵn. Theo ý ông, không thể nào có sự gì khác ngoài cái thực tại mà ta cảm thụ được (le réel sensible). Mà cái thực tại đó là thế giới vật chất mà ta gọi là thiên nhiên (la nature) . Đó là một chuỗi hiện tượng biến chuyển không ngừng , theo định luật biện chứng, trạng thái này thay thế trạng thái khác. Nói theo ngôn ngữ triết học của Hegel, đó là một chuỗi những phản đề nối tiếp trong thời gian (négation de la négation), những khoảnh khắc biện chứng (les moments dialectiques). Và Hegel cho rằng, bởi vì tạo vật thiên nhiên là những hiện tượng hữu hạn, phù du ,ảo ảnh, tiêu cực, cho nên nó phải dựa vào một thực tại thường tồn, tích cực,vô hạn , ngoài nó : đó là Tinh thần tuyệt đối, mà trí tuệ nhân loại là một thành phần. Marx phê bình phản đối quan niệm duy tâm tuyệt đối của Hegel. Dựa vào lý thuyết "***ngẫu sinh*** " (generatio aequivoca)của Lamarck, Marx cho rằng sự sống là kết qủa của tạo vật thiên nhiên ***tự sinh***(auto-engendrement) và sau này ông lại dùng lý thuyết "***tiến hóa đào thải***' của Darwin để chủ trương rằng con người là cao độ của sự tiến hóa đó. Con người và thiên nhiên chỉ là một thực thể, nhưng ở một cao độ của lịch trình biện chứng. Trí tuệ con người là kết qủa của những kinh nghiệm kế tiếp từ đời này sang đời khác của nhân loại trong qúa trình hành động và sáng tạo (praxis et industrie) để bảo tồn sự sống và chủng loại (Fichte và Darwin).

Như vậy là Marx chủ trương một vũ trụ quan về vạn vật nhất thể duy vật. Và nếu ông phê bình đả phá mọi quan niệm triết học và thần học cổ truyền, thì chính ông lại không hề cắt nghĩa về nguồn gốc và chủ đích của thiên nhiên, cũng như nguyên lý của tinh thần và cùng đích của nhân loại. Thái độ của ông tựu chung lại là thái độ thực tiễn, bất khả tri luận.

2. Nhân sinh quan của Marx:
Nhân bản vô thần.

Marx thường tự nhận rằng ông là đồ đệ của Lamarck, Darwin và Fichte, nhưng ông lại chỉ công nhận có một phần suy luận của các vị quân sư này. Thực vậy, nếu Lamarck và Darwin cho rằng con người là kết qủa của một cuộc tiến hóa lâu dài qua hàng triệu triệu năm lịch sử, nhưng các ông lại chủ trương rằng cuộc tiến hóa đó triển diễn theo hoạch định, quy luật và ý chí của một đấng Tạo Hóa vĩnh cửu. Còn về phần Fichte, sau khi đã dùng phương pháp hoài nghi tổng quát, như Descartes xưa, ông đã đi từ cái "Tôi chủ thể" của chính mình để suy luận về thực tại của vũ trụ, và cũng kết thúc ở một thế giới tinh thần do một Ý chí vĩnh cửu (Volonté éternelle) của một Tạo Hóa Siêu việt (Souverain Créateur) hướng dẫn (140).

Năm 1835, khi còn theo học ở ban Trung học, Marx còn tin ở một thứ "*thần tính*"(divinité) điều khiển thiên nhiên : " *Chính thiên nhiên đã quy định*

cho loài vật cái môi trường hoạt động của nó... Đối với con người, 'thần tính" cũng ấn định cho nó một cùng đích tổng qúat : đó là hoàn thiện chính mình và hoàn thiện nhân loại." (141)

Từ luận án tiến sĩ, năm 1841 , Marx hoàn toàn chủ trương lý thuyết vô thần ,chống lại tôn giáo và triết lý cổ điển. Để phê bình chủ trương của Gassendi khi ông này muốn giảng hoà triết lý vô thần của Epicure với Kitôgiáo, Marx viết: "*Ông ta cố gắng giàn xếp, hoà giải lương tâm Công giáo của ông với khoa học ngoại giáo, giảng hoà Epicure với Giáo hội . Nhưng vô ích. Làm như vậy cũng tựa như muốn xô đẩy cô nữ tu Cơ đốc giáo vào tấm thân xinh đẹp, cường tráng của chàng trai Hy-Lạp."* Rồi Marx cắt nghĩa và cho rằng triết học không bắt buộc phải biện hộ trước toà án của tôn giáo và thần học: "*Triết học cũng giống như giọt máu làm đập mạnh trái tim. Nó hoàn toàn tự do và làm chủ vũ trụ. Nó không mệt mỏi gào thét vào tai kẻ thù tiếng gọi của Epicure : " Kẻ vô đạo, không phải là kẻ khinh chê các thần thánh của quần chúng, nhưng là kẻ công nhận ý tưởng của quần chúng về thần thánh. Triết học không dấu diếm điều đó. Triết học tuyên ngôn niềm tin của Promothée: nói tóm lại, tôi thù ghét mọi "thần thánh". Và theo tôn chỉ đó, triết học chống lại mọi thần thánh trên trời và dưới đất , mọi thần thánh không công nhận ý thức của con người như là một thần tính tuyệt đỉnh.(141)*

Từ năm 1843, Marx tham gia vào chính trị và toàn thể các tác phẩm của ông, từ tập "*Phê bình triết học của Hegel*" qua các bộ "*Thánh Gia*", "*Vấn đề Do-Thái*", "*Các luận đề về Feuerbach*" và nhất là bộ "*Tri-hệ-thức Đức quốc*" đều là một cuộc phê bình đả kích mãnh liệt đối với tôn giáo và triết học cổ truyền. Phê bình triết lý, bởi vì Marx coi nó là nô bộc của tôn giáo. Phê bình tôn giáo bởi vì nó là một tha hóa, một mê lầm làm say đắm, sa đọa bản chất con người, để xa lìa nó ra khỏi nhiệm vụ trên trần gian này :

"*Con người đi tìm siêu nhân trong thực tại hư ảo của nước trời, nhưng nó chỉ tìm thấy phản ảnh của chính mình. Thay vì đi tìm chân lý thực thụ, nó chỉ tìm thấy ảo ảnh của chính mình, con người tiêu cực (le non-homme). Đây là nền móng của việc phê bình tôn giáo :* **Con người tạo ra tôn giáo, chứ tôn giáo không tạo ra con người.** *Và thực ra, tôn giáo là ý thức về mình, là cảm tưởng của con người về chính mình. Con người chưa chiến thắng mà đã thất bại trong cuộc chinh phục bản chất của nó. Con người không phải là một trừu tượng, sống ngoài thế giới. Con người là* **thế giới của loài người,** *là Nhà Nước, là xã hội. Cái nhà nước đó, cái xã hội đó đã sản xuất ra tôn giáo, một thứ ý thức về* **một thế giới lộn ngược,** *bởi vì Nhà Nước và xã hội là một* **thế giới bị đảo ngược.** *Tôn giáo là một lý thuyết tổng quát về thế giới đó, là bách khoa tóm tắt của nó, là điểm danh dự tinh thần , là niềm phấn khởi, sự kiểm soát luân lý , là lý do tổng quát của niềm yên ủi và biện chính. Nó là*

thực hiện hư ảo về bản chất nhân loại, bởi vì bản chất nhân loại không có thực tính. Bởi thế, sự đấu tranh chống tôn giáo cũng là gián tiếp chống thế giới (đương thời), *cái thế giới mà tôn giáo là hương vị.*

" Sự khốn nạn mà tôn giáo nói đến vừa là sự khốn nạn thực tại, vừa là một sự phản kháng đối với sự khốn nạn đó. Tôn giáo là tiếng than thở của tạo vật bị đè nén, là tâm địa của con người không tâm địa , cũng như nó là tinh thần của một thời đại không tinh thần. *Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân.*

" Sự hủy bỏ tôn giáo, một thứ hạnh phúc hư ảo là điều kiện cần thiết của hạnh phúc nhân dân... Sự phê bình tôn giáo cũng là sự phê bình về cái lưu vực đầy nước mắt (thế giới hiện đại), *mà tôn giáo là vầng hào quang. Sự phê bình đã vứt hết những đóa hoa tưởng tượng trang hoàng xiềng xích của chúng ta, không phải cốt để con người tiếp tục mang xiềng xích của nó một cách thô thiển, nhưng là để giúp nó vứt hết xiềng xích và chào đón những đóa hoa sống động.Sự phê bình tôn giáo giác ngộ con người , giúp nó suy nghĩ, hành động và tạo tác thực tại của mình trong cương vị của kẻ giác ngộ và đạt tới lương tri, để nó xoay quanh qũy đạo của chính mình, của mặt trời thực thụ. Tôn giáo chỉ là một thứ mặt trời hư ảo xoay quanh con người , khi con người không xoay quanh chính nó."*

'Nhiệm vụ của lịch sử , một khi chân lý về thế giới bên kia đã tan biến, là xây dựng lại

chân lý của thế giới trần gian này. Triết học cũng có một nhiệm vụ tương tự. Nó phải phục vụ lịch sử.Một khi đã lột mặt cái ảo ảnh thần linh của sự tha hóa nhân loại, nó phải lột mặt các mô hình phàm tục khác. Sự phê bình nước trời trở thành sự phê bình thế giới trần tục. **Sự phê bình tôn giáo thành sự phê bình pháp luật, sự phê bình thần học thành sự phê bình chính trị.** *Vũ khí của phê bình không thể thay thế sự phê bình bằng khí giới. Mãnh lực vật chất phải bị lật đổ bằng mãnh lực vật chất. Lý thuyết có thể khuất phục quần chúng khi nó lý luận đích danh (ad hominem), và nó lý luận đích danh khi nó trở thành cực đoan. Cực đoan có nghĩa là nắm sự vật từ cội rễ. Vậy mà cội rễ của con người lại chính là con người. Sự phê bình tôn giáo đưa đến kết luận này :* **Con người là hữu thể tuyệt đỉnh của con người.** *Sự phê bình đó đưa đến một mệnh lệnh dứt khoát là phải bãi bỏ mọi thân phận xã hội trong đó con người bị nhục mạ, nô bộc, ruồng bỏ, khinh chê. " (142)*

Một khi vứt bỏ mọi ảo tưởng do tôn giáo và các học thuyết cổ truyền, con người, theo ý Marx, tìm lại bản chất của nó là con đẻ của thiên nhiên, của thế giới vật chất. Cũng như thiên nhiên, con người không có một bản chất cố định. Nó tiến hóa và hoàn thiện trong hành động và sáng tạo bằng nguyên liệu thiên nhiên và phù hợp với các định luật mà thiên nhiên đã phú bẩm cho nó để sinh tồn và kế truyền chủng loại. Trong khi hành động và sáng tạo , con người rèn luyện và tăng hảo trí tuệ ,đồng thời xây dựng lịch sử của xã hội loài người.

3. Xã hội quan của Marx:
Duy vật lịch sử biện chứng.

Duy vật, biện chứng , lịch sử là ba khái niệm mà chúng ta cần phải khai quang. Suốt đời và toàn thể các tác phẩm của Marx đều phụng sự lý thuyết duy vật . Con người bắt nguồn từ vật chất thiên nhiên như cỏ cây, sâu bọ và súc vật. Con người đạt tới cao độ của lịch trình tiến hóa của tạo vật, bởi vì nó có ý thức, ý chí và tài năng để hành động và sáng tạo. Ý thức phát sinh từ ngôn ngữ, mà ngôn ngữ phát sinh từ sự trao đổi tình cảm và sản vật giữa đồng loại , còn ý chí và tài năng được rèn luyện tăng hảo qua sự phát triển của các cơ quan trong cơ thể và các kinh nghiệm trong công cuộc hành động và sáng tạo biến đổi các nguyên liệu vật chất để sinh dưỡng và bảo tồn sự sống. Như vậy là theo Marx và Engels, chữ "Duy vật" chỉ định một quan điểm đặc biệt về vũ trụ và nhân loại, quan điểm loại trừ mọi can thiệp ngoài vật chất. Bởi vậy lý thuyết duy vật chỉ công nhận và muốn cắt nghiã mọi hiện tượng vật chất mà giác quan nhân loại có thể cảm thụ được: " *Vấn đề căn bản lớn lao nhất của triết học, nhất là triết học hiện đại, là vấn đề tìm hiểu tinh thần và vật chất ,cái nào có trước..Các nhà triết học chia làm hai phái tùy theo trả lời của họ. Những người cho rằng tinh thần có trước và rút cục công nhận sự sáng tạo muôn vật trong thế giới... thuộc phái duy tâm. Còn những người khác cho rằng vật chất là yếu tố nguyên thủy , thuộc về các trường phái duy vật.'* (143)

Theo ý kiến của Marx, con người chỉ có một lịch sử vật chất mà chính nó tạo nên trong việc biến đổi thiên nhiên thành sản phẩm để sinh tồn : *"Cũng như mọi vật trong thiên nhiên đều sinh sản , con người cũng có một qúa trình sinh sản : đó là lịch sử nhân loại. '*(144) *" Người ta có thể phân biệt con người và loài vật ở ý thức, tôn giáo hay gì gì đi nữa, nhưng thực sự , thì nhân loại bắt đầu khác với loài vật từ lúc nó bắt đầu biết* sản xuất các nhu liệu sinh tồn,*một tác động quyết định bởi sự tổ chức của thân thể. Trong khi sản xuất nhu liệu sinh tồn , con người cùng lúc gián tiếp tạo ra đời sống vật chất của nó.' (144) "Đối với con người theo chủ nghĩa xã hội, thì toàn thể cái mệnh danh lịch sử thế giới tựu chung chỉ là lịch sử sáng tạo của cần lao nhân loại" (145)..*

Bởi vì tạo vật biến hóa theo định luật biện chứng, cho nên con người, trí tuệ, hành động, sáng tạo là thành phần của vật chất cũng được tiến hóa theo quy luật biện chứng : *"Có cần phải có một sáng suốt lớn lao để hiểu rằng các ý tưởng, các quan niệm, các khái niệm của con người, nói tóm lại là lương tâm của nó, được biến đổi qua các biến chuyển xẩy đến trong các điều kiện sinh sống, các tương giao xã hội và đời sống xã hội của nó ?*

" Lịch sử các tư tưởng chứng minh điều gì , nếu không phải là sự sản xuất trí tuệ biến đổi theo sản xuất vật chất. Các ý tưởng trổi vượt của một thời đại bao giờ cũng chỉ là các ý tưởng của giai cấp thống trị. Khi người ta nói đến những ý tưởng đã cách

mạng toàn thể một xã hội, đó chỉ là tuyên cáo một sự kiện này: trong lòng của xã hội cũ, đã thành hình các yếu tố của một xã hội mới. Và sự tan biến của các ý tưởng cũ cũng đi đôi với sự tan rã của những điều kiện sinh sống cũ. '(146)

Bản tuyên ngôn của đảng Cộng sản năm 1848 là một phân tích lịch sử nhân loại qua qúa trình sản xuất và tiến bộ trí tuệ qua các giai đoạn lịch sử nhân loại theo quan điểm duy vật biện chứng lịch sử.

4. Thượng tầng và hạ tầng cơ sở.

Bản chất con người, hay nói cách khác, nội dung của ý thức nhân loại và các hệ thống triết học, tôn giáo, chính trị, xã hội và nghệ thuật mà nó tạo ra chỉ là nội dung của các tương quan xã hội trong công cuộc sản xuất vật chất:

" Cuộc sản xuất các ý tưởng, các hình dung trong ý thức trước tiên được liên hệ với hoạt động vật chất và sự trao đổi vật liệu giữa loài người. Sự mường tượng, sự tư duy, sự trao đổi tinh thần giữa loài người, ở đây, còn xuất hiện như phát xuất trực tiếp từ cách sử sự vật chất của nhân loại. Sự sản xuất tinh thần phát hiện trong chính trị,luật pháp,luân lý, tôn giáo, siêu hình học, v.v. của một dân tộc cũng xuất hiện như thế. Loài người là nhà sản xuất ra các mường tượng, ý tưởng, nhưng những con người thực tại, hoạt động đều bị chi phối bởi một cuộc phát triển nhất định từ những lực lượng sản xuất và sự trao đổi tương

đương...Ý thức không phải gì khác là vật hữu ý thức, và vật hữu của con người chính là hoạt động sinh tồn thực tại của nó. Nếu trong mọi tri-hệ-thức, loài người và các tương quan giữa họ với nhau đều có vẻ bị đảo ngược như trong một phòng tối (của máy chụp ảnh), thì hiện tượng đó chỉ là kết qủa tự nhiên của lịch sử nhân loại. Triết học Đức đi từ trời xuống đất , thì ở đây, tuyệt đối ngược lại , người ta đi từ đất lên trời.Nói cách khác, người ta không đi từ những cái mà con người nói, nghĩ, tưởng tượng... để đi đến con người sống động, nhưng đi từ con người thực tại, hoạt động, và từ các hoạt động sống động, thực tại của nó, người ta trình bầy cuộc phát triển về những âm vang tri-hệ thức của hoạt động sinh tồn đó. Các đám mây của bộ óc con người là yếu tố phụ thêm cần thiết cho các hoạt động sinh tồn vật chất của nó... Bởi vậy, luân lý, tôn giáo, siêu hình học và các tri-hệ thức khác cũng như các mô hình của lương tâm tương hệ, không bảo tồn được sự tự lập của chúng. Chúng không có lịch sử và sự phát triển độc lập. Chính con người, trong khi phát triển công cuộc sản xuất vật chất và giao thương vật chất, đã cùng lúc, biến đổi thực tại của tư tưởng và các sản phẩm của tư tưởng (các tri-hệ-thức). Không phải lương tâm quyết định đời sống, nhưng đời sống quyết định lương tâm.'(147)

Lương tâm và các sản phẩm của nó như các tri hệ thức về triết lý, tôn giáo , chính trị, xã hội, nghệ thuật là các thượng tầng cơ sở được phát sinh từ các hạ tầng cơ sở vật chất , qua các giai đoạn lịch sử sản

xuất kinh tế. Các cơ sở vật chất và tinh thần lại tùy thuộc vào các phương thức sản xuất khác nhau, nghĩa là các mô hình phân chia lao động và tài nguyên, qua giòng lịch sử của nhân loại :

" Kỹ thuật vạch trần phương thức hoạt động của con người đối với tạo vật, lột trần qúa trình sản xuất đời sống vật chất, và, do đó, vạch trần nguồn gốc các tương quan xã hội và các ý tưởng hay quan niệm trí thức từ đó phát sinh.' (148)

" Trong công cuộc sản xuất xã hội của đời sống, loài người có những tương quan nhất định, cần thiết và độc lập ngoài ý muốn của họ, những tương quan sản xuất tương đương với trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất.

" Toàn thể các tương quan sản xuất đó tạo thành cơ cấu kinh tế của xã hội, nền tảng thực thụ trên đó xây dựng một thượng tầng cơ sở tư pháp, chính trị và tương đương với các hình thức lương tâm xã hội nhất định. Phương thức sản xuất của đời sống vật chất quy định qúa trình đời sống xã hội, chính trị và trí thức nói chung. Không phải lương tâm con người quy định bản thể của nó; trái lại, chính bản chất xã hội của nó quy định lương tâm. Ở một trình độ phát triển nào đó, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội trở nên mâu thuẫn với các tương quan sản xuất hiện hữu, hoặc nói cách khác, mâu thuẫn với thể chế pháp luật và với các tương quan tài sản, trong đó cho tới nay nó đã chung sống. Từ hình thức phát triển lực lượng sản xuất cũ, nó trở thành những cản trở.

Lúc đó, mở ra một thời đại cách mạng xã hội. Sự biến đổi của nền móng kinh tế nhanh chóng đảo lộn phần nào thượng tầng cơ sở vĩ đại kia. Khi người ta nhận xét về các cuộc đảo lộn đó, thì phải phân biệt sự đảo lộn vật chất mà người ta có thể nhận thấy một cách khoa học xác đáng, về những điều kiện sản xuất kinh tế, phân biệt với các hình thức pháp luật, chính trị, tôn giáo, nghệ thuật hay triết lý, nói tóm lại là các hình thức tư tưởng mà con người nhận thức được về cuộc xung đột này.

"Cũng như không nên xét đoán một cá nhân về ý kiến của y về chính bản thân, người ta không thể phán đoán sự đảo lộn của một thời đại qua ý thức của nó. Trái lại, phải cắt nghĩa ý thức này từ những mâu thuẫn của đời sống vật chất , từ cuộc xung đột giữa các mô hình sản xuất xã hội và các tương quan sản xuất... Đại quan, các phương thức sản xuất Á châu , cổ đại, phong kiến và trưởng gỉa (tư sản) hiện đại *có thể được coi là những thời đại tiến diễn của sự hình thành kinh tế xã hội."* (148)

Theo ý kiến của Lê-Nin sau này, thì: *"Sự khám phá ra quan niệm vật chất về lịch sử , hay nói đúng hơn, sự áp dụng và suy diễn của thuyết duy vật vào lãnh vực của các hiện tượng xã hội , đã xóa bỏ được hai khuyết điểm căn bản của các lý thuyết lịch sử tiền bối. Thứ nhất, các lý thuyết này, trong trường hợp tốt đẹp nhất cũng chỉ nhận xét về các duyên cớ lý tưởng của các hoạt động lịch sử trong nhân loại, mà không tìm đến nguồn gốc của các duyên cớ đó,*

không thấu triệt được các định luật khách quan chi phối sự phát triển của hệ thống về các tương quan xã hội và không phân biệt được gốc rễ của các tương quan này trong mực độ phát triển của sản xuất vật chất. Thứ hai, các lý thuyết cũ đã lơ là hoạt động của quảng đại quần chúng nhân dân, còn thuyết duy vật, thì, lần đầu tiên, cho phép ta nghiên cứu một cách chính xác, như các khoa học tự nhiên, những điều kiện xã hội của đời sống quần chúng và các sự biến đổi của cac điều kiện này.'(149)

Thực ra thì các nhà xã hội học trước Marx, như Saint-Simon và Auguste Comte cũng đã từng chú ý đến tính cách biện chứng của các giai đoạn lịch sử và phân biệt ba thời đại lớn trong cuộc tiến triển của các xã hội nhân loại. Trước hết là thời đại nguyên thủy, chấm dứt vào thời suy xụp của Đế quốc La-Mã: với chế độ đa thần về phương diện tôn giáo và chế độ nô lệ về phương diện xã hội. Thứ đến giai doạn xâm chiếm của bọn dã dân, và khởi đầu một xã hội độc thần và phong kiến thay thế xã hội nô lệ. Và sau cùng là xã hội kỹ nghệ về phương diện kinh tế, thực nghiệm về nghiên cứu khoa học và siêu hình về phương diện triết lý. Như thế là các ông cũng quan tâm về mọi yếu tố ảnh hưởng đến cuộc tiến hóa của lịch sử, nhưng các ông coi tinh thần là yếu tô căn bản, còn Marx thì coi yếu tố vật chất và sản xuất kinh tế là quan trọng và độc nhất. Đó thuộc về thâm tín của mỗi người , không quan hệ đến việc nghiên cứu.

5. Phương thức sản xuất và chế độ xã hội.

Marx và Engels nhấn mạnh đến yếu tố vật chất và sản xuất kinh tế là bởi vì đối với các ông, con người, thành phần và con đẻ của tạo vật thiên nhiên, thiết yếu là một con vật của nhu cầu sinh tồn và truyền giống. Lẽ sống của loài vật, như ong kiến, chim cò, là kiếm mồi, làm tổ, đẻ trứng và nuôi con hoặc tích chứa lương thực cho con cái, khi chúng sinh nở và lớn lên. Lẽ sống của con người là kiếm cách sinh sống, xây cất nhà cửa, gầy dựng cho vợ con được no cơm ấm áo, v.v. nói tóm lại là thỏa mãn các nhu cầu vật chất để sinh tồn và nối dõi tông đường. Như thế có nghĩa là, căn bản, đời sống và tâm tình con người được thành hình và biểu lộ trong cần lao, sản xuất và xử dụng các sản phẩm vật chất để thỏa mãn các nhu cầu sinh tồn và truyền giống. Con người thiết yếu là một con vật sản xuất dụng cụ và sản phẩm. Có khác là loài vật sản xuất theo bản năng mù quáng và theo đúng cổ truyền, còn loài người, có trí tuệ, tạo tác sự vật một cách tinh túy và tiến bộ.

Trong " *Tri-hệ -đức quốc*', Marx và Engels viết : " *Khi sản xuất các phương tiện sinh sống, loài người gián tiếp sản xuất đời sống vật chất của mình. Cách thế con người sản xuất phương tiện sinh sống trước hết lệ thuộc vào tính chất của phương tiện sinh sống tiền bối, cần phải kế tiếp.*

" *Cái phương thức sản xuất này không thể chỉ được coi như là một sự sản xuất đời sống thể chất*

của các cá nhân mà thôi. Nhưng hơn nưã, nó đã là một phương thức quyết định căn bản của đời sống. Chính các phát hiện sinh sống của mỗi cá nhân này chỉ định đặc tính của mỗi người. Như vậy là các cá nhân sống tương ứng với sự sản xuất , tính cách và phương thức sản xuất, bởi vì họ sống lệ thuộc vào các điều kiện vật chất của sản xuất."

Nói cách khác, con người sống theo các sản phẩm mà họ sản xuất và xử dụng trong thời đại của mình. Và tinh thần của họ cũng bị ảnh hưởng bởi đời sống vật chất. Ở đây, Marx và Engels chịu ảnh hưởng của Hegel, khi triết gia này, trong bộ "*Hiện tượng của tinh thần*', chủ trương rằng tinh thần thể hiện trong cái mà nó sản xuất và cần lao là một phương tiện phát triển tinh thần. Nói cách khác , tinh thần nhân loại là kết qủa của cần lao và sáng tạo vật chất. Các hình thức của lương tâm, tính tình và đời sống nhân loại cũng là nội dung của sự sản xuất sáng tạo đó. Trong bộ " *Tư bản luận*", Marx còn phát biểu quan niệm này một cách chính xác, đầy đủ hơn:

" Một khi mà quá trình lao động phát triển hơn, thì cần phải có những phương tiện sản xuất phiền phức hơn. Trong các hang hóc cố cựu, nơi có những con người trú ngụ, chúng ta đã tìm thấy các dụng cụ và khí giới bằng đá. Bên cạnh các dụng cụ bằng đá, gổ, xương và trai hến,thì các gia súc được thuần thục cũng đóng vai trò đầu tiên trong phương tiện làm việc của thời cổ đại. Việc xử dụng và sáng tạo các phương tiện làm việc , dù đã có mầm mối trong một

ít loài vật, nhưng lại là đặc điểm của qúa trình lao động nhân loại. Bởi thế, Franklin định nghĩa con người là một con vật biết sáng tạo dụng cụ. *Các tàn tích của phương tiện làm việc cũng quan trọng trong công cuộc nghiên cứu về các hình thức xã hội kinh tế ngày xưa hệt như các cơ cấu những bộ xương cổ đại giúp nghiên cứu tổ chức của các loài động vật đã mất tích. Sự khác biệt ở mỗi thời đại kinh tế, không phải ở sản phẩm được chế tạo, nhưng ở* cách thế và phương tiện sản xuất. *Các phương tiện làm việc không chỉ đo lường mực độ phát triển của sức mạnh lao động, mà còn chỉ định các* điều kiện xã hội *trong đó công việc được thi hành.'(150)*

Ở đây, phương thức sản xuất bao gồm cả dụng cụ, cách thế, sản phẩm và tổ chức sản xuất. Hệ thống của các chế độ xã hội qua các thời đại khác nhau là hệ thống gồm phương thức sản xuất và các thể chế pháp luật, chính trị để bảo vệ, nâng đỡ và tổ chức phương thức sản xuất đó. Bởi thế, mỗi thời đại có một phương thức sản xuất và một tố chức xã hội tương ứng.

Chính quyền, hay Nhà Nước là trung tâm tổ chức của các phương thức sản xuất và chế độ xã hội đó. Engels viết : " *Để bảo vệ quyền lợi chung, xã hội ban đầu đã thiết lập các cơ quan riêng biệt để phân chia lao động. Nhưng các cơ quan bộ phận đó, mà đỉnh chóp là chính quyền Nhà Nước, qua thời gian đã biến chất, trở thành công cụ phụng sự quyền lợi riêng tư. Từ địa vị đầy tớ, chúng biến thành ông chủ của xã hội."* (151)

Vì thế, các phương thức sản xuất và chế độ xã hội biến chuyển ,thay thế kế tiếp lẫn nhau và : *"Đại quan, các phương thức sản xuất Á châu, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại có thể được coi là những thời đại tiến diễn của sự thành hình kinh tế xã hội."*

Phương thức sản xuất Á châu là sự tha hóa, biến chất đầu tiên của chính quyền Nhà Nước. Đó là chế độ kinh tế do Nhà nước quản trị như ở Cổ Ai-Cập, Trung -Đông, Ấn Độ , Trung Quốc và miền nam Mỹ châu và trong tất cả các xã hội cổ thời *"cần thiết phải cùng nhau đương đầu với các mãnh lực tự nhiên"*. Sự cần thiết quản trị mực nước trong các miền thường xuyên bị bão lụt đã khiến các cộng đồng thôn xã cổ thời phải cầu cứu đến sự can thiệp của Nhà nước bạo quyền và chịu khuất phục dưới quyền lực của guồng máy quan lại : " *Trong phương thức sản xuất Á châu, Nhà nước là chủ sản tuyệt đỉnh của ruộng đất. Quyền bính chính trị và sản địa tập trung trên đỉnh cấp quốc gia. Vì thế, ở đây không thấy có tư sản ruộng đất.*"Nhưng thiếu tư sản ruộng đất không có nghĩa là thiếu sự bóc lột đàn áp. Marx qủa quyết rằng trái với hình thức che đậy của thặng dư lao động trong chế độ tư bản hiện đại, tương quan bóc lột và chiếm hữu thặng dư lao động trong phương thức sản xuất á châu đã bộc lộ một cách nhãn tiền bởi vì nó dựa trên những tương quan thống trị và nô lệ một cách trực tiếp, trong đó Nhà nước là thành phần bóc lột chính đối với nhân dân. Nhưng Nhà Nước và tài sản Nhà Nước chỉ là những khái niệm trừu tượng, sau đó ẩn

nấp các nhóm người và các tương quan xã hội nhất định.

Trong chế độ cộng đồng và phương thức sản xuất Á châu này, giai cấp nào là giai cấp bóc lột ?

Boukharine, lý thuyết gia của chế độ cộng sản Sô viết dưới thời Staline, trong cuốn "*Lý thuyết duy vật lịch sử*" trả lời như sau , về tất cả các chế độ tập trung phát động lao động cưỡng bách : "*Trong tất cả các phương thức sản xuất mà sự chỉ huy sản xuất thuộc quyền quản trị của Nhà Nước và trong đó phần lớn sản xuất thuộc về Nhà Nước , thì vai trò của các bè nhóm xã hội trong công cuộc sản xuất xen lộn với địa vị của chúng trong lòng tổ chức quản trị của Nhà nước. Trước đám nhân dân bị Nhà nước bắt làm nô lệ, giai cấp thống trị là giai cấp quan lại. Nó được phân chia theo đẳng cấp quan lại, thành các công chức cao cấp, trung cấp và hạ cấp.*"

Theo quan niệm và định nghĩa này, thì ta thấy rằng phương thức sản xuất Á châu và phương thức sản xuất trong các chế độ Cộng sản hiện đại không khác nhau là mấy.

Phương thức sản xuất cổ đại kế tiếp phương thức sản xuất Á Châu và trong "Bộ Tư Bản Luận", Marx diễn tả như sau: "V*iệc khai thác ruộng đất nhỏ nhoi và các tiểu công nghiệp độc lập là nền tảng kinh tế của các cộng đồng cổ đại trong thời thịnh vượng nhất, sau khi chế độ công sản theo hình thức Á châu đã tan rã và trước khi chế độ nô lệ đã xâm chiếm lãnh vực sản xuất một cách nghiêm chỉnh.*"

Như thế là thời Cổ Đại, bởi vì nó là trung gian giữa hai phương thức sản xuất, cho nên bên cạnh phương thức sản xuất tiểu tư sản nông nghiệp và công nghệ, nó còn chứa đựng một phần tàn tích của phương thức sản xuất tập quyền cũ, lại dần dần hấp thụ thêm sự thành hình phương thức sản xuất nô lệ, kết qủa của các cuộc chiến tranh cướp bóc và đưa đến sự thiết lập chế độ phong kiến sau này.

Phương thức sản xuất phong kiến xây dựng các tương quan xã hội, chính trị và văn hóa giữa các vua chúa và chư hầu, các quan lại và hèn dân, các cường hào địa chủ và nô bộc. Xã hội phong kiến là xã hội của đẳng cấp, của tôn ti trật tự... Xã hội phong kiến thiết yếu là xã hội nông nghiệp. Tương quan kinh tế liên hệ giữa cường hào địa chủ và nông dân vô sản nghèo nàn. Thương mại và nông nghiệp phát triển chậm chạp và eo hẹp trên phương diện địa phương, nhất thiết với quốc gia làm biên giới.

Từ thế kỷ XVI, việc khám ra các đát đai và nguyên liệu tại Mỹ châu và Á châu đã phát triển thương mại, đồng thời các khám phá khoa học lại cống hiến lớn lao vào sự phát triển công nghiệp. Đó là nguồn gốc của *phương thức sản xuất tư bản hiện đại.*

Trong bản *"Tuyên Ngôn Đảng Cộng sản"*, Marx và Engels đã phân tích mạch lạc sự phát sinh của chế độ tư bản:

" *Những nông nô của thời Trung Cổ đã phát sinh ra những người tư sản tại các công xã đầu tiên và giai cấp tiểu tư sản nông thôn là mầm mống của giai cấp trưởng giả (đại tư sản).*

" Sự khám phá ra Mỹ châu, sự thông thương quanh bờ Phi Châu, đã đem lại cho giai cấp tư sản mới phát sinh kia một môi trường hoạt động mới. Các thị trường tại Ấn Độ và Trung quốc, các thuộc địa tại Mỹ Châu, các trao đổi thương mại với các thuộc địa, sự tăng cường các phương tiện trao đổi hàng hoá đưa lại cho thương mại, cho hàng hải và kỹ nghệ một tiến bộ chưa từng có và bởi vậy, cấp thúc yếu tố cách mạng trong lòng chế độ phong kiến đang suy xụp.

"Phương thức sản xuất phong kiến cũ không cung cấp kịp thời các đòi hỏi của các thị trường mới . Các xí nghệp thay thế công nghiệp cũ. Nhưng thị trường tiếp tục phát triển , đòi hỏi tiếp tục gia tăng. Thủ công không đủ cung cấp. Lúc đó hơi nước và máy móc cách mạng sản xuất kỹ nghệ. Đại công nghiệp hiện đại truất phế thủ công nghiệp và giai cấp tư sản kỹ nghệ trung lưu nhường chỗ cho các nhà triệu phú kỹ nghệ, cho các tướng tá thực thụ của đạo binh kỹ nghệ, cho giai cấp trưởng gỉa hiện đại.

" Đại kỹ nghệ phát sinh thương mại quốc tế. Thị trường quốc tế thúc đẩy các cuộc phát triển thương mại , hàng hải và phương tiện giao thông. Hiện tượng này lại tác động vào sự bành trướng kỹ nghệ và mỗi khi kỹ nghệ, thương mại, hàng hải và hỏa xa phát triển thì giai cấp tư bản cũng bành trướng và tăng gia vốn liếng tư bản , đẩy lùi mọi giai cấp mà chế độ Trung Cổ đã xót lại.

" Như thế là chúng ta thấy rằng giai cấp

tư sản hiện đại cũng là sản phẩm của một cuộc phát triển lâu dài , một chuỗi cách mạng của phương thức sản xuất và phương tiện giao thông." (152)

Mỗi phương thức sản xuất đưa đến các tương quan kinh tế tương ứng và một chế độ chính trị xã hội phù hợp :" *Chính phủ hiện đại chỉ là một ủy ban quản trị các công việc chung của toàn thể giai cấp tư bản."*

Trong bài tựa Bản "*Tuyên Ngôn*" , xuất bản bằng Anh văn năm 1888, Engels đã tóm lược sự liên hệ giữa các phương thức sản xuất kinh tế và các chế độ xã hội, như sau :

"*Mặc dầu* **Bản Tuyên Ngôn** *là công việc làm chung của chúng tôi, tôi phải công bố rằng nguyên tắc chỉ đạo hướng dẫn tác phẩm là của Marx. Nguyên tắc đó là thế này: ở mỗi giai đoạn lịch sử, các phương thức sản xuất và trao đổi cũng như cơ cấu xã hội mà nó nhất thiết phát sinh, là những nền tảng, trên đó xây dựng lịch sử chính trị và văn hóa của thời đại đó . Chúng cũng là chìa khóa cắt nghĩa thời đại. Bởi vậy, toàn thể lịch sử nhân loại (từ khi tổ chức nguyên thủy với công sản ruộng đất bị phá bỏ) chỉ là lịch sử giai cấp đấu tranh , đấu tranh giữa những kẻ bóc lột và những nạn nhân bị bóc lột, giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị đè nén. Lịch sử của cuộc giai cấp đấu tranh đó ngày nay đã đạt tới mức độ mà giai cấp bị đè nén bóc lột (giai cấp vô sản) không thể nào thoát khỏi ách của giai cấp thống trị và bóc lột, mà không cùng lúc giải thoát tận mực toàn thể xã*

hội, cho khỏi mọi bóc lột, đè nén, mọi giai cấp và đấu tranh giai cấp." (153)

6. Giai cấp đấu tranh.

Liên quan mật thiết giữa các phương thức sản xuất, các chế độ xã hội, các thượng tầng cơ sở văn hóa và các giai cấp đấu tranh là nền tảng của lý thuyết Duy vật lịch sử biện chứng và của chủ nghĩa Cộng sản cho nên " Bản Tuyên ngôn" của Marx và Engels đã bắt đầu bằng một câu bất hủ : *"Lịch sử của mọi xã hội cho tới ngày nay là lịch sử đấu tranh giai cấp."*

" Người tự do và kẻ nô lệ, người qúy tộc và kẻ hạ dân, người chủ thợ và kẻ làm công - nói tóm lại , những người bóc lột và các kẻ bị bóc lột luôn luôn chống đối nhau và gây ra một cuộc đấu tranh liên tục, khi thì kín đáo, khi thì công khai, nhưng rốt cuộc bao giờ cũng đưa đến một cuộc cách mạng đảo lộn toàn thể xã hội hoặc sự suy tàn chung của toàn thể các giai cấp gây chiến.

" Xã hội trưởng gỉa hiện đại phát hiện từ điêu tàn của xã hội phong kiến đã không xóa bỏ được các mâu thuẫn giai cấp. Nó chỉ thay thế các giai cấp xưa bằng các giai cấp mới, bằng các điều kiện bóc lột mới, dưới các hình thức đấu tranh mới.

" Thời đại chúng ta, thời đại tư sản có đặc điểm ở sự đơn thuần hóa các mâu thuẫn giai cấp. Toàn thể xã hội một ngày một phân sẻ làm hai bè

phái thù địch, làm hai giai cấp lớn lao, hoàn toàn đối nghịch : giai cấp tư sản và giai cấp vô sản." (154)

Phương thức sản xuất tư bản và xã hội tư sản hiện đại là một tiến bộ lớn lao trong lịch sử phát triển của nhân loại :

" Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò rất mực cách mạng trong lịch sử. Một khi nắm chính quyền, nó tiêu diệt mọi tương quan phong kiến, gia trưởng và tình cảm. Mọi liên hệ phiền toái và rờm rà liên kết con người phong kiến với các cấp bậc tự nhiên đều bị nó phá vỡ không thương hại, và chỉ để lại một thứ liên hệ lạnh lùng giữa con người với con người: đó là lợi lộc, những áp lực cứng cỏi của sự "trả tiền mặt". Nó đã dìm đắm những rung động linh thiêng của niềm ngây ngất tôn giáo, dìm đắm các phấn khởi của những chàng hiệp sĩ xưa, dìm đắm các cảm xúc rẻ tiền , trong vũng nước lạnh lùng của sự tính toán ích kỷ. Nó đã biến nhân phẩm con người thành một giá trị trao đổi, và nó đã thay thế nhiều thứ tự do qúy gía và đắt tiền bằng một thứ tự do bất khuất là tự do thương mại. Nói tóm lại là, thay vì sự bóc lột được che đậy sau những ảo tưởng tôn giáo và chính trị nó đã phô bầy một sự bóc lột công khai, trực tiếp, khô khẳng và bỉ hổ.

"Giai cấp tư sản đã lột hết các vành hào quang của mọi hoạt động mà đến nay người ta vẫn thường kính nể tôn trọng . Thày thuốc, luật gia, linh mục, thi sĩ, nhà khoa học , tất cả đều bị nó biến thành những nhân công phục vụ nó ."

" Chế độ tư sản đã xé rách tấm màn tình cảm và rung động ngày xưa đã từng che đậy các liên hệ gia đình để đơn giản biến chúng thành một thứ liên hệ tiền bạc.

" Chế độ tư bản không thể tồn tại nếu không thường xuyên cách mạng các dụng cụ sản xuất, và do đó các tương quan sản xuất và các liên hệ xã hội.

" Vì khai thác thị trường thế giới, giai cấp tư bản đem vào sản xuất và tiêu thụ tính chất phổ cập của mọi dân tộc... Thay vì thỏa mãn các nhu cầu cũ trong phạm vi các sản phẩm nội hóa, các nhu cầu mới do các sản phẩm mang lại từ các xứ sở và khí hậu xa lạ được phát hiện... Do sự hoàn thiện nhanh chóng các phương pháp sản xuất và sự tăng hảo vô hạn các phương tiện giao thông , giai cấp tư bản lôi cuốn vào lưu trào văn minh, những dân tộc man rợ nhất, bài ngoại nhất. Nó bắt các dân tộc phải chấp thuận lối sống và phương cách sản xuất tư bản...Nói tóm lại , nó hình thành một thế giới theo hình ảnh của nó.

" Giai cấp tư sản đã khuất phục nông thôn vào thành thị. Nó đã xây dựng các đô thị rộng lớn, tăng gia dân số đô thành một cách khủng khiếp... Sự tập trung chính trị là hậu qủa tất nhiên của các cuộc đảo lộn đó.

" Giai cấp tư bản đã tạo nên các lực lượng sản xuất đông đảo và vĩ đại chưa từng có trong các thế hệ qúa khứ. Sự chế ngự các năng lực thiên nhiên,việc xử dụng máy móc, sự áp dụng hóa học vào kỹ nghệ và nông nghiệp, áp dụng hơi nước vào hàng

hải, hỏa xa , áp dụng điện lực vào vô tuyến viễn thông, v.v..." (155)

Nhưng mặc dầu những công trình vĩ đại về kinh tế, văn hóa và xã hội mà nó đã xây dựng, chế độ tư bản đã không xóa bỏ được các mâu thuẫn mới phát sinh từ phương thức sản xuất phức tạp của nó. Trái lại , các mâu thuẫn giai cấp càng ngày càng trở nên trầm trọng và " *các khí giới mà giai cấp tư sản đã dùng để hạ sát chế độ phong kiến, ngày nay lại quay đầu chống lại nó* ".

Tại sao vậy ? *"Là bởi vì các điều kiện sản xuất và trao đổi của chế độ tư bản , cũng như chế độ tư hữu của xã hội hiện đại, chế độ đã phát hiện những phương tiện sản xuất và trao đổi vĩ đại kia, cũng giống như một nhà ảo thuật không còn biết chế ngự được các mãnh lực quỷ thần mà nó đã khêu gợi nên. Từ mười năm nay, lịch sử kỹ nghệ và thương mại chỉ là lịch sử của sự nổi loạn của các lực lượng sản xuất hiện đại chống lại các tương quan sản xuất đương thời và chống lại chế độ tư hữu nó quyết định đời sống và sự thống trị của giai cấp tư sản."*

" Các tương quan tư sản trở nên qúa chật hẹp đối với các tài nguyên mà nó đã sáng tạo ra.

Hơn nữa, "*chẳng những tư sản đã rèn luyện các khí giới đệ tự tiêu hủy, nó lại còn phát sinh ra những người xử dụng các khí giới đó để giết hại mình: đó là các thợ thuyền của xã hội mới, đó là những người vô sản."*

" Người lao động hiện đại, thay vì được

vươn lên cùng với tiến bộ kỹ nghệ, trái lại, bị trụt xuống càng ngày càng thấp kém, bên dưới các điều kiện sinh sống của giai cấp thợ thuyền. Người lao động càng ngày càng nghèo khổ và sự nghèo nàn bành trướng mau lẹ hơn dân số và tài nguyên. Rõ rệt là giai cấp tư sản từ nay bất lực không thể lãnh đạo xã hội và áp đặt các điều kiện sinh sống của giai cấp này như một lề luật tuyệt đỉnh. Xã hội không thể sống dưới sự thống trị của nó. Lối sống tư sản không còn phù hợp với đời sống của xã hội hiện đại."

"Giai cấp tư sản phát sinh trước hết các kẻ sẽ chôn vùi nó. Sự suy xụp của nó cũng như sự chiến thắng của giai cấp vô sản là một sự không thể nào tránh được." (156)

Như vậy là, theo đúng quy luật biện chứng của lịch sử và của giai cấp đấu tranh, chế độ tư bản sẽ bị tiêu hủy và thay thế bằng chế độ cộng sản.

7. Phân tách kinh tế theo " Tư bản luận ".

"Tư bản luận" không phải là một tham khảo với mục đích tìm hiểu các định luật chi phối sự phát triển và bành trướng kinh tế, để phục vụ nền phát đạt và thịnh vượng chung như trong các sách tham khảo của các kinh tế gia tiền bối: Ricardo, Adam Smith,v.v. Chủ đích của Marx và Engels là chứng minh rằng phương thức sản xuất tư bản nhất thiết phát sinh các mâu thuẫn và đưa đến sự xụp đổ không thể nào tránh thoát được.

Thực vậy, phương thức sản xuất tư bản thiết yếu xây dựng trên sự phân chia lao động và tài sản giữa hai giai cấp đối lập: ***giai cấp tư bản*** độc quyền nắm giữ mọi ***phương tiện sản xuất*** và ***giai cấp vô sản*** phải bán sức lao động của mình để nuôi thân. Chế độ tư bản tha hóa mọi giá trị tinh thần cũng như vật chất thành những món hàng trao đổi và trong sự trao đổi này, giai cấp tư bản đã lợi dụng bóc lột sức lao động sản xuất của giai cấp vô sản.

Marx bắt đầu bằng việc phân tích giá trị hàng hóa, bởi vì hàng hóa là yếu tố thiết yếu trong việc sản xuất và sự phân chia tài sản trong chế độ tư bản. Hàng hoá tự nó, có thể có nhiều giá trị khác nhau tùy theo sự *cần dùng (usage)* và mức *cung cầu (offre et demande)* trong dịp *trao đổi (échange)*. Các kinh tế gia và các nhà kinh doanh tư bản rốt cuột chú trong tới giá trị *tốn phí (coût) và tính toán lời lãi (profits).*

Marx chỉ chú trọng tới *giá trị lao động (valeur-travail).* Lý thuyết về giá trị lao động bắt nguồn từ Platon và Aristote, qua William Petty và Ricardo , rồi đến các lý thuyết gia xã hội chủ nghĩa như William Thompson và Proudhon. Ricardo viết: *"Giá trị hàng hóa tùy thuộc vào số lượng tương đương của sức lao động cần thiết để sản xuất".* Marx đã đào xâu quan niệm này để xây dựng lý thuyết về *giá trị thặng dư (plus-value)* và tố cáo sự "*ăn cướp'* bóc lột sức lao động của giai cấp và chế độ tư sản, phù hợp với câu ngạn ngữ của thánh Augustin và Proudhon : " *tư sản là của ăn cắp" (la propriété est un vol).*

Trong cuốn Tư bản luận I, Marx muốn phân tích các tương quan giữa tư bản và lao động, giữa hàng hóa và tiền bạc để chứng minh sự "*ăn cắp trá hình*" của chế độ trao đổi hàng hoá tư bản.

Tư bản là gì ? Là số tiền vốn được chế biến thành hàng hóa, và hàng hóa lại được trao đổi thành tiền bạc. Khi tôi mua 100 đồng bạc gạo, rồi bán lại thành 110 đồng. Tôi được lời 10 đồng . Đó là "*gía trị thặng dư*". Giá trị đó ở đâu ra, nếu theo nguyên tắc trao đổi trị giá hàng hóa đồng đều của chế độ tư bản ? Marx trả lời : ở sức lao động. giá trị thặng dư là giá trị của *sức lao động qúa mức* (sur-travail) không được trả công.

Trị gía sức lao động, theo ý Marx, là trị gía các phương tiện cần thiết để người lao động có thể sinh sống và nuôi dưỡng con cái. Nếu người thợ được trả lương một cách công bình và đứng đắn, thì y chỉ cần làm việc 6 giờ cũng đủ tiêu sài. Nhưng người tư bản là kẻ đã mua sức lao động của y trên thị trường lại bắt y phải làm việc 12 giờ một ngày. Thế là người tư bản đã ăn cướp 6 giờ làm việc không công của người lao động vô sản . Sức lao động không công khi trao đổi thành hàng hóa và tiền tệ trở thành gía trị thặng dư , căn nguyên của lợi lộc (profit) tư bản . Lợi lộc này, người tư bản không tiêu sài hết một lúc. Hắn tích trữ làm vốn đầu tư. Vốn này sinh lãi khác. Đó là *sự tích lũy tư bản (l'accumulation du capital)* . Vốn liếng tư bản càng tăng thì kỹ nghệ tư bản càng bành trướng và giai cấp vô sản cũng tăng gia. Tư bản

càng giầu thì vô sản càng bị bóc lột. Kết qủa là sự nghèo nàn cùng cực của đa số bần dân: *"sự tích lũy tư bản làm tăng gia một bên số người tư bản, một bên số người làm công... "* Nhưng vì sự phát triển của máy móc, kỹ nghệ và nông nghiệp càng ngày càng dùng ít nhân công hơn, đạo binh trừ bị gồm những người lao động thất nghiệp càng ngày càng đông đảo: *"Tài nguyên càng bành trướng thì đạo binh kỹ nghệ trừ bị càng đông đảo so với đạo binh hoạt động lao tác. Giai cấp làm công càng tăng thì sự nghèo khổ càng bành trướng. Đó là quy luật tuyệt đối, phổ quát của sự tích lũy tư bản."* (157)

Cuốn **Tư bản luận II** bàn về qúa trình lưu thông hàng hóa. Vấn đề đặt ra là tìm xem sự lưu thông hàng hóa, xét độc lập với vấn đề sản xuất ở phần trên, có tạo ra gía trị thặng dư hay không. Cứ theo hiện tượng bên ngoài thì sự lưu thông hàng hóa tăng thêm trị gía của sản phẩm, bởi vì *gía mua* mà người *bán xỉ* phải trả cho nhà sản xuất và *gía bán* của người *bán lẻ,* có giá trị khác nhau . Nhưng Marx chủ trương rằng công việc của các người trung gian trong sự phân phối hàng hóa, như các nhân viên bàn giấy, các kế toán viên và các nhà thương mại không phải là những người *lao động sản xuất (travailleurs productifs).* Tư bản thương mại chỉ chiếm đoạt một phần trị giá thặng dư rút ra từ sản xuất kỹ nghệ. Các người trung gian mua hàng với *gía cả thấp hơn* gía lao động thực sự để rồi bán lại với gía cao hơn. Sự chênh lệch biến thành *lời lãi.* Trái lại , sự chuyên

chở, sự gửi gấm, sự tích trữ và gói gém hàng hóa góp phần vào qúa trình sản xuất và sáng tạo gía trị . Cũng như Adam Smith, Marx phân biệt *lao động sản xuất* và *lao động hữu ích* . Nhưng quan niệm về sự tăng gia lợi lộc thì khác nhau giữa tác gỉa *Tư bản luận* và tác gỉa về *"Những tài nguyên của các Dân tộc"*. Đối với Adam, nhịp điệu tích lũy tư bản lệ thuộc vào các phần tương ứng của lao động sản xuất và lao động không sản xuất. Còn đối với Marx , chỉ có các lao động sản xuất mới can thiệp vào sự phát triển kinh tế, bởi vì "*các tác động tùy phụ không thuộc vào thành phần của qúa trình sáng tạo gía trị* "(chương 17, quyển 3) .

Ngoài việc cho rằng chỉ có sản xuất lao động mới tăng gia gía trị thặng dư, Marx còn phân biệt giữa *vốn tư bản cố định (capital fixc)* gồm tốn ví về dụng cụ máy móc và các nguyên liệu, và *vốn tư bản thất thường (capital variable)*, gồm tốn phí trả lương thợ thuyền và sức lao động của họ. Theo ý Marx, chỉ có *vốn tư bản thất thường* này mới đem lại gía trị thặng dư mà nhà tư bản chiếm đoạt. Sự quyết đoán này có gía trị quan trọng đối với các lý luận sau của Marx trong cuốn *Tư bản luận III*, với phụ đề: *"Qúa trình toàn bộ sản xuất tư bản"*.

Trong phần này, Marx phân tích toàn thể cơ cấu phát triển của phương thức sản xuất tư bản theo các qúa trình sau đây: sự chiếm đoạt gía trị thặng dư của sức lao động đưa đến sự tích lũy vốn liếng đầu tư để phát triển kỹ nghệ bằng máy móc kỹ thuật. Sự bành trướng kỹ thuật và máy móc thay thế lao động

thợ thuyền. Bởi thế, kỹ nghệ càng bành trướng thì dân số thợ thuyền bị thất nghiệp càng đông đảo: đó là *định luật về sự tăng tiến nghèo nàn.*

Sự bành trướng máy móc và gia tăng năng lực sản xuất đi đôi với sự tăng tiến nghèo nàn của số thợ thuyền vô nghề nghiệp càng ngày càng đông đảo đưa đến hai hiện tượng trầm trọng phá hủy chế độ tư bản : một đằng, sự giảm bớt nhân công sẽ giảm bớt giá trị thặng dư và lợi lộc: đó là định luật về "*khuynh hướng giảm bớt gia tăng lời lãi*". Đằng khác, sự gia tăng nghèo đói giảm bớt *sức tiêu thụ* đưa đến sự thừa thãi sản phẩm (surproduction), sự xụt gía và sự giảm bớt lời lãi và lương bổng thợ thuyền. Cả hai hiện tượng đều phát sinh ra các cuộc khủng hoảng kinh tế định kỳ và sẽ đưa đến sự hủy diệt của chế độ tư bản.

Tựu trung, hơn hai ngàn trang sách của bộ "*Tư bản luận*" không có mục đích trình bày một lý thuyết mới để góp phần vào sự củng cố nền thịnh vượng chung , nhưng lại triệt để phê bình và đả kích phương thức sản xuất tư bản, chứng minh một cách cụ thể niềm thâm tín mà Marx và Engels đã thừa kế từ Saint- Simon, cho rằng *"mọi chế độ xã hội đều mang trong lòng nó những mầm mống để tự hủy"*. Mầm mống tự hủy của chế độ tư bản là các mâu thuẫn giữa hai giai cấp đối nghịch : giai cấp tư bản, càng ngày càng giầu có, nhưng thu hẹp và giai cấp vô sản, càng ngày càng nghèo khổ, nhưng bành trướng vĩ đại. Bộ tư bản luận chứng minh cụ thể qúa trình tự hủy của phương thức sản xuất và chế độ xã hội tư bản.

9. Cách mạng vô sản.

Nhưng giai cấp vô sản không thể thụ động ngồi chờ, trong cực khổ nghèo nàn, sự tự động xụp đổ của chế độ tư bản. Họ phải đoàn kết lại thành những nghiệp đoàn, những hợp tác xã và nhất là những đảng cách mạng để củng cố lực lượng, tự giáo hóa và tự ý thức đến thân phận và sứ mệnh lịch sử của mình là đạp đổ và thay thế chế đọ tư bản,, để xây dựng một xã hội mới, không giai cấp, trong đó mọi người được sống tự do, công bình và huynh đệ.

Giai cấp vô sản cũng không thể nào dùng bạo động để nắm chính quyền một cách hấp tấp, hồ đồ, trong khi các điều kiện khách quan , vật chất chưa cho phép: "*Cái nguy hiểm nhất của một lãnh tụ đảng cực đoan là cướp chính quyền trong thời gian mà phong trào còn chưa chín muồi để giai cấp mà y đại diện có thể cai trị và áp dụng các biện pháp thích ứng. Cái y phải làm, không tùy thuộc vào ý chí của y, nhưng vào trình độ mâu thuẫn của các giai cấp và vào mực độ phát triển của các điều kiện sinh sống vật chất.*'(158)

"*Điều kiện tổng quát của sự phát triển giai cấp vô sản kỹ nghệ nằm trong sự phát triển của giai cấp tư sản kỹ nghệ. Chính vì sự thống trị của giai cấp tư sản mà sinh hoạt của giai cấp vô sản có tầm thước quốc gia và nâng cao cách mạng vô sản lên mức độ toàn quốc. Chỉ khi nào giai cấp vô sản tạo ra đủ các phương tiện sản xuất mới biến chế thành*

những phương tiện giải phóng cách mạng. Chỉ có sự thống trị của tư sản kỹ nghệ mới có thể nhổ sạch cội rễ vật chất của chế độ phong kiến và dọn đất sống cho cách mạng vô sản."

Trong giai đoạn chuyển dịch, giai cấp vô sản phải thực hiện một cuộc *"cách mạng thường xuyên"*: *"Trong khi phái dân chủ tiểu tư sản muốn cấp tốc hướng dẫn cách mạng tới cùng đích... quyền lợi và nhiệm vụ của chúng ta là thực hiện cuộc cách mạng thường xuyên, cho tới khi nào mọi giai cấp tư sản bị loại trừ khỏi chính quyền, khi nào chính quyền Nhà nước vào tay vô sản, không những chỉ trong một quốc gia, mà trong mọi dân tộc trên thế giới. Đối với chúng ta, vấn đề không phải chỉ là cải cách chế độ tư hữu, nhưng là nhất thiết hủy diệt nó. Vấn đề không phải chỉ là che đậy các mâu thuẫn giai cấp, nhưng là tiêu hủy giai cấp. Không phải chỉ là cải thiện xã hội hiện tại, nhưng là xây dựng một xã hội mới... Giai cấp thợ thuyền phải tổ chức thành các vệ binh vô sản tự trị, dưới sự điều khiển của một lãnh tụ và một bộ tư lệnh do chính họ bầu lên. Tất nhiên, ban đầu thợ thuyền chưa thể đề nghị các biện pháp trực tiếp cộng sản, nhưng họ có thể bắt phe dân chủ phải can thiệp để tập trung vào tay Nhà nước các lực lượng sản xuất, các phương tiện giao thông, các xưởng máy và đường hỏa xa, v.v...Họ phải đóng góp tối đa vào cuộc chiến thắng cuối cùng bằng sự ý thức đến quyền lợi giai cấp và kết nạp thành Đảng độc lập...Khẩu hiệu chiếu đấu của họ phải là : Cách mạng thường xuyên.'*(159)

Và đây là chương trình của Đảng Vô sản :
"Giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng lao động là thiết lập một giai cấp vô sản thống trị, là chiếm đoạt quyền dân chủ.

"Giai cấp vô sản dùng ưu thế chính trị để chiếm đoạt dần dần mọi tư bản của giai cấp trưởng giả , để tập trung mọi dụng cụ sản xuất trong tay Nhà nước, nghĩa là trong tay vô sản tổ chức thành giai cấp lãnh đạo, và để cấp tốc tiến triển rộng rãi các lực lượng sản xuất.

" Tất nhiên, ban đầu, cần phải có sự can thiệp bạo tàn chống lại quyền tư hữu và chế độ sản xuất tư sản. Trên phương diện kinh tế, đó là những biện pháp khiếm khuyết và tạm bợ, nhưng cần thiết để đảo lộn toàn bộ hệ thống sản xuất.

" Dĩ nhiên, các biện pháp đó khác nhau tùy theo các dân tộc. Nhưng đối với các quốc gia đã khá tiến bộ, thì những biện pháp sau đây có thể thực hiện :

1. *Trục xuất tư hữu điền thổ và tịch thu hoa lợi vào tay Nhà nước.*
2. *Thi hành chế độ thuế má tăng tiến (progressif).*
3. *Xóa bỏ quyền thừa kế.*
4. *Tịch thu tài sản của bọn di cư và bọn ngụy dân.*
5. *Tập trung tín dụng vào tay Nhà nước, qua trung gian Ngân hàng quốc gia, gồm vốn liếng và độc quyền Nhà nước.*
6. *Tập trung trong tay Nhà nước mọi phương tiện giao thông.*
7. *Tăng gia các xí nghiệp Nhà nước và các phương*

tiện sản xuất. Khai thác đất hoang và tăng hảo đất trồng, theo một hệ thống tổng quát.

8. Lao động cưỡng bách cho mọi người . Tổ chức các tiểu đội kỹ nghệ, đặc biệt trong nông nghiệp.

9. Hỗn hộp lao động nông nghiệp và kỹ nghệ, một biện pháp để xóa bỏ biên giới giữa thành thị và thôn quê.

10. Giáo dục công cộng và miễn phí cho mọi con em. Bãi bỏ lao động trẻ em trong các xưởng thợ. Xen lẫn giáo dục vào sàn xuất vật chất, v. v.

"Một khi mà các mâu thuẫn giai cấp đã tan biến qua đà phát triển và khi mọi công cuộc sản xuất đều tập trung vào tay của các cá nhân đồng cộng tác , thì chính quyền công cộng sẽ mất tính chất chính trị. Chính quyền chính trị thực ra chỉ là một quyền lực được tổ chức để giai cấp này đè nén giai cấp kia. Nếu giới vô sản, trong cuộc chiến đấu chống tư sản , bắt buộc phải cấu tạo thành giai cấp, nếu sau cách mạng nó trở thành một giai cấp thống trị, và nếu giai cấp thống trị dùng bạo lực để tiêu diệt mọi tương quan sản xuất cũ , thì cùng lúc, nó cũng tiêu diệt các điều kiện sinh sống của các mâu thuẫn giai cấp . Nó tiêu diệt toàn thể mọi giai cấp, và từ đó, tiêu diệt chính sự thống trị giai cấp của mình.' (160)

Và Nhà nước sẽ tự tiêu hủy :

" Tư sản nắm chính quyền Nhà nước và trước tiên là biến các phương tiện sản xuất thành tài sản Nhà nước. Nhưng do đó, nó tự tiêu diệt trên địa vị vô sản. Nó xóa bỏ mọi phân biệt giai cấp và mâu thuẫn giai cấp,

đồng thời xóa bỏ Nhà nước trên địa vị Nhà nước. Xã hội qúa khứ, biến chuyển trong mâu thuẫn xã hội, nên cần Nhà nước, nghĩa là, trong mỗi trường hợp, cần một tổ chức của giai cấp bóc lột để bảo tồn các điều kiện sản xuất , dùng bạo lực để bắt ép giai cấp bị bóc lột phải khuất phục phương thức sản xuất đương thời (chế độ nô lệ, thuê mướn, nhân công). Nhà nước đã là đại diện chính thức của toàn thể xã hội, là tổng hợp của một bộ phận vô hình, trên cương vị Nhà nước của giai cấp đại diện cho toàn thể xã hội đương thời: trong xã hội cổ đại, Nhà nước của các chủ nô lệ. Ở thời Trung cổ, Nhà nước của giai cấp qúy tộc phong kiến. Trong thời đại chúng ta, Nhà nước của giai cấp tư sản. Khi Nhà nước thực thụ trở thành đại diện cho toàn thể xã hội thì nó trở nên thừa thãi. Một khi mà không còn giai cấp xã hội nào phải bị kìm hãm trong đè nén... thì không còn gì để cưỡng áp mà phải dùng đến quyền lực đàn áp, nghĩa là quyền lực Nhà nước. Hành vi thứ nhất khiến Nhà nước trở thành đại diện của toàn thể xã hội, là khi nó nhân danh xã hội để chiếm hữu mọi phương tiện sản xuất. Hành vi đó cũng là hành vi cuối cùng của nó trên cương vị Nhà nước. Trong các tương quan xã hội, lúc đó, sự can thiệp của quyền lực trở thành thừa thãi trong mọi lãnh vực, và tự nhiên thiếp ngủ. Sự cai trị các bản vị thay thế cho sự qủa trị các công việc và hoạt động sản xuất. Nhà Nước không bị phế bỏ. Nó tự tắt nghỉ.' (161)

10.Từ chủ nghĩa xã hội sang chế độ Cộng sản.

Theo ý kiến Marx, một khi xã hội tư bản đã bị tiêu hủy và Nhà nước đã bị dập tắt, thì giai cấp vô sản sẽ nắm chính quyền để xây dựng một xã hội mới. Nhưng xã hội đó chưa thể là một xã hội Cộng sản lý tưởng, bởi vì nó còn chứa đựng các tàn tích của chế độ tư bản, và con người còn mang nặng những lề thói của con người tư sản. Xã hội phải trải qua một giai đoạn chuyển dịch, trong đó giai cấp vô sản tự giáo hóa và đồng thời giáo hóa kẻ khác, để có thể thực hiện một cách tự do và thoải mái lý tưởng bình đẳng và huynh đệ Cộng sản. Đó cũng là thời gian chấn chỉnh và xây dựng kinh tế theo các tương quan mới phù hợp với phương thức sản xuất mới. Đó là giai đoạn của Chủ nghĩa Xã hội với các tương quan của phương thức sản xuất xã hội :

"Đối với chúng ta, vấn đề ở đây là vấn đề của một xã hội Cộng sản chưa được phát triển trên các nền tảng đặc biệt của nó, nhưng, trái lại, là một xã hội vừa thóat ra khỏi chế độ tư bản. Do đó, trong mọi tương quan kinh tế, luân lý, tinh thần, nó còn mang nhiều tàn tích của xã hội cũ. Bởi thế, một khi đã khấu trừ các dự trữ công cộng, thì các cá nhân sản xuất được lãnh nhận một phần hoàn toàn tương ứng với sự y đã đóng góp vào xã hội. Cái mà y đóng góp chính là số lượng lao động cá nhân. Thời gian lao động cá nhân của mỗi đơn vị sản xuất là cái phần mà y đã cống hiến trong một ngày làm việc. Xã hội

phân phát cho y một vé phiếu chứng chỉ số lượng lao động mà y đã đóng góp (khấu trừ cộng việc mà y phải làm theo công vụ). Với vé phiếu đó, xã hội phân phát cho y một số lượng phẩm vật tiêu thụ tương ứng với số lượng lao động mà y đã đóng góp. Cùng một số lượng lao động mà y đã đóng góp cho xã hội dưới hình thức này, thì xã hội sẽ trả lại cho y một số lượng tương đương dưới hình thức khác.

" Tất nhiên, ở đây, cũng một nguyên tắc như trong quy luật trao đổi hàng hóa vì là một sự trao đổi các gía trị đồng đều. Nội dung và hình thức đã thay đổi, bởi vì các điều kiện đã thay đổi. Không ai có thể cung cấp sự gì khác ngoài sự lao động của mình. Đáng khác, không sự gì có thể trở thành tư hữu của các cá nhân, ngoài các phương tiện tiêu dùng cho bản thân. Nhưng về sự phân chia các phẩm vật giữa các cá nhân sản xuất, thì nguyên tắc chỉ đạo cũng giống như nguyên tắc trao đổi hàng hóa tương đương: số lao động dưới hình thức này trao đổi sang số lao động dưới hình thức khác.

" Vì thế, theo nguyên tắc, ở đây luật đồng đều (droit égal) vẫn là luật tư sản (droit bourgeois). Mặc dầu sự tiến bộ, luật đồng đều đó vẫn còn in dấu hạn chế tư sản. Quyền hạn của người sản xuất là tương đương với công việc mà y đóng góp. Sự bình đẳng thiết yếu là lấy lao động làm đơn vị đo lường.

" Nhưng một cá nhân có thể có một thể xác và tinh thần cao hơn người khác và y có thể đóng góp nhiều sức lao động và thời gian lao dộng hơn.

Lao động, nếu được dùng làm đơn vị đo lường, phải được ấn định theo thời hạn và cường độ... Quyền đồng đều này là một quyền không đồng đều đối với một lao động không đồng đều. Nó không phân biệt giai cấp bởi vì ai cũng là con người lao động, nhưng nó thừa nhận sự bất bình đẳng giữa các tài năng cá nhân, và, do đó, thừa nhận các khả năng sản xuất như một ưu quyền tự nhiên. Như thế là theo nội dung, nó là một thứ quyền bất bình đẳng như mọi quyền khác.

" Hơn nữa, có người thợ có vợ con, còn người khác thì không. Làm việc đồng đều thì sự tham dự tiêu dùng vào qũy tiêu thụ xã hội cũng đồng đều. Nhưng trong thực tại, có kẻ giầu hơn người khác...

" Nhưng các khuyết điểm đó không thể nào tránh khỏi trong giai đoạn đầu của xã hội Cộng sản, khi nó vừa ra khỏi xã hội tư bản, sau một cuộc sinh đẻ đau khổ và lâu dài. Quyền hạn không thể nào cao hơn mức độ của cơ cấu kinh tế và sự phát triển văn hóa xã hội..."

" Trong một giai đoạn cao của xã hội cộng sản , khi sự lệ thuộc nô bộc của các cá nhân vào việc phân chia lao động sẽ tàn khuất, và với nó, sự đối lập giữa lao động trí thức và lao động chân tay, khi lao động sẽ trở nên, không phải chỉ là một phương tiện sinh sống, nhưng còn là một nhu cầu ưu tiên của cuộc sống, khi các lực lượng sản xuất, nhờ sự nẩy nở toàn bộ của mọi cá nhân, sẽ được tăng tiến và mọi nguồn mạch tài nguyên trong tổ chức hợp tác xã, sẽ được tung tóe dồi dào, lúc bấy giờ, và chỉ lúc đó,

chân trời chật hẹp của quyền luật tư bản sẽ hoàn toàn vượt qua và xã hội sẽ có thể viết lên ngọn cờ của mình khẩu hiệu : "Mỗi người theo khả năng, mỗi người theo nhu cầu."(162)

Trên lý thuyết, cái xã hội cộng sản cao cấp mà Marx phác hoạ thật là tốt đẹp và đơn giản. Nhưng trong thực tế, liệu nó có thực hiện được không ? Làm sao đo lường được *khả năng và nhu cầu* của mỗi người khi chính Marx đã công nhận là mỗi cá nhân đều có những khả năng bất bình đẳng ? Nhu cầu của con người là gì, tới mực độ nào ? Liệu nó có thể thỏa mãn và sung sướng khi được no cơm ấm áo như một đoàn cừu đoàn heo ? Liệu giáo dục cưỡng bách trong chế độ vô sản chuyên chính có xóa bỏ được những bản năng sinh tồn và truyền giống mà tạo vật đã phú bẩm , theo luật đào thải , từ triệu triệu năm trời trong bản tính của các loài sinh vật, mà Darwin cùng các nhà sinh học đã từng miêu tả ?

Tựu trung, cái thiên đường cộng sản mà Marx đã hứa hẹn nào có khác gì các Thiên đường tôn giáo mà chúng ta chỉ có thể đạt tới ở cõi sống đời sau.

11. Tổ chức chính trị trong xã hội cộng sản.

Trong một xã hội lý tưởng, phồn thịnh và tài nguyên dồi dào, theo gỉa thuyết, sự phân chia lao động và sản vật tất phải phiền toái, cần phải được tổ chức và kiểm xót kỹ càng. Nhưng theo ý kiến Marx,

trong xã hội đó, chính quyền Nhà nước sẽ dập tắt. Vậy thì ai sẽ tổ chức và kiểm xóat các công vụ thường ngày ? Theo các văn bản, Marx và Engels hình như coi Công xã Paris như một hình thức lý tưởng .

"Từ ban đầu, Công xã đã phải công nhận rằng giai cấp vô sản , một khi nắm chính quyền, không thể tiếp tục cai trị với guồng máy Nhà nước cũ ... Một đằng , nó phải từ bỏ guồng máy đã từng dùng để đàn áp mình, đàng khác, lại phải tự bảo vệ đối với chính các cán bộ và công chức của nó, mà tuyên bố rằng bất cứ lúc nào, không ngoại lệ, các nhân viên đó có thể bị thay thế. Cho đến bấy giờ, đặc điểm của Nhà nước là gì ? Xã hội có bổn phận phải săn sóc quyền lợi chung, ban đầu bằng sự phân chia lao động và thành lập các cơ quan riêng cho việc đó. Nhưng các cơ quan này, mà tuyệt đỉnh là Nhà Nước, qua thời gian, đã biến chất và phụng sự các quyền lợi riêng tư: là nô bộc , chúng biến thành ông chủ của xã hội. Như chúng ta đã từng thấy, không những các xã hội quân chủ thừa kế, mà cả trong các chế độ Cộng Hòa Dân chủ. Để chống lại sự biến chất đó, Công xã đã dùng hai phương pháp không thể nào sai lầm. Trước hết, nó bắt buộc mọi địa vị trong hành chính, tòa án, học vụ phải được phổ thông bầu phiếu, và tất nhiên , bất cứ lúc nào , các nhân viên đó cũng có thể bị thải hồi. Thứ hai, lương bổng dù địa vị cao hay thấp, cũng chỉ bằng lương của các người lao động khác.

" Một lần nữa, bọn dân chủ xã hội giả tạo lại cuống cuồng sợ hãi trước danh từ thần thánh là

danh từ vô sản chuyên chính. Vậy thì, được rồi, các Ngài muốn biết bộ mặt chuyên chính ra làm sao, chứ gì ? Cứ nhìn vào Công xã Paris. Đó là chuyên chính vô sản.'(163)

" Công xã Paris gồm các cố vấn thành phố có trách nhiệm và có thể thải hồi, do phổ thông bầu phiếu từ khắp các quận trong thành phố. Tất nhiên, phần đông các hội viên là thợ thuyền hoặc đại diện được giai cấp lao động thừa nhận. Công xã không phải là một cơ quan nghị viện, nhưng chỉ là một bộ phận công vụ, vừa hiến pháp vừa hành pháp. Cho tới đó, Công an là dụng cụ của chính phủ trung ương, thì bây giờ, tức khắc bị lột hết mọi tính chất chính trị, để biến thành một nhân viên của Công xã, có trách nhiệm, và bất cứ lúc nào cũng có thể bị thải hồi. Các công chức của mọi nghành hành chính khác cũng vậy. Các hội viên của Công xã lo công vụ, từ trên chí dưới, đều ăn lương thợ thuyền. Các ưu quyền và bổng lộc của các vị thượng phẩm Nhà nước đều tan biến với chức vị của họ. Các công vụ không còn phải là tư sản con mồi của chính phủ trung ương. Không những nền hành chính thành phố, mà tất cả mọi hành động, cho tới nay, thuộc về Nhà nước, thì bây giờ vào tay Công xã.

" Một khi Quân đội thường trực và Công an là dụng cụ của mãnh lực vật chất trong chính phủ cũ đã bị lật đổ, thì Công xã cũng phải chăm lo phá vỡ dụng cụ tinh thần của sự đàn áp, tức là quyền lực của các giáo quyền. Nó ra lệnh thủ tiêu và trục xuất

mọi tài sản của Giáo hội. Các tu sĩ phải yên hàn rút lui vào đời sống tư nhân và sống nhờ sự bố thí của các giáo hữu, như gương tiền nhân của các Tông đồ ngày xưa.

"Các nhà trường được mở cửa miễn phí cho nhân dân và đồng thời giải thoát mọi can thiệp của Giáo hội vào công việc Nhà nước. Như thế, không những giáo dục được ban phát cho toàn dân mà đồng thời ly thoát khỏi mọi xiềng xích của thành kiến giai cấp và công quyền.

" Các công chức tư pháp sẽ thoát khỏi quy chế độc lập giả tạo che đậy sự tòng phục các chính quyền mà họ đã thề hứa trung tín. Như các công bộc khác, các quan tòa và chánh án phải được dân bầu, với tinh thần trách nhiệm và có thể bị thải hồi.

" Dĩ nhiên, Công xã Paris phải là kiểu mẫu cho mọi trung tâm kỹ nghệ của nước Pháp. Một khi chế độ Công xã được thiết lập tại Paris và các trung tâm phụ thuộc, chính phủ tập trung cũ phải được thay thế bằng chính phủ tự trị của các người sản xuất.

" Các công chức khác tuy ít nhưng quan trọng của chính quyền cũ sẽ không bị xóa bỏ như người ta tưởng, mà được thay thế bằng các nhân viên hữu trách của công xã. Sự thống nhất của dân tộc không bị phá vỡ mà trái lại, phải được tổ chức trong khuôn khổ Hiến pháp công xã và phải trở thành thực tại của sự tiêu hủy quyền lực Nhà nước, ngày xưa mệnh danh là hiện thân của sự thống nhất đó, nhưng thực sự lại độc lập và đứng trên dân tộc..Đàng khác,

không gì có thể xa lạ hơn tinh thần Công xã là sự thay thế phổ thông bầu phiếu bằng sự đặt định chức vụ theo phẩm trật...

" Thiết yếu ở đây là một chính phủ của giai cấp lao động , sản phẩm của giai cấp đấu tranh , giữa các người sản xuất và kẻ bóc lột . Cuối cùng, đó là hình thức chính trị để giải phóng kinh tế lao động.Không có điều kiện giải phóng này, Hiến pháp Công xã không thể thực hiện mà chỉ là một sự lừa bịp. Sự thống trị chgính trị của các người sản xuất không thể chung sống với sự kéo dài nô lệ xã hội. Vậy Công xã phải dùng làm đòn đẩy để phá đổ mọi nền tảng kinh tế của các giai cấp, và sự thống trị giai cấp. Một khi lao động được giải phóng, thì mọi người đều trở thành thợ thuyền và công việc sản xuất không còn mang tính chất giai cấp.

" Giai cấp lao động không đợi phép lạ của Công xã. Nó không có ảo tưởng về những sắc lệnh có sẵn của nhân dân. Nó biết trước rằng , để thực hiện công cuộc giải phóng và nếp sống cao hơn mà xã hội hiện nay đang bất khuất vươn lên trong đà phát triển kinh tế của nó, còn phải trải qua những cuộc chiến đấu lâu dài , trải qua cả một chuỗi qúa trình lịch sử, để cải biến hoàn toàn con người và hoàn cảnh. Nó không có tham vọng thực hiện một lý tưởng, mà chỉ làm nẩy nở các phần tử của xã hội mới đang thành hình trong chính cái xả hội tư sản phù du kia.'(164)

Ở đây, Marx và Engels nhấn mạnh đến tính cách vô sản lao động của một chính quyền do nhân

dân thực sự phổ thông bầu phiếu và trong đó mọi thành phần đều có lương bổng ngang nhau và lúc nào cũng có thể bị thải hồi, nếu không hoàn thành trách nhiệm. Quan niệm này rất tốt đẹp, hoàn toàn mâu thuẫn với quan niệm về một chính quyền vô sản chuyên chính, trong đó Đảng đứng trên Nhân dân, Hiến pháp và Nhà nước , với một Đảng cấp bao quát , chỉ định theo cấp bậc để chia sẻ quyền bính và bổng lộc , trong khi giai cấp lao động thực thụ sống trong áp chế, nghèo đói và cực nhọc, như trong các chế độ cộng sản ngày nay.

12. Tổ chức kinh tế trong xã hội mác-xít.

Trong chế độ cộng sản, ở giai đoạn chuyển dịch, sự mua bán và trao đổi hàng hóa của chế độ tư sản sẽ bị xóa bỏ. Sự phân chia sản phẩm tương ứng với sự phân chia lao động:

"Sau cùng, ta hãy mường tượng sự đoàn kết của những con người tự do, cùng nhau làm việc với các phương tiện sản xuất chung , theo một chương trình được soạn thảo kỹ lưỡng, gom sức cá nhân thành một mãnh lực lao động xã hội. Mọi điều chúng ta đã nói về công việc của gã Robinson (cô độc) sẽ được lập lại ở đây, nhưng lần này trên cấp bậc xã hội, thay vì địa vị cá nhân. Mọi sản phẩm của Robinson là sản phẩm cá nhân độc quyền của y và được y xử dụng trực tiếp. Còn toàn thể các sản phẩm của các người lao động cộng tác là sản phẩm xã hội. Một phần dành

để đổi mới phương tiện sản xuất, và thuộc về của chung. Phần còn lại để xử dụng và do đó, sẽ được chia sẻ cho mọi người. Cách phân chia thay đổi tùy theo bộ phận đặc biệt của xã hội và mực độ phát triển lịch sử của các người lao động.

"Để so sánh song song với sự việc trong sản xuất thương mại, chúng ta gỉa thuyết rằng phần chia cho công nhân tương ứng với thời gian lao động. *Như thế, thời gian làm việc sẽ đóng hai vai trò. Một đằng, sự phân phối trong xã hội tương ứng với các nhiệm vụ và nhu cầu riêng biệt. Đằng khác, nó đo lường cổ phần cá nhân của mỗi người sản xuất trong công vụ và đồng thời khẩu phần mà y được hưởng thụ. Các tương quan xã hội giữa con người trong công việc làm và trong sản vật ở đây thực đơn giản và minh bạch , về phương diện sản xuất cũng như phân phối."* (165)

Tiền tệ và trao đổi hàng hóa hoàn toàn xóa bỏ:

" *Chúng ta hãy gỉa thử một xã hội cộng sản thay cho xã hội tư bản. Trước hết, vốn liếng-tiền bạc sẽ hoàn toàn tan biến cùng với mọi buôn bán trá hình. Xã hội chỉ cần tính trước số lượng lao động , các phương tiện sản xuất và sự cần dùng sinh sống, để rồi dễ dàng dùng các xí nghiệp để thực hiện , chẳng hạn dùng một hai năm để xây dựng đường hỏa xa, mà không cần sản xuất các vật liệu sinh sống khác. Trong xã hội tư bản, trí tuệ xã hội phát sinh từng đợt,(không có chương trình), cho nên không tránh khỏi lộn xộn.'* (166) ch

Nói nghe chừng dễ dàng, nhưng Marx không bao giờ tưởng tượng tới những khó khăn trong các kế hoạch tập trung để cung cấp cho hàng tỉ con người, các nhu cầu của đời sống thường nhật, không kể đến sự trao đổi vật liệu giữa các quốc gia, khi tiền tệ và chế độ thị trường bị bãi bỏ.

Thiết yếu, lao động được tổ chức theo khuôn khổ hợp tác xã:

'Nông nghiệp, khai thác mỏ,kỹ nghệ, nói tóm lại là các nghành sản xuất đều được tổ chức tuần tự một cách hiệu nghiệm. Sự tập trung mọi phương tiện sản xuất trong tay quốc gia *trở nên nền tảng tự nhiên của một xã hội gồm các hiệp hội sản xuất tự do và bình đẳng , hoạt động với một ý thức sáng suốt và theo một kế hoạch hợp lý chung. Đó là mục đích của đại phong trào kinh tế trong thế kỷ XIX."* (167)

" Công xã Paris bắt buộc thợ thuyền tổ chức các nhà máy bị các nhà sản xuất đóng cửa, dưới hình thức hợp tác xã. Tôi và Marx, chúng tôi không bao giờ nghi ngờ rằng , khi đi vào chế độ kinh tế cộng sản, chúng ta phải khai thác rộng rãi hình thức hợp tác xã trong giai đoạn chuyển dịch. Bởi vậy, phải thu xếp làm sao cho xã hội, trước hết là Nhà nước, nắm giữ được các phương tiện sản xuất để các quyền lợi riêng tư trong các hợp tác xã không được nẩy nở chống lại quyền lợi chung của xã hội." (168)

Nói chung, quan niệm tổ chức kinh tế của Marx và Engels hoàn toàn dựa trên các tổ chức hợp tác xã địa phương , theo một kế hoạch tổ chức toàn bộ do một trung ương điều khiển.

13. Vấn đề văn hóa trong chế độ mac-xít.

Marx và Engels tin rằng , nhờ sự tiến bộ của kỹ thuật và tổ chức hợp lý hóa lao động, năng lực sản xuất sẽ tăng hảo và sản phẩm tiêu thụ sẽ đồi dào. Lúc đó giờ làm việc sẽ giảm bớt và toàn thể xã hội sẽ có nhiều giờ giải trí lành mạnh và trau giồi trí tuệ trên phương diện văn hóa:

"Đại kỹ nghệ càng phát triển thì sự sáng tạo tài nguyên thực thụ càng ít lệ thuộc vào thời gian lao động và số lượng lao động của các nhân viên trong giờ làm việc...vì sức lao động lệ thuộc vào tình trạng chung của khoa học và tiến bộ kỹ thuật. Lao động can thiệp ít hơn vào qúa trình sản xuất, trong đó con người chỉ có việc kiểm xóat và điều hành. Con người đứng cạnh qúa trình sản xuất thay vì làm nhân viên tác động chính như xưa. .. Thặng dư lao động của quần chúng không còn là điều kiện của sự phát triển tài nguyên chung, cũng như sự không lao động (non-travail) của một vài cá nhân không còn là điều kiện của sự phát triển các mãnh lực chung của trí óc nhân loại. Sự tự do nẩy nở của các cá nhân và sự giảm bớt giờ làm việc cần thiết tương ứng nẩy nở nền giáo hóa nghệ thuật , khoa học... của các cá nhân, nhờ sự dồi dãi và các phương tiện dành cho mọi người." (169)

Đồng thời, sự giảm bớt giờ làm việc cũng giúp con người được sống thảnh thơi, tự do hơn:

" Thực sự, thế giới tự do chỉ bắt đầu khi lao động không còn bị áp buộc vì nhu cầu và cần thiết

bên ngoài. Theo lẽ tự nhiên, sự tự do ở bên ngoài môi trường sản xuất vật chất thực thụ. Cũng như con người man rợ, con người văn minh phải chiến đấu chống lại thiên nhiên để thỏa mãn nhu cầu, bảo tồn sự sống và truyền sinh. Bổn phận đó hiện hữu trong mọi hình thức xã hội và trong mọi phương thức sản xuất. Con người văn minh càng tiến bộ, thì thế giới của sự cần thiết tự nhiên càng mở rộng, song song với sự phát triển của các nhu cầu. Nhưng đồng thời, các lực lượng sản xuất để thỏa mãn cũng tăng gia. Trên phương diện này, sự tự do chỉ có thể hiểu như sau: con người xã hội hóa, những người sản xuất cộng tác giải quyết một cách hợp lý qúa trình hấp thụ ràng buộc họ với thiên nhiên, và khuất phục tạo vật dưới sự kiểm xóat chung thay vì bị thiên nhiên áp đảo như một mãnh lực mù quáng. Họ thực hiện điều đó với một cố gắng ít ỏi và trong những điều kiện xứng hợp với nhân phẩm và bản tính nhân loại. Nhưng phạm vi này vẫn còn nằm trong phạm vi cần thiết. Chỉ khi nào vượt qúa phạm vi đó, mới bắt đầu nẩy nở mãnh lực nhân loại là mục đích đặc biệt và thế giới tự do thực thụ của con người. Nhưng thế giới đó chỉ có thể nẩy nở trên nền tảng của thế giới cần thiết. Sự giảm bớt giờ làm việc trong ngày là điều kiện căn bản.' (170)

Về vấn đề giáo dục, Marx và Engels chủ trương sự biệt lập tuyệt đối giữa Nhà nước và Giáo Hội đã đành, nhưng các ông lại còn phản đối việc chính phủ can thiệp vào công cuộc giáo dục của nhân dân:

" Phải chia biệt hoàn toàn giữa Giáo Hội và Nhà nước. Mọi cộng đồng tôn giáo không phân biệt sẽ được Nhà nước xử đãi như các hiệp hội tư nhân. Chúng mất hết mọi nâng đỡ tài chính công cộng và mọi ảnh hưởng đối với các trường công. (Người ta không thể nào cấm họ dùng phương tiện tự túc để mở trường tư và dậy những điều bậy bạ (leurs bêtises)." (171)

" Một nền giáo dục nhân dân do Nhà nước điều khiển là sự tuyệt đối đáng lên án. Ra một luật chung để ấn định lợi tức của các trường tiểu học, nhân viên giảng dạy và các môn được dạy, v.v., và, như bên Hoa-Kỳ, dùng thanh tra của Nhà nước để kiểm xuát việc thi hành các chỉ thị của luật pháp, điều đó tuyệt đối khác hẳn với sự dùng Nhà nước làm kẻ giáo hóa nhân dân. Hơn nữa, phải triệt để cấm khỏi nhà trường ảnh hưởng của chính phủ và Giáo Hội.... Trái lại, Nhà nước cần phải được nhân dân giáo hóa một cách nghiêm ngặt.' (172)

Nên đặc biệt chú ý là theo các đoạn văn trên đây, Marx và Engels không chủ trương tiêu hủy tôn giáo và các cộng đồng tôn giáo trong chế độ cộng sản mà chỉ bắt buộc sự chia biệt ảnh hưởng Giáo Hội đối với Công quyền . Hơn nữa, các ông cũng không muốn cho Nhà nước trực tiếp can thiệp vào việc giáo hóa nhân dân. Ý tưởng này mâu thuẫn với ý muốn hoàn toàn giáo hóa lao động , để biến đổi họ thành một con người mới, với mọi tính tình, khát vọng và ý chí am hợp với xã hội cộng đồng.

14. Vài nhận định về tư tưởng của Marx.

Marx trước hết là một triết gia. Nếu ông tham gia vào công cuộc chiến đấu xã hội, thiết yếu là để bảo vệ tư tưởng triết học của ông. Cuộc chiến đấu đó phát biểu một thiện chí rõ rệt và đồng thời cũng đưa đến nhiều kết qủa xã hội rộng lớn cho nhân loại.

Thiện chí, bởi vì ông đã từ chối đời sống thảnh thơi phú qúy của giai cấp trung lưu trí thức để cam chịu một đời sống đoạ đầy, nghèo khổ nơi đất khách quê người.

Tư tưởng của ông nếu không trực tiếp đem lại một xã hội hoàn hảo công bằng thì ít ra nó cũng, một đằng, thức tỉnh và củng cố tinh thần chiến đấu của giai cấp vô sản lao động tranh đấu chống lại những sự bóc lột bất công mà họ từng gánh chịu, và đằng khác, bắt buộc giai cấp thống trị phải sửa đổi thái độ để dần dần xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng , tự do hơn.

Thực vậy tình cảnh người dân lao động ở đầu thế kỷ XIX, thời đại của Marx và Engels, thực là khủng khiếp: " *Các chuyện kể về thân phận lao động trong các xưởng mày đàu tiên thật là kinh khủng, làm gợn tóc gáy trên đầu chúng ta. Năm 1828, tờ tuần báo "Con Sư Tử"(The Lion) xuất bản câu truyện lạ lùng về Robert Blincoe, một trong 80 trẻ em nghèo bị đưa vào làm việc trong xưởng dệt tại Lowham. Trẻ em trai gái, tuổi chừng lên mười, đêm ngày bị đòn vọt , không phải vì lỗi lầm, mà để thúc đẩy chúng làm việc. Nhưng các điều kiện sinh sống tại Lowham còn có vẻ*

nhân đạo, so với đời sống tại nhà máy tại Litton, nơi mà Blincoe bị di chuyển. Ở Litton, các trẻ em phải chia sẻ tranh dành với đàn heo một muỗm cháo , khó lòng nuốt nổi. Người ta đánh đạp chúng . Người ta hiếp dâm chúng. Người chủ thợ, tên là Ellice Needham thường có thói quen cấu tai các em , cho đến nỗi móng tay xâu xé vào da thịt. Người coi thợ lại còn tàn nhẫn hơn. Hắn treo hai cổ tay Blincoe vào một khiến hai đầu gối gẫy gục, rồi đeo đồ nặng lên vai em. Các trẻ em bị lột trần giữa trời đông lạnh ...Ngày làm việc 16 giờ là thông lệ. Thợ thuyền kéo nhau tới xưởng từ 6 giờ sáng và mãi tới 10 giờ đêm mới về tới nhà. Tệ hại hơn nữa, là nhiều chủ coi thợ không cho phép người lao động được mang đồng hồ riêng, và chiếc đồng hồ duy nhất của xương máy thì lại có khuynh hướng lạ lùng là chạy rất nhanh trong các giờ nghỉ việc để ăn cơm.

"Những sự khủng khiếp về điều kiện lao động không phải là nguồn lo lắng duy nhất. Cuộc máy móc hóa càng ngày càng tiến nhanh. Thợ thuyền bị thay thế bằng máy móc. Năm 1779, 8000 thợ đã phá phách và đốt cháy toàn thể một nhà máy để trả thù. Năm 1811, một phong trào rộng lớn nổi lên tại Anh quốc để phản đối chống lại cuộc kỹ thuật hóa...Các cuộc bạo loạn đó khích động toàn dân. Trong đám người đáng kính nể, chỉ có Ricardo là người đã nhận định rằng kỹ thuật máy móc không nhất thiết sinh ra sự tiến bộ trực tiếp cho thân phận thợ thuyền. " (173)

Sau này Marx và Engels cũng đồng ý với Ricardo.

Trước sự bất công và nghèo khổ của đa số quần chúng nhân dân,gây nên bởi ba áp lực: áp lực chính trị của chế độ quân chủ tập trung bạo quyền, áp lực xã hội giữa tầng lớp tư bản và lao động vô sản mới xuất hiện, và sau cùng là áp lực của chủ nghĩa Đế quốc đang đi xâm chiếm thị trường, cái đặc biệt của Marx là đã dùng hai quan niệm triết học thừa kế của Hegel, là quan niệm *biện chứng lịch sử và tha hóa (aliénation)* để cắt nghĩa và lên án các hiện tượng đó, lên án một cách hợp lý *(rationnellement et philosophiquement)* chứ không phải vì lý do luân lý hay nhân đạo.

Bản *Tuyên Ngôn Đảng Cộng sản* cũng như các văn bản khác của Marx và Engels đều là những luận án để cắt nghĩa các hiện tượng xã hội và lịch sử bằng quan niệm biện chứng và tha hóa. Chế độ tư bản là một giai đoạn biện chứng của lịch sử - theo quan điểm của Hegel, là một khoảnh khắc biện chứng (moment dialectique) - , nó đã thay thế giai đoạn phong kiến lạc hậu và đưa lịch sử vào một giai đoạn tiến bộ hơn. Nhưng theo luật biện chứng, nó lại chứa đựng những mâu thuẫn mới, các mâu thuẫn sẽ đưa đến sự xụp đổ và thay thế bằng một xã hội mới. Nhiều lần, Marx đã khẳng định rằng sự phân tích của ông chỉ là một phương pháp khách quan chứ không phải là một chân lý:"*Đối với chúng tôi,chế độ cộng sản không phải là một tình trạng (bất dịch), một lý tưởng , trong đó thực tại phải được giải quyết . Chúng tôi cho rằng chủ nghĩa cộng sản là một phong trào của thực tại để xóa*

bỏ tình trạng hiện nay. Các điều kiện của trào lưu này đều phát sinh từ những nền tảng hiện có." (174)

Các điều kiện mâu thuẫn của chế độ tư bản hiện có trong thời đại Marx là sự xung đột giữa hai giai cấp tư bản và vô sản: "*Thay vào xã hội tư sản cũ với các giai cấp và mâu thuẫn giai cấp của nó, xuất hiện một hiệp hội, trong đó sự tự do phát triển của mỗi người là điều kiện cho sự tự do phát triển của toàn thể.'* (175)

Lời nói trên đây không phải à một kết luận khoa học, nhưng chỉ là một nhận xét , một thâm tín, một ước vọng dựa vào các hiện tượng cách mạng vô sản đương thời, như Công xã Paris, chẳng hạn. Nhưng Công xã Paris đã thất bại, cho nên chính Marx cũng không biết rằng bao giờ cái hiệp hội đó mới xuất đầu lộ diện. Marx thường nói tới đến một cuộc chiến đấu gay gắt và lâu dài. Và cái xã hội lý tưởng trong đó *"mỗi người làm việc theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu'* chỉ là một mục tiêu, một khát vọng , chứ chưa chắc gì sẽ thực hiện được, nhất là khi nhu cầu của con người thì mênh mang như giấc mộng, và khả năng của nó lại hạn chế.

Luận chứng của Marx lại khiếm khuyết, bởi vì ông đã thu hẹp cùng đích và tương giao nhân loại trong phạm vi duy nhất là phạm vi kinh tế và phương tiện sản xuất. Từ chân trời nhỏ hẹp này, Marx đã dùng quan niệm *tha hóa (aliénation)* để đi đến kết luận bao quát, độc đoán và cực đoan là toàn thể xã hội tư bản , với mọi thể chế tôn giáo, luân lý, văn hóa, nghệ

thuật, chính trị, xã hội và kinh tế của nó đều sai lầm, hủ hóa, độc hại ,không thể nào *cải cách được,* mà phải tiêu hủy hoàn toàn để thay thế bằng một xã hội mới, một nhân loại mới.

Là một triết gia và đồ đệ của Fichte, Marx lại mù quáng không biết nhìn nhận rằng dù vạn vật biến đổi không ngừng, nhưng cũng có một thực tại thường tồn và bất dịch trong con *người, đó là cái chủ thể ý thức của trí tuệ.* Cái chủ thể ý thức của Marx khi lên ba tuổi vẩn là cái chủ thể ý thức của Marx lúc 65 tuổi trước ngày tận số, dù nó có thể hấp thụ thêm những kiến thức này hay kiến thức khác. Nhờ cái chủ thể đó và vạn vật được cảm thụ với các hình thể, mầu sắc, âm thanh và mùi vị. Không có các chủ thể của linh hồn con người thì vũ trụ chỉ là một khối u minh, chìm đắm đời đời trong tối tăm, im lặng.

Chính Lamarck và Darwin, các ông thầy của Marx và Engels cũng không biết được cùng đích của các chủ thể đó, nhưng *chắc chắn không phải chỉ là cùng đích kinh tế và các phương tiện sản xuất.* Kinh tế và sản xuất chỉ là những phương tiện phục vụ một mục đích trực tiếp là *sinh tồn và truyền giống.* Chúng ta cũng không bao giờ biết được tại sao con người phải sinh tồn và truyền giống . Đó cũng là vấn đề thắc mắc của Fichte: "*Nào có ích gì cái vòng luẩn quẩn của sự biến hóa không ngừng, cái trò chơi một kiểu , trong đó sinh sinh diệt diệt mãi mãi. Cái con quái vật tự nuốt xé không ngừng, để rồi lại truyền sinh, và lại tự cấn xé ? Dẫu sao, đó không phải là định*

mệnh của bản chất trong tôi, của bản chất trong mọi hữu thể. Phải có một cái gì "hiện hữu" *bởi vì* "nó" biến chuyển. *Và bây giờ nó phải* thường tồn (deumeure) *và không bao giờ có thể trở lại hình thái nó đã có trước. Cái thường tồn (ce définitif) đó phải phát sinh trong lòng sự biến đổi của mọi vật và tiếp tục bị lôi cuốn trong đại dương của thời gian."* (176)

Cả Fichte, Lamarck và Darwin đều chắc chắn nhìn nhận rằng cuộc tiến hóa của nhân loại từ vật vô tri vô giác tới chủ thể ý thức và trí tuệ, đã được hướng dẫn bởi *một ý chí huyền nhiệm*, qua trung gian của một sức mạnh huyền bí, một mãnh lực mù quáng (force mystérieuse et aveugle) để đạt tới một mục đích gián tiếp là sự sinh tồn và truyền giống.

Cái sức mạnh huyền bí và mù quáng đó phát hiện một cách mãnh liệt trong các bản năng sinh tồn và truyền giống theo quy luật đào thải.

Cái bản năng thiết yếu nhất trong sự sinh tồn và truyền giống và có liên quan đến vấn đề *kinh tế và sản xuất* chính là *bản năng về sự chiếm hữu.* Bản năng tư hữu không phải là một sự tha hóa biến chất của con người xã hội. Nó có từ loài sâu bọ, ong kiến và các súc vật khác. Của tư hữu là những của dự trữ, để phòng ngừa khi thiếu thốn để sinh tồn và nhất là để nuôi dưỡng con cái. Con ong, con kiến và nhiều loài vật không ăn uống tại chỗ mà còn khuân mồi về tổ, để dự phòng và nuôi con. Theo ý kiến Darwin, tư sản là một bản năng sinh tồn và một yếu tố của sự tiến bộ theo luật đào thải:

"Trong mọi quốc gia văn minh, con người tích luỹ tư hữu để thừa tự cho con cái. Tựu trung, mọi con dân của mỗi dân tộc không phân chia đồng đều của cải, khi họ bắt đầu chiến đấu để thành đạt. Không sao, điều đó không phải là một tai họa tuyệt đối, bởi vì nếu không có sự tích lũy tư bản thì kỹ thuật không thể tiến bộ. Vậy mà, chính nhờ kỹ thuật mà các chủng tộc văn minh được lan rộng , và ngày naycòn lan rộng mọi nơi trên mọi phạm vi, để thay thế các chủng loại bậc dưới. Ngoài ra, sự tích lũy gia tài một cách ôn hòa không hề vi phạm cuộc tiến hóa chung của sự đào thải. Khi một người nghèo khổ trở nên giầu có thì con cái y có thể góp phần vào các nghề nghiệp trong đó y phải tiếp tục ganh đua. Lúc đó, những kẻ có sức lực và tài ba sẽ có nhiều may mắn thành đạt. Sự có mặt của một đám người thông minh không phải làm việc chân tay để sinh sống thường nhật , thực là quan trọng đáng qúy, bởi vì các công nghiệp trí tuệ của họ là nguồn gốc trực tiếp của mọi tiến bộ vật chất đối với thiên nhiên, không kể các ích lợi khác cao cả hơn.'(177)

Trên thực tế, sự tiêu hủy tư sản thường làm tê liệt bộ máy kinh tế của xã hội. Lê Nin đã có kinh nghiệm về điều đó. Nên *Kinh tế mới (La N.E.P.)* của ông là một sự cải chính cưỡng bách quan niệm kinh tế của Marx. Các kinh nghiệm của Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ sau này càng chứng minh sự kiện đó. Cái *chủ nghĩa xã hội theo kinh tế thị trường do* Đặng Tiểu Bình đề xướng và được thực hiện tại Trung

Quốc và Việt Nam ngày nay chẳng qua chỉ là một bản chép lại về chế độ cộng sản được sửa chữa của Lê- Nin. Đó là một thứ quái thai mà chúng ta còn có dịp bàn tới ở phần sau. Đại quan, sự độc quyền chính trị của Đảng hạn chế khả năng phát triển của nhân dân và tập trung các nguồn lợi kinh tế trong tay một bọn quan lại được Đảng bào chữa, một bọn quan lại còn tàn bạo hơn thời phong kiến, như Djilas đã nói đến trong các tác phẩm của ông. Nếu chế độ đó đã thất bại và bị Sít -Ta-Lin bãi bỏ sau khi Lê-Nin từ trần, thì làm sao ngày nay nó có thể tồn tại lâu dài ?

Khuyết điểm thứ hai của tư tưởng Marx là thái độ qúa cực đoan đối với các tín ngưỡng tôn giáo. Tôn giáo là một thứ bản năng gián tiếp gắn liền với bản năng sinh tồn. Đời sống vật chất ngắn ngủi và vô nghĩa. Tín ngưỡng đem lại cho nhân loại một hy vọng, một lẽ sống. Tôn giáo chân thực góp phần vào công cuộc giáo hóa quần chúng, trên con đường công chính , hòa hảo, như chính Engels đã công nhận.

Trên thực tế, 90 phần trăm nhân loại tin tưởng ở một tôn giáo. Tín ngưỡng đó, không sức mạnh nào có thể lay chuyện được. Sự bài xích, phá hủy tôn giáo đã xô đẩy phần đông nhân loại về phe thù địch của chủ nghĩa xã hội Mac-xít. Sự đàn áp công khai chỉ làm tăng sự căm thù thầm kín của các tín đồ đối với tư tưởng của Marx. Sự xụp đổ của chế độ Cộng sản tại Nga Sô và các nước Đông Âu bắt nguồn từ sự chống đối của Giáo Hội Công giáo Ba-Lan và kết thúc ở cuộc nổi dậy của Giáo phái Tin-Lành tại Leipzig.

Ngày nay, các nhà cầm quyền tại các nước cộng sản còn tồn tại thì khôn khéo hơn. Họ đưa vào Hiến pháp các điều khoản về tự do tín ngưỡng , nhưng trong thực tại, họ ra chỉ thị ngầm cho các cán bộ tìm mọi phương thế để kiểm xoát, bắt bớ, kìm hãm các tu sĩ và các hoạt động của các cộng đồng tôn giáo. Bởi vì mánh khóe đó không che mắt được ai, cho nên tình hình càng ngày càng thêm căng thẳng.

Khuyết điểm thứ ba của tư tưởng Mac-xít là thái độ cực đoan đối với mọi nền văn hóa (triết-lý, nghệ thuật, luân lý, pháp luật) cổ truyền. Sự đó làm cho các trí tuệ dù thiện chí nhất cũng xa lià chủ nghĩa xã hội của Marx. Chứng cớ là thí dụ của Proudhon.

Một khuyết điểm quan trọng khác là thái độ cực đoan về *giai cấp đấu tranh.* Khuyến khích thợ thuyền đoàn kết và ý thức đến cuộc tranh đấu đòi quyền lợi của họ là sự hợp lý và đáng khen . Nhưng phân chia xã hội thành hai phe tuyệt đối không đội trời chung, để tiêu diệt lẫn nhau, là một sự trái với khát vọng nhân loại và không thể làm nền tảng cho một xã hội công bình, huynh đệ. Tựu trung, chỉ là một cuộc tranh chấp quyền bính, một chuỗi huynh đệ tương tàn. Chứng cớ là hầu hết các đồng chí của Lê-Nin, Sít-Ta-Lin và Mao Trạch Đông đều bị tàn sát. Và xã hội luôn luôn căng thẳng trong chia rẽ, hận thù, khổ đau. Lịch sử của các chế độ cộng sản là cả một bộ thảm sử mà đời đời nhân loại không thể nào quên được.

Phần thứ hai
Các lý thuyết Mac-Xít

Chương nhất
Chủ nghĩa xã hội dân chủ

Chủ nghĩa Dân chủ xã hội ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhất là tại Đức, có thể được coi như là một chủ nghĩa Xét lại (révisionnisme). Các hội viên của Đảng *Dân chủ Xã hội (Social-Démocrate)* đều tự coi mình là đồ đệ của Marx, nhưng họ muốn sửa chữa và bổ xung những khiếm khuyết và sai lầm của tư tưởng Marx.

Thiết yếu là một triết gia, cho nên dù sao Marx cũng suy luận một cách trừu tượng theo lý thuyết biện chứng lịch sử của Hegel. Nhưng là một chiến sĩ vô thần, ông đã lựa chọn những điểm phù hợp với tinh thần chiến đấu của ông.

Trong hệ thống của Hegel, Lịch sử là một quá trình tiến hóa của *Tinh thần*, của chủ thể suy tư. Thế giới vật chất cũng là một thực tại, nhưng là một thực tại bị cảm thụ một cách gián tiếp, và đã bị biến chất thành những hình ảnh, những *hiện tượng của tinh thần.* Các hiện tượng vật chất mà ta cảm thụ chỉ là hiện tượng, không phải là thực thể (être en soi). Chỉ có tinh thần, *chủ thể suy tư* (le sujet pensant) là được ta ý thức và cảm thụ một cách trực tiếp như là một thực thể (Kant và Fichte). Còn Marx lại coi thế giới vật chất là một thực thể duy nhất phát sinh ra tinh thần.

Bởi thế, trong qúa trình phát triển của lịch sử nhân loại, Marx chỉ quan tâm đến các yếu tố khách quan vật chất và ít chú trọng đến chủ thể tinh thần.

Về lý thuyết *biện chứng,* Hegel phân biệt ba giai đoạn , ba khoảnh khắc: luận đề (thèse) , phản đề (antithèse) và hợp đề (synthèse). Lịch sử nhân loại, lịch sử tinh thần là một qúa trình, trong đó giai đoạn tổng hợp (synthèse) là giai đoạn quan trọng nhất, bởi vì nó đưa đến tình trạng tiến bộ (Darwin). Còn Marx lại coi phản đề (anti thèse, négation de la négation), là yếu tố quan trọng. Bởi thế, Marx cho rằng lịch sử nhân loại là một qúa trình đầy mâu thuẫn, giai đoạn này tiêu hủy giai đoạn kia. Hơn nữa, lịch sử nhân loại của Marx lại thu hẹp vào lịch sử các phương tiện sản xuất kinh tế.

Sự lựa chọn chủ quan và cực đoan đó đã đưa Marx tới một kết luận có tính cách quyết định (déterministe) về sự xụp đổ tất yếu của chế độ tư bản (effondrement du capitalisme), sự hủy diệt của Nhà nước(la disparition de l'Etat), sự chiến thắng cần thiết của giai cấp vô sản và chế độ Cộng sản.

Trên thực tế, chế độ tư bản, thay vì xụp đổ, đã trở nên một ngày một phồn thịnh, Nhà Nước, thay vì tan biến , lại càng ngày càng củng cố và trở nên cần thiết.

1. Engels: người Xét lại thứ nhất.

Engels là người đầu tiên đã nhìn thấy những thiếu xót của tư tưởng Marx. Từ năm 1890, trong các

bài tham khảo và thư tín, Engels bắt đầu quan tâm đặc biệt đến ảnh hưởng hỗ tương giữa các yếu tố không có tính cách kinh tế, nghĩa là các thể chế chính trị, luật pháp và triết học, đối với các yếu tố kinh tế. Ông công nhận rằng cuộc đấu tranh vô sản không nhất thiết phải dùng cách mạng bạo lực, mà có thể dùng phương pháp dân chủ hợp pháp:

" Thời đại dùng võ lực, thời đại của những cuộc cách mạng do một thiểu số ý thức lãnh đạo đám đa số quần chúng vô ý thức, đã qua rồi. Trong vấn đề cải tạo hoàn toàn tổ chức xã hội, chính quần chúng phải cộng tác , phải hiểu rõ vấn đề và phải biết tại sao họ phải tham gia với hết cả thể xác lẫn tâm hồn.Đó là bài học mà lịch sử của 50 năm qua đã đưa lại cho chúng ta. Nhưng muốn cho quần chúng hiểu biết mình phải làm gì, thì cần phải có một công phu lâu dài và kiên nhẫn.

"Lịch sử oái oăm đã đảo lộn tất cả. Chúng ta, những "con người cách mạng", những "kẻ muốn tiêu hủy" (chambardeurs), chúng ta sẽ phát đạt hơn, bằng các phương tiện hợp pháp hơn là các phương tiện bất hợp pháp và sự đả phá (chambardement) . Các đảng phái của trật tự , như họ từng tự xưng, sẽ bị tiêu diệt vì chính tình trạng hợp pháp mà họ đã tạo nên. Với Odilon Barrot, họ thất vọng kêu than : sự hợp pháp giết hại chúng ta. Còn phần chúng ta, trong chế độ hợp pháp đó, chúng ta rèn luyện bắp thịt và má hồng, để thở không khí trẻ trung ngàn thuở....'(178)

Theo ý Engels, trong chế độ nghị viện, phổ

thông bầu phiếu đương thời, giai cấp vô sản đại đa số sẽ lên nắm chính quyền một cách êm dịu không cần đổ máu. Ít nhất, quan niệm này đã bổ khuyết cho quan niệm về sự cần thiết dùng bạo lực để chiếm chính quyền, rồi dùng chính sách "*chuyên chế vô sản*" để tiêu diệt hoàn toàn xã hội cũ. Đây chỉ là một chiến lược, trong giai đoạn chuyển dịch của lý thuyết Mac-xít.

2. Eduard Bernstein : ông tổ của chủ nghĩa xét lại.

Năm 1879, Bernstein đã có lần tranh luận kịch liệt với Marx và Engels vì một bài báo của ông đăng trong tờ nhật báo của Karl Höchberg, trong đó ông bênh vực quan niệm tự do và xét lại. Nhưng rồi vào cuối năm đó, sau khi đọc cuốn *Chống-Dühring* của Frédérich Engels, thì ông bắt đầu quy phục tư tưởng của Marx. Từ tháng Giêng năm 1881, ông được giữ chức Chủ bút tờ *Dân chủ Xã Hội,* khuynh hướng Mac-xít trong bẩy năm trời, và rất được Engels tín nhiệm. Ở giai đoạn này ông viết hai bài bình luận và quả quyết rằng *con đường duy nhất đi đến chủ nghĩa Xã hội là tiêu diệt giai cấp tư sản.* Ông cũng từ chối tư tưởng của Lassale cho rằng *tài sản xã hội hóa có thể sống chung bên cạnh tài sản tư hữu tư bản.* Dựa theo thống kê năm 1882, ông nhấn mạnh rằng tài sản tập trung không những trong kỹ nghệ mà cả trong nông nghiệp và thương mại. Như thế có nghĩa là các nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội đã sẵn sàng để

giai cấp vô sản có thể nắm chính quyền , mà muốn dành chính quyền thì phải dùng phương pháp cách mạng. Vì lúc đó ông cho rằng "*con đường nghị viện đưa đến chủ nghĩa xã hội*" của nhóm Lassale chỉ là một sự giảo trá. Cũng trong giai đoạn này, Bernstein tin rằng *chủ nghiã xã hội không phải là kết qủa của một ý chí có khuynh hướng luân lý và cải cách, nhưng phải là hiệu qủa tất yếu của các quy luật phát triển lịch sử của xã hội tư bản.*

Thời đó, trái với các tư tưởng mà ông chủ trương sau này, ông gạt bỏ ý tưởng cho rằng sự xã hội hóa tài sản trong lòng chế độ tư bản có thể dần dần đưa tới chủ nghĩa xã hội : chẳng hạn sự quốc hữu hóa hoặc sự thành lập các xí nghiệp hùn vốn,v.v.

Theo ý Bernstein, sự sống chung giữa các xí nghiệp tư bản tư nhân và các xí nghiệp quốc hữu hóa sẽ tăng gia mâu thuẫn giữa các lực lượng và tương quan sản xuất : các xí nghiệp tư nhân vì sức cạnh tranh sẽ phát triển mạnh, còn các xí nghiệp quốc hữu hóa sẽ bị lung lạc. Lúc đó , một phần, nhân dân phải chia sẻ sự thua thiệt, một phần, lao động phải tranh đấu đương đầu với Nhà Nước Tư bản toàn năng.

Từ năm 1890, lập trường chính trị và lý thuyết của Bernstein hoàn toàn thay đổi. Nhất là các bài báo đăng trong tờ *"Tân Thời Đại'* giữa những năm 1895-1898 , như " *Vấn đề Chủ nghĩa Xã hội"* và tác phẩm chính về "*Những tiêu đề của Chủ nghĩa Xã hội và nhiệm vụ của người Xã hội Dân chủ"*. Khúc quẹo quyết định bắt đầu vào năm 1895-1896, khi ông dịch

ra Đức văn bộ "*Lịch sử cuộc Cách Mạng Pháp*" của Louis Héritier. Trong phần chú thích của bộ sách này, Berstein bênh vực lập trường của những người Xã hội Cải cách và đại diện của giai cấp tiểu tư sản, trái hẳn với lập trường của Marx trong cuốn "*Những cuộc đấu tranh giai cấp tại Pháp 1848-1850*",xuất bản năm 1895. Đối với Marx, cuộc Cách mạng tháng Sáu 1848 là một cuộc đấu tranh giai cấp giữa tư sản và vô sản. Khẩu hiệu chính là: "*Đả đảo tư sản. Vô sản chuyên chính* ". Berstein cho rằng cuộc cách mạng tháng Sáu không có tính cách giai cấp đấu tranh và không cần phải có tính chất đó. Tựu chung chỉ là một sự xung đột giữa các lãnh tụ đảng phái và lôi cuốn thợ thuyền vào cuộc tranh chấp. Đối với Marx và Engels, Công xã Paris năm 1871," *trước hết là một chính phủ của giai cấp lao động, là kết qủa đấu tranh của giai cấp sản xuất, chống lại giai cấp giầu có, là hình thức chính trị có thể giải phóng kinh tế cho thợ thuyền*". Berstein, trái lại, cho rằng Công xã Paris chỉ là một giai đoạn của lịch sử thế kỷ XIX, nó không hề có hy vọng tái diễn.

Về *phương diện kinh tế*, Marx nhấn mạnh rằng "*một cuộc Cách mạng thực thụ chỉ có thể thực hiện khi nền kinh tế tư bản hoàn toàn xụp đổ.*" Còn Bernstein thì cho rằng sự xụp đổ của chế độ tư bản như thế sẽ khiến cuộc chuyển dịch sang chế độ xã hội không thể nào tồn tại và sẽ đưa đến một cuộc phản cách mạng. Ông viết : " *Năm 1848, những lập luận vu vơ của bọn chính trị trong các Câu lạc bộ phòng trà đã xô đẩy kinh tế vào cơn khủng hoảng trầm trọng.*

Các hoạt động kinh doanh bị bế tắc. Các nhà kinh tài không còn tín nhiệm. Có thể rằng, trong các cuộc cách mạng tương lai , hiện tượng đó sẽ còn tái diễn, và còn trầm trọng hơn." Trong tác phẩm "Các Tiêu đề của Chủ nghiã Xã hội," ông trích dẫn Proudhon để chỉ trích lý thuyết của Marx và Blanqui: " *Các bạn lao động, cuộc đấu tranh chống tư sản không thể diễn ra trong các Câu lạc bộ, mà trong các xưởng máy và thị trường. Hãy để chính trị và lời giảo hoạt cho bọn tư sản. Các bài diễn thuyết trong các Câu lạc bộ không dạy các bạn được bài học bào cả."*

Theo ý Bernstein, cuộc chuyển dịch sang chủ nghĩa Xã hội phải đi dần dần từ nền kinh tế tư bản.

Cùng một đà tư tưởng, Bernstein lại đi xa hơn nữa để phê bình quan niệm của Marx về *sự xụp đổ tất yếu của chế độ tư bản (zusammenbruch).* Quan điểm của ông vừa dựa trên *lý thuyết tiến hóa* của Darwin, vừa căn cứ vào lý luận của Marx, theo đó thì qúa trình xã hội chủ nghĩa chỉ có thể phát hiện khi *chế độ tư bản đã phát triển mọi lực lượng sản xuất đến tột mực trong thể chế tư sản.* Theo đà tiến hóa kinh tế đó , Bernstein không tin chắc rằng sự tiêu diệt *"giòng giống con người tư bản"* để thay thế bằng một "*giòng giống con người theo chủ nghĩa xã hội"* (ở bậc cao hơn) sẽ là một sự tiến bộ, nếu sự phá hủy chế độ tư bản được thực hiện bằng những phương pháp bạo động, bởi vì trong trường hợp đó , người ta không những phá hủy các *tương quan sản xuất* mà còn tiêu

hủy cả *các lực lượng sản xuất.* Bởi thế, Bernstein chủ trương với Kausky và Conrad Schmidt, một sự chuyển dịch ôn hoà, từ từ, để bao nạp chế độ kinh tế tư bản thị trường vào chế độ xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của Bernstein lại còn dựa trên sự phát triển xã hội, chính trị và kinh tế ở thời đại , như ông đã trình bầy trong "*Bức thư gửi Hội nghị Stuttgart" (1898):*

" Có ít nhiều người cho rằng cái nhìn của tôi đưa đến kết luận thực tiễn là từ bỏ dự định chinh phục chính quyền của giai cấp vô sản được tổ chức về chính trị và kinh tế. Đó là một kết luận độc đoán mà tôi tuyệt đối phủ nhận.

" Tôi chống lại ý tưởng phổ cập cho rằng sư xụp đổ của xã hội tư sản đã kề gần và Chủ nghĩa Dân chủ Xã hội phải hướng chiến thuật theo chiều xụp đổ xã hội cấp bách và vĩ đại đó...

" Các bè đảng của lý thuyết xụp đổ nại đến "Bản Tuyên ngôn Cộng Sản" để bảo vệ lập trường của mình. Nhưng họ lầm lẫn về mọi phương diện.

" Cái giả thuyết về sự tiến hóa của xã hội hiện đại, được trình bầy trong bản "Tuyên Ngôn Cộng sản" đã có phần đúng về đại lược. Nhưng nó sai lầm về nhiều điểm đặc biệt ,nhất là về sự phỏng định thời gian cần thiết cho cuộc tiến hóa đó. Cái lầm lẫn này đã được Engels hoàn toàn công nhận, trong bài tựa cuốn " Những cuộc đấu tranh giai cấp tại Pháp". Dĩ nhiên, bởi vì không những cuộc tiến triển kinh tế đã chiếm nhiều thời gian hơn người ta tưởng lúc ban

đầu, mà nó còn mặc nhiều hình thức và đưa đến những hoàn cảnh bất ngờ, không thể lường trước, khi soạn thảo bản "Tuyên Ngôn".

" Tình hình kinh tế không trở nên trầm trọng như bản Tuyên ngôn dự báo. Che lấp điều này là vô ích và ngu dại. Số người giầu có không bớt đi mà lại tăng thêm. Sự phát triển lớn lao về tài sản xã hội không đưa đến sự giảm bớt số nhà đại tư bản, mà trái lại còn tăng thêm giai cấp tư bản ở đủ mọi nghành. Giai cấp trung lưu đã biến chất nhưng không tàn khuất trong bậc thang xã hội.

"Trong lãnh vực chính trị, chúng ta thấy rằng các ưu quyền của giai cấp trưởng giả tư bản dần dần tan biến trước tiến bộ của các thể chế dân chủ. Do ảnh hưởng của các thể chế này, cũng như do áp lực càng ngày càng mạnh mẽ của phong trào lao động, một hoạt động phản ứng xã hội đã bắt đầu chống lại các khuynh hướng bóc lột tư bản. Luật lệ về xí nghiệp, sự dân chủ hóa các nền hành chánh địa phương và sự trải rộng địa trường hoạt động của nó, sự giải phóng các thể chế nghiệp đoàn và hợp tác xã ra khỏi mọi trói buộc hợp pháp và sự coi trọng các tổ chức thợ thuyền... Tất cả biểu lộ tính chất tiến triển của giai đoạn xã hội này. " Nhưng thực ra, sự chinh phục chính quyền của giai cấp vô sản có thể thực hiện bằng cách khác ngoài sự xụp đổ chính trị ? Có phải sự chinh phục đó có nghĩa là sự xử dụng độc quyền chính trị của giai cấp vô sản, chống lại toàn thể mọi thế giới không vô sản ?' (179)

Theo ý Bernstein, chế độ Tư bản trong tình thế hiện tại, không thể bị tiêu hủy mà còn vững mạnh hơn. Sự phá hủy xã hội tư sản bằng bạo động sẽ làm lung lạc toàn thể nền móng kinh tế và văn hóa. Sự chuyên chế mệnh danh là vô sản không đem lại tự do, phồn thịnh và hạnh phúc cho vô sản, mà chỉ đưa đến sự lợi dụng áp chế của một bọn chính trị câu lạc bộ phòng trà. Con đường duy nhất, hợp tình hợp lý là con đường xã hội chủ nghĩa *cải cách và dân chủ thực sự:*

"Đảng Dân chủ Xã hội phải can đảm thoát ly lối lập luận rỗng tuyếch của qúa khứ và trở về thực tại của ngày nay: nó phải là một Đảng cải cách dân chủ và có khuynh hướng xã hội. Ở đây không có nghĩa là từ bỏ cái mệnh danh là quyền làm cách mạng, quyền chỉ có trong lý luận mà không có hiến pháp nào có thể ghi nhận hay cấm đoán, cái quyền đó vẫn tồn tại, bao lâu luật tự nhiên bắt chúng ta phải chết nếu chúng ta từ chối quyền thở hút không khí. Cái quyền không ghi chép và bất khả phạm đó sẽ không bị xâm phạm, nếu chúng ta chuyển nó vào con đường cải cách. Cái quyền tự bảo vệ sẽ không bị xóa bỏ, khi chúng ta cùng nhau đặt ra những luật lệ để giải quyết các tranh chấp cá nhân hay tranh chấp tư sản.'(180)

Sự cải cách hợp lý và hiệu nghiệm chỉ có thể thực hiện trong một thể chế dân chủ thực sự, một thể chế mà mọi công dân đều có quyền phát biểu ý kiến và góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội. Nó

không thể nào thực hiện trong một chế độ độc tài, độc đảng do một vài cá nhân ,dù là thiên tài, chỉ huy từ trên xuống dưới. Đó chỉ là một sự lạm quyền và lường gạt theo tư tưởng một chiều. Và Bernstein định nghĩa Chủ nghĩa Xã hội dân chủ của ông như sau :

"Dân chủ vừa là phương tiện, vừa là mục đích. Nó là phương tiện để xây dựng chủ nghĩa Xã hội và đồng thời cũng là hình thức để thực hiện chủ nghĩa đó. Tất nhiên nó không thể nào làm các "phép lạ". Trong một nước như Thụy Sĩ, mà vô sản là thiểu số, nó không thể đặt chính quyền vào tay vô sản này. Trong một nước như Anh quốc mà vô sản là đa số, nó cũng không thể đặt giai cấp này làm chủ kỹ nghệ, khi chính nó không muốn và cũng không đủ khả năng để hoàn thành nhiệm vụ đó.

" Theo nguyên tắc, dân chủ là xóa bỏ sự thống trị giai cấp, mặc dầu, trong thực tế nó không xóa bỏ được giai cấp. Người ta cho rằng chế độ dân chủ hơi có tính chất bảo thủ. Điều đó đúng trong một vài phương diện.

"Chế độ độc đoán *hay* nửa độc đoán *lừa đảo các đồng chí và kẻ thù của nó về khả năng của mình. Bởi thế, trong các nước mà chế độ độc đoán ngự trị, thường có những tập tục, những kế hoạch ngạo mạn, những lập luận qúa đáng, một đường lối chính trị quất quéo , sự sợ hãi cách mạng và chỉ tin tưởng vào sự đàn áp.*

" Trong nền dân chủ, các đảng phái và các giai cấp mà họ đại diện, sớm biết giới hạn quyền

lực của mình và chóng làm quen với phương thế hoạt động, mỗi khi họ muốn thực hiện điều gì. Nền dân chủ là trường cao học của các sự thỏa hiệp. Những gì qúa đáng rồi cũng trở nên ôn hòa. Bởi thế, trong chế độ dân chủ, ngay cả phái cực tả, cũng có khi trở nên bảo thủ, và sự tiến bộ của nó cũng theo điệu từ tốn ,chậm chạp nhưng điều hoà.

" Các khuynh hướng dân chủ thật rõ rệt. Quyền phổ thông bầu phiếu trong nền dân chủ cho cử tri tham dự chính danh vào cộng đồng, và sự tham dự chính danh đó, cuối cùng, đưa đến sự tham dự thực thụ.

" Đối với một giai cấp lao động còn thiểu số và kém học hỏi thì trong một thời gian lâu dài, phổ thông bầu phiếu có thể thay thế quyền lựa chọn " kẻ thống trị" họ. Nhưng với sự tiến bộ về số đông và trí tuệ, phổ thông bầu phiếu sẽ là dụng cụ giúp họ biến chuyển các đại diện dân biểu đang ở cương vị ông chủ trở thành nô bộc phục vụ nhân dân.

"... Chủ nghĩa tự do có sứ mệnh lịch sử là phá vỡ các tương quan kinh tế và thể chế pháp luật của thời Trung cổ đã trói buộc tiến bộ xã hội. Đầu tiên nó xuất hiện dưới hình dạng của chủ nghĩa tự do tư sản, nhưng thực sự , nó phát biểu một nguyên tắc xã hội phổ quát xâu rộng và rút cục sẽ đưa đến chủ nghĩa xã hội.

" Chũ nghĩa Xã hội không muốn tạo ra bất cứ một thứ ép buộc nào *mới. Cá nhân* phải được

tự do-*không phải tự do theo nghĩa siêu hình của phái vô chính phủ , nghĩa là tự do ngoài khuôn khổ nghĩa vụ đối với cộng đồng - nhưng là tự do .khỏi mọi ép buộc kinh tế, trong hoạt động và sự lựa chọn nghề nghiệp. Và một sự tự do như thế, chỉ có thể thực hiện cho mọi con người bằng sự tổ chức.*

" Theo nghĩa đó , người ta có thể gọi chủ nghĩa Xã hội là một ' Chủ nghĩa Tự do có Tổ chức" , bởi vì nếu phân tích một cách xâu xa các tổ chức trong chủ nghĩa xã hội, thì sự cách biệt giữa chúng và các tổ chức phong kiến tương đương , chính là tính chất tự do và tổ chức dân chủ , mở rộng cho mọi người..." (181)

Quan niệm dân chủ của Bernstein thật là sáng suốt vô tư, hợp tình hợp lý. Nó phù hợp với quan niệm phổ quát cổ điển về "*Thỏa ước Xã hội" (Contrat social)* của các triết gia xã hội *như Locke, Hobbes và Rousseau.*

Tất nhiên một quan niệm dân chủ như thế hoàn toàn trái với một quan niệm căn bản khác của Marx về *"giai cấp đấu tranh"* và *" vô sản chuyên chính"*. Nó cũng phản đối mãnh liệt về quan niệm cực đoan và một chiều về *" độc đảng độc quyền của vô sản "* trong tư tưởng của Lenin.

Và để biện hộ cho quan niệm dân chủ của ông, Bernstein lại phân tích một cách sáng suốt sự khác biệt giữa quyền lợi của *toàn thể cộng đồng* và quyền lợi của *giai cấp (intérêt collectif et intérêt de classe) :*

"Con người có hai tâm hồn, nghĩa là có hai ngăn kế toán luân lý. Là một cá nhân hay thành phần của một đoàn thể hoặc một giai cấp trong xã hội hiện đại, con người thường chống đối với cộng đồng, nhưng nó lại không thể sống ngoài cộng đồng ,kể cả con người lao động, bởi vì tựu trung quyền lợi cuối cùng của nó vẫn đi đôi với quyền lợi của cộng đồng. Nhưng mỗi cá nhân đồng thời cũng là một công dân. *Bởi vì Nhà Nước hiện đại không biết phân biệt gai cấp nhất định. Và là công dân, con người phải củng cố các quyền lợi của* dân tộc, *ngay cả khi nó thu xếp sống bám vào một giai cấp khác giai cấp của nó. Các quyền lợi đố kỵ của giai cấp, một phần, sẽ tan biến trong chiến trường tranh đấu của sự cạnh tranh kinh tế (gồm cả đấu tranh nghiệp đoàn) , phần khác, trong nền luật pháp (phần này càng ngày càng lớn). Từ cuộc đấu tranh quyền lợi giai cấp , quyền lợi của cộng đồng dần dần tách rời và hướng đưa xã hội tới nền dân chủ. Với các tiến bộ của nền dân chủ này, sự đấu tranh giai cấp phải mang một trạng thái khác biệt với trạng thái mà nó từng bộc lộ trong các Quốc gia còn bị thống trị bởi một giai cấp đặc quyền. Nơi đây, hẳn còn các cuộc đấu tranh, nhưng sự đấu tranh sẽ phát hiện trong các bài diễn văn, trong báo chí, trong các cuộc bầu cử và mọi đảng phái muốn được nhân dân bầu lên, theo đúng nguyên tắc dân chủ, phải trả lời trước quyền lợi cộng đồng... Dẫu sao, kết qủa cuối cùng vẫn chỉ là một:* quyền lợi giai cấp sẽ lùi bước và quyền lợi cộng đồng sẽ lan rộng uy quyền. *Quyền lập*

pháp sẽ gia tăng mạnh mẽ trước các xung đột kinh tế, đồng thời nó sẽ giúp giải quyết các vấn đề mà xưa kia thường bị bỏ rơi một cách mù quáng tùy theo quyền lợi riêng tư. '(182)

Sự tàn lụi của Nhà Nước. Bởi vì xã hội tư bản không xụp đổ và nền dân chủ là chế độ chung của mọi công dân, không phân biệt giai cấp và chủng loại , cho nên cần phải có một trọng tài để điều hành quyền lợi và bổn phận của mỗi người. Bởi thế, Nhà nước, trái với quan điểm của Marx và Engels, *không thể nào tàn lụi được.* Theo ý Engels, Nhà nước phát sinh khi xã hội ly tán thành các giai cấp đối nghịch và chính các giai cấp lại là con đẻ của sự phân chia lao động, ở một qúa trình phát triển các lực lượng lao động nhất định."*Nhà Nước không thể là một quyền bính ép buộc tự bên ngoài xã hội. Nó cũng không phải là một thực tại của ý tưởng luân lý hoặc hình ảnh và thực tại của lương tri, như Hegel đã công nhận. Nó chính là hậu qủa của xã hội ở một trình độ phát triển nào đó, khi xã hội bị lăn lộn vào một mâu thuẫn mà tự nó không thể giải quyết được , khi nó bị phân chia thành những quyền lợi đố kỵ mà nó bất lực để giải quyết. Nhưng muốn cho các mâu thuẫn về quyền lợi kinh tế khác biệt giữa các giai cấp khỏi lâm vào một cuộc tranh chấp vô ích , thì cần thiết phải có một sức mạnh dường như vượt trên xã hội để trọng tài. Sức mạnh đó dùng để dung hoà tranh chấp và giữ gìn trật tự. Cái sức mạnh phát xuất từ xã hội nhưng lại đặt mình bên trên xã hội đó, chính là Nhà Nước."* (183)

Như vậy là Engels đã công nhận rằng ban đầu, Nhà nước là một trọng tài không thiên vị để bênh vực quyền lợi chung của cộng đồng, nhưng dần dần, nó biến thành một "*thể chế, không những tiếp tục phân chia xã hội thành giai cấp, mà còn bảo vệ quyền lợi của giai cấp giầu có để bóc lột và thống trị giai cấp nghèo nàn.*"

Trong tình trạng này, theo ý Marx và Engels, đa số bị bóc lột và thống trị phải cướp chính quyền, trục xuất bọn giầu có, giải ngũ về kinh tế, chính trị và quân sự, bọn thiểu số bóc lột, bằn sự chuyên chế dân chủ vô sản .

Đi xa hơn nữa, Marx và Engels cho rằng Nhà nước, dù trong chính thể nào đi nữa, cũng chỉ là một bộ máy áp chế , cho nên ngay cả trong Công xã vô sản, Nhà nước cũng phải bị hủy diệt : " *Nhưng thực sự, Nhà nước bao giờ cũng chỉ là một guồng máy áp chế của một giai cấp này đối với một giai cấp khác và tất nhiên, trong chế độ dân chủ, sự áp chế sẽ dịu hơn trong chính thể quân chủ, nhưng dẫu sao, nó cũng vẫn là một điều nguy hại mà giai cấp vô sản, khi chiến thắng chưa thể xóa bỏ tức khắc mà phải đợi khi một thế hệ đã trưởng thành trong bầu khí của xã hội mới , xã hội tự do, mới có thể dứt tay ra khỏi cái gánh nặng Nhà Nước đó.*'(184)

Marx và Engels không bao giờ phát biểu thể thức Nhà nước trong chính thể Xã hội. Các ông chỉ đưa ra vài đường lối căn bản. Nhà nước trong chủ nghĩa xã hội sẽ chỉ huy các hoạt động kinh tế và tài

chính, đập tan các lực lượng phản động. Nhưng các công việc đó sẽ không được ủy thác vào tay một giai cấp mới, nhưng vào tay các công dân được bầu cử và lúc nào cũng có thể bị kiểm xoát và thay thế.

Tất nhiên, Bernstein rất đồng ý với quan điểm này và ông cho rằng chỉ có trong một xã hội hoàn toàn dân chủ , mọi người bình quyền thì sự kiểm xoát mới được công bình và vô tư.

Trái lại Marx và Engels nói đến sự tàn lụi của Nhà Nước (le dépérissement de l'Etat) và khi thì các ông chủ trương vô sản phải chuyên chính, nghĩa là phải có một chính quyền mạnh, tập trung, bao quát và nghiêm ngặt, khi thì các ông lại lên án Nhà nước là áp chế, bóc lột. Bernstein cho thái độ như thế là mâu thuẫn. Cho nên ông nhất thiết chủ trì quan niệm xã hội dân chủ nghị viện, với một Nhà nước do dân bầu, dân kiểm xoát. Chế độ dân chủ đó sẽ đi đôi với chế độ xã hội chủ nghĩa, khi đa số vô sản đã trưởng thành và nắm quyền trong Nghị viện cũng như trong Nhà Nước.

Dẫu sao, các Công chức thay mặt Nhà nước phải là những nhà chuyên môn, vô tư ,vô vị lợi , phục vụ nhân dân, không phân biệt giai cấp, giàu nghèo.

Theo ý Bernstein, Nhà nước là quyền bính của toàn dân khi nó do dân chủ bầu phiếu và kiểm xoát.Nó là trung tâm có tổ chức, là bộ óc và chân tay của xã hội, nó thể hiện ý chí và lương tri của cộng đồng dân tộc . Nó không phân biệt Nhà nước Tư bản hay vô sản. Nó là Nhà nước của toàn dân.

Tính cách khoa học của tư tưởng mac-xít. Nếu các quan niệm căn bản của tư tưởng Marx, như *giai cấp đấu tranh, vô sản chuyên chính, sự xụp đổ của chế độ tư bản và Nhà nước, v.v.* đã bị Bernstein lung lạc, thì liệu rằng phương pháp suy luận của Marx còn có tính cách khoa học nữa không ? Đó là một vấn đề quan trọng mà Bernstein đã đề cập tới. Ông cho rằng, khi phê bình tư tưởng của Marx, ông không hề có ý định đả phá chủ nghĩa Mac Xít để thay thế bằng một lý thuyết xã hội khác. Ông chỉ có ý phê bình xây dựng để điều chỉnh và chính xác những điểm mơ hồ, nước đôi của lập luận Mac-xít: " *Những người xét lại (les révisionnistes) công nhận nền tảng khoa học của lý thuyết xã hội học của Marx. Trên phương diện lý thuyết, nói đúng ra là một sự duyệt lại chủ nghĩa Mac-xít hơn là một sự chống Mac-xit.'*(185)

Vấn đề về tính cách khoa học của chủ nghĩa xã hội là vấn đề căn bản mà Bernstein duyệt lại. Vấn đề đó gồm hai bình diện liên lạc chặt chẽ: 1. Marx và Engels có thực xây dựng được một chủ nghĩa xã hội am hợp với các tiêu chuẩn khoa học ? 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học có thể trở thành một lý thuyết áp dụng trong bất kỳ hoàn cảnh nào ?

Theo ý Bernstein, chủ nghĩa xã hội chỉ có thể được coi là khoa học khi nó đáp lại tối thiểu các điều kiện phương pháp và danh hiệu trong lãnh vực khoa học đã được công nhận từ lâu. Phương pháp của các khoa học tự nhiên là là sự thực nghiệm do sự nhận xét và thí nghiệm , dựa trên những sự kiện có thể tái diễn nhiều lần, mà không xê dịch.

Nhờ các kinh nghiệm tích lũy, người ta có thể đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau để cắt nghiã một hiện tượng . Nhưng trong kiến thức khoa học, chỉ có một chỗ duy nhất để cắt nghiã một vấn đê. Bởi thế, các lý thuyết, các tri hệ thức, cũng như các giả thuyết không thể nào được coi như một kiến thức khoa học. Lý thuyết Mac-Xít là một tri-hệ thức, một lý thuyết có liên hệ đến nhiều yếu tố chủ quan, nên không thể nào hoàn toàn có tính cách khoa học.

Theo ý Bernstein, "*chủ nghĩa xã hội chỉ có tính chất khoa học khi các giả thuyết của nó được các người không theo chủ nghĩa xã hội và tự do ngoài mọi thành kiến đối lập với các quyền lợi của nó, có thể công nhận.*" Và Bernstein kể ra vài điểm trong lý thuyết của Marx có thể được coi như thuộc về phương pháp khoa học, chẳng hạn, *lý thuyết về giá trị, quan niệm duy vật lịch sử và lý thuyết mac-xít về sản xuất.* Ngoài ra, có bốn điểm khiến cho các giả thuyết khác của chủ nghĩa Mac-xit không thể nào được coi là có tính cách khoa học:

Thứ nhất, *lý thuyết Mac-Xít không thể nào chứng minh một cách khách quan rằng , theo quyết định lịch sử, chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải là kết qủa của sự xụp đổ chế độ tư bản.* Ông giải thích điều đó như sau: *"Mọi kinh nghiệm lịch sử và nhiều dấu hiệu hiện nay chứng tỏ rằng phương thức sản xuất tư bản chỉ là nhất thời, cũng như mọi phương thức sản xuất qúa khứ. Nhưng ở đây, ta cần phải biết sự cáo chung này có mang hình thức suy xụp hay không, và*

nếu sự suy xụp đó đã tới gần thì liệu nó có nhất thiết đưa đến chủ nghĩa xã hội ? " Bao lâu mà các người theo chủ nghĩa xã hội không chứng minh một cách chắc chắn rằng chủ nghĩa xã hội phải là kết qủa của sự xụp đổ chế độ tư bản, thì nó chỉ là một niềm thâm tín, một khát khao và một hy vọng. Nhưng không thể là một kết luận khoa học.

Điểm khó khăn thứ hai là *vai trò hiển nhiên và quan trọng của ý chí* trong lý thuyết và phong trào xã hội chủ nghĩa. Theo ý Bernstein, các lý tưởng xã hội luôn luôn nại tới các nhu cầu, các khát vọng , tới ý nguyện và sự từ chối của con người. Vậy mà ý nguyện và thuyết định mệnh là hai mâu thuẫn: "*Theo thiển ý của tôi, thì sự hiện hữu của ý chí con người ngăn cản không cho phép ta dự phòng một cách khoa học con đường phát triển của lịch sử, từ một vài giả thuyết chung... Trong mọi dự kiến lịch sử, bao giờ cũng có một yếu tố giả định , bởi vì ý chí nhân loại đem vào mọi khuôn khổ dự tính, một yếu tố bất ngờ.*" Bởi thế, giòng lịch sử không phải chỉ được quyết định do các yếu tố khách quan. Các ý chí cá nhân cũng can thiệp vào. Và Bernstein chứng dẫn : "*Nguyên hiện tượng giá trị thặng dư (plus-value) không đủ chứng minh sự cần thiết phải biến đổi xã hội theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Nhưng chính vì quần chúng từ chối giá trị thặng dư đó , bởi họ coi như một sự bóc lột, cho nên trật tự xã hội hiện tại mới bị coi là một tình trạng không thể chịu đựng được.*" Chủ nghĩa xã hội không phải là hình thức duy nhất để thay thế tình trạng hiện tại.

Điểm thứ ba, theo ý Bernstein, vấn đề ý chí trong chủ nghĩa xã hội và lịch sử phải được đặt ra bằng cách đối chiếu hai khái niệm "*chủ quan và khách quan*". Bao lâu mà chủ nghĩa xã hội chỉ dựa trên các yếu tố khách quan, thì nó được coi là có tính cách khoa học. Nhưng trong thực tế, nhiều yếu tố chủ quan luôn luôn can thiệp vào. Tất nhiên, môi trường, hoàn cảnh xã hội và tự nhiên là *nền móng khách quan của ý chí chủ quan,* nhưng nền móng khách quan đó không chỉ bao gồm các yếu tố vật chất: *các quan niệm về luân lý, pháp luật, tôn giáo và các lý thuyết koa học còn đóng một vai trò quan trọng hơn.* Bởi thế, Bernstein chủ trương rằng *chủ nghĩa xã hội phải thận trọng điều hoà một cách cân đối giữa các lực lượng khách quan mà nó lưu ý và các hoạt động của ý chí chủ quan mà nó cần dùng.*

Điểm thứ tư, bởi vì chủ nghĩa xã hội thiết yếu là một *chương trình chính trị, một học thuyết của một giai cấp, cho nên nó chứa đựng nhiều yếu tố không phù hợp với nguyên tắc khoa học.* Nhiều lần, Bernstein đã nhấn mạnh rằng các chương trình chính trị, các học thuyết và tuyên bố nguyện vọng không thể nào chứng minh một cách khoa học được: *"Khi chủ nghĩa xã hội muốn xây dựng một nền tảng thuần túy khoa học, thì nó phải từ bỏ tham vọng là một học thuyết của một giai cấp, từ bỏ tham vọng là phát biểu nguyện vọng của nguyên giai cấp lao động."*

Đối với Bernstein, chủ nghĩa xã hội không cần thiết phải có tính cách khoa học thuần túy. Các

yếu tố khách quan giúp cho con người lựa chọn các phương pháp thích hợp để thực hiện mục đích và nguyện vọng của nó. Chủ nghĩa xã hội có nguyện vọng là cải cách và hoàn thiện xã hội,nhưng trên trường hoạt động, nhiều yếu tố khách quan bắt buộc nó phải thích nghi với hoàn cảnh. Kiến thức khoa học và ý chí của người chiến sĩ xã hội bổ túc lẫn nhau ,nhưng đôi khi ý chí cải cách bắt buộc người chiến sĩ phải vượt qúa các hiện tượng khách quan. Lúc đó, hoạt động xã hội không còn hoàn toàn có tính cách khoa học. Nó thuộc về phạm vi chủ quan của ý chí. Bởi thế, Bernstein đề nghị dùng danh từ *"chủ nghĩa xã hội phê bình"* để thay thế cho danh tự *"chủ nghĩa xã hội khoa học"*.

Một vấn đề khác mà Bernstein muốn xét lại trong lý thuyết của Marx, đó là vấn đề *luân lý của chủ nghĩa xã hội.*

Marx đi từ suy luận triết học để đi vào hành động thực tiễn (*praxis*) . Triết lý của ông xây dựng trên hai ý tưởng cố định : ý tưởng thứ nhất cho rằng con người thiết yếu là một *con vật kinh tế.* Mọi hành động của nó có một dụng ý duy nhất là *mưu sinh.* Ý tưởng thiết yếu thứ hai của Marx cho rằng con người qua dòng lịch sử đã bị *tha hóa, biến chất do các tư tưởng tôn giáo và các thể chế chính trị* khiến cho lịch sử xã hội trở thành lịch sử của *những giai cấp đấu tranh.*

Lịch sử trong giai đoạn ông sống là cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư bản kỹ nghệ và giai cấp vô

sản thợ thuyền. Theo phân tích của ông, hướng đi của dòng lịch sử đó *tất nhiên* đưa đến sự *xụp đổ của giai cấp tư bản và thời đại của giai cấp vô sản.*

Hành động cách mạng của Marx có mục đích là hướng dẫn ,thôi thúc và tổ chức giai cấp vô sản đi hợp với trào lưu lịch sử, để xây dựng một xã hội mới, xã hội không giai cấp, không đấu tranh. Ý hệ thức Mac-xít cũng ôm ấp một tiêu chuẩn *luân lý*, như các ý hệ thức tôn giáo khác: đó là sự *"giải phóng con người" (le salut).* Học thuyết của Marx là một học thuyết tôn giáo không thần thánh, như Berdiaeff đã nói.

Marx cho rằng các tôn chỉ từ bi bác ái của mọi tôn giáo chỉ biến con người thành những con chiên hiền lành, với những tình cảm bạc nhược, làm mồi cho bọn tư bản tham tiền bạc bóc lột và áp bức. Marx muốn đào tạo con người trở thành một con vật đanh thép, không thương xót, không đội trời chung với các kẻ thù của giai cấp vô sản, phù hợp với ý hướng khoa học lịch sử.

Bernstein cũng phân tích thời đại của ông và nhận thấy rằng *lý thuyết khẳng định về kinh tế* và *giai cấp đấu tranh* của Marx không có tính cách khoa học và không phù hợp với trào lưu lịch sử: giai cấp tư bản không xụp đổ, mà lại trở nên một ngày một vững mạnh. Giai cấp vô sản không phải là thành phần đa số và không bao giờ nắm được chính quyền, ngay cả trong một chế độ chủ nghĩa xã hội. Vậy những người theo chủ nghĩa xã hội phải đặt ra một câu hỏi mới: Ước vọng của con người mới là gì ? Chủ nghĩa xã hội phải xây dựng trên nền tảng luân lý nào ?

Theo ý Bernstein, con người tự nhiên có khuynh hướng coi mọi sự theo tiêu chuẩn *THIỆN , ÁC.* Học thuyết xã hội không thể thoát ly quy luật đó, nếu muốn thành công. Bernstein cho rằng khi phân tích hiện tượng kinh tế về *gía trị thặng dư,* Marx và Engels đã đưa vào lý thuyết của các ông tiêu chuẩn luân lý về sự *công bình.* Và "*cái thúc đẩy lôi cuốn con người theo chủ nghĩa xã hội chính là khát vọng một trật tự xã hội công bình và hoà hảo. Và nếu nhìn nhận kỹ, thì thấy chín phần mười trường hợp, thì ý tưởng về công bình trổi vượt.*" Nhưng muốn thực hiện lý tưởng công bình , chế độ xã hội phải xây dựng trên hai quan niệm nền tảng: đó là các quan niệm về "*quyền lợi và nghĩa vụ*". Trong một quốc gia theo xã hội chủ nghĩa, mọi công dân đêu phải đương nhiên làm tròn nhiệm vụ đối với cộng đồng. Nhưng không có một xã hội nào có thể trừ diệt hết mọi kẻ lợi dụng, ăn bám và trốn tránh trách nhiệm. trật tự xã hội tất yếu phải dựa trên luật pháp cưỡng bách và vô tư. Sự công bình cũng gắn liền với sự bình đẳng. Nhưng con người không sinh ra bình đẳng về tinh thần cũng như năng lực thể chất. Xã hội bắt buộc phải nại đến nhưng quan niệm về *nhân nhượng, thỏa hiệp và tương trợ (solidarité)* . Đó cũng là những quan niệm mà các tôn giáo chủ trương và rao truyền. Vậy tại sao phải tiêu hủy và bách hại tôn giáo ?

Chủ nghĩa xét lại của Bernstein rốt cuộc từ chối mọi ý tưởng cực đoan của Marx và nhất là mọi hành động tàn nhẫn của chế độ cộng sản. Ý tưởng của ông là nền tảng của chủ nghĩa xã hội đương thời tại

Đức và cũng là nội dung của các phong trào xã hội chủ nghĩa hiện đại tại Âu Châu.

Nội dung đó, Carlo Schmid , ủy viên trong Ủy ban lãnh đạo của đảng Xã hội dân chủ Đức đã tóm lược trong bài diễn văn kỷ niệm một trăm năm thành lập Đảng (1863-1963), như sau :

"*Đảng không muốn theo lý thuyết của Marx nữa: nó trở về học thuyết của Lassalle. Đảng chủ trương rằng lịch sử là công trình của con người có ý chí, chứ không phải là kết qủa tự động của biện chứng duy vật. Sự phân tách các thực tại chính trị, xã hội và kinh tế là sự cần thiết đầu tiên, nhưng sự phân tích,tự nó, không phấn khích ý chí và không chỉ đạo hành động. Chỉ có* luân lý mới thúc đẩy con người, *và luân lý là kết qủa của một quan niệm do con người đặt định theo sứ mệnh của nó trên trần gian. Jean Jaurès đã trở nên ông thày chỉ đạo của chúng ta.*"

" *Triết học và tôn giáo là những lãnh vực tự trị và Giáo Hội có một vai trò tích cực trong xã hội. Nhà Nước không được cản trở sự tự do hành động của Giáo Hội, khi nó tôn trọng các luật pháp chính yếu. Dân chủ là gía trị ưu tiên của chính trị . Nhưng Đảng muốn thực hiện dân chủ thực sự chứ không chỉ nguyên ở hình thức. Người lao động không phải chỉ được nâng lên hàng công dân ở nguyên trật tự chính trị. Họ phải trở nên công dân trong trật tự xã hội và kinh tế. Do đó mà có sự đòi hỏi trong việc đồng-quản trị trong các xí nghiệp kỹ nghệ.*

"Tài sản tư nhân không phải là một điều xấu xa. Nó là một thứ của cải cần thiết trong một xã hội tự do. Cần phải tạo ra nhiều tài sản cá nhân càng nhiều càng hay. Con người phải có thể nói 'không đồng *ý" mà không bị hy sinh đời sống trong xã hội, ở bất kỳ trường hợp nào. Nhưng phải ngăn cản các liên hiệp và vây cánh xí nghiệp (trusts et cartels) biến thành dụng cụ thống trị trong tay một thiểu số mà Nhà Nước không kiểm xoát nổi. Để thực hiện việc đó, sự quốc hữu hóa một vài xí nghiệp là cần thiết, nhưng nó không được triệt để và là phương tiện độc nhất.*

"Lợi tức quốc gia phải được phân chia một cách công bình : chế độ quan thuế và các luật gọi là xã hội đều là những phương tiện thích hợp trong tình hình hiện tại.

" Đảng Xã hội Dân chủ Đức muốn là một đảng bình dân, dân tộc của Âu Châu. Nó không còn là Đảng của một giai cấp nhất định. Nó mở tay chào đón mọi người với các mục đích chính thu hẹp trong khẩu hiệu này: xây dựng - bằng mọi phương pháp dân chủ - trước hết, trong khuôn khổ quốc gia, một thế giới trong đó *các thực tại kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa cho phép con người sống trong hòa bình và được giải phóng khỏi mọi tha hóa , khiến nó hoà hợp với ý tưởng về con người , với các điều kiện sinh sống thực tại.* Chúng tôi không muốn xã hội hóa con người, mà chỉ muốn nhân đạo hóa xã hội."

Chương Hai
Lý thuyết cách mạng vô sản mác-xít của Lê-nin

Tên của Lê-Nin đã được gắn liền với tên của Marx để chỉ định một lý thuyết cách mạng vô sản đã được các Đảng Cộng sản Đệ Tam Quốc tế công nhận là lý thuyết Mac-xít chính thống và độc nhất,vì nhiều lýdo:trước hết, Lê-nin đã hiểu rõ hơn ai hết những tư tưởng thiết yếu của Marx và Engels, để gạt bỏ ra ngoài mọi ý kiến tùy phụ mà hai ông này đã phát biểu qua những giai đoạn khác nhau của thời cuộc, trong khi các môn đệ khác của Marx và Engels như Kautsky và Plekhanov lại thường dùng những ý tưởng tùy phụ đó để biện hộ những đường lối mà Lênin cho là su thời (opportuniste) có thể dẫn đưa cách mạng vô sản xa rời mục đích chính yếu. Thứ hai, Lê-nin đã bổ túc vào triết lý mác xít bằng những chiến thuật và chiến lược có tính cách thực tiễn để lãnh đạo cách mạng đến cuộc thành công tại Nga. Sau cùng, Lê-nin đã biết tổng hợp các tư tưởng triết học của Marx và Engels và những kinh nghiệm cách mạng của bản thân để xây dựng một lý thuyết cách mạng vô sản vững chắc và hiệu nghiệm làm nền tảng cho liên hiệp cách mạng trong Đệ tam Quốc tế, lý thuyết mà Lê-nin gọi là lý thuyết xã hội khoa học *(socialisme scientifique).*

Thực vậy, Marx và Engels trước hết là những nhà triết học. Mục đích của các ông đầu tiên là tìm hiểu sự vật. Nhưng sự phân tích thiên nhiên và xã hội loài người đã đưa các ông đến một nhận xét là thiên nhiên và xã hội loài người đều là những hiện tượng luôn luôn biến đổi và tiến triển không ngừng . Vậy thì địa vị của nhà triết học không phải chỉ là chạy theo thiên nhiên để quan sát và phân tích nó, nhưng cũng là tham gia vào công cuộc phát triển và cải tạo nó. Vì thế, ban đầu các ông đã tích cực tham gia vào công việc tổ chức và hoạt động cách mạng trong Đệ Nhất Quốc Tế . Sau này, vì thất bại hay vì thiếu thời gian, các ông đã bỏ cuộc và chỉ giữ địa vị cố vấn và cổ võ.

Trong một bức thư gửi cho Freiligrath ngày 29 tháng Hai năm 1880, Marx viết :"*Trước hết tôi phải nhấn mạnh rằng từ khi mà do đề nghị của tôi , Liên Minh (đệ nhất quốc tế) đã bị giải tán vào tháng Chín 1852, tôi không còn bao giờ tham gia vào một tổ chức công khai hay bí mật nào. Hiện nay cũng thế. Bởi vậy, đảng,hiểu theo một ý nghĩa thiết yếu có tính cách phù du, thì không có nghĩa lý gì đối với tôi cả."*

Còn về phần Engels, thì việc đứng ngoài các đảng phái là có ý bảo vệ sự tự do tư tưởng của mình. Trong bức thư gửi cho Bebel ngày 18 tháng Ba 1875, ông viết:"*Chúng tôi hầu như không bao giờ can thiệp vào những công việc nội bộ của Đảng , và nếu tình cờ chúng tôi có làm ,là độc nhất chỉ có ý sửa chữa những sai lạc ,và nói cho đúng,bao giờ cũng thuộc về phương diện lý thuyết."* Trong bức thư khác ngày mồng một tháng Năm 1891, ông lại viết: "*Không một đảng phái trong một đất nước nào có thể cấm đoán tôi, nếu tôi quyết định lên tiếng...Các ông, Đảng*

của các ông, cần đến sự hiểu biết chủ nghĩa xã hội,và khoa học về chủ nghĩa xã hội không thể tồn tại nếu không được tự do hành động."

Các ông ủng hộ, cố vấn và cổ võ cách mạng, bởi vì nó là hiện tượng tự nhiên của lịch sử, phù hợp với lý thuyết duy vật biện chứng mà các ông chủ trương: cách mạng vô sản tất yếu là con đẻ của chế độ tư bản kỹ nghệ hiện đại. Nhiệm vụ của nhà triết học là thúc đẩy nó thực hiện cách mạng một cách phù hợp với đà tiến triển của Lịch sử.

Như trên đã nói *(trang 229)*, toàn bộ *"Tư bản Luận"* không có mục đích tìm hiểu các định luật kinh tế để phát triển và bành trướng tài nguyên phục vụ nền phát đạt và thịnh vượng chung của xã hội nhân loại mà chỉ có chủ ý chứng minh rằng *phương thức sản xuất tư bản nhất thiết phải đưa đến các mâu thuẫn giữa các giai cấp và sự xụp đổ* tất nhiên của chế độ tư bản .

Lê-nin là một con người *hành động và tổ chức*. Cái bận tâm thiết yếu của ông là câu hỏi : "*Phải làm gì ?*" Làm gì để sửa soạn, thúc đẩy và lãnh đạo cách mạng chóng tới thành công ? Ông đồng ý với Marx và Engels mà cho rằng sự thành công của Cách mạng dựa trên một lýthuyết triết học vững chắc. Phần trên, chúng ta đã có dịp nói đến sự phẫn nộ kịch liệt của Marx đối với Weitling khi ông này tuyên bố đả kích *"những nhà lý thuyết xuông"*.

Lê-nin rất khâm phục những tư tưởng căn bản của Marx và Engels . Ý tưởng thứ nhất cho rằng "*sự phát triển hình thành của mọi phương thức sản xuất kinh tế là một qúa trình tự nhiên của lịch sử xã hội loài người, trong đó các tương quan sản xuất được coi như những yếu tố quyết*

định của mọi tương quan khác, như tương quan chính trị, xã hội và tôn giáo,v.v." Ý tưởng thứ hai là *" chỉ có giai cấp vô sản lao động mới là giai cấp tiền phong, độc nhất để đưa cách mạng đến sự thành công và xây dựng một xã hội không giai cấp , xã hội cộng sản."*

Hai ý tưởng đó là nền tảng chỉ đạo cho cuộc cách mạng vô sản. Kẻ nào từ chối hay nhân nhượng sẽ bị tố cáo là *phản tặc (rénégat) ,su thời (opportuniste),xét lại (revisionniste)*và trở thành kẻ thù của giai cấp vô sản nên cần phải bị thủ tiêu hay giam hãm.

Ban đầu,Lê-nin thấm nhuần tư tưởng của Marx qua các bậc đàn anh như Kautsky và Plakhanov, nhưng sau này ông tự đọc lại các tác phẩm chính của Marx và Engels rồi tổng hợp thành một hệ thống tư tưởng cách mạng đặc biệt .

Đây là những đề tài chính mà Lê-nin thường nhấn mạnh và lập đi lập lại trong nhiều tập sách và diễn văn để đối đáp với các đối thủ của ông và trở nên các *giáo điều* làm nền tảng chỉ thị cho các Đảng Cộng sản của Đệ tam Quốc tế mà ông thành lập vào năm 1919 :

1. *Vai trò thiết yếu của giai cấp vô sản.*

Theo ý Lê-nin, "*việc thuyên chuyển chính quyền từ tay giai cấp này sang giai cấp khác là tính chất tiên khởi, chính yếu và nền tảng của mọi cuộc cách mạng, dù theo nghĩa khoa học hay chính trị và thực tế' (186)' "Vấn đề chính quyền chắc chắn là vấn đề quan trọng nhất trong mọi cuộc cách mạng. Giai cấp nào đang nắm chính quyền ? Đó là nền tảng của vấn đề. Nó quyết định mọi giai đoạn tiến triển của cuộc cách mạng cũng như quyết định mọi chính sách đối nội và đối ngoại... Theo kinh nghiệm, nhân dân biết chắc chắn rằng việc đại diện nhân dân (trong chế độ*

lập hiến) không có nghĩa lý gì, nếu nó không được ủy nhiệm toàn quyền, nếu nó chỉ được chính phủ cũ triệu tập.. Các luật pháp và sự đại diện không có nghĩa lý gì, nếu nó không nắm đủ quyền hành." (187).

Theo nguyên tắc đó, giai cấp vô sản, hay các phần tử mệnh danh đại diện giai cấp vô sản không thể thỏa hiệp với đảng phái nào khác nếu họ không chịu nghe theo chỉ thị và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản mác-xít. Các đảng Vô sản mác-xit chỉ có thể hoà hoãn tạm bợ đối với các đảng phái trí thức và tiểu tư sản để lãnh đạo cách mạng cướp chính quyền. Nhưng một khi thành công,nó phải dùng *chính sách chuyên chế vô sản* để tiêu thủ các đồng minh cũ không chịu hoàn toàn khuất phục tôn chỉ ,mục đích và phương pháp của Đảng Cộng sản: "*Phải biết phân biệt thỏa hiệp với thỏa hiệp. Phải biết phân tách hoàn cảnh và các điều kiện cụ thể của mỗi dịp thỏa hiệp khác nhau. Phải biết phân biệt giữa con người đã cúng tiền bạc và khí giới cho bọn cướp để giảm bớt thiệt hại mà chúng có thể gây nên và dùng cơ hội để dễ bề tóm cổ và thủ tiêu chúng sau này, với con người cung cấp tiền bạc cho bọn cướp để chia sẻ của cải với chúng.*'(188)

Ta phải chú ý đến ý đồ lừa bịp của Lê-nin trong việc thỏa hiệp với lớp trí thức và giai cấp cách mạng tiểu tư sản để cướp chính quyền rồi sau này sẽ *"tóm cổ và thủ tiêu"* họ, như ông đã thực hành đối với các nhóm *Dân chủ đệ nhị Quốc tế, nhóm dân chủ lập hiến Menchévik và nhóm dân chủ Cách mạng.*Staline và Mao Trạch Đông cùng các nhà lãnh đạo Cộng sản,từ 80 năm nay đã từng đã noi

gương Lê-Nin để tiêu diệt các đồng chí mà các ông vu cho là phản động, tiểu tư sản, xét lại, v.v...

2. *Chính sách chuyên chế vô sản.*

Marx và Engels có đôi lần nói đến giai đoạn chuyển dịch từ chế độ tư bản sang chế độ Cộng sản mà các ông gọi là *giai đoạn chuyên chế vô sản.* Nhưng Lê-nin và các đồ đệ của ông trong Đệ tam Quốc tế đã biến nó thành một chính sách độc đoán của một nhóm người lãnh đạo để thủ tiêu mọi đối thủ không chịu hoàn toàn tòng phục các ý kiến và chỉ thị của các ông. Các nhà sử học đều công nhận rằng cả Marx, Lê-nin, Staline và Mao Trạch Đông đều bẩm sinh có một khuynh hướng kiêu kỳ độc đoán .Ở phần nhất, chúng tôi đã trích dẫn Bakounine (trang 150) phán đoán về sự tự kiêu tự đại của Marx. Nhiều sử gia đã từng nói đến sự cố chấp (intolérance) của Lê-nin và " *sự độc ác của ông đối với những ai không suy nghi như ông"* (189) Tính tình độc tài độc đoán của Staline thì không còn phải chứng minh gì nữa . Về phần Mao Trạch Đông thì sự căm giận của ông đối với Bành Đức Hoài và Lưu Thiếu Kỳ đã đưa tới phong trào Cách mạng Văn Hóa mà tai họa không thể nào lường được. Chính sách chuyên chế vô sản đã là duyên cớ cho các ông thực hiện khuynh hướng độc tài, độc đoán, ác nghiệt và tàn bạo bẩm sinh của các ông.

Lê-nin đã nhiều lần định nghĩa và chỉ thị về chính sách vô sản chuyên chế mà ông coi là phương pháp thiết yếu của *cách mạng vô sản thường xuyên (révolution prolétarienne permanente): "Để thực hiện cách mạng xã hội, vô sản phải nắm chính quyền để làm chủ tình thế và giúp họ quét sạch các cản trở trên con đường thực hiện*

các mục tiêu vĩ đại. Theo nghĩa đó, chuyên chế vô sản là điều kiện chính trị cần thiết của cách mạng xã hội. ' (190)

" Người ta thường nói và thường viết rằng trong lý thuyết Mac-xít, đấu tranh giai cấp là thiết yếu. Nhưng không phải như thế. Từ chỗ sai lầm này thường xuyên đưa đến những lệch lạc suy thời trong chủ nghĩa Mac-xít và sự xuyên tạc méo mó để hy vọng giai cấp tư sản chấp thuận (ám chỉ Bernstein và Kautsky). Học thuyết về giai cấp đấu tranh không phải do Marx khám phá ra mà là do giai cấp tư sản trước Marx. Và nói chung, được giai cấp tư sản chấp thuận. Kẻ nào chỉ công nhận giai cấp đấu tranh mà thôi thì không phải là người Mac-xít. Có thể rằng y chưa còn ra khỏi khuôn khổ của tư tưởng tư sản và chính trị tư sản . Giới hạn chủ nghĩa Mac-xit trong học thuyết giai cấp đấu tranh , là cắt cụt, xuyên tạc và giới định nó trong phạm vi mà giai cấp tư sản có thể chấp thuận. Chỉ có kẻ nào vươn rộng tầm hiểu biết về giai cấp đấu tranh sang sự nhìn nhận chính sách chuyên chế vô sản *mới đích thực là người mác-xit"* (191)

"Nhín nhận chính sách vô sản chuyên chế có nghĩa là : cương quyết đoạn tuyệt, không thương hại và nhất là ý thức đối với bọn su thời , bọn cải cách, đoạn tuyệt với tính cách thỏa hiệp và trốn tránh của bọn Đệ nhị Quốc tế; đoạn tuyệt với bọn kỳ cựu (không vì tuổi mà vì phương pháp) của bọn lãnh đạo chỉ biết theo đuổi tập truyền cũ, bọn theo thuyết nghị viện, bọn quan lại (bureaucrate) , nghiệp đoàn và hợp tác xã. Chúng ta phải đoạn tuyệt với chúng . Than tiếc cho chúng là một tội ác và có nghĩa là phản bội để bảo vệ quyền lợi không đáng kể của vài trăm

ngàn người, mà bỏ rơi quyền lợi của hàng chục truệu lao động và nông dân." (192)

Như vậy là theo Lê-nin , sự hy sinh vài trăm ngàn người là không nghĩa lý gì, trước quyền lợi của vô sản lao động và nông dân. Lê-nin nhiều lần định nghĩa chính sách *vô sản chuyên chính* như sau:

"Chính sách chuyên chế là sự thống trị của một phần xã hội trên toàn thể xã hội đó, sự thống trị trực tiếp dựa trên bạo lực. Chính sách chuyên chế vô sản coi giai cấp cách mạng triệt để là cần thiết để lật đổ giai cấp tư sản và đẩy lui mọi ý đồ phản cách mạng. Vấn đề vô sản chuyên chế là vấn đề quan trọng đến nỗi kẻ nào từ chối nó hoặc chỉ nhìn nhận ngoài miệng, thì không phải là đảng viên của Đảng xã hội dân chủ.' (193)

"Chính sách chuyên chế là một chính quyền trực tiếp dựa trên sự bạo động và không bị ràng buộc bởi một luật pháp nào.Chuyên chế cách mạng vô sản là một quyền hạn đã chiếm đoạt được và được bảo vệ bằng bạo lực mà giai cấp vô sản thực hành đối với giai cấp tư sản, một quyền hạn không bị ràng buộc vào bất cứ một pháp luật nào khác.' (194)

" *Sự chuyên chế đó là sự thi hành một bạo lực* tàn nhẫn, mau lẹ và cương quyết *để đè bẹp sự kháng cự của bọn bóc lột tư bản, bọn điền chủ và những kẻ ủng hộ chúng. Kẻ nào không hiểu sự đó thì không phải là con người cách mạng. Phải loại trừ nó ra khỏi giới lãnh đạo và cố vấn vô sản.'* (195)

Với chính sách chuyên chế cực đoan, không lệ thuộc vào một luật pháp nào, " *trách nhiệm cá nhân của Lê-*

nin trong việc biến đổi lý thuyết mac-xit thành một chính sách độc tài là một điều hiển nhiên không chối cãi được. Chính Lê-nin đã đặt nền tảng cho lý thuyết và các thực hành của hệ thống mà Staline đã tiếp tục xây dựng với một lý luận, một quyết định mãnh liệt và triệt để.'(196)

" *Chính Lê-nin đích thân phát động cuộc sát hại các chiến sĩ xã hội dân chủ, các nhà lãnh đạo menchévik và các chiến hữu cách mạng xã hội. Trong cuốn sách nhỏ về* "Thuế bằng sản phẩm" *viết vào tháng Tư năm 1921, Lê-nin viết* : " Chỗ ở của bọn menchévik và bọn Cách Mạng xã hội là trong nhà tù." *Và ông đích thân kiểm xoát để lời nói đó được thực hiện trong hành động. Chính Lê-nin đã thừa tự lại cho phong trào cộng sản quốc tế cái thái độ căm thù ác độc và khinh bạc đối với ý tưởng về đa đảng lao động... Cũng chính Lê-nin đã truyền lại cho phong trào Cộng sản chính thống sự căm thù xâu xa đối với sự tự do báo chí và tranh luận.'*(197)

Tháng Tám năm 1921, Lê-nin viết : "*Sự tự do báo chí là sự tự do tổ chức chính trị của giai cấp tư sản và bọn tôi tớ trung thành của chúng như bọn menchévik và bọn Cách mạng dân chủ. Chúng ta không có ý định tự tử như thế.*"(198)

Tinh thần độc quyền và phản dân chủ đó còn phát lộ trong thái độ của Lê-nin đối với các nghiệp đoàn lao động. Trong cuộc Hội nghị thứ tư của Liên hiệp nghiệp đoàn Nga, vào tháng Năm năm 1921, Lê-nin đã đem hết uy tín của mình vào việc hủy bỏ nghị quyết của đa số hội viên, cho phép các nghiệp đoàn

được tự do bầu cấp lãnh đạo. Lê-nin đề nghị cấp trên đề cử người đại diện vì cho rằng cần phải có sự kiểm xoát chặt chẽ của ban lãnh đạo Đảng. Kết cục, nghiệp đoàn lao động biến thành một bọn quan lại, công chức Nhà Nước. Như vậy là trong các chế độ mệnh danh là chuyên chế vô sản, thì chính giai cấp này không được tư do tranh luận và tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị và kinh tế của họ.

Trước sự độc tài và độc đoán của Lê-nin, nhiều đồng chí đã phản đối công khai và trở thành đối lập. *Alexandra Kollontaï*, một đảng viên kỳ cựu và là một ủy viên Trung Ương của Đảng, người đã gửi thư sang Thụy sĩ mời Lê-nin về nước để chỉ huy cuộc Cách mạng tháng Mười và cũng là một trong mười Ủy viên đã hội họp bí mật vào đêm ngày 11 tháng đó tại Petrograd, bên cạnh Lênin, Trotski, Staline, Zinoviev, Kamenev và Dzerjinski,v.v...để quyết định cuộc khởi nghĩa, Alexandra, người nữ chiến sĩ đó đã thành lập nhóm "*Lao động đối lập*". Trong một tập sách nhỏ xuất bản vào tháng 10 năm 1921, trước kỳ Hội Nghị thứ Mười của Đảng, bà đòi hỏi, "*nhân danh sự phục hưng của Đảng và sự tiêu trừ chế độ quan liêu trong các thể chế Nga-Sô, phải áp dụng hoàn toàn mọi nguyên tắc dân chủ không những trong thời kỳ yên hàn hiện tại, mà cả trong những giai đoạn có biến động bên trong cũng như bên ngoài...phải được thông tin rộng rãi, tự do tranh luận và góp ý kiến, phải có quyền phê bình nội bộ và giữa các thành viên nghiệp*

đoàn... Đó là những bước tiến vững chắc để chấm dứt hệ thống quan liêu đang ngự trị..." (199)

Chẳng những các yêu sách của bà Alexandra Kollontaĩ không được chấp thuận, mà trong Hội Nghị, Lê-nin lại ra quyết định triệt để cấm mọi ý tưởng đối lập trong Đảng. Thế là sự độc tài được trọn vẹn từ trong đến ngoài. Chế độ mà Lê-nin gọi là Dân chủ tập trung (démocratie centralisée), nghĩa là sự ban lệnh từ trên xuống dưới được công khai ngự trị. Nó trở thành một quy luật thiết yếu của Đệ Tam Quốc tế, mà mọi đảng Cộng sản đều phải áp dụng cho đến ngày nay.

Cuộc *ám sát dân chủ* cuối cùng của Lê-nin là việc thành lập Ủy ban Công an Chính trị (la *Tchéka)* do Boukharine cầm đầu " *để duy trì sự khủng bố trong một giới hạn nào đó"* như chính lời tuyên bố của Lê-nin. Đó là nguyên thủy của Công an mật vụ N.K.V.D. và K.G.B., những tấm lưới khủng khiếp chụp lên đầu mọi người dân Sô-viết , thợ thuyền cũng như những người lãnh đạo. Đó là duyên cớ để vu khống, lên án và tù đầy và thủ tiêu hàng chục triệu con người kể từ thời Lê-nin qua Staline, Mao Trạch Đông và Pol-Pot, v.v...

Những nạn nhân đầu tiên của cuộc khủng bố Lê-nin không phải là bọn tư sản bóc lột, mà là những chiến sĩ cách mạng đã vào sinh ra tử vì tổ quốc, những bậc thày và đồng chí cũ của Lê-nin. Trước cuộc Hội Nghị lần thứ Mười một của Đảng năm 1922, Lê-nin đã tuyên bố một cách giận dữ : "*Các tòa án cách*

mạng của chúng ta phải bắn chết hết mọi kẻ nào công khai ủng hộ bọn Menchévik ". Vài tháng sau, ông chửi nhà văn Maxime Gorki là *"đê tiện, bỉ ổi" (ignoble et ordurière)* chỉ vì ông này đã viết thư lên án cuộc xét xử các chiến sĩ của *phong trào Cách mạng dân chủ* và cho đó là *" một vụ ám sát cố tình đối với những người đã thành thực phụng sự chính nghĩa của nhân dân Nga."* Ra chỉ thị cho Ủy viên Tư pháp, Lê-nin viết :*"Phải tăng cường sự đàn áp đối với các kẻ thù của chính quyền sô-viết và các tay sai của tư sản (nhất là đối với bọn menchévik và bọn Cách mạng xã hội), phải dùng các toà án cách mạng và toà án nhân dân để đàn áp theo những thủ tục mau lẹ và hữu hiệu cho chính nghĩa cách mạng."* (200)

Như vậy là các nền tảng lý thuyết và thực hành của chế độ công an, khủng bố và chuyên chế vô sản mà Staline , Mao Trạch Đông, Pol-Pot và các lãnh tụ chư hầu cộng sản đã áp dụng cho đến ngày nay, đều do Lê-Nin khởi xướng và cổ võ.

Hành động bạo tàn của họ vừa do tính nết bẩm sinh lại vừa được do lý thuyết căm thù của Đệ tam Quốc tế, mệnh danh là vì chính nghĩa cách mạng chỉ đạo .

Bởi thế, các cuộc thanh trừng khủng bố lại càng có tính cách tàn ác và gây ra nhiều chết chóc khổ đau trước những tên đao phủ vô nhân đạo.

Họ giết người với một lý luận vững chắc và một tâm trạng lạnh lùng như sắt đá, kể cả những cuộc vu khống và các vụ xử án đóng kịch sống sượng.

3.*Luân lý cộng sản.*

Nếu chính sách chuyên chế vô sản không bị ràng buộc và lệ thuộc vào một luật pháp nào , như Lê-nin đã tuyên bố, vậy thì nền tảng xã hội sẽ ra sao, các hành động cách mạng mac-xit-lê-nin-nít sẽ dựa vào tiêu chuẩn luân lý nào để lôi cuốn hoặc cưỡng ép nhân dân đi theo đường lối độc tài, độc đoán của họ ? Lê-Nin trả lời : "*tiêu chuẩn luân lý cộng sản*". Trong bài diễn văn đọc trước Hội Nghị lần thứ Ba của Liên hiệp Thanh Niên Cộng sản thành phố Mac-Tư -Khoa, ngày mồng hai tháng Mười năm 1920, Lê-nin tuyên bố:

" *Các bạn phải hoàn thành công việc giáo dục cộng sản. Nhiệm vụ của Liên hiệp thanh niên là tổ chức hoạt động thực tiễn, bằng cách là vừa học hỏi, tổ chức , đoàn kết và đấu tranh, lớp thanh niên đó phải thực hiện cuộc giáo dục cộng sản . Ngày nay, mọi công trình giáo dục, đào tạo, huấn luyện đều phải phát triển nền* **luân lý Cộng sản.** *Nhưng có chăng một nền luân lý cộng sản ? có chăng một đạo đức (éthique) cộng sản ? Tất nhiên là có . Người ta thường cho rằng chúng ta không có đạo lý và bọn tư sản thường hay tố cáo chúng ta, những người cộng sản, là đã vứt bỏ mọi thứ luân lý. Đó là một cách thế làm xáo lộn tư tưởng và ném bụi vào mắt thợ thuyền và nông dân.*"

" *Chúng ta vứt bỏ luân lý theo nghĩa nào ? Theo nghĩa rằng tư sản đã đặt nền tảng luân lý trên các huấn lệnh của Thiên Chúa. Tất nhiên, trên điểm đó, chúng ta bảo rằng chúng ta không tin ở Thiên Chúa, và chúng ta biết rằng bọn giáo sĩ, điền chủ và*

tư sản chỉ nại tên Thiên Chúa để bảo vệ quyền lợi bóc lột của chúng. Hoặc là, thay vì lấy khởi điểm luân lý từ các huấn lệnh của đạo đức, của Thiên Chúa, thì bao giờ chúng cũng bắt đầu bằng những lời lẽ duy tâm hay duy tâm nửa chừng, để rồi đi đến một cái gì hơi giống huấn lệnh của Thiên Chúa."

" Tất cả cái luân lý đó có khởi điểm từ những khái niệm ở ngoài nhân loại, ở ngoài giai cấp. Chúng ta từ chối nó. Chúng ta nói rằng tất những cái đó chỉ là dối trá, bịp bợm để nhồi sọ thợ thuyền và nông dân , với mục đích duy nhất là quyền lợi của bọn điền chủ và tư bản."

"Chúng ta tuyên bố rằng nền luân lý của chúng ta hoàn toàn lệ thuộc vào quyền lợi của cuộc đấu tranh giai cấp vô sản. Đạo đức của chúng ta đi từ quyền lợi đấu tranh của giai cấp vô sản."

" Đối với chúng ta , đạo đức nhận định bên ngoài phạm vi xã hội nhân loại là không thể có. Luân lý phải lệ rthuộc vào quyền lợi của cuộc đấu tranh giai cấp vô sản. "

" Chúng ta công bố : Là đạo đức những cái gì cống hiến vào sự tiêu hủy xã hội bóc lột cũ và vào công cuộc liên hiệp giới lao động chung quanh giai cấp vô sản để xây dựng một xã hội cộng sản mới."

" Luân lý cộng sản là nền đạo đức phụng sự cuộc đấu tranh đó, để liên kết thợ thuyền chống lại mọi bóc lột, mọi tiểu tư sản, bởi vì tiểu tư sản đặt vào tay một cá nhân kết qủa lao động của toàn thể xã hội. Chúng ta coi ruộng đất là công sản."

"Khi người ta nói với chúng ta về luân lý, thì chúng ta trả lời : đối với con người cộng sản thì luân lý dựa trên một kỷ luật phù hợp với sự tương trợ và cuộc đấu tranh có ý thức của quảng đại quần chúng, chống lại bọn bóc lột. Chúng ta không tin ở một nền luân lý vĩnh cửu và chúng ta tố cáo tính cách dối trá của mọi huyền thoại về luân lý. Luân lý phải phụng sự nhân loại để vươn cao, để xóa bỏ mọi bóc lột lao động." (201)

4.*Dân chủ vô sản và dân chủ tư sản.*

Dựa trên tiêu chuẩn luân lý về giai cấp đấu tranh đó, Lê-nin phân biệt *dân chủ vô sản* và *dân chủ tư sản.* Trong chế độ cộng sản , giả định là không giai cấp và không tư sản, mọi phần tử nào còn lưu luyến hoặc thỏa hiệp với chế độ tư sản đều không những bị tước đoạt mọi quyền lợi xã hội, chính trị, tư tưởng và tài sản , mà lại còn bị thủ tiêu đàn áp. Bởi thế, nền dân chủ và các quyền lợi liên hệ, như tự do tôn giáo, tự do hội họp, tự do ngôn luận, tự do bầu cử, v.v. đều không áp dụng cho họ.

Marx đã khẳng định rằng luân lý, luật pháp và các thể chế chính trị đều là sản phẩm của các phương thức sản xuất kinh tế. Chúng phát triển và biến đổi theo các tương quan xã hội của từng thời đại và lệ thuộc vào xã hội quan của giai cấp thống trị. Giai cấp tiểu tư sản và đại tư bản một thời đã cống hiến vào công cuộc phát triển kinh tế và xã hội,

nhưng theo đà tiến triển của lịch sử, chúng phải được thay thế bằng giai cấp và tri hệ thức cùng các thể chế chính trị vô sản. Trong giai đoạn cách mạng, giai cấp vô sản có thể dựa vào tổ chức và trí tuệ của giai cấp tiểu tư sản để tiêu diệt giai cấp qúy tộc và đại tư bản, nhưng một khi đã thành công, thì mục đích của vô sản lại là thủ tiêu giai cấp tiểu tư sản :

"*Nền tảng xã hội không dựa trên luật pháp. Trái lại, luật pháp phải dựa trên xã hội. Nó phải là phát biểu của các quyền lợi và nhu cầu công cộng, phát sinh từ một phương thức sản xuất vật chất hiện hữu, trái ngược với sự độc đoán của cá nhân... Các ông không thể dùng các luật pháp cũ làm nền tảng cho cuộc tiến triển của xã hội mới, cũng như các luật pháp cũ không còn có thể tạo ra các tương quan cũ của xã hội nữa...Các luật pháp cũ phát sinh từ các tương quan xã hội cũ và cùng phải tiêu diệt như chúng. Các luật pháp luôn luôn biến đổi theo các điều kiện của cuộc sống.*" (202)

"*Thái độ của đảng lao động cách mạng đối với chính sách dân chủ tiểu tư sản là như thế này: Nó đi đôi với giai cấp tiểu tư sản để đánh đổ một thành phần giai cấp khác... Nhưng giai cấp dân chủ tiểu tư sản không hề có ý lật đổ hoàn toàn xã hội để bênh vực quyền lợi giai cấp cách mạng vô sản. Chúng chỉ có ý cải cách trật tự xã hội hiện tại để khiến nó được dễ thở và phồn thịnh hơn ... Bởi vậy trong khi chiến đấu và sau cuộc chiến đấu, các thợ thuyền lúc nào cũng phải nêu lên những yêu sách riêng biệt, ,*

bên cạnh các yêu sách chung của nhóm dân chủ tư sản... Một khi cuộc chiến thắng đã thành tựu, sự nghi ngờ của giai cấp vô sản không còn hướng về phe đảng phản động vừa thất bại, nhưng lại hướng về các đồng minh cũ của họ, hướng về cái đảng phái muốn một mình khai thác cuộc chiến thắng chung.'(203)

Lê-nin đã triệt để thực hành tôn chỉ của Marx. Đối với ông, mục đích tối hậu là thiết lập một chế độ không giai cấp, chế độ cộng đồng tài sản, do độc một giai cấp vô sản chuyên chế lãnh đạo. Để trả lời sự phê bình và chỉ trích của các phe dân chủ cách mạng khác, ông đã viết hàng chục bản văn và bài diễn thuyết để biện hộ đường lối của mình và lúc nào cũng tuyên bố rằng "*chế độ dân chủ vô sản một ngàn, một vạn lần có tính chất dân chủ hơn chế độ dân chủ tư sản.*" Trong bài diễn văn đọc trước cuộc Hội nghị lần thứ Tám của Đảng Cộng Sản Nga, vào tháng Ba năm 1919, Lê-nin đã tóm lược 10 điểm khác nhau giữa hai chế độ như sau :

"1. *Trong trường hợp khả quan nhất, nền cộng hoà dân chủ tư sản nhìn nhận sự tự do tổ chức của các đoàn thể quần chúng bị bóc lột. Nhưng trong thực tế, nó dựng lên vô vàn trở ngại ngăn cản các tổ chức đó, trở ngại gắn liền với chế độ tư hữu về các phương tiện sản xuất. Lần đầu tiên trong lịch sử, không những chính quyền Xô - viết đã giúp quần chúng bị bóc lột được tổ chức mà còn dùng nó như nền tảng thường trực của bộ máy Nhà nước, từ dưới lên trên, ở bình diện địa phương cũng như bình diện trung ương.*

"2. *Tổ chức Nhà Nước Xô-viết ưu tiên dùng một phần quần chúng lao động tập trung nhất, đoàn kết nhất, sáng suốt nhất và đã từng được luyện lọc trong đấu tranh qua suốt thời tư bản phát triển, trước thời đại chủ nghĩa xã hội, nghĩa là thành phần lao động thành thị...Mục đích là liên kết chặt chẽ các thành phần lao động tiền phong với đám quảng đại quần chúng nông dân vô sản lạc hậu và ly tán , để lôi họ ra thoát khỏi ảnh hưởng của bọn phú nông (koulak) và tư sản nông thôn, để tổ chức và giáo hóa họ trên con đường xây dựng chủ nghĩa cộng sản.*

'3. *Nền dân chủ tư sản, tuy công bố trịnh trọng rằng mọi công dân đều bình đẳng, nhưng lại che đậy giả trá sự thống trị của bọn tư bản bóc lột...Tổ chức xô viết Nhà Nước xóa bỏ mọi dối trá , che đậy đó và thực hiện dân chủ thực sự...*

'4. *Hình thái Nhà Nước xô viết hoạt động trực tiếp với quảng đại quần chúng lao động trong công cuộc xây dựng nền hành chính Nhà nước, dưới hình rthức tốt đẹp hơn hình thức dân chủ tư sản...*

'5. *Dưới chính quyền Xô viết, môi trường tuyển cử không lệ thuộc vào địa dư, nhưng vào kinh tế và kỹ nghệ (xí nghiệp, xưởng máy)...*

'6. *Tổ chức Xô viết đã xây dựng một quân đội gần gũi với giai cấp lao động và nông dân bị bóc lột....*

'7. *Tính cách dân chủ của tổ chức xô viết xâu rộng hơn mọi Nhà nước tư sản...*

'8. *Nhờ tổ chức Nhà Nước Xô viết mà giai cấp vô sản đập tan được cội rễ của chế độ tư sản...*

'9. *Việc thực hiện nhiệm vụ chính yếu lịch sử của chính quyền Xô viết là xóa bỏ hoàn toàn chế độ Nhà nước, một khi mà mọi nhân viên của Hội đồng Xô viết đều hoàn thành một công tác nhất định trong nền hành chính Nhà nước....*

"10. T*rên quan điểm chung, sự khác biệt giữa chế độ dân chủ tư sản nghị viện và nền dân chủ xô viết vô sản , là thế này: dân chủ tư sản đặt trọng tâm vào việc tuyên bố trịnh trọng và rỗng tuếch về mọi thứ tự do, quyền lợi, nhưng lại ngăn cản đa số nhân dân lao động và nông nghiệp được hưởng thụ thực sự. Còn dân chủ vô sản xô viết không lấy việc công bố các tự do và quyền lợi của mọi công dân làm quan trọng, nhưng lại bảo đảm thực sự cho đám quảng đại quần chúng từng bị bọn tư bản bóc lột và đè nén , được tham gia vào việc quản trị Nhà nước...."* (204)

Hàng trăm lời tuyên bố của Lê-nin về dân chủ vô sản như trên đều hoa lá tốt đẹp. Nhưng trong thực tế, thì dưới chế độ cộng sản của Lê-nin và các quy luật mà ông đã thừa tự cho Đệ Tam Quốc tế, thì không một công dân cộng sản nào có quyền tự do ứng cử hay bầu cử. Mọi chức vụ trong chính quyền, từ trên xuống dưới, đều do Ban Trung Ương Đảng Cộng sản chỉ định, do báo cáo của Công an mật vụ dò xét, rồi rút cục mọi chỉ thị của Ban Trung Ương cũng chỉ là quyết định của tên Ủy viên Tổng thư ký Đảng, như Lê-Nin, Staline, Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Khroutchev, Gorbatchev , Trường Chinh, v.v... Chúng ta sẽ còn có dịp nói đến việc này ở đoạn sau.

Dưới thời Lê-Nin, những ai có tư tưởng khác với ý kiến của ông đều bị chửi bới thậm tệ, và vu khống cho là su-thời, xét lại, cực hữu, cực tả, phản tặc , liếm đây, tay sai tư bản, v.v...Nếu họ không bị thủ tiêu, thì cũng bị tù đầy hành hạ.

Song song với việc so sánh dân chủ tư sản và vô sản, Lê-nin thường nhắc đi nhắc lại trăm lần về sự tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do nghiệp đoàn, v.v...Đại khái , ông nói :

"Sự tự do hội họp *có thể coi là kiểu mẫu về các yêu sách của "chế độ dân chủ thuần túy" . Mọi người lao động đều hiểu rằng hứa hẹn tự do hội họp cho bọn bóc lột là phi lý, nhất là trong giai đoạn và trong tình trạng mà chúng đang kháng cự để bảo vệ quyền lợi của chúng....*

" *Sự* tự do báo chí *cũng là một huấn lệnh của "chế độ dân chủ thuần túy". Mọi người lao động đều biết rằng sự tự do đó chỉ là một thứ lừa bịp, bao lâu mà tuư bản còn giữ độc quyền xuất bản báo chí... Chỉ có trong chế độ cộng sản, mới có sự tự do bình đẳng thực sự, vì không ai bóc lột được ai..."* (205)

" Chế độ Cộng hoà tư sản dù dân chủ nhất, bao giờ cũng chỉ là một guồng máy dùng tư bản để áp bức dân lao động, một dụng cụ của chính quyền tư bản, một chính sách chuyên chế tư sản... Sự tự do trong cộng hoà dân chủ tư sản chỉ là thứ tự do cho bọn giầu có...Quần chúng lao động không bao giờ được thực sự hưởng thụ dân chủ trong chế độ tư sản...

"Lần đầu tiên trên thế giới, chế độ dân chủ Xô viết vô sản đã xây dựng nền dân chủ *cho quần*

chúng,cho thợ thuyền và nông dân.

" Dân chủ vô sản đàn áp sự "tự do" của bọn bóc lột và đồng lõa của chúng. Dân chủ vô sản tước đoạt quyền tự do bóc lột, tự do làm giầu, trên sự đói khát của người khác, tự do tranh đấu để phục hồi tư bản, tự do liên hiệp với tư sản ngoại bang, chống lại thợ thuyền và nông dân của đất nước....'(206)

Những lời tuyên bố tốt đẹp khoe khoang trên đây chỉ là một cách biện hộ chính sách áp chế, độc tài độc đoán của Lê-nin và các lãnh tụ Đệ Tam Quốc tế.

5. Đảng Cộng Sản Mác-Xít-Lê-nin-nit.

Để cướp chính quyền và thực hiện chế độ vô sản chuyên chế, độc tài, Lê-nin cho rằng cần phải có một lý thuyết cách mạng vững chắc và một Đảng bộ gồm những người làm cách mạng chuyên nghiệp . Đối với Lê-nin, con người cách mạng trước hết là một chiến sĩ, một đảng viên của giai cấp : *"Mọi hành động trong đời sống tư nhân hay công cộng phải lệ thuộc vào quyền lợi của Đảng".*

Trong cuốn sách nhan đề "*Phải làm gì ?*" xuất bản vào năm 1902, Lê nin đã trình bầy " *Chương trình tổ chức chiến đấu cho toàn dân Nga*" , với một lý luận vững chắc, khiến cho kiểu mẫu tổ chức Đảng của ông thật là hiệu nghiệm và đã được các đảng cách mạng khác trên thế giới noi theo. Ý tưởng nòng cốt của ông là "*chính sách tập trung dân chủ"(centralisme démocratique),* đối lập với quan niệm mà ông gọi là *nghệ thuật thô sơ (dilettantisme artisanal).*

Tập trung, bởi vì mọi chỉ thị đều do Trung ương quyết định và truyền đạt. *Dân chủ*, bởi vì nó phù hợp với mục đích và khát vọng của toàn Đảng.

Theo ý ông, cuộc cách mạng chính trị,cuộc chiến đấu chống lại công an của bọn quý tộc phải được hướng dẫn bởi những nhà cách mạng chuyên nghiệp, những tay kỹ thuật của chiến lược đánh úp (subversion):"*Một bộ máy bí mật hiệu nghiệm cần phải có một cuộc chuẩn bị chuyên môn thiện nghệ của những nhà cách mạng, và một sự phân chia nhiệm vụ hợp lý. Bởi vậy, một tổ chức địa phương lẻ loi không thể nào thỏa mãn được hai điều kiện đó. Không kể đến các quyền lợi chung của phong trào cách mạng (giáo dục xã hội và chính trị cho dân lao động).*"

"*Chúng ta là Đảng của giai cấp. Vì thế, toàn giai cấp phải hành động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải xếp chặt hàng ngũ chung quanh Đảng. ..Đảng là một đơn vị có tổ chức của giai cấp lao động. Nó chỉ có thể đóng vai trò tiền phong của giai cấp vô sản với điều kiện là thiết chặt hàng ngũ trong một sự đoàn kết ý chí, đoàn kết hành động và một kỷ luật đanh thép độc nhất vô nhị. Đảng là tổng hợp các tổ chức...Bởi thế nó chỉ có thể thâu nhận những phần tử có một tinh thần tổ chức tối thiểu.*"

"*Là một nhóm nhỏ nhoi đoàn kết, chúng tôi nắm chặt tay nhau, cùng bước theo con đường gập ghềnh, khó khăn. Khắp nơi, chúng tôi đều bị kẻ thù vây hãm và chúng tôi hầu như lúc nào cũng phải bước*

đi dưới làn súng đạn của chúng. Chúng tôi cùng nhau đoàn kết trong một quyết định đã từng tự do lựa chọn , để chống lại kẻ thù , và không bị rơi vào đồng lầy bên cạnh..."

"Tôi qủa quyết rằng : 1. Không thể có phong trào cách mạng vững trãi, nếu không có một tổ chức lãnh đạo bền bỉ và giữ trọng trách tiếp tục công việc; 2.. Đám quần chúng tham gia công cuộc chiến đấu và làm nền móng hoạt động cho phong trào càng đông, thì một tổ chức như thế lại càng cần thiết , nếu không, bọn mị dân sẽ dễ dàng lôi cuốn đám quần chúng mê muội; 3. Một tổ chức như thế, cần phải gồm những con người có một hoạt động cách mạng chuyên nghiệp; 4. trong một xã hội chuyên chế, các đoàn viên của tổ chức càng hạn định cho một ít nhà cách mạng chuyên nghiệp đã thành thạo trong việc đụng độ với bọn công an chính trị, thì tổ chức càng khó bị bại lộ..." (207)

Trong cuộc Hội nghị lần thứ Hai của Đảng Lao Động Xã hội dân chủ Nga họp tại Bruxelles vào tháng Tám 1903, Quy chế do Lê-nin soạn thảo đã được chấp thuận với một đa số tương đối 33 trên 51. Nhóm Lê-nin trở thành Đảng Cộng sản Mac-xit Bolchévik , còn nhóm thiểu số Menchévik ly khai và sau cuộc cách mạng tháng Mười 1917, bị Lê-nin bách hại, thủ tiêu và tù đầy cùng với các nhóm cách mạng khác.

Qui chế của Đảng Mac-xit-lê-nin-nít được chính thức công nhận trong Đại Hội Nghị Quốc Tế Cộng sản vào tháng Ba năm 1919, tại Mạc-Tư-Khoa. Nó là nguồn gốc của chế độ Cộng sản Xô -viết và các chế

độ Cộng sản nắm chính quyền sau cuộc Đệ nhị chiến tranh. Nó là duyên cớ cho các cuộc thanh trừng chém giết hàng chục triệu con người ,trong các chế độ mệnh danh là dân chủ để giải phóng con người, nhưng thực sự lại giam cầm nó trong những thứ trại binh, trại lao động , trại tập trung, như một đoàn cừu:

Nào có ích chi ,
Sự tự do của đoàn súc vật ?
Số phận của chúng, qua ngày đoạn tháng :
Là : một ách, một chuông , một roi vọt.

Pouchkine

Một lũ bạch tuộc
Ngàn vạn cánh tay
Bóp chết một CON NGƯỜI.

Văn Cao

Nhân Van Giai Phẩm 56

Dưới chế độ của chúng tôi cũng vậy, các đảng phái khác có thể được thành lập. Nhưng đây là nguyên tắc căn bản khác với các ông tại Tây phương : chỉ có một tình trạng tưởng tượng được: Một đảng cai trị, mọi đảng khác ở tù.

Boukharine

Dưới chính thể chuyên chế vô sản, một, hai, ba bốn đảng có thể có,nhưng với điều kiện: một đảng cầm quyền, các đảng khác vào tù. Kẻ nào không hiểu được điều đó thì không có chút khái niệm nào về bản chất của chế độ chuyên chế, của đảng Bolchévik .

Tomski

CHƯƠNG BA
Bình luận về chế độ mác-xít của Lê-Nin.

Chiến lược và chiến thuật của Lê-nin đã đemlại cuộc Cách Mạng chiến thắng tháng Mười tại Nga-Sô . Nhưng lý thuyết và chế độ Cộng sản mà ông khởi tạo cũng đưa đến một chế độ tàn bạo khủng khiếp nhất cho nhân loại. Đương thời, đã có nhiều chiến sĩ cách mạng thành tâm nhiệt huyết đã phê bình lý thuyết của ông . Trong số đó, có những bậc thầy như Bernstein, Kautski, Plekhanov v.v..Ở đây tôi chỉ trích dẫn vài văn kiện điển hình, đã vạch rõ những khuyết điểm lớn lao của chính sách vô sản chuyên chế của ông.

1.*Bình luận của Rosa Luxembourg.*

' Cuốn sách của đồng chí Lê-nin, một trong các vị lãnh đạo và chiến hữu thời danh của cơ quan Iskra: cuốn "Một bước tiến,hai bước lùi "*là một bản văn trình bầy cặn kẽ những quan điểm của khuynh hướng* tập trung cực đoan *của đảng cách mạng Nga. Quan điểm này được phát biểu với một lý luận chặt chẽ và những hậu qủa không lường.Một đảng tuyển lựa và cấu tạo một cơ quan gồm những nhà cách mạng hoạt động và lỗi lạc đối lập với một quảng đại quần chúng vô tổ chức, dù là có tinh thần cách mạng, bao quanh. Đàng khác, nhân danh một kỷ luật nghiêm ngặt , trung ương Lãnh đạo Đảng can thiệp trực tiếp và cương quyết vào mọi công việc của các tổ chức địa*

"phương của Đảng. Chẳng hạn theo Lê-nin, chỉ cần chỉ định rằng Ủy ban Trung Ương Đảng có quyền tổ chức mọi ủy ban địa phương của Đảng, là nó có quyền chỉ định các nhân viên thừa hành của mọi tổ chức địa phương, từ Genève đến Liège, từ Tomsk đến Irkoutsk, và chỉ thị cho mỗi tổ chức một quy chế dọn sẵn hoặc quyết định sự giải tán hay tái lập nó... rốt cuộc, Ủy ban Trung Ương có thể tự ý chỉ định thành phần của cơ quan tối cao của Đảng trong các Hội nghị. Như vậy, Ủy ban Trung Ương là hạt nhân hoạt động duy nhất của Đảng, còn mọi nhóm người khác chỉ là những cơ quan thừa hành..."

"Chính sách tập trung cực đoan do Lê-nin bênh vực hình như không phải thấm nhuần bằng một tinh thần tích cực và sáng tạo, nhưng bằng một tinh thần lờ đờ của người canh đêm. Mọi bận tâm của ông là kiểm xoát *hoạt động của Đảng hơn là làm nẩy nở cho nó; thu hẹp cử động hơn là phát triển; ngăn chặn hơn là liên kết nó."*

" Trong lúc này, định trói buộc sáng kiến của Đảng và vây bọc nó trong một màn thép gai, là khiến nó bất lực không thể hoàn thành nhiệm vụ cao cả của thời cuộc. .."

" Nếu chúng ta đứng vào quan điểm của Lê-nin, thì trên hết , chúng ta lo ngại đến mọi ảnh hưởng của giới trí thức trong phong trào vô sản... Không có gì có thể chắc chắn nô lệ hóa một phong trào lao động còn non trẻ, dưới uy quyền một giới ưu tú trí thức, khát quyền bính , hơn là cái áo giáp quan liêu

trong đó người ta ôm giữ để biến nó thành một người máy do một " ủy ban" điều khiển.

" Trong ý định sợ sệt muốn thiết lập một sự bảo trợ của Ủy ban Trung Ương toàn năng, toàn trí , để che chở phong trào lao động, đầy hứa hẹn, đầy nhựa sống, cho nó khỏi vấp ngã, người ta mường tượng phân biệt được cùng một triệu chứng của căn bệnh chủ quan *đã từng trêu trọc tư tưởng xã hội chủ nghĩa Nga... Bị chế độ chuyên quyền Nga hoàng đè bẹp và gần biến thành tro bụi, cái* bản ngã *bùng dậy báo thù, và trong tư tưởng cách mạng , tự trèo lên ngai rồi tự công bố* 'toàn quyền", *dưới hình thức một ủy ban âm mưu , và nhân danh một " DÂn Ý" vô hình..."*

"Lần đầu tiên trong lịch sử, phong trào lao động Nga đã đặt được nền tảng cho hình thành một ý chí nhân dân thực thụ. Thì bỗng dưng cái bản ngã cách mạng *lại vội vã quay cuồng trên đầu nó, và tự công bố là lãnh đạo toàn năng của Lịch sử, nhưng lần này trong hiện thân của Ngài Chúa công Ủy Ban Trung Ương của phong trào lao động xã hội Nga.*

" Sau hết chúng ta phải nói thẳng, không quanh co, rằng những lầm lẫn mà phong trào lao động đã vấp phải, thì trên phương diện lịch sử, còn vô cùng phì nhiêu và qúy báu hơn sự bất khả sai lầm tốt đẹp nhất của "Ủy ban Trung Ương."(208)

2. *Alexandra Kallontaĩ : Đối lập lao động.*

Là một ủy viên trong ban Trung ương lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng mười 1917, bà Kallontaĩ cũng là một đồng chí kỳ cựu của Lê-Nin.

Bệnh dịch quan liêu." *Chính sách quan liêu là một bệnh dịch nó thấu nhập đến tận xương tủy của Đảng ta và các thể chế Xô-viết. Không phải chỉ có Đối lập Lao Động mới nhấn mạnh đến điều đó. Nhiều đồng chí không thuộc nhóm này cũng đều công nhận. Những hạn chế sáng kiến không những chỉ dành riêng cho các thành phần không đảng phái, mà còn cho cả các đảng viên. Mọi ý kiến độc lập, mọi tư tưởng mới mẻ, một khi đã bị trung ương chỉ đạo kiểm xoát, đều bị coi là sai lạc, là xúc phạm đến kỷ luật của Đảng, là ý đồ muốn chen bước vào các độc quyền của của Trung ương, là cơ quan* "biết tiền đoán mọi sự, quyết định mọi sự". *Nếu một sự gì chưa được nghị quyết thì phải đợi đã. Rồi một khi trung ương tùy nghi quyết nghị, thì trong phạm vi nhỏ hẹp, sáng kiến mới được trình bầy..."*

" Cái tai hại của chính sách quan liêu, không phải chỉ do ở giấy tờ phiền phức, như một vài đồng chí đã tưởng... nhưng nhất là ở cách thế giải quyết vấn đề: không phải bằng một sự trao đổi ý kiến cởi mở, hoặc bằng các cố gắng của mọi thành phần liên hệ, mà bằng những quyết định hình thức của một hay vài người trong các cơ quan trung ương, rồi truyền đạt xuống dưới, trong khi những người liên quan trực tiếp

đến vấn đề thường bị gạt toét ra ngoài. Một người thứ ba định đoạt số phận của họ: đó là bản chất của chính sách quan liêu."(209)

Trong cuộc Hội nghị lần thứ Mười của Đảng vào tháng Ba năm 1921, Lê-nin đã ra quyết nghị cấm Đối Lập Lao Động hoạt động.

Nhưng Trotski lại đồng ý kiến với bà Alexandra Kallontaĩ. Trong một "*Bức thư gửi Ủy ban Trung Ương*" ngày 8 tháng Mười năm 1923, ông viết : " *Trong những lúc khó khăn nhất của Đảng cộng sản thời chiến tranh, chính sách chỉ định người lãnh đạo trong Đảng cũng không chiếm một phần mười chính sách ngày nay. Bây giờ, sự chỉ định các bí thư ủy ban tỉnh trở thành một luật lệ. Việc đó đem lại cho họ một địa vị độc lập đối với tổ chức địa phương... Cái phương pháp tuyển lựa bí thư đã phát triển chính sách quan liêu trong Đảng một cách phi thường. Người ta đã tạo ra một lớp chiến sĩ rộng lớn gia nhập bộ máy chỉ đạo của Đảng, nhưng lại hoàn toàn từ chối phát biểu ý kiến, dường như họ thừa nhận rằng cấp bậc trong ban bí thư là một bộ máy tạo ra ý kiến của Đảng và các quyết nghị của Đảng. Dưới tầng lớp đó, còn một quảng đại quần chúng của Đảng cho rằng mọi nghị quyết đều là những mệnh lệnh và chỉ thị...*"

"Từ ít lâu nay, báo chí của Đảng đã nêu lên một lô thí dụ đặc biệt về sự thoái hóa quan liêu của phong hóa và tương giao trong Đảng. Nếu có ai dám lên tiếng phê bình, liền bị tịch thu thẻ Đảng..." (Bài học mới, 1923)

3. *Cuộc nổi dậy của Kronstadt.*

Kronstadt là một hòn đảo trong vịnh Phần Lan, về phía đông thành phố Saint-pétersbourg. Đó cũng là căn cứ của Hải quân Nga. Năm 1905, thủy thủ và nhân dân đã vùng lên ủng hộ cách mạng. Năm 1917, họ lại nổi loạn để đáp lại lời kêu gọi của đảng Lao Động xã hội Nga, chống lại chiến tranh. Năm 1921 (tháng ba và tháng tư), trước chính sách độc tài của Lê-nin, họ lại nổi loạn chống chính phủ Xô-viết. Bản quyết nghị của nhân dân và thủy thủ Kronstadt vạch trần sự độc tài, độc đoán của Lê-nin và chế độ cộng sản xô viết :

"*Sau khi đã nghe lời thuyết trình của đoàn đại diện do hội nghị toàn thể các chiến thuyền cử đi về tình hình tại Petrograd, các thủy thủ quyết nghị :*

1. Bởi vì các hội đồng xô-viết hiện nay không phát biểu ý chí của lao động và nông dân, yêu cầu phải tổ chức lại cuộc bầu phiếu xô-viết bằng phiếu kín và sự cổ động bầu phiếu tự do;

2. Yêu cầu tự do ngôn luận và báo chí cho thợ thuyền, nông dân,và các đảng cách mạng phái tả;

3. Yêu cầu tự do hội họp và tự do tổ chức nghiệp đoàn, tổ chức nông dân;

4. Yêu cầu tổ chức, muộn nhất là đến ngày 10tháng Ba năm 1921, một hội nghị các thợ thuyền không đảng phái, các binh sĩ và thủy thủ tại Petrograd và Kronstadt;

5. Yêu cầu thả mọi tù binh chính trị của các đảng xã hội, và tất cả mọi thợ thuyền, nông dân, hồng binh

và thủy thủ của các phong trào thợ thuyền nông dân đang bị giam giữ;

6. Yêu cầu bầu một ủy ban để duyệt lại các hồ sơ của các tù nhân trong các trại giam và trại tập trung;

7. Hủy bỏ mọi công an chính trị, bởi vì không có đảng phái nào có độc quyền tuyên truyền ý tưởng và được Nhà nước đài thọ...

8. Yêu cầu hủy bỏ tức khắc mọi tiểu đội chặn xét;

9. Yêu cầu phân phát phần lương thực một cách bình đẳng cho các lao động, ngoại trừ các nghề nghiệp thiếu vệ sinh hoặc nguy hiểm;

10. Yêu cầu bãi bỏ các tiểu đội chiến đấu cộng sản trong các đơn vị quân đội và các trại canh cộng sản trong các xí nghiệp và nhà máy;

11. Yêu cầu tự do cho nông dân được hoàn toàn hoạt động trong ruộng đất của họ và có quyền tự chăn nuôi gia súc,mà không cần xử dụng nhân công;

12. Yêu cầu các đơn vị quân sự và các đồng chí liên minh vào quyết nghị này;

13. Yêu cầu báo chí loan hành rộng rãi mọi nghị quyết;

14. Yêu cầu thành lập một bàn giấy kiểm xoát lưu động;

15. Yêu cầu cho phép tự do sản xuất các sản phẩm cổ truyền, không dùng nhân công.

Quyết định của thủy thủ Kronstadt , tháng Ba 1921.

Phần kết luận chung

Mọi nguyên tắc của chúng ta đều tốt đẹp. Vậy mà các kết qủa đều xấu xa. Chúng ta đã bắt mạch căn bệnh và nguồn gốc của nó một cách chính xác như kính hiển vi. Vậy mà khi đưa lưỡi dao vào mổ xẻ, thì một ung nhọt khác lại xuất hiện. Ý chí của chúng ta trong sạch và bền bỉ. Đáng lẽ chúng ta phải được nhân dân yêu mến. Vậy mà nhân dân lại thù ghét chúng ta. Tại sao chúng ta lại xấu xa và đáng ghét đến thế? Chúng ta đã mang lại chân lý. Nhưng trong miệng chúng ta, chân lý có bộ mặt dối trá. Chúng ta đã mang lại tự do. Nhưng trong tay chúng ta, tự do trở thành đòn vọt. Chúng ta đã mang lại sự sống thực thụ. Vậy mà ở đâu chúng ta lên tiếng, thì cây cối khô trồi, lá cây tan tác. Chúng ta đã mang lại lời hứa hẹn của tương lai. Nhưng miệng lưỡi chúng ta bập bẹ, ấp úng ..."

Arthur Koestler

Đó đây, trong cuốn sách này, tác giả đã có dịp phát biểu một vài suy nghĩ về lý thuyết mác-xít-lê-nin-nit. Trong phần kết luận chung, chúng tôi muốn để lời cho các thức giả và lãnh tụ chính trị đã từng đóng góm phần nào vào công cuộc xây dựng chế độ cộng sản mác-xít, nhưng một ngày nào đó đã bừng tỉnh, bởi vì đã nhận ra rằng cái giấc mộng tươi đẹp mà họ bao năm ôm ấp chỉ là một ảo mộng, và hơn nữa, một ác mộng.

Tóm tắt các nhận xét của họ, bộ mặt thật của chế độ cộng sản mác-xít-lê-nin-nít có vài nét chính : *sự đàn áp bạo tàn, sự dối trá qủy quyệt và sự tham nhũng bất công.*

Tất cả những tệ hại đó bắt nguồn từ cái mà Soljénitsyne gọi là "*sự dối trá về tri-hệ-thức*" (le mensonge idéologique). Sự dối trá về tri hệ thức là khi người ta muốn gọt rũa uốn nắn một hệ thống tư tưởng một cách độc đoán , để trau dồi cho nó một bộ mặt có vẻ đúng sự thực, để quyến rũ người khác hay bắt buộc người khác phải tuân theo, nhưng trên thực tế, các tư tưởng đó không hoàn toàn , hay chỉ có một phần đúng sự thực.

Sự dối trá căn bản của tri hệ thức Mác xit là trong câu qủa quyết ở đầu bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ":"*Cho đến ngày nay, lịch sử của mọi xã hội là lịch sử của giai cấp đấu tranh*". Sự dối trá tri hệ thức thứ hai là lời khẳng định, cho rằng " *căn*

bản của các cuộc giai cấp đấu tranh là sự tranh giành các phương tiện sản xuất kinh tế, mà kết qủa là trong toàn thể qúa trình lịch sử nhân loại, bao giờ cũng có một giai cấp này đàn áp và bóc lột một giai cấp khác." Toàn thể các nghiên cứu của Marx và Engels có mục đích là chứng minh tri hệ thức đó để đi đến kết luận rằng muốn chấm dứt sự bóc lột và áp bức cần phải hủy diệt hoàn toàn mọi giai cấp và mọi thể chế xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị và tôn giáo , để xây dựng một xã hội mới, xã hội cộng sản không giai cấp. Hơn nữa, các ông lại khẳng định rằng chỉ có giai cấp vô sản mới thực hiện được mục tiêu đó, bằng cách mạng bạo lực để cướp chính quyền và dùng chính sách chuyên chế để tiêu diệt các giai cấp khác và mọi thành phần chống lại mưu đồ của họ.

Thực ra, sự tranh đấu giai cấp trong cuộc mưu sinh chỉ là một yếu tố trong lịch sử nhân loại. Các cuộc chiến tranh lâu dài, ác liệt và đẫm máu nhất lại là những cuộc chiến tranh giữa các chủng tộc, các tôn giáo và tri-hệ thức. Ngay trong lòng các chế độ cộng sản, sự đấu tranh giai cấp đã nhường chỗ cho sự cãi cọ và tranh giành về chủng tộc và tri- hệ thức. Trong bức thư gửi các nhà lãnh đạo Xô-viết, Soljénitsyne đã châm biếm nói rằng cuộc tranh chấp lý thuyết giữa Nga-Sô của Khrouchtchev và Trung Cộng của Mao Trạch Đông có thể đưa đến một cuộc chiến tranh, trong đó hàng trăm triệu sinh linh có thể bị tiêu diệt chỉ vì "*cái chân lý thiết yếu* (của lý

thuyết Mác-xít) *là ở trang 533 trong một bộ tác phẩm của Lê-Nin , chứ không phải ở trang 535, như lời qủa quyết của đối thủ ..."* (210)

Theo nhận định của các nhà thức giả mà chúng tôi trích dẫn ở đây thì nguồn gốc của mọi lầm lỗi trong các chế độ cộng sản là ở tri hệ thức *"vô sản chuyên chế và giai cấp đấu tranh* "do Marx và Engels cổ võ và Lê-nin cùng các môn đệ đã thực hành.

1.Léon Trotsky:chế độ quan liêu độc tài,ăn bám.

Chính Lê-nin và Trotsky đã nhận thấy nguồn gốc của *chính sách quan liêu* và hậu qủa tai hại của nó trong chế độ cộng sản. Nhưng các ông cho rằng sự tập trung quyền hành đã phát sinh ra chính sách đó là cần thiết cho nền vô sản chuyên chính. Các ông đã thiết lập nền "*Chính trị kinh tế mới*" (la NEP) mong làm giảm bớt thế lực của giai cấp quan liêu trong Đảng. Trên thực tế, Nền kinh tế mới lại phát triển xâu rộng hơn sự tham ô áp bức của giai cấp này. Năm 1936, khi đã bị hất cẳng ra ngoài chính quyền, Trotsky mới có dịp nhận định một cách khách quan hơn về chế độ cộng sản Đệ tam quốc tế mà chính ông và Lê-nin đã xây dựng. Trong cuốn "*Cuộc Cách mạng bị phản bội*",ông viết :

"***Dù người ta muốn phân tính thế nào đi nữa về bản chất của Nhà nước Sô-viết, thì một sự không thể chối cãi được là : sau hai mươi năm đầu, Nhà nước không dập tắt (dépéri), không bắt đầu dập tắt.Tai***

hại hơn nữa, nó trở thành một guồng máy đàn áp chưa từng có trong lịch sử. Chế độ quan liêu , thay vì tiêu tán, đã trở thành một mãnh lực bất khả kiềm chế để thống trị quần chúng. Quân đội , thay vì nhân dân võ trang, đã đào tạo ra một giai tầng (caste) sĩ quan được ưu đãi mà chót đỉnh của nó là các vị thống chế, còn nhân dân bị xử dụng như vũ khí của việc chuyên chế...

"Một lý thuyết mới ược áp dụng cho chế độ quan liêu, cho đảng bolchévik: Ủy ban trung ương là tất cả, đảng không là gì hết. Chính sách dân chủ tập trung được thay thế bằng chế độ quan liêu tập trung. Sự tòng phục là đức tính căn bản của chủ nghĩa Bolchévik... Song song với sự thoái hóa của Đảng, sự tham ô của bọn quan liêu không bị kiềm chế hoành hành phát triển...

"Việc cấm đảng phái đội lập đưa đến việc cấm phe đảng; sự cấm phe đảng đưa đến việc cấm suy nghĩ trái với ý định của người cấp trên không thể săi lầm. Sự liên kết dưới áp lực công an trong Đảng đưa đến hậu qủa là thái độ quan liêu không bị trừng trị và là nguyên nhân của mọi thứ vô luân, tham nhũng...

"Cuộc sống hằng ngày của con người lao động không phải dễ dàng...Tiền lương của những người thợ trong phong trào stakhanoviste (thi đua) gấp 30 lần tiền lương những người thợ khác... Thợ khuân vác lĩnh 1200 hoặc 1500 bảng Nga một năm : so với giá sinh hoạt là lương chết đói. Điều kiện nhà ở thì tồi tàn không thể chịu được....

" Đại đa số lao động chen chúc nhau trong những căn buồng còn thiếu trang bị và tồi tàn hơn cả các trại binh.Các thợ thuyền ngủ trên sàn ván đầy bọ, chấy... Hai gia đình sống trong một phòng mái giột. Khi trời mưa, nước chảy vào sô.Phòng vệ sinh thì bẩn thỉu khôn tả. Những tiểu tiết như vậy kể ra không hết và tràn lan khắp nước...

"Quyền bính vô hạn của bọn quan liêu là nguyên nhân của sự sai biệt về tài sản. Bọn quan liêu nắm hết cơ máy về lương bổng, ngân quỹ, giá cả và thuế vụ.

" Khó lòng mà biết rõ tổng số của giới quan liêu tại Xô viết...Hạng người không sản xuất, nhưng chỉ huy, cai trị, lãnh đạo, phân phát thưởng phạt có thể ước lương là năm sáu triệu...Thể theo các cấp bậc từ dưới lên trên, có từ 20 đến 90 phần trăm đảng viên cộng sản. .. Cựu đảng Bolchévik không còn là tiền phong của vô sản nữa, mà chỉ là một tổ chức chính trị của bọn quan liêu...Chúng tôi không qúa đáng khi ước lượng chừng 400.000 sinh linh chỉ huy Nga Sô-viết. Họ là những công chức cao cấp, các "ông xếp' tạo thành một giai tầng chỉ đạo, và có lẽ còn phân chia thành phe cánh hàng ngang thật quan trọng. Cái tầng lớp xã hội cao cấp đó được nâng đỡ bằng một khối hình tháp (pyramide) hành chính nặng nề, với nền tảng xâu rộng và bộ mặt muôn hình. Các ũy ban thừa hành của các Hội đồng miền, tỉnh và phường, gấp thêm các tổ chức song song của đảng, của các nghiệp đoàn, các tổ chức thanh niên cộng sản, tổ chức chuyển vận, quân đội và đạo quân công an mật vụ...

"Bọn qúy tộc (aristocratie) lao động và hợp tác xã cũng đông số bằng bọn quan liêu, nghĩa là chừng 5 hay 6 triệu người . Kể cả bà con thân thuộc, hai lớp xã hội đó gồm chừng 20 hay 25 triệu.

"Hàng triệu bọn quan liêu, lớn bé, lợi dụng quyền thế để bảo vệ đời sống phè phỡn của chúng... Từ đó,phát sinh trong tầng lớp xã hội này một lòng ích kỷ mênh mang, một sự cấu kết bền chặt. Chúng sợ sự bất mãn của quần chúng , nên càng cố chấp đàn áp tàn nhẫn mọi phê bình và sau hết luôn luôn tôn sùng, nịnh bợ các ông "xếp" để bảo vệ các ưu thế và quyền bính của các ông chủ mới này.. Sự thiếu kiểm xoát tất nhiên đưa đến mọi thứ lạm quyền và nhất là sự tiêu sài qúa đáng...Theo nguyên tắc, các chinh phục tài nguyên phải được phân phối cho nhân dân...Nhưng bọn quan liêu lại tự tiện xử dụng theo ý chúng và khi chúng muốn, dường như tài sản riêng tư của chúng. Ngoài các ưu đãi vật chất (nhà cửa, tôi tớ, thức ăn,lương bổng), mọi thứ bổng lộc tùy phụ nửa công khai, nửa bất hợp pháp, như biệt thự, nhà thương, nhà dưỡng bệnh, nhà dưỡng lão, câu lạc bộ và các chi phí khác dành riêng cho bọn quan liêu này, người ta bắt buộc phải kết luận rằng 15 hay 20 phần trăm nhân dân hưởng lợi tức bằng 80 hay 85 phần còn lại."

" Đảng thoái hóa chỉ còn giữ được quyền bính nhờ bọn su thời ăn bám...Đám thanh niên công chính và biết suy nghĩ thì ghê tởm trước sự tôi mọi cổ lỗ, sự luận lý ngụy biện để che đậy các ưu đãi và sự độc đoán, ghê tởm trước sự huyênh hoang của bọn quan liêu tầm thường chỉ biết ca ngợi lẫn nhau...'(211)

2. Bruno Rizzi: Giai cấp bóc lột mới.

Nếu Trotsky cho rằng chế độ quan liêu chỉ là một sự biến chất của chế độ dân chủ tập trung mà ông và Lê-nin đã thiết lập, thì Rizzi lại lý luận rằng chế độ quan liêu là con đẻ tự nhiên của chế độ chuyên chế độc tài.

"*Tại Nga Xô-viết, tài sản của giai cấp là một thực trạng. Nó chắc chắn không được ghi nhận tại một công chứng viên (notaire) hay một sổ địa bạ nào. Giai cấp bóc lột mới tại Liên Xô không cần đến những điều vô vị đó. Nó có mãnh lực của Nhà nước trong tay. Điều đó lý thú hơn mọi sự ký bạ trong chế độ tư sản...Không còn phải là giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư (plus-value của Marx), nhưng là giai cấp quan liêu . Theo thiển ý chúng tôi, tại Liên Sô, những kẻ nắm giữ tài sản là bọn quan liêu bởi vì chúng nắm giữ quyền lực trong tay.*

"*Trên thực tế, Nhà nước quan liêu , bằng cách này hay cách khác, phân phát giá trị thặng dư cho các công chức , một giai cấp được ưu đãi ngự trị trong Nhà nước...Trong xã hội Sô viết, bọn bóc lột không trực tiếp chiếm đoạt giá trị thặng dư như nhà tư bản bỏ túi lợi lộc của xí nghiệp , nhưng chúng chiếm đoạt một cách gián tiếp qua tay Nhà nước.* Nhà nước chiếm đoạt giá trị thặng dư của toàn quốc, rồi phân phát cho các công chức. *Một số đông bọn quan liêu, như các kỹ thuật viên, các giám đốc, các chuyên viên, các cán bộ lao động, các kẻ lợi dụng,v.v... được phép*

trực tiếp rút ra một phần hoa lợi của các xí nghiệp mà họ kiểm xoát. Hơn nữa, chúng còn được hưởng thêm những ưu quyền mà Nhà nước phải trả. Nói chung, bọn quan liêu lại còn chiếm đoạt trực tiếp giá trị thặng dư của các nhà sản xuất qua sự thăng giá quá đáng về các tón phí chung của các xí nghiệp quốc hữu hoá. Chúng ta thấy rằng sự bóc lột chuyển từ hình thức cá nhân sang hình thức tập thể... Đó là một khối giai cấp này bóc lột một khối giai cấp khác. Bọn quyền qúy mới chiếm đoạt giá trị thặng dư qua guồng máy Nhà nước, nó không phải chỉ là một bộ máy đàn áp chính trị, nhưng cũng là một bộ máy cai qủan kinh tế của dân tộc...Sức lao động không còn bị bọn tư bản mua chuộc , nhưng lại bị độc quyền trong tay một ông chủ độc nhất là Nhà Nước. Nhân dân thợ thuyền không còn cung cấp lao động cho giới chủ thầu như ý họ muốn. Luật cung cầu không tiến hành nưã: người lao động hoàn toàn lệ thuộc vào Nhà Nước." (212)

3. *Rudolf Hilferding : Kinh tế Nhà nước độc tài.*

Theo ý Rudolf Hilferding, chế độ quan liêu là con đẻ tất nhiên của chế độ độc tài chính trị và chính sách độc quyền kinh tế :

" *Khắp nơi, chế độ quan liêu bao gồm một khối người không đồng nhất. Thì là sao họ có thể thực hiện một sự thống trị đồng nhất được ? Sự thực , bọn quan liêu không nắm giữ một uy quyền độc lập. Theo thể chế và công vụ của nó, bọn quan liêu chỉ là một lợi*

khí trong tay một bọn chủ ông toàn quyền thực thụ. Chế độ quan liêu được tổ chức theo một nguyên tắc cấp bậc và lệ thuộc vào một uy quyền hành sự: nó không được phân phát quyền lực...

" Ông chủ không phải là bọn quan liêu, nhưng là kẻ ban lệnh cho bọn này. Chính Staline đã ban lệnh cho giới quan liêu.

" Lê-nin và Trots ky- với sự trợ giúp của một nhóm ưu tú, một đảng không bao giờ có quyền quyết định một cách độc lập mà chỉ là lợi khí trong tay các nhà lãnh đạo, như sau này trong trường hợp các đảng phát xí t và đảng quốc xã - đã chiếm chính quyền trong khi bộ máy Nhà nước cũ đang bị tàn rã. Họ đã biến đổi Nhà nước đó theo nhu cầu thống trị của họ. Họ đã tiêu hủy mọi thứ dân chủ và thiết lập chế độ độc tài của mình , và tuyên bố đó là chế độ 'chuyên chế vô sản ". *Như vậy là các ông đã thiệt lập một chế độ Nhà Nước độc tài đầu tiên , trước khi từ ngữ đó xuất hiện . Staline chỉ tiếp tục công cuộc đã có sẵn. Nhờ guồng máy Nhà Nước, ông đã thủ tiêu các đối thủ và bành trướng chế độ độc tài cá nhân cho đến vô tận. Đó là những hiện tượng cụ thể. Đừng che đậy, bịa tạc vô ích về một thứ "thống trị của bọn quan liêu. "Thực ra bọn này cũng bị lệ thuộc vào quyền hành Nhà nước như mọi con dân khác, dù rằng thể theo địa vị cá nhân , họ có thể mlượm lặt được một vài vụn bánh của ông chủ buông rơi. ..*

" Bản chất của mọi Nhà Nước độc tài là quy phục kinh tế quốc gia vào mục đích của nó. Những

người cổ động các hoạt động kinh tế cũng như chính nền kinh tế đều , phần nào, phải lệ thuộc trực tiếp vào Nhà nước ...

" Chính trị bị hướng dẫn bởi một nhóm thiểu số các nhà lãnh đạo. Bọn này ấn định đường lối chính trị theo quyền lợi, tư tưởng cuả mình để bảo vệ, phát triển và củng cố quyền thế riêng của chúng, và rồi ra luật lệ để áp dụng vào kinh tế...

" Bởi thế, chế độ Nga cũng như mọi chế độ độc tài không bao giờ bị quyết định bởi tính chất của chế độ kinh tế (như Marx đã nói) , trái lại kinh tế bị chính trị quyết định và chỉ huy theo mục đích của nó." (213)

4. *Janusz Kuczynski: sự dối trá cuả ý-thức-hệ.*

Theo ý Janusz Kuczynski, nhà triết học Ba-lan, nguồn gốc sự sa đọa của chủ nghĩa Mac-xit-Lê- nin- nít là sự gỉa trá của ý thức hệ Mác-xit, mà Lê-nin và Staline đã áp dụng.

"Dưới con mắt chúng ta, người ta đã thiết lập một chế độ chưa hề thấy. Tất nhiên, các phương tiện sản xuất cá nhân đã bị bãi bỏ, nhưng sự tha hóa kinh tế vẫn còn tồn tại. Con người sản xuất trở nên xa lạ, theo ý nghĩa cổ điển, đối với công việc của y, và như ngày xưa, kết qủa của sự cần lao này cũng thoát khỏi sự kiểm xoát của anh ta. Trong tình thế hiện tại, sự cách biệt giữa người sản xuất và sản vật , theo cơ cấu kinh tế, làm phát sinh ra một tầng lớp xã hội mới thay

thế các nhà tư bản đã bị truất phế, cái tầng lớp uy thế vô hạn của những nhà cai trị chính trị... Họ nắm giữ một sức mạnh kinh tế mà giai cấp tư bản chưa bao giờ có: sự cai quản toàn thể sản xuất kỹ nghệ và một phần sản xuất còn lại trên bình diện quốc gia. Những năm qiua đã đem lại nhiều thí dụ , chứng tỏ rằng lực lượng đó chống lại thợ thuyền. Sản phẩm dùng để đàn áp các người sản xuất. Đó là qúa trình của sự tha hóa. Trên nền tảng kinh tế này, những tương quan lệ thuộc mới được thiết lập. Không phải sự lệ thuộc vào các nhà tư bản, nhưng vào những kẻ lãnh đạo chính trị và công vụ. Như thế là họ chỉ huy con người , theo địa vị và quyền lực xã hội mà chế độ đã ban phát cho. Thợ thuyền và nhân công hoàn toàn bị lạc lõng trong các nẻo đường ngoắt nghéo của hệ thống lệ thuộc này. Những nền móng mới, nhất là về phương diện chính trị, ý hệ thức và các phương diện khác được phát triển từ các nền tảng kinh tế.

" Cái hệ thống lệ thuộc này phải bóp nghẹt tự do. Con người hoàn toàn bị tiêu hủy. Trong thực tế, có nghĩa là, bất cứ lúc nào, mỗi con người có thể bị mất mọi tự do. Bị hạn chế trong đời tự do, bị kìm hãm trong lệ thuộc chính trị và kinh tế , các người công dân bị ném vào một cuộc đàn áp có hệ thống và tế nhị. Đồng thời, con người mất hết mọi giá trị. Nhân phẩm của dân tộc bị trà đạp dưới chân, cho nên sự nghẹt thở của cá nhân cũng trở nên vô nghĩa. Những tội ác kinh khủng nhất được sai phạm. Đời sống và con người mất hết phẩm giá. Sự chết thê thảm và

cảm động của bao con người Ba lan đã nhẹ tin trở về tổ quốc cộng sản , để đắm mình trong nhơ bẩn ,tham ô. Tấn thảm kịch của Rubaschow (một nhân vật trong chuyện 'Darkness at noon " của Arthur Koestler) *so sánh ra, chỉ là một bản chép yếu ớt văn hoa đối với sự thật... Thế là con người bị tước đoạt mọi giá trị luân lý cao cả nhất. Một con người đã mất hết hy vọng thì còn tìm đâu ra các giá trị luân lý ?*

" Sự mê hoặc bằng ý-hệ-thức đã khiến hoàn cảnh không lối thoát của con người trở nên tuyệt vọng hơn. Những người đau khổ nhất là những người bị ru ngủ bằng những câu nói tốt đẹp. Bị tước đoạt hết mọi tự do, họ lại tin rằng mình đã chiếm được sự tự do qúy báu nhất chưa từng có , cái tự do nhìn nhận sự cần thiết và sự đúng đắn của hệ thống. Bị lợi dụng làm lợi khí để xây dựng một xã hội bất công, họ hướng mặt về những câu nói tốt đẹp, những lý tưởng cao sang, để tin tưởng rằng mình đang xây dựng một trật tự công chính xâu xa. Sự dối trá của ý-hệ-thức *đã giam hãm con người vào một mạng lưới của sự nô lệ phổ cập. Mọi sự phản kháng trở nên sự phản kháng,không phải đối với những tội ác thường trực, nhưng lại đối với những ý hệ mà mình cho là linh thiêng.Sự dối trá của ý-hệ-thức đã hoàn toàn che đậy sự tha hóa kinh tế, sự lệ thuộc và sự mất tự do.'*(214)

5.*Leszek Kolakowski: xã hội cộng sản lộn ngược.*

Là phát ngôn viên của thanh niên trí thức Ba-lan,

Leszek Kalokowski tuyên bố: *"Chúng tôi không thành cộng sản vì cho rằng chủ nghĩa cộng sản là một cần thiết lịch sử. Chúng tôi trở nên cộng sản bởi vì chúng tôi muốn đứng bên cạnh những người bị đàn áp để chống lại bọn đàn áp, bên cạnh những người nghèo khổ chống lại bọn vua quan, bên cạnh những người bị bách hại chống lại bọn bách hại.'*(215)

Nhưng ông đã nhận ra rằng xã hội cộng sản không có bộ mặt mà ông tin tưởng. Năm 1956, năm những người cộng sản Hung Gia Lợi vùng lên chống lại chế độ bạo tàn tại Budapest, ông đã viết một bài châm biếm được truyền tay khắp Đông âu.

" Chúng tôi sẽ nói với các anh về chủ nghĩa xã hội. Nhưng trước hết , chúng ta phải nói thế nào là không phải chủ nghĩa xã hội. Đó là một vấn đề mà ngày xưa chúng ta có một ý tưởng khác với ngày nay. Nghe đây, chủ nghĩa xã hội không phải là :

" Một xã hội trong đó con người không phạm tội ác, nhưng lại ngồi đợi công an tới bắt.

Một xã hội trong đó con người bị tố cáo là phạm tội ác, chỉ vì sinh ra là anh, là em gái, là con hay là vợ của một tội nhân.

Một xã hội trong đó, một người bị đau khổ chỉ vì nói ra điều mình suy nghĩ, và một người khác lại sung sướng, chỉ vì đã không nói ra điều mình suy tư.

Một xã hội nơi đó con người sung sướng hơn bởi vì không suy nghĩ gì hết..

Một Đất nước trong đó kẻ nào ca tụng các lãnh tụ thì được sống sung túc hơn...

"Một Đất nước trong đó con người có thể bị kết tội, không xét xử.

Một xã hội mà các lãnh tụ tự tuyên xưng địa vị.

Một xã hội trong đó mười người sống chung một căn phòng...

Một đất nước mà số công chức tăng lẹ hơn số người lao động.

Một đất nước mà trong đó các luật sư bao giờ cũng đồng ý với các quan viện lý.

Một đất nước trong đó phần đông nhân dân phải đi tìm Thượng Đế để yên ủi cho sự khổ cực.

Một Nhà nước thường phân phát phần thưởng cho các tác giả mạo danh, và tự coi mình hiểu về hội họa hơn cả các họa sĩ.

Một dân tộc đàn áp các dân tộc khác.

Một dân tộc bị dân tộc khác đàn áp.

Một Nhà nước muốn rằng mọi công dân đều phải có một ý kiến độc nhất về triết học, về ngoại giao, về kinh tế, văn nghệ và luân lý.

Một Nhà nước mà chính phủ độc quyền ấn định các nhân quyền của người công dân, còn người công dân không được ấn định quyền hạn của chính phủ.

Một Nhà nước trong đó người ta phải chịu trách nhiệm về tổ tiên mình.

Một Nhà nước trong đó một phần nhân dân này được lãnh lương bổng cao hơn 40 lần các phần nhân dân khác.

Một Nhà nước tin chắc chắn rằng mình theo

chủ nghĩa xã hội, chỉ vì đã tiêu hủy tư sản về mọi phương tiện sản xuất.

Một Nhà nước không phân biệt được một cuộc cách mạng xã hội và một cuộc xâm chiếm bằng võ lực.

Một Nhà nước không tin tưởng rằng người ta phải sống sung sướng trong chế độ xã hội, hơn là trong các chế độ khác.

Một xã hội buồn tẻ hơn là khác.

Một xã hội của giai tầng.

Một Nhà nước bao giờ cũng biết ý chí người dân trước khi hỏi han họ.

Một đất nước trong đó mọi triết gia và văn sĩ bao giờ cũng nói một điều mà các tướng tá và bộ trưởng đã nói trước và bao giờ cũng nói theo đuôi.

Một Nhà nước trong đó các kết qủa bầu cử nghị viện bao giờ cũng có thể đoán trước.

Một Nhàç nước có lao động cưỡng bách.

Một Nhà nước trong đó toàn thể một dân tộc có thể bị thuyên chuyển sang miền khác ngoài ý luốn của họ.

Một Đất nước trong đó các công dân không được phép đọc các đại tác phẩm văn chương hiện đại, không được coi các danh họa đương thời, và không được nghe các bản nhạc hiện hữu.

Một Nhà nước lúc nào cũng tự kiêu tự đại...

Một Nhà nước trong đó người có thể mỗi ngày gạt bỏ những điều mà hôm trước người ta đã qủa quyết.

Một Nhà nước không muốn cho người công dân đọc nhiều báo chí.

Một Nhà nước có qúa nhiếu bác học.

Đó là phần nhất. Bây giờ, coi chừng, chúng tôi sẽ nói với các bạn về chủ nghĩa xã hội.

A, phải rồi : chủ nghĩa xã hội là một sự rất tốt. '(215)

6. *Alexandre Soljénitsyne: ra khỏi ý-hệ-thức.*

Giải thưởng Nobel văn chương năm 1970, Alexandre Soljénitsyne không những đã chia sẻ mọi nỗi khốn khổ trong Goulag Nga sô, nhưng còn am tường về đời sống cay cực của người dân trong chế độ cộng sản Mác-xit.

Năm 1973, trong một bức thư gửi các nhà lãnh đạo Nga Sô, ông đã mô tả vài nét điển hình của đời sống đó. Theo ý kiến của ông, mọi sai lầm trong chế độ cộng sản Mác-Lê đều bắt nguồn từ sự sai lầm về ý-hệ-thức, nên ông kêu gọi các nhà cầm quyền hãy gạt bỏ ý-hệ -thức đó ra khỏi đời sống chính trị Sô-viết.

"Đã từ lâu lắm rồi, các ông đều biết rằng mọi sự trên đất nước chúng ta không còn dựa trên đà phấn khởi của ý-hệ-thức nữa, mà chỉ còn căn cứ vào sự tính toán vật chất và sự tòng phục của con dân. Ngày nay cái ý-hệ-thức đó chỉ trói buộc và làm cho các ông bị tê liệt. Nó chất nặng đời sống xã hội, các bộ trí óc, các bài diễn văn, đài phát thanh và báo chí bằng một mớ lộn xộn những điều dối trá. Vâng, những

sự dối trá *của nó. Làm sao một kẻ đã chết có thể làm cho người ta tin rằng mụ vẫn tiếp tục sống, nếu không bầy đặt ra một loạt gian dối ? Mọi sự đều sa lầy trong sự dối trá và mọi người đều biết điều đó. Trong các cuộc nói chuyện riêng tư, người ta nói thẳng ra, người ta diễu cợt và người ta giận dữ. Trong lúc đó, người ta giả dối lặp lại trong các cuộc biểu tình "những sự chúng ta phải làm" và những người nghe lời tuyên bố của kẻ khác cũng giả hình không kém. Xã hội của chúng ta đã mất bao nghị lực trong đời trống rỗng . Và chính các ông, khi các ông giở đọc tờ báo hoặc mở đài thông tin, liệu các ông còn có tin tưởng vào sự thành thực của những lời tuyên bố đó không ? Tôi chắc chắn rằng đã từ lâu, các ông không còn tin tưởng gì nữa. Nếu không, thực là các ông đã bị hoàn toàn gián đoạn với đời sống thực tế của đất nước chúng ta.*

" Sự dối trá tổng quát , ép buộc, lệnh truyền đó là trạng thái khủng khiếp nhất trong cuộc đời con người trong xã hội của các ông. Đó là một sự tồi tệ hơn cả mọi nỗi bất hạnh vật chất, mọi sự thiếu tự do công dân.

" Và tất cả cái kho dối trá đó, không cần thiết cho sự vững bền của Nhà nước, lại là một thứ thuế má phải trả cho ý-hệ-thức. *Tất cả mọi sự đều phải ràng buộc vào tri-hệ thức đó , cái hệ thức đã chết, nhưng còn cố vương móng nhọn bám chặt vào, bởi vì Nhà nước của chúng ta, vì thói quen, vì tê liệt, vì tập tục, còn bám víu vào nó, vào cái* học thuyết dối trá

này, và vào những sai lầm bao la của nó. Chính vì muốn bảo trợ cái tri-hệ-thức đó mà người ta đã tù đầy những ai dám tư tưởng một cách khác. Chính bởi vì một ý-hệ-thức dối trá chỉ có thể trả lời được mọi sự phản đối hay kháng luận bằng võ khí hay ngục tù.

"Không những ý-hệ thức mà chúng ta thừa tự là lỗi thời và già cỗi, nhưng nó lại còn sai lầm trong mọi dự đoán. Nó không bao giờ trở nên một kiến thức khoa học...Việc tập trung hiện tại của mọi trạng thái của đời sống tinh thần là một quái trạng, một cuộc ám sát tinh thần. Bởi thế không ai lạ gì khi thấy khắp nơi hàng hà xa số bọn say rượu và du đãng đuổi theo phụ nữ, những đêm khuya và ngày hội.

" Không phải lương tri đã thúc đẩy các ông đeo cối xay vào cổ để bị chết chìm, nhưng chính là cái học thuyết mệnh danh là tiến bộ, cái học thuyết cổ lỗ mà các ông đã kế tự đã ép buộc các ông phải cộng đồng hóa và quốc hữu hóa các tiểu công nghệ... Chính nó đã chỉ thị việc bách hại tôn giáo. Các ông hãy suy nghĩ xem : tại sao lại loại trừ hàng triệu công dân lương thiện nhất ? Hãy thành thực chấp thuận các tôn giáo cho họ được tự do giáo dục con em... Hãy ban hành sự tự do báo chí, văn nghệ thực sự...Hãy để cho dân tộc tự do thở không khí, tự do tư tưởng và tự do phát triển...Bởi vì đó là con đường giải phóng độc nhất cho đất nước, cho dân tộc chúng ta : con đường hòa bình..." (216)

7.*Mikhaïl Gorbatchev: chỉnh đốn Đảng.*

Không biết ông Gorbatchev có đọc bức thư trên của Soljénitsyne hay không, nhưng sau vài tháng lên nắm quyền Tổng Bí Thư Đảng Cộng sản Nga Sô, ông đã bắt đầu suy nghĩ đến việc chỉnh đốn hàng ngũ Đảng.

Trong hai năm đầu (1985-1986) khi mới nắm giữ chính quyền, ông còn tiếp tục luận điệu của con người cộng sản chính cống. Bài diễn văn nào cũng nhắc đến tư tưởng của Vladimir Ilitch Lê-nin. Vẫn luôn luôn ca tụng những thành qủa vĩ đại (tưởng tượng) của Đảng ta. Vẫn tuyên bố trịnh trọng những tiến bộ thần thánh của dân tộc Nga Sô,trên mọi nghành kinh tế,xã hội , chính trị. Trong bài diễn văn kỷ niệm 40 năm chiến thắng trong cuộc Đại chiến thứ hai, ông còn huênh hoangviết :

"*Ngày nay, xã hội Sô viết là một xã hội có nền kinh tế phát triển cao độ... xã hội xô viết đặc biệt nâng cao thường xuyên mực sống no ấm của nhân dân...Xã hội Sô viết ngày nay có mức độ giáo dục và văn hóa cao...Xã hội Sô viết là một xã hội dân chủ thực thụ, chính cống trong đó phẩm giá và nhân quyền của mọi công dân đều được kính trọng...Xã hội Sô viết là một xã hội trong đó mọi vấn đề xã hội lớn lao đều đã được giải quyết...*" (217)

Những lời tuyên bố trên đây hoàn toàn trái ngược với những nhận xét của Soljénitsyne và các nhà trí thức Nga. Hai năm sau, trong cuốn *Perestroïka (Chỉnh đốn)* chính ông lại tuyên bố hoàn toàn ngược lại :

"Phân tách tình hình, trước hết chúng ta khám phá ra một sự ngưng đọng của cuộc phát triển kinh tế...Trên phương diện tài chính, nền kinh tế càng ngày càng bị bóp nghẹt...Xã hội chúng ta bảo đảm được việc làm cho mọi người, nhưng lại không dùng hết khả năng để trả lời những yêu sách càng ngày càng lớn về vấn đề nhà ở,thực phẩm, giao thông, sức khỏe, giáo dục...Bởi thế, có một sự vô lý : Liên xô, nước sản xuất cao nhất thế giới về dầu lửa, nguyên liệu và các sản phẩm năng lực khác, lại bị thiếu thốn về các lãnh vực đó, chỉ vì sa phí hoặc xử dụng vô hiệu nghiệm. Một trong những nước sản xuất lúa gạo lớn lao nhất lại phải bắt buộc nhập cảng hàng triệu tấn ngũ cốc để nuôi gia súc... Vậy mà chưa hết. Việc hoen lở dần dần các gía trị luân lý và ý hệ thức bắt đầu xuất hiện... Bộ máy kìm hãm, kháng cự từ chối mọi sáng kiến mới, mọi phân tách tỉ mỉ để giải quyết các vấn đề..Việc tuyên truyền những thành qủa thật sự hay tưởng tượng là trên hết. Người ta khuyến khích sự tòng phục và su nịnh. Người ta che mất trước nhu cầu và ý kiến của quần chúng lao động và nhân dân nói chung. Trong khoa học xã hội, chỉ có những lý thuyết cổ điển là được chấp nhận, mọi suy nghĩ sáng tạo đều bị gạt bỏ. Những phán đoán nông cạn được biến thành chân lý tuyệt vời...Trong mọi khu vực, các cuộc tranh luận có tính cách khoa học cần thiết cho cuộc phát triển tư tưởng đều bị cấm đoán. Các khuynh hướng tiêu cực như vậy đã lây nhiễm cả trong văn hóa, nghệ thuật và báo chí. Trong các lãnh vực giáo dục, y khoa

cũng xuất hiện sự tầm thường, hình thức và sự xiểm nịnh thô bỉ nhất.

" Vì muốn trình bầy thực tế "không có vấn đề", cho nên phải đợi gậy đập lưng ông: một hố sâu chia rẽ lời nói với việc làm. Nhân dân trở nên thụ động và không còn tin tưởng ở những lời tuyên truyền dối trá. Phong hóa của nhân dân cũng thoái bộ dần....

" Vai trò các vị lãnh đạo cũng bị buông lỏng..Các thành qủa yếu kém từ Văn phòng Chính trị , Bí thư Trung Ương Đảng bộ và chính phủ cho đến toàn thể Ủy ban Trung Ương và bộ máy chính trị...

"Sự dụ dỗ chính trị và việc phân phát bừa bãi các phần thưởng, các tước vị và các tiền thưởng nhiều khi thay thế quyền lợi thực thụ của nhân dân, thay thế điều kiện sinh sống và việc làm cùng bầu khí thoải mái trong xã hội. Một bầu khí "buông tay" xuất hiện và thay thế yêu sách kỷ luật và trách nhiệm.

" Nhiều khi nguyên tắc bình đẳng giữa các Đảng viên đã bị trà đạp. Các kẻ nắm giữ vai trò lãnh đạo không thể bị kiểm xoát , phê bình, phát sinh nhiều sự tham nhũng...

" Một sự suy nghĩ ngay thẳng và không thiên vị đưa ta đến kết luận duy nhất là đất nước đang lâm vào một cơn khủng hoảng trầm trọng..."

"Trong những điều kiện đó, các liên lạc giữa quyền lợi công cộng và quyền lợi cá nhân không thể nào thực hiện và phát triển một cách đứng đắn được..Phong trào Chỉnh đốn (perestroika) *chỉ định một nhiệm vụ mới cho chính trị và sự suy luận của chúng ta về xã hội. '*(218)

Dẫu sao chương trình chỉnh đốn trong minh bạch (*glasnost*) của Gorbatchev lúc đó hãy còn giới hạn trong phạm vi kinh tế và xã hội , bằng cách kiểm xoát đảng viên, chống tham nhũng và khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất, nhưng về chính tri vẫn bảo tồn ý hệ thức Mac-Lê : độc đảng và tập trung dân chủ. Sau này, khi đã rời bỏ chính quyền, ông cắt nghĩa thái độ rụt rè của mình trong cuốn "*mở đầu hồi ký*" , viết vào năm 1993, như sau :

"*Khi tôi nhận trách nhiệm lãnh đạo Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Sô viết vào tháng Tư năm 1985, trong chức vị Tổng Bí thư, tôi biết trước rằng một công việc cải cách bao la đang chờ đợi tôi...Đất nước đã kiệt quệ trong cuộc thi đua võ trang. Các cơ cấu kinh tế càng ngày càng tê liệt. Lợi tức của sản xuất thấp kém . Các thâu nhập về tư tưởng khoa học và kỹ thuật bị nền kinh tế quan liêu bóp nghẹt. Mực sống nhân dân sa sút một cách hiển nhiên. Sự tham nhũng trắng trợn bộc lộ trong mọi cơ sở của hệ thống quản trị. Sự sa đọa thấm nhập cả vào đời sống tinh thần : cái vẻ bền chặt về ý thức hệ vẫn thường che đậy xã hội không còn giấu ẩn được nữa sự dối trá, sự giả mạo và sự thô bỉ của chính quyền.*

Tình hình còn phiền phức hơn, là vì mặc dầu sự bất mãn chồng chất trong xã hội, nhất là trong giới trí thức, nhưng trong nước lại không có một phong trào phản kháng nào của quần chúng để làm hậu thuẫn cho đường lối cải cách...

Cái cản trở nghiêm trọng nhất là tầng lớp rộng

lớn của đám quản trị trung cấp gồm các công chức của Đảng và Nhà Nước, mà nguồn suối lợi lộc và quyền bính không thể nào kiểm xoát nổi...

Tất nhiên, đã có những kinh nghiệm của một sự biến chuyển từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ (Đức và Ý) , nhưng trong khuôn khổ của cùng một hình thái xã hội. Đằng này, chưa ai đã từng vấp phải sự chuyển biến từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ mà hệ thống kinh tế,chính trị, tư pháp khác nhau... Bởi thế, ban đầu,chúng tôi chỉ nghĩ đến việc chỉnh đốn về kinh tế...Nếu người ta muốn diễn biến hòa bình chứ không gián đoạn bằng cách mạng, khiến cho đất nước phải tan tành vì nội chiến...

Nhưng sau nhiều thất bại, chúng tôi phải nhận ra rằng nếu không thay đổi hệ thống chính trị, nhất là thay đổi chế độ, thì các cuộc cải cách kinh tế không bao giờ thành...Mọi chức vụ căn bản của sự quản trị kinh tế đều nằm trong tay lãnh đạo chính trị... Sự nhà nước hóa đời sống công cộng là một sai lầm nghiêm trọng của hệ thống chính trị...Sự quan liêu hóa các cơ sở Nhà Nước đã nhào nặn xã hội vào một khuôn khổ duy nhất và ứ đọng của đời sống...

Đã từng bao nhiêu thập niên, hệ thống chính trị đã am hợp, không phải vào tổ chức đời sống công cộng trong khuôn khổ Luật pháp, nhưng lại vào việc xử hành các nghị quyết và chỉ thị. Công bố ngoài miệng các nguyên tắc dân chủ, nhưng trong thực tế thì chuyên quyền. Nói dóc về dân chủ xã hội 'tốt đẹp nhất thế giới,"*nhưng lại trà đạp các quyền cơ bản*

nhất của người công dân : thiếu minh bạch và tự do báo chí...

Một con quái vật đã đè bẹp xã hội và khiến cho mọi ý hướng cải cách hệ thống trước kia đều thất bại...Bởi thế, cần phải cải cách sâu xa chế độ chính trị...'(219)

Từ đây, Gorbatchev từ bỏ hẳn chế độ chuyên quyền của Mác-Lê và quay về quan niệm dân chủ đích thực và phổ quát trên thế giới. Ông viết :

" Tôi ước mong nhìn thấy một xã hội những con người tự do , một xã hội xây dựng bởi những con người lao động và được xây dựng cho họ, một xã hội xây dựng trên các nguyên tắc nhân đạo, dân chủ và công bằng xã hội.

"Tôi ước mong nhìn thấy một xã hội dựa trên nền tảng của sự khác biệt nhiều hình thức tài sản để con người có khả năng vô hạn trong việc phát biểu sáng kiến và năng lực của mình, một xã hội trong đó sự phát triển kinh tế được tự do điều hành, Nhà nước chỉ đóng vai trò phối hợp.

" Tôi ước mong nhìn thấy một xã hội bảo đảm chủ quyền nhân dân và mọi quyền hạn khác của con người, một xã chứa đựng mọi vốn liếng về dân chủ của nhân loại .

" Tôi ước mong nhìn thấy một xã hội trong đó mọi đất nước và mọi dân tộc đều thực sự bình đẳng về quyền lợi, một xã hội tạo ra các điều kiện phát triển dồi dào, để hòa hợp được mọi tương giao giữa các dân tộc."

"Điều tôi vừa trình bầy chứa đựng một phần lớn về câu trả lời của tôi về thái độ đối với chủ nghĩa xã hội. Chính vì đã sống một kinh nghiệm cay đắng mà tôi đã hoàn toàn tin chắc vào sự vô nhân đạo và thiếu tương lai của mô hình "chủ nghĩa xã hội" mà Staline (và Mac-Lê) đã ép buộc, cái mô hình không chút nào liên quan đến chủ nghĩa xã hội thực thụ.'(220)

8. *Anatoli Sobtchak: trở về Nhà nước pháp quyền.*

Để kết luận hoàn toàn, chúng tôi xin thêm vào lý tưởng trên của Gorbatchev vài suy luận của một người đồng hành khác trong những bước đầu của phong trào chỉnh đốn. Đó là cố giáo sư luật khoa, dân biểu và chủ tịch của Hội đồng Sô viết thành phố Leningrad. Ông đã lên án dứt khoát chế độ độc tài của chính sách *chuyên chế vô sản* để trở về quan niệm Nhà nước tôn trọng Pháp quyền (Etat de droit) :

"Chưa bao giờ, trong lịch sử Nga , đã có một vị lãnh tụ Đảng nào đã nói tới tình trạng pháp lý của Đảng Cộng sản Liên Sô. Thế mà sự ly khai quyền bính giữa Nhà nước và Đảng lại là điểm tấn công đầu tiên của Gorbatchev chống lại sự độc quyền vạn năng của hệ thống quan liêu. Trong lúc báo chí dần dần nêu ra những vấn đề tố giác uy quyền của "tiếng gọi giây nói ", *tố cáo sự độc đoán của bọn cấp bộ Đảng (apparatchik) , tố cáo sự chen lấn bất tài và vụ lợi của Đảng vào đời sống xã hội , thì Gorbatchev đã đóng đinh sâu thêm : vào tháng Sáu 1988, trong Hội nghị Đảng lần thứ XIX, vị Tổng bí thư đã nêu lên vấn đề cần phải tách biệt các quyền lập pháp, hành*

sự và tư pháp trong lòng Nhà nước. Nhưng có Nhà nước nào, trong đó ba thứ quyền hạn này sẽ được tách biệt và ở đâu Đảng sẽ không còn thẩm quyền cai trị ? Đó là một Chính phủ tôn trọng pháp quyền, một Nhà nước trong đó ưu quyền không còn lệ thuộc vào sự độc đoán, sự chọn lựa không bị Ủy ban Trung ương lên án, nhưng độc nhất dựa trên pháp luật...

" Trong 70 năm trường, mọi sự đều bắt nguồn từ nghị quyết của Đảng và chính phủ. Mỗi lần đều kết thúc bằng máu lệ của nhân dân, bằng tội ác đối với nhân loại, chống lại chính dân tộc và đất nước. Phải chăng quy hết trách nhiệm vào tính tình độc ác của Staline, của Beria hay của Rachidov ? Hay đúng hơn vào cái bản chất vô nhân đạo của một hệ thống **quyền bính** *xây dựng trên xương máu nhân dân do một Đảng của bọn* 'vô sản chiến thắng" ?

" Bởi thế, chúng tôi bắt đầu suy nghĩ cẩn thận thế nào là một Nhà nước tôn trọng pháp lý. Chúng tôi đã khám phá ra cái chân lý đơn giản đó, mà toàn thể thế giới văn minh đều đã nhìn nhận: ý tưởng về pháp quyền là một giá trị phổ cập đã được xây dựng từ ngàn thu. Chúng tôi phải kiểm điểm lại các quan niệm trong đó chúng tôi đã được giáo hóa, chúng tôi phải từ bỏ cái lý luận thời danh về pháp quyền của giai cấp, *nó đã được dùng để biện chính mọi tội ác của Đảng , biện chính những bạo hành, những cướp bóc và những cuộc diệt chủng , nhân danh* 'giai cấp đấu **tranh"** *hay một cuộc cách mạng vô sản thế giới không tưởng.'*(221)

9. Lời kết luận.

Những nhận xét trên đây của các nhà cựu lãnh tụ Mac-xít đưa đến một kết luận tổng quát sau đây: chủ nghĩa Cộng sản không thể nào thực hiện được , dù người ta muốn sửa đổi, chỉnh đốn, bổ túc hay xoay sở làm sao đi nữa, bởi vì lý thuyết Mác-xit đã sai lầm từ *căn bản tri hệ thức* của nó. Sai lầm trên mọi phương diện *triết học, nhân sinh, xã hội, kinh tế và văn hóa,* như Kuczynski và Soljénitsyne đã nói.

Trên phương diện triết học, nó qủa quyết một cách độc đoán lý thuyết duy vật vô thần mà không một trí tuệ nhân loại nào có thể chứng minh được. Trái lại, ít nhất chín mươi phần trăm nhân dân trên thế giới tin tưởng ở tín ngưỡng tôn giáo, kể cả các phần tử mà Marx gọi là vô sản. Như thế có nghĩa là nếu muốn thực hiện lý thuyết Mac-xit, người ta phải tiêu hủy chín mươi phần trăm nhân loại. Trong thực tế, các chế độ Cộng sản đã loại trừ những phần tử ưu tú, trung thực, tận tâm nhất của xã hội mà các tôn giáo đã đào tạo. Họ đã bị cấm đoán và loại trừ ra khỏi mọi hoạt động văn hóa, xã hội và kinh tế trong công cuộc xây dựng và phục hưng dân tộc. Sự cấm đoán tôn giáo chỉ đưa đến cuộc thoái hóa về đạo đức,luân lý và phong hóa của nhân dân. Trong các chế độ Cộng sản, chỉ có bọn tham nhũng, rượu chè, đàng điếm, trộm cắp là được tự do hoành hành, miễn là chúng tòng phục, su nịnh Đảng và Nhà Nước, còn đám dân lành thì bị kiểm xoát từng đường đi nước bước, mất hết mọi tự do ăn nói, đi lại và lam làm. Một chế độ như thế chỉ có thể tồn tại bằng súng ống và các

trại tập trung. Nhưng không có súng đạn và nhà tù nào có thể tiêu hủy được tinh thần bất khuất của quảng đại quần chúng. Tinh thần đó là căn nguyên của sự xụp đổ và tan rã của các chế độ Cộng sản tại Âu Châu, và một ngày không xa, nó sẽ hủy diệt mọi tàn tích còn lại của chủ nghĩa vô thần Mac-xit.

Trên phương diện xã hội và nhân sinh, lý thuyết Mac-xit cho rằng toàn thể lịch sử nhân loại chỉ là lịch sử *giai cấp đấu tranh* để chiếm đoạt các phương thức sản xuất về kinh tế và đưa đến sự bóc lột của giai cấp thống trị. Rồi Marx chủ trương rằng ngày nay chỉ có giai cấp vô sản cướp chính quyền và dùng bạo lực để *chuyên chính* mới có thể xây dựng được một xã hội không giai cấp và chấm dứt tình trạng *người bóc lột người.* Thực ra, trong lịch sử nhân loại, không hề có cuộc chiến tranh nào xẩy ra giữa giai cấp vô sản và tư sản. Trái lại chỉ có những cuộc tranh chấp về chủng tộc và tôn giáo, trong đó mọi giai cấp của một dân tộc hay một tôn giáo đều đoàn kết cùng chiến đấu chống kẻ thù chung. Ngày nay, trong thế giới kỹ nghệ, nếu giới thợ thuyền liên kết nhau thành các nghiệp đoàn, để tranh đấu đòi tăng lương và điều kiện làm việc ,thì chỉ là những đòi hỏi hạn chế và tạm thời, rốt cuộc bao giờ cũng đưa đến những thỏa hiệp hài hoà, chứ không có mục đích tiêu diệt các xí nghiệp hoặc các nhà kinh doanh, vì một lý do rất giản dị là nếu các xí nghiệp và nhà kinh doanh mất đi thì thợ thuyền cũng không có công ăn việc làm.

Hiện nay nhờ phát triển kỹ thuật, phần lớn giới thợ thuyền trong các nước kỹ nghệ đều tiến tới mực sống

của *giai cấp tiểu tư sản*, theo định nghĩa của Marx, như Bernstein đã nhận xét. Nhờ sự tổ chức xã hội theo nguyên tắc *dân chủ và tương trợ*, sự cách biệt giầu nghèo sẽ dần dần tan biết, không cần sự tranh đấu hủy diệt lẫn nhau. Trái lại, trong các chế độ cộng sản mac-xit, giai cấp thống trị biến thành một giai cấp quan liêu , hệt như trong chế độ phong kiến ngày xưa,chế độ "*xin cho*", còn giới lao động thì vẫn bị áp bức nghèo khổ. Bởi vì, bọn quan liêu cộng sản độc tài về chính trị và độc quyền về kinh tế, như Hilferding đã nói .

Trên phương diện kinh tế, Marx cho rằng phải tiêu diệt tư sản, tiền tệ, lương bổng và sự trao đổi hàng hóa theo thị trường, để xây dựng một xã hội cộng sản trong đó mỗi người *làm việc theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu.* Trên lý thuyết, chế độ đó có vẻ hợp lý và tươi đẹp. Nhưng trong thực tế, con người bẩm sinh *khả năng không đồng đều mà nhu cầu thì không ai đo lường nổi.* Lắm sãi không ai đóng cửa Chùa. Nói rằng của cải là thuộc về cộng đồng, nhưng Đảng và Nhà nước bắt buộc phải trao quyền điều khiển và kinh doanh trong tay một đám đảng viên không kiểm xoát nổi. Tình huynh đệ và tính chất đảng phái không xóa bỏ được bản năng *chiếm hữu, dự trữ* mà tạo hóa đã phú bẩm vào bản năng sinh tồn của nhân loại như Darwin đã nhận xét. Rốt cuộc, của cải Nhà nước bị một bọn tay sai Đảng gỉa đò tùng phục,su nịnh để độc quyền cướp bóc, lãng phí. Các xí nghiệp quốc hữu đều thua lỗ. Nhà Nước không đủ ngân qũy để trả lương công chức, đành nhắm mắt bó tay trước sự tham nhũng bóc lột dân hèn, còn đâu nói đến việc cung cấp công qũy cho

các bảo đảm xã hội về phương diện giáo dục, sức khỏe và phẩm chất đời sống của nhân dân. Tất nhiên, dưới chế độ lao công cưỡng bách, sản xuất và của cải vẫn được tăng gia, nhưng bao nhiêu miếng ngon miếng ngọt đều dành riêng cho bọn quan liêu trong cấp bộ của Đảng. Chỉ còn lại cho nhân dân một chút xương thừa và đầu tôm đuôi cá.

Trên phương diện chính trị , chế độ "*Dân chủ Tập trung*" mà Lê Nin đã thiết lập cho Đệ Tam Quốc tế , dựa trên nguyên tắc vô sản chuyên chính, thực ra không có mảy may một chút dân chủ nào cả. Thực sự, đó là một chế độ độc tài, triệt để hơn cả mọi chế độ phong kiến và Phát-xít Quốc xã. Mọi quyền bính và hành động đều do Đảng ban phát và kiểm xoát. Không một công dân nào có quyền nói,nghĩ và làm trái với chỉ thị của Đảng. Mà mọi chỉ thị của Đảng lại do Bàn giấy và Ủy Ban Trung Ương quyết nghị. Và Ủy Ban Trung Ương tựu trung chỉ lại là một nhóm bè phái phục tùng và su nịnh một Lãnh tụ duy nhất.

Chế độ chuyên chính vô sản thực ra chỉ là chế độ chuyên chế của một người, một bè phái nhỏ bé, bắt buộc toàn dân phải tuân theo quyết định của họ. Sự độc đoán đó đã đưa đến các cuộc tranh chấp quyền bính và chém giết lẫn nhau, liên lụy đến hàng chục triệu nhân dân vô tội, trong các cuộc thanh trừng dưới thời Lê-nin, Staline và trong các cuộc cải cách ruộng đất hay Cách mạng Văn hóa tại Trung Quốc và các nước chư hầu.

Tát cả các sai lầm và hậu qủa khủng khiếp của chúng đều phát sinh từ cái "*tri hệ thức dối trá tổng quát* " đó, cái hệ thức "*cổ lỗ, đã chết, nhưng còn cố vương móng nhọn bám chặt vào" (Soljétsyne)* để " *biện chính mọi tội ác*

của Đảng , biện chính những bạo hành, những cướp bóc và những cuộc diệt chủng, nhân danh giai cấp đấu tranh hay một cuộc cách mạng thế giới không tưởng" (Sobtchak).

Roubachof, một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết thời danh của Arthur Koestler, là điển hình của các cựu lãnh tụ cộng sản mac-xit, những người đã thiện chí góp phần vào công cuộc cách mạng xây dựng chế độ cộng sản, và lại bị chính chế độ bạo tàn đó nghiền tán, hủy diệt, như các đồng chí Trotski, Zinoviev, Kamenev,Djerzinski và Boukharine tại Nga Sô Viết, như Slansky, Guinzbourg,Rajk và Imre Nazy tại Đông Âu, như Lưu Thiếu Kỳ và Bành Đức Hoài tại Trung Quốc, cùng trăm ngàn tướng tá và lãnh tụ cộng sản khác.

Trong ngục tù Cộng sản, trước ngày bị sử bắn, Roubachof đã tự đặt câu hỏi mà chúng ta đã trích dẫn ở trên:" *Ý chí của chúng ta là trong sạch và bền bỉ. Đáng lý chúng ta phải được nhân dân yêu mến. Vậy mà nhân dân lại thù ghét chúng ta. Tại sao chúng ta lại xấu xa và đáng ghét đến thế ?"*

Mặc dầu bị kết án oan uổng , Roubachof vẫn còn cuồng tín, tin tưởng ở lý thuyết Mac-xit và tự an ủi bằng những ý nghĩ như sau :

" *Trước khi phân tích đến nghành ngọn, thì nhiều khi chân lý tối hậu có bộ mặt sai lầm. Có kẻ tựu trung là có lý mà nhiều khi bị gán là sai lầm trong tư tưởng và hành động. Nhưng tựu trung có ai là có lý ? Điều đó, sau này mới biết được. Hiện thời, chúng ta phải hành động trong vay mượn tạm bợ và bán linh hồn cho ma quỷ, để hy vọng một ngày kia lịch sử sẽ tha thứ.*

" Người ta nói rằng Đồng chí số Một (Lãnh tụ Đảng) *lúc nào cũng giữ trên đầu giường cuốn sách về nguyên tắc chính trị của Machiavel.Lãnh tụ rất có lý,bởi vì cho tới nay , chưa có ai nói gì về đạo đức chính trị một cách quan trọng hơn. Chúng ta là kẻ đầu tiên đã thay thế đạo đức phóng khoáng của thế kỷ XIX ,dựa trên sự lịch thiệp, bằng đạo đức cách mạng của thế kỷ XX. Về điều này, chúng ta cũng có lý: một cuộc cách mạng điều khiển theo các quy tắc của cuộc chơi bóng vợt (tennis) là vô lý. Chính trị có thể trung trực trong giai đoạn Lịch sử thờ ơ biếng lười.Nhưng trong những tình thế nghiêm trọng, thì chỉ có một nguyên tắc này là đáng kể:* "Kết qủa biện chính cho mọi phương thế."

" Trước đây ít lâu, đồng chí B...một nhà Nông học uyên bác, đã bị xử bắn, cùng với ba mươi cộng sự viên, chỉ vì các ông chủ trương rằng chất tiêu toan diêm (nitrate) là món phân bón tốt hơn chất thân toan giáp (potasse). Đồng chí số Một thì chủ trương về chất này. Bởi vậy, phải thủ tiêu đồng chí B..và đồng bọn, bị coi là những kẻ phá hoại. Trong một nền nông nghiệp dựa trên chính sách tập quyền Nhà nước, thì việc lựa chọn giữa nitrate hay potasse là tối quan trọng: nó có liên hệ đến một cuộc chiến tranh mai sau. Nếu đồng chí số Một có lý, thì Lịch sử sẽ tha thứ cho Y, và việc xử bắn ba mươi mốt người chỉ là một việc nhỏ nhen. Nhưng nếu đồng chí số Một sai lầm thì sao ?...

" Chỉ có một điều đáng kể : khách quan, ai là kẻ có lý. Bọn đạo đức của trường phái chơi bóng vợt thì lại lưu ý đến một vấn đề khác : họ muốn biết khi B... chủ

trương chất nitrate thì chủ quan *y có thiện chí hay không. Nếu y thiện chí, thì phải tha thứ cho y và cho phép y tuyên truyền cho chất nitrate, mặc dầu điều đó làm lụi bại đất nước...Tất nhiên, như thế là vô lý.*

" Đối với chúng ta, vấn đề chủ quan thiện chí không có nghĩa lý gì cả. Kẻ nào sai lầm thì phải chịu tội. Kẻ nào có lý sẽ được tha thứ. Đó là quy luật của lịch sử. Đó cũng là quy luật của chúng ta.

"Lịch sử đã dậy cho chúng ta biết rằng đôi khi sự dối trá có lợi ich hơn sự thật. Bởi vì con người thường lười biếng. Và phải bắt nó đi qua trong sa mạc trong bốn mươi năm trường (như dân Do Thái), *trước mỗi giai đoạn phát triển xã hội. Mà muốn ép buộc nó vượt qua sa mạc, thì phải dùng đến áp lực và những lời hứa hẹn tốt đẹp. Con người cần phải tưởng tượng đến những sự khủng bố và an ủi. Không có những sự đó, nó sẽ ngồi lỳ, dong chơi và thờ lậy bò vàng.*

" Chúng ta đã học hỏi Lịch sử tường tận hơn mọi kẻ khác. Chúng ta khác hẳn mọi người vì lý luận của chúng ta trong sáng. Chúng ta biết rằng, trước mắt Lịch sử, nhân đức không đáng kể và tội ác có thể không bị trừng phạt. Nhưng mà mỗi sai lầm đều có hậu qủa và phải được trả thù cho tới bẩy thế hệ mai sau. Bởi thế, chúng ta đã tập trung mọi cố gắng vào các biện pháp để phòng ngừa các sai lầm và tiêu hủy chúng cho tới cội rễ. Chưa bao giờ Lịch sử đã tập trung được các khả năng của tương lai nhân loại trong tay một nhóm người nhỏ bé như thế. Mỗi ý tưởng sai lạc được thể hiện trong hành động là một tội ác đối với các thế hệ tương lai. Bởi thế, chúng ta phải trừng

trị mọi ý tưởng sai lầm như những người khác trừng trị các tội ác. Trừng trị bằng án tử hình.

"Người ta cho chúng ta là những kẻ điên rồ, bởi vì chúng ta theo dõi mỗi ý nghĩ cho tới hậu qủa tận cùng của nó và chúng ta thể hiện tư tưởng trong hành động. Người ta so sánh chúng ta với Pháp đình tôn giáo (l'Inquisition) *thời Trung cổ, bởi vì, như các nhà thẩm xét thời đó, chúng ta không bao giờ thôi ý thức đến gánh nặng của trách nhiệm đối với một tương lai vượt qúa tầm sức của mọi cá nhân. Chúng ta giống như các nhà thẩm sát viện tôn giáo bởi vì chúng ta bắt bớ đàn áp mầm mống cội rễ của tội ác không những qua các hành động của mọi người, mà còn cả trong ý nghĩ của họ. Chúng ta không chấp nhận những khu vực riêng tư, kể cả khối óc của những cá nhân riêng lẻ. Chúng ta bắt buộc phải phân tách, lý luận cho đến cùng cực. Ý nghĩ của chúng ta chứa đựng điện lực mạnh mẽ đến nỗi mọi đụng chạm đều gây nên chết chóc. Chúng ta tiền định là phải chém giết lẫn nhau.*

" Tôi là một trong những tinh thần như thế. Tôi đã suy nghĩ và hành động theo đúng nguyên tắc và nghĩa vụ. Tôi đã tiêu diệt những kẻ mà tôi yêu mến. Và ban quyền lực cho những kẻ mà tôi không ưa. Lịch sử đã đặt tôi vào địa vị này. Tôi đã tiêu sài hết vốn liếng mà Lịch sử đã cho tôi vay mượn. Nếu tôi có lý, thì không phàn nàn hối tiếc. Nếu tôi sai lầm, thì phải đền tội.

" Nhưng làm sao, ngày nay, chúng ta có thể quyết đoán được sự có lý trong tương lai ? Chúng ta thi hành nhiệm vụ của các nhà tiên tri, mà không có năng

khiếu của họ. Chúng ta đã thay thế luận lý bằng hình ảnh tưởng tượng.Nhưng nếu chúng ta cùng đi từ một khởi điểm, thì lại đạt tới những kết qủa khác nhau. Chứng cớ này đối trọi với chứng cớ khác. Tựu trung, chúng ta phải nại đến niềm Tin. Một niềm Tin dựa vào định lý (axiome) của chính lý luận riêng tư của chúng ta. Đó là điểm chính yếu. Chúng ta đã quăng hết triềng tàu (lest) xuống biển. Chỉ còn một chiếc neo duy nhất: đó là niềm tin ở chính mình. Hình học là một thực hiện thuần túy nhất của trí tuệ nhân loại.Vậy mà không ai có thể chứng minh nổi định lý của Euclide. Kẻ nào không tin vào định lý đó, thì cả lâu đài luận lý sẽ xụp đổ.

" Đồng chí số Một tự tin ở chính mình. Ông là người kiên nhẫn, chậm chạp, lầm lỳ và không hề lay chuyển. Ông đã buộc neo vào một giây sắt vững trãi hơn mọi người. Giây neo của tôi đã hoen rỉ từ bao năm nay...

" Sự thực là tôi không còn tin tưởng ở sựkhông sai lầm của mình. Bởi đó, tôi đành chịu chết đuối." (222)

Đó là lý luận mà Roubachof đã học được ở Đảng và Đảng đã rút ra từ Tri hệ thức Mac-Lê. Theo lý luận đó, Roubachof đã hành động như một chiếc máy tinh sảo. Đảng đã dạy rằng con người cá nhân không đáng kể. Nó phải hy sinh và phục vụ đoàn thể. Mỗi cá nhân chỉ là một con số, kết qủa của một bài tính giản dị : một quảng đại quần chúng hàng trăm triệu con người, chia cho số một trăm triệu: cá nhân chỉ là một đơn vị của con số trăm triệu đó.

Đảng đã dạy rằng con người chỉ là một chiếc ốc, một bánh xe trong chiếc Đồng hồ vĩ đại của Lịch sử.

Chiếc Đồng hồ đã được lên giây từ muôn thuở. Nó tích tắc chạy hoài theo nhịp đưa võng. Đảng có nhiệm vụ chăm lo cho nó chạy đều cho đến ngàn thu. Đảng phải loại trừ, thay thế những con ốc, những bánh xe hoen rỉ, trục trặc. Đảng phải tiêu diệt những phần tử phản động , phá hoại và không lợi ích cho Lịch sử, cho xã hội. Nó phải chém giết không hối tiếc, không thương hại.

Ivanov, người bạn thân thiết và đồng chí cũ của Roubachof, ngày nay trở thành thẩm án viên để tra hỏi y.

Ivanov nói : *"Nếu tôi có chút tình thương xót nào đối với anh, thì tôi đã để anh yên hàn. Nhưng tôi không hề có tình thương xót đó. Anh biết rằng từ ít lâu nay, tôi đã bắt đầu rượu chè, nghiện hút. Những cái đó còn chịu được. Nhưng sự thương hại thì tôi phải tránh. Chỉ một chút tình thương hại là công việc hỏng cả. Những nhà thi sĩ vĩ đại nhất của chúng ta đã bị hủy hoại vì chất độc đó. Chúng ta không được phép coi thế giới như một thứ nhà thổ* (bordel), *đầy cảm xúc siêu hình. Đó là huấn lệnh thứ nhất của chúng ta. Thiện cảm, lương tâm,chán mứa, thất vọng, hối tiếc, tạ tội, tất cả mọi cảm tình như thế chỉ là một sự sa đọa ghê tởm. Cơn cám dỗ mạnh mẽ nhất của bọn chúng ta là từ bỏ sự bạo động, là hối cải , là hài hoà với chính mình. Phần đông các nhà cách mạng, từ Spartacus cho đến Danton và Dostoïevsky đều sa vào cơn cám dỗ đó. Họ là điển hình cố cựu của sự phản bội tư tưởng. Sự cám dỗ của Thượng Đế bao giờ cũng nguy hiểm cho nhân loại hơn là sự cám dỗ của quỷ Satan. Mọi hài hoà với lương tâm chỉ là bỉ ổi. Khi tiếng nói phản phúc trong lòng anh nói lên, thì hãy lấy hai bàn tay bịt tai lại...*

" Những phạm nhân vĩ đại nhất của Lịch sử, không phải là những loại như Néron hay Fouché , mà lại là những bọn như Gandhi và Tolstoï. Tiếng nói của lương tâm Gandhi đã ngăn cản công cuộc giải phóng Ấn Độ nhiều hơn là những tiếng súng của Anh Quốc. Bán thân mình với giá ba mươi đồng tiền (như Judas) là một cuộc mua bán phải chăng. Nhưng bán mình cho lương tâm lại là một cuộc phản bội nhân loại. Tự nó, Lịch sử là vô luân lý. Lịch sử không có lương tâm. Muốn dẫn đạo Lịch sử theo kinh bổn là một việc vô lý..."

Roubachof nhớ tới câu chuyện anh chàng Raskolnikof trong cuốn "*Tội ác và hình phạt'* của nhà văn Dostoïevsky. Tên sinh viên trẻ tuổi này đã giết chết một bà lão già để lấy tiền ăn học. Roubachof nói với Ivanov:

" Vấn đề là phải hỏi xem sinh viên Raskolnikof có quyền giết chết mụ già đặt nợ ăn lãi kia không. Y còn trẻ trung và có tài cán,còn bà lão già kia hoàn toàn vô ích cho xã hội. Nhưng phương trình toán này không ổn thỏa. Bởi vì Raskolnikof nhận ra rằng hai lần hai không phải thành bốn, khi các đơn vị toán học trong phương trình lại là những phần tử nhân loại..."

Ivanov trả lời :"*Theo ý tôi, anh phải đốt hết đi các loại sách tai hại đó. Phải hỏi xem thứ triết học nhân đạo lu mờ ấy sẽ đưa chúng ta tới đâu. Nếu chúng ta phải quan tâm đến vấn đề coi cá nhân con người là linh thiêng và không được sử đối với mạng sống con người như theo nguyên tắc toán học, thì có nghĩa là một ông tướng cầm quân không được hy sinh một*

toán quân để cứu vãn đại đội... Tên Raskolnikov là một sát nhân ngu xuẩn, không phải chỉ vì y đã giết mụ già một cách vô lý, nhưng bởi vì y đã đã giết mụ vì tư lợi cá nhân...Nếu y đã giết mụ theo lệnh Đảng , để tăng qũy đình công chẳng hạn, thì lại khác...Nguyên tắc cho rằng "mục đích biện chính các phương pháp" *vẫn là quy tắc duy nhất của đạo đức chính trị... Tôi không muốn người ta lẫn lộn hai tri hệ thức. Chỉ có hai thứ luân lý nhân loại đối địch nhau. Luân ký ki-tô-giáo có tính cách nhân đạo. Nó tuyên xưng rằng cá nhân là cao cả và không cho phép áp dụng các quy tắc toán học vào các đơn vị nhân loại. Nền luân lý đó, trong phương trình của chúng ta, nó được tượng trưng bằng* con số không và dấu hiệu vô hạn. *Một quan niệm khác đi từ nguyên tắc căn bản cho rằng mục đích của cộng đồng biện hộ mọi phương pháp và không những cho phép mà còn ép buộc cá nhân phải phải tòng phục và hy sinh cho đoàn thể, trong mọi trường hợp...*

"Chúng ta phải nghĩ tới Gracques, tới Saint - Just và Công xã Paris. Cho đến nay, mọi cuộc cách mạng đều do bọn tài tử giảng luân lý khởi xướng. Chúng đều có thiện chí, nhưng tất cả đều bị tiêu diệt...Chúng ta là những người đầu tiên đã hành động theo lý luận hợp lý."

Roubachof : *"Phải, hợp lý đến nỗi, vì quyền lợi muốn chia sẻ ruộng đất cho công bằng, chúng ta đã giết chết chừng năm triệu nông dân và gia đình của họ trong một năm... Vì muốn giải tỏa các khu vực kỹ nghệ, chúng ta đã lưu đầy chừng mười triệu con*

người vào các trại lao công cưỡng bách, trong những miền rừng rậm hoang vu, và những điều kiện sinh sống cực nhọc như đời sống của bọn nô lệ thời cổ đại...Chúng ta hành động hợp lý đến nỗi trong các cuộc tranh luận tư tưởng, lý lẽ duy nhất của chúng ta là án tử hình...Vì quyền lợi hợp lý của các thế hệ tương lai, chúng ta đã bắt buộc thế hệ hiện tại những thiếu xót khủng khiếp... Việc tôn sùng lãnh tụ của chúng ta còn khắt khe hơn trong mọi chế độ độc tài phản động... Báo chí và trường học của chúng ta truyền bá tinh thần vị chủng, tinh thần quân bị, tinh thần giáo điều, tinh thần tòng phục và sự dốt nát... Quyền độc tài của chính phủ là vô hạn định, chưa từng có trong lịch sử. Các tự do báo chí, ngôn luận và đi lại hoàn toàn biến mất. Chúng ta hành động như bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền không bao giờ có. Chúng ta đã xây dựng một bộ máy công an khổng lồ nhất, trong đó sự tố cáo lẫn nhau trở thành một quy chế dân tộc. Chúng ta đã thiết lập một hệ thống tra tấn tinh thần và thể xác thật tinh túy và khoa học. Chúng ta đã dùng đòn vọt để hướng dẫn đám quần chúng rên xót tới một hạnh phúc tương lai , mơ hồ mà chỉ có một mình chúng ta tưởng tượng ra được. Nghị lực của thế hệ này đã khô cạn. Nó đã tiêu tan trong Cách mạng. Bởi vì thế hệ này đã bị cắt tiết đến xương tủy. .. Đó là kết qủa lý luận hợp lý của chúng ta. Anh gọi đó là nền luân lý khảo nghiệm trên thân thể bầy súc vật. Tôi thấy cuộc khảo nghiệm đó đã lột da nạn nhân và phơi thây giãi xác trần truồng..."

Ivanov:"*Chúng ta đã lột da nhân loại để cho nó một bộ da mới.*"

Roubachof :"*Tôi thấy rõ thân thể của thế hệ này đã bị lột da. Nhưng tôi chưa thấy dấu vết của làn da mới. Chúng ta đã tưởng rằng người ta có thể xây dựng lịch sử như người ta khảo nghiệm khoa vật lý học. Cái khác là, trong khoa vật lý, người ta có thể khảo nghiệm ngàn lần, còn trong lịch sử, chỉ có một thí nghiệm duy nhất. Danton và Saint-Just chỉ có thể đưa nhau lên ngọn đầu đài có một lần trên đời...*"

Ivanov : "*Mỗi năm, hàng triệu con người bị chết một cách vô ích trong các cơn dịch tả và hoạn nạn tự nhiên. Vậy tại sao chúng ta lại phải lùi bước trước sự hy sinh vài trăm ngàn con người trong các cuộc khảo nghiệm đầy hứa hẹn cho lịch sử ? Không kể đến hàng bầy lũ con người chết vì thiếu ăn hay bị lao xuyễn trong các hầm mỏ, các đồn điền thóc lúa và bông sợi. Không ai nghĩ đến việc đó. Không ai hỏi rằng tại sao. Còn chúng ta, khi chúng ta xử bắn vài ngàn người khách quan nguy hại, thì cả bọn nhân đạo trên thế giới đều sủi bọt mép. Đúng vậy, chúng ta đã thủ tiêu các phần tử ăn bám trong tầng lớp nông dân và để chúng chết đói. Đó là một cuộc giải phẫu độc nhất. Trước cuộc Đại Cách Mạng, họ cũng đã chết vì nạn hạn hán, nhưng chết một cách vô bổ. Trong các cuộc bão lụt trên sông Hoàng Hà tại Trung Quốc, cũng có hàng trăm ngàn nạn nhân... Tại sao nhân loại lại không được phép khảo nghiệm vào chính bản thân của nó ?* " (223)

Lý luận của Ivanov là lý luận của tri hệ thức Marx, Engels và Lê-nin, tri hệ thức bất nhân, không hợp tình, hợp lý và hợp đạo. Nó đã đưa đến sự áp bức và chết tróc của hàng chục triệu sinh linh, kể cả một số lãnh tụ đã xây dựng nên chế độ Cộng sản. Sự tàn bạo đã đưa đến sự xụp đổ của nó tại Nga Sô và các nước chư hầu tại Đông Âu: " *Sự xụp đổ phát hiện khi lương tâm con người nhìn nhận ra rằng sự tàn bạo là vô lý và không còn biện chính được sự tồn tại của nó, hoặc không trả lời được những khát vọng của loài người'* (224)

Ước mong rằng một ngày không xa, chế độ Cộng sản sẽ hoàn toàn tan rã trên toàn thế giới.

CHÚ DẪN

1.Lénine, *Karl Marx et sa doctrine,* Ed.Progrès,Moscou, 1982 ,trgang 54.

2.Lénine,*Sách đã dẫn,* trg.69

3.Lénine,*Sách đã dẫn,* trg.69.

4.Thư ngày 7 tháng 7, năm 1839, trong Jean Bruhat, *Karl Marx et Friedrich Engels,* Ed.10/18, 1971,trg.45

5.Engels,*Ludwig Feuerbach* , trong Auguste Cornu, Karl Marx et Friedrich Engels, P.U.F.1955.

6.Thư gửi Arnold Ruge, sept.1843, trong *Les Annales Franco-allemandes,*1844.

7. *Gazette Rhénane,* Juillet 1842.

8. Victor Sidane và Wojtek Zafanoli, *Les procès politiques à Pékin,* Petite Collection Maspero,Paris, 1981,trg.138

9. Djilas Milovan, *Une société imparfaite,*Calman-Levy,Paris, 1969, trg.21.

10.Djilas, ibidem,trg.16.

11.Djilas, ibidem, trg.28.

12.Djilas, ibidem, trg. 29 và 213.

14.Djilas,ibidem, trg.226.

15.Djilas,ibidem, trg.220.

16.Trích trong cuốn "*Giáo Hoàng Jean Paul I I,* tài liệu nội bộ của bộ Công An Hànội.

17.Lénine, *Marx,Engels ,Lénine,*tuyển tập về *"Từ dân chủ tư bản đến dân chủ xã hội"*,Ed.Progrès,Moscou,1988.

18.Ibidem.

19.Guichard Jean,*Le Marxisme,*Chronique Sociale de France,Lyon, 1976,trg.16.

20.Bruhat,Jean,*Sách đã dẫn,* trg.49.
21.Lettre du 10 octobre 1837, trong Bruhat,trg.50.
22 et 23.Bruhat, *Sách đã dẫn,* trg.32 .
24.Bruhat, Ibidem,trg.9.
25.Bruhat,ibidem,trg.18.
26.Bruhat,ibidem,trg.42.
27.Platon,*Oeuvres complètes,*P.U.F.
28.Fichte,*La destination de l'homme,* Montaigne,Paris, 1946,trg.185 và tiếp theo.
29.TuyênNgôn Đảng Cộng Sản, Ed.10/18,Paris, 1962,trg.43
30.Hegel,*Ecrits théologiques,*Ed.Nahl,1907,trg.225
31.Hegel,*Introduction à la philosophie de l'histoire,* Ed.10/18, Paris 1965,trg.47.
32.Hegel, Ibidem,trg.70 và 79.
33.Hegel, *Encyclopédie,* trong Jean Guichard,trg.30.
34.Engels, *Ludwig Feuerbach,* trong GJean Guichard,trg.22.
35.Hegels,*Ecrits théologiques,*sách đã dẫn,trg.71.
36.Feuerbach,*Essence du Christianisme,*Paris,1864,trg.34.
37.Feuerbach, *Manifeste philosophique,* bản dịch của Louis Althusser, Paris,1960,trg.100.
38.Marx,*Introduction à la critique du droit de Hegel,*1844.
39.Marx và Engels,*La Sainte Famille,* Werke I I, trg.147.
40.Feuerbach,*Thèse provisoire pour la réforme de la philosophie,* 1842.
41.Marx et Engels, *La Sainte Famille,* Werke XXVI, trg.22.
42.Marx et Engels, ibidem,trg.48.
43.Marx,*Manuscrits de 1844,*bản dịch Kostas Papaioannou Ed.10/18,Paris,1974,trg.282.

44.Marx,*Manuscrits de 1844,* trg.224.
45.Marx,*Misère de la philosophie,*Ed.Sociales,Paris,1947, trg.95 và tiếp theo.
46.Walter,G. *Lénine,*Marabout Universel,trg.42.
47.Marx,*Ga zette Rhénane 1842.*
48.Marx,ibidem.
49.Marx, ibidem, Auguste Cornu, sách đã dẫn,trg.16.
50.Ruge Arnold,*Gazette Rhénane,1842.*
51.Yung,G. *Lettre à A.Ruge,*trong Cornu,trg.270.
52.Marx, *Lettre à A.Ruge,* 10 novembre 1842.
53.Marx,Ibidem,trong Cornu,trg.75.
54.Marx,*Gazette Rhénane,*trong Cornu I I ,trg.73.
55.Marx,*Gazette Rhénane,* trong Bruhat,trg.65.
56.Marx,*Lettre à A.Ruge,* 25 janvier 1843,trong Guichard.
57.Marx,ibidem,trg.39.
58.Bruhat,Jean,*Sách đã dẫn,* trg.66.
59.Marx,*Lettre à Ruge,* Annales Franco-Allemandes.
60.Marx,*Manuscrits de 1844.trg.224.*
61.Marx, ibidem.trg.225
62.Marx và Engels, *La Sainte Famille.*
63.Engels, *La situation de la classe ouvrière en Angleterre.*
64.Engels,ibidem, Bruhat,trg.79.
65.Marx,*Manifeste du Parti Communiste,*op/cit.trg.19.
66.Marx,*Introduction critique de la philosophie de droit.*
67.Marx và Enbgels, *Idéologie allemande.*
68.Marx ,*Manuscrits de 1844,*trg.34 và tiếp theo.
69 tới 75. Ibidem,trg 147 và tiếp theo.

76.Marx, *Manuscrits 1844*, sách đã dẫn, trg.219 .
77.Marx, *ibidem* , trg. 234 và sq.
78.Marx, *ibidem*, trg. 227.
79.Marx, *ibidem*, trg. 228.
80.Marx, *ibidem*, trg. 147 và sq.
81 đến 83.Marx, *Manuscrits 1844*, trg.36 và sq.
84.Marx, *ibidem*, trg.228.
85.Marx và Engels, *Idéologie allemande*, trong chú dẫn *Manuscrits* ,trg.231.
86.Marx, *Manuscrits*, trg.231 và sq.
87 đến 89. Bruhat, sách đã dẫn, trg. 113-117.
90. Haubtman,Pierre, Marx et *Proudhon , leurs relations personnelles*, Economie et Humanisme,1947, trg.64.
91 và 92.Proudhon, *La philosophie de la misère*, trong Haubtman, trg. 67-68.
93.Marx,trong *Lettres sur le capital, éditions sociales*, p.36.
94.Marx, *Misère de la philosophie.*
95.Engels, trong Bruhat, *sách đã dẫn*, trg. 126.
96.Engels, *ibidem*, trg.127.
97 và 98, Marx, *Manifeste du parti communiste*, trg.45-46.
99.Marx, *Manuscrits 1844.*
100 và 101, Marx, *Introduction à la Contribution à la Critique de l'Economie politique*, bài tựa.
102.Bakounine,Mikhaïl, trong *Mărx-Boukanine,Socialisme autoritaire ou libertaire* , 10/18,1975, trg. 21.
103.Bakounine, *ibidem*, trg.23.
104.Bakounine, *ibidem*, trg.34.
105.Bakounine, *ibidem, trg.37.*
106.Engels, *sách dẫn trên*, trg.38.

107.Bakounine, *Thư gửi G.Vogt,* trong *Socialisme,* sách dẫn trên, trg. 69.
108.Bakounine, *sách dẫn trên,* trg.72.
109.Bakounine, *ibidem,* trg.83.
110.Marx, *Thư gửi Kugelman,* sách dẫn trên, trg.107.
111.Bakounine, *thư gửi Herzen,18 octobre 1869,* trong sách dẫn trên, trg.88.
112.Bakounine,*Thư gửi một người Pháp về cuộc khủng hoảng hiện tại* , trong sách dẫn trên, trg. 415.
113.Bakounine, *sách dẫn trên,* trg. 214 và tiếp theo.
114.Marx, *Thư gửi Engels, 20 juillet 1870,* sách dẫn trên, trg. 156.
115.Marx,*Seconde Adresse du Conseil Général,* 9 sept . 1870, ibidem, trg. 158.
116.Bakounine,*Thư gửi Richard,* ibidem, trg.159.
117.Bakounine,Thư gửi một người Pháp, *ibidem,* trg.415.
118.Bakounine, *sách dẫn trên,* trg.163.
119 và 120, Gaxotte,Pierre, *La Révolution française,* chap.XII , trg. 349 và tiếp theo.
121.Marx, *Thư gửi Kugelmann, 12 avril 1871,* sách dẫn trên, trg. 172.
122.Marx, *Nội chiến tại Pháp, 30 mai 1871,* ibidem,trg.174.
123.Bakounine,*Công xã Ba-lê và quan niệm về Nhà nước,* trong sách dẫn trên, trg.175.
124.Marx,*sách dẫn trên,* trg. 176.
125.Bakounine, *ibidem,* trg. 176.
126.Marx, *sách dẫn trên,* trg.177.
127.Bakounine, *ibidem,* trg.177 và sq.
127b.*Thông cáo của Hội Nghị Sonvilier* (Thụy sĩ), 181.

128.Bakounine,*Nước Ý và Tổng Hội đồng,* ibidem, trg.232.
129.Bakounine, ibidem, trg. 365.
130.Marx,*Critique du Programme de Gotha,1875,* trích dẫn trong cuốn *Les Maxistes,* do Kostas Papaioannou trình bầy, Ed. J'ai lu, 1965, trg.242 và sq.
131.Charles-Noël Martin, *L'Univers dévoilé d'un infini à l'autre,* Ed.10/18,Paris,1961, trg. 61 và tiếp theo.
133. đến 135. Darwin,Ch. *La descendance de l'homme et la Sélection sexuelle,* bản dịch pháp văn của J.J. Moulinié, Ed.C.Reinwald, Paris, 1875.
136.Pierre Lecomte du Noüy, *Entre savoir et croire,* Ed. Gonthier,Paris,1964, trg.175 và sq.
137.Einstein,Albert,trong cuốn *Einstein et l'univers* của Lincoln Barnett, Ed.Gallimard,1951, trg.164 và sq.
138. Pierre Teilhard de Chardin, *Le phénomène humain,* Ed.du Seuil, 1955.
139.Lecomte du Noüy, *sách đã dẫn,* trg. 182.
140.Heidegger,Martin, *Lettre sur l'humanisme,* Ed.Aubier.
141.Marx, trong Bruhat, sách đã dẫn, trg. 35.
142.Marx, *Introduction à la Critique de la philosophie du droit.*
143.Engels. *Ludwig Feuerbach et la fin de la philosophie classique allemande,* Ed.du Seuil,Paris,1966, Trg.25.
144.Marx, *Idéologie allemande,* trong *Les marxistes,* sách đã dẫn, trg. 47.
145.Marx, *Manuscrits de 1844,* trong *Les Marxistes,* trg.50.
146.Marx, *Manifeste,* op.cit. trg. 43.
147.Marx và Engels, *Idéologie allemande,* trong *Les marxistes* ,trg. 59.

148.Marx, *Contribution à la Critique de l'Economie politique.* Bài tựa thời danh, Ed.sociales,Paris,trg.4-5.
149.Lenine, *Karl Marx et sa doctrine,* Ed.du Progrès, Moscou , 1982, trg. 21.
150.Marx, *Le Capital,* Bài tựa bản tiếng Đức , trg.19 và sq.
151.Engels,*Anti-Dühring (1878)* và *l'Origine de la famille,de la propriété privée et de l'Etat (1884).*
152.Marx, *Le Manifeste,* Sách đã dẫn, trg. 20 và sq.
153.Engels, *Le Manifeste,* Préface de l'Edition anglaise de 1888, op.cit. trg. 15.
154.Marx, *Le Manifeste,* trg.19.
155.Marx, *Le Manifeste,* trg. 21 và tiếp theo.
156.Marx, *Le Manifestc,* trg. 36 và tiếp theo.
157.Marx, *Le Manifeste,* ibidem.
158.Engels,*La guerre des paysans, (1874),* trong *Les Marxistes,* sách đã dẫn, trg. 231.
159.Marx,*Adresse du Conseil Général aux communistes,* ibidem, trg. 229.
160.Marx,*Le Manifeste,* trg.45 và tiếp theo.
161.Engels, *Anti-Dühring,* (1876), trong "*Từ dân chủ tư bản đến dân chủ xã hội*",sách đã dẫn, trg. 175.
162.Marx, *Critique du programme de Gotha,*sách đã dẫn, trg. 22 tới 25.
163.Marx,*La guerre civile en France,* (avril-mai,1871) .
164.Marx, *ibidem.*
165.Marx,*Le Capital I,* trong *Les Marxistes,* op.cit. trg.240.
166.Marx, *Le Capital II,* ibidem,trg.241.
167.Marx, *La nationalisation de la terre,* Ibidem,trg. 241.
168.Engels, *Lettre à Bebel du 20 janvier 1886.*

169. Marx, *Notes de 1858,* trong *Les Marxistes,*trg. 245.
170.Marx, *Le Capital I,* ibidem, trg.245-246.
171.Engels, *Critique du programme d'Erfurt,1881.*
172.Marx, *Critique du Programme de Gotha,1875.*
173.Engels,*La situation de la classe ouvrière en Angleterre.*
174.Marx et Engels, *Idéologie allemande.*
175.Marx và Engels, *Ibidem.*
176.Fichte,*Sách và đoạn đã dẫn.*
177.Darwin, *La descendance de l'homme et la sélection sexuelle,* sách đã dẫn, tome I.
178.Engels, *Introduction à* "La lutte de classes en France" (1895),trong *Les Marxistes,* trg. 260.
179.Bernstein, *Lettre au Congrès de Stuttgart,1898,* trong *Les Marxistes,* sách đã dẫn, trg. 274.
180.Bernstein, *Socialisme théorique et social-démocratie pratique,* Ibidem,trg.279.
181.Bernstein, *Ibidem,* trg. 275.
182.Bernstein, *Contreverse socialiste,1904,* ibidem,trg.283.
183.Engels,*L'origine de la famille, de la propriété privée et de l'Etat,* sách đã dẫn.
184. Engels, *Introduction à La guerre civile,* sách đã dẫn.
185.Bernstein,*Les présupposés du socialisme,* trong cuốn *Histoire du marxisme contemporain,I,* Ed.10/18 1976, trg.349.
186.Lenine, *Lettre sur la tactique,1917,* trong *"Sur la Révolution prolétarienne et la dictature du prolétariat,* Ed.du Peuple, Pékin,1960, trg. 1.
187.Lenine, *Ibidem,* trg.2.
188.Lenine,*La maladie infantile du Communisme,* Ed. du Progrès, Moscou, 1969.

190.Lenine,*Projet de programme , 1902,* trong *"Sur la Révolution prolétarienne'* sách đã dẫn, trg. 8.
191.Lenine,*l'Etat et laRévolution,* trong sách vưà dẫn,trg. 9.
192.Lénine,*Notes d'un publiciste,1920,* Ibidem,trg. 12.
193.Lénine,*sur l'économie impérialiste,1916,* Ibidem,trg.31.
194,Lénine,*Révolution prolétarienne et le rénégat Kautsky.*
195.Lénine,*Salut aux ouvriers Hongrois,1919,*Ibidem,trg.87.
196-198. Fejtö,François, *L'héritage de Lénine,* Librairie Générale ,1977,trg. 75.
199.Kallontaĩ,Alexandra, *L'Opposition ouvrière,* trong *Les Marxistes,*sách đã dẫn,trg. 398 và tiếp theo.
200.Fejtö, *L'héritage de Lénine,*sách đã dẫn,trg.78.
201.Lénine, *Diễn văn tại Đại Hội Thanh Niên Cộng Sản Nga,lần III,1920* , trong tuyển tập "*Marx ,Engels, Marxisme,* "Ed.du Progrès,Moscou,1981,trg.457.
202.Marx et Engels, *Idéologie alle mande* ,sách đã dẫn.
203.Marx et Engels, *Allocation du Comité central aux communistes, 1850,* trong " *Từ dân chủ tư sản...*", sách đã dẫn, trg. 25.
204.Lénine,*Projet de programme , VIII è Congrès du Parti,1919* , trong sách dẫn trên, trg.203 và sq.
205.Lénine,*Discours au Ier Congrès de l'enseignement, 19 mai 1919,* trong *"Từ dân chủ.'* ,sách đã dẫn. t.146.
206.Lénine, *ibidem.*
207.Lénine, *Que faire ?* , trong "*Sur le parti prolétarien'* Ed.Novosti,Moscou,1973,trg.43.
208.Rosa Luxembourg, *Centralisme et démocratie,1904,* trong *Les marxistes,* trg. 309 và tiếp theo.
209.Kallontaĩ, Alexandra, *l'Opposition ouvrière,*ib.trg.416.

210.Soljénitsyne, Alexandre, *Lettre aux dirigeants de l'Union Soviétique,* Ed.du Seuil,1973,trg.17.

211.Trotsky,Léon, *La Révolution trahie, (1936)* ,éd. 10/18 , Paris, 1963.

212.Rizzi,Bruno, *La bureaucratisation du monde,* trong *Les Marxistes,* trg.463 và sq.

213.Hilferding,Rudolf, *Ibidem,*trg.465.

214.Kuczinski Janusz, trong " *Les Marxistes",*trg.499.

215.Kolakowski Leszek, trong *L'héritage de Lénine,* sách đã dẫn, trg. 307 và tiếp theo.

216.Soljénitsyne Alexandre,*Lettre aux dirigeants...*op.cit.

217.Gorbatchev,Mikhaïl,*Discours et articles choisis,*Ed. du Progrès,Moscou,1985.trg.53.

218.Gorbatchev,M.*Perestroïka,*Flammarion,1987,trg. và sq.

219.Gorbatchev,M. *Avant-Mémoires,* Ed.Odile Jacob ,Paris, 1993, trg.9 và tiếp theo.

220.Gorbatchev,M. *Ibidem,*trg. 14.

221.Sobtchak,Anatoli, *Chronique d'une chute annoncée,* Flammarion,Paris 1991, trg.12 và tiếp theo.

222.Koestler Arthur, *Le Zéro et l'infini,* Calmann-Lévi,Paris, 1945, trang 113 và tiếp theo.

223.Koestler Arthur,ibidem, trang 172 và tiếp theo.

224.Djilas Milovan,*Une société imparfaite,*op.cit.

Mục lục

Chương Hai
Những tư tưởng căn bản của Marx

Phần Hai
Các lý thuyết Mác-xít

Phần kết luận chung

Tác giả:

Tiến Sĩ Kinh Tế và Xã Hội Học,
Đại Học Strasbourg, 1963
Tiến Sĩ Triết Học,
Đại Học Louvain, 1969
Tiến Sĩ Quốc Gia Văn Chương và Nhân Văn Học
Đại Học Sorbonne, 1973
Giáo Sư Kinh Tế và Xã Hội Chính Trị.

Sẽ phát hành:

Chủ Nghĩa Xã Hội

Kinh tế thị trường
tại Trung Quốc và Việt Nam